### Ngày soạn: 20/8/2016

Ngày dạy:

### Tiết 1. Đọc văn.

### KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM

### TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp học sinh nắm được:

**1. Kiến thức:** Một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975.

**2. Kĩ năng:** Rèn luyện năng lực tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các kiến thức đã học về VHVN từ CMTT năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

**3. Thái độ, tư tưởng:** Có quan điểm lịch sử, quan điểm toàn diện khi đánh giá văn học thời kì này; không khẳng định một chiều mà cũng không phủ nhận một cách cực đoan

**B. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: SGK Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra sự chuẩn bị đầu năm học của học sinh.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Ở chương trình Ngữ văn lớp 10 và 11, các em đã được tìm hiểu về các giai đoạn phát triển của nền văn học Việt Nam từ khi hình thành nền văn học dân gian, văn học viết từ thế kỉ X cho đến hết thế kỉ XIX. Ở chương trình Ngữ văn 12 này, các em sẽ được tìm hiểu thêm về một giai đoạn văn học có thể nói là phát triển trong hoàn cảnh đặc biệt của dân tộc : Chặng đường văn học từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những nét khái quát nền văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng tám 1945 đến năm 1975**  **+ GV:** Tác giả SGK đã triển khai bài học theo các nội dung như thế nào?  **+ HS:** Nêu các đề mục chính của bài học.  **+ GV: Khái quát bằng sơ đồ:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng tám 1945 đến năm 1975** | | | | | | Khái quát văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 | | | Vài nét khái quát văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX | | | Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa | Các chặng đường phát triển, thành tựu chủ yếu | Những đặc điểm cơ bản | Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa | Những chuyển biến và thành tựu bước đầu | | Kết luận | | | | | | |
| **- Thao tác 1:**  **+ GV:** Thời đại nào thì văn học ấy. Vậy VHVN từ CMTT 1945 đến 1975 đã tồn tại và phát triển trong những điều kiện, lịch sử, xã hội và văn hóa như thế nào? | **I. KHÁI QUÁT VHVN TỪ CMTT NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975:**  **1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:**  - CMTT thành công đã mở kỉ nguyên mới cho dân tộc, khai sinh một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.  - Đường lối văn nghệ của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quan trọng đã tạo nên một nền văn học thống nhất.  - Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ kéo dài suốt 30 năm đã tạo nên những đặc điểm và tính chất riêng của nền văn học hình thành và phát triển trong điều kiện chiến tranh lâu dài và vô cùng ác liệt.  - Nền kinh tế còn nghèo và chậm phát triển.  - Giao lưu văn hoá hạn chế, chủ yếu tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa các nước XHCN (Liên Xô, Trung Quốc). |
| **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ 1945 – 1975.**  **+ GV:** Văn học VN 1945-1975 phát triển qua mấy chặng?  **+ GV:** Chủ đề chính của những tác phẩm văn học trong giai đoạn này là gì? | **2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:**  **a. Chặng đường từ 1945 đến 1954:**  ***\* Chủ đề chính:***  - 1945 – 1946: Phản ánh được không khí hồ hởi, vui sướng đặc biệt của nhân dân khi đất nước vừa giành được độc lập.  - 1946 – 1954:  + Phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp: gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến.  + Tập trung khám phá sức mạnh và những phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân.  + Thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến. |
| **+ GV:** Truyện ngắn và kí có những thành tựu tiêu biểu nào? | ***\* Thành tựu:***  - Truyện ngắn và kí: (SGK)  + *Một lần tới Thủ đô* và *Trận phố Ràng* (Trần Đăng) ,  + *Đôi mắt, Ở rừng* (Nam Cao) ;  + *Làng* (Kim Lân) ;  + *Thư nhà* (Hồ Phương) ,…  + *Vùng mỏ* (Võ Huy Tâm) ;  + *Xung kích* (Nguyễn Đình Thi) ;  + *Đất nước đứng lên* (Nguyên Ngọc) ,… |
| **+ GV:** Nêu tên những bài thơ hoặc tập thơ tiêu biểu ra đời trong văn học giai đoạn này? | - Thơ ca:  + *Cảnh khuya, Cảnh rừng Việt Bắc, Rằm tháng giêng, Lên núi*.. (Hồ Chí Minh),  + *Bên kia sông Đuống* (Hoàng Cầm),  + *Tây Tiến* (Quang Dũng),..  + *Việt Bắc* (Tố Hữu). |
| **+ GV:** Kịch nói trong giai đoạn này có những tác phẩm nổi bật nào?    **+ GV:** Lĩnh vực phê bình văn học có những tác phẩm đáng chú ý nào? | - Kịch:  + *Bắc Sơn, Những người ở lại* (Nguyễn Huy Tưởng)  *+ Chị Hòa* (Học Phi)  - Lí luận, phê bình:  + *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam* (Trường Chinh)  *+ Nhận đường, Mấy vấn đề về văn nghệ* (Nguyễn Đình Thi)  *+ Quyền sống của con người trong “Truyện Kiều”* (Hoài Thanh) |
| **+ GV:** Nêu một số nét chính về hoàn cảnh lịch sử, xã hội chặng 1955-1964?  **+ GV:** Chính vì vậy, chủ đề chính của những tác phẩm văn học giai đoạn này có gì khác trước? | **b. Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964:**  ***\* Chủ đề chính:***  - Ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội  - Nỗi đau chia cắt và ý chí thống nhất đất nước. |
| **+ GV:** Văn xuôi trong giai đoạn này viết về những đề tài nào? Nêu tên một số tác phẩm tiêu biểu ? | ***\* Thành tựu:***  - Văn xuôi: mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, phạm vi của cuộc sống:  **+ Đề tài về sự đổi đời, khát vọng hạnh phúc của con người:**  o *Đi bước nữa* (Nguyễn Thế Phương)  o *Mùa lạc* (Nguyễn Khải)  o *Anh Keng* (Nguyễn Kiên)  **+ Đề tài cuộc kháng chiến chống Pháp:**  o *Sống mãi với thủ đô* (Nguyễn Huy Tưởng)  o *Cao điểm cuối cùng* (Hữu Mai)  o *Trước giờ nổ súng* (Lê Khâm) |
|  | + Đề tài hiện thực đời sống trước CMTT:  o Tranh tối tranh sáng (Nguyễn Công Hoan).  o Mười năm (Tô Hoài).  o Vỡ bờ (Nguyễn Đình Thi).  o Cửa biển (Nguyên Hồng).  + Đề tài công cuộc xây dựng CNXH:  o Sông Đà (Nguyễn Tuân).  o Bốn năm sau (Nguyễn Huy Tưởng).  o Cái sân gạch (Đào Vũ). |
| + GV: Tình hình thơ ca trong giai đoạn này như thế nào? Có những thành tựu thơ ca tiêu biểu nào? | - Thơ ca: nhiều tập thơ xuất sắc  + Gió lộng (Tố Hữu).  + Ánh sáng và phù sa (Chế Lan Viên).  + Riêng chung (Xuân Diệu).  + Đất nở hoa (Huy Cận).  + Tiếng sóng (Tế Hanh). |
| + GV: Tình hình kịch nói trong giai đoạn này ra sao? Có những tác phẩm tiêu biểu nào? | - Kịch nói:  + Một Đảng viên (Học Phi).  + Ngọn lửa (Nguyễn Vũ).  + Chị Nhàn và Nổi gió (Đào Hồng Cẩm). |
| + GV: Chủ đề chính của những tác phẩm văn học giai đoạn này là gì? | c. Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975:  \* Chủ đề chính:  Ngợi ca tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng |
| + GV: Hãy nêu tên những tác phẩm tiêu biểu trong thể loại văn xuôi văn học giai đoạn này? | \* Thành tựu:  - Văn xuôi: Phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, khắc hoạ hình ảnh con người VN anh dũng, kiên cường, bất khuất.  + Ở miền Nam:  o Người mẹ cầm súng (Nguyễn Thi)  o Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành).  o Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng).  o Hòn Đất (Anh Đức).  o Mẫn và tôi (Phan Tứ).  + Miền Bắc:  o Kháng chiến chống Mĩ của Nguyễn Tuân  o Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long, Nguyễn Kiên, Vũ Thị Thường, Đỗ Chu  o Tiểu thuyết: Vùng trời (Hữu Mai), Cửa sông và Dấu chân người lính (Nguyễn Minh Châu), Bão biển (Chu Văn). |
| + GV: Tình hình thơ ca trong giai đoạn này có gì mới? Có những tác phẩm tiêu biểu nào? | - Thơ ca: mở rộng và đào sâu hiện thực, tăng cường chất suy tưởng và chính luận.  + Ra trận, Máu và hoa (Tố Hữu)  + Hoa ngày thường, Chim báo bão (Chế Lan Viên)  + Đầu súng trăng treo (Chính Hữu)  + Vầng trăng quầng lửa (Phạm Tiến Duật)  + Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm)  + Gió Lào cát trắng (Xuân Quỳnh)  + Hương cây, Bếp lửa (Lưu Quang Vũ và Bằng Việt)  + Cát trắng (Nguyễn Duy),  + Góc sân và khoảng trời (Trần Đăng Khoa) |
| + GV: Kịch nói đạt được những thành tựu nào? | - Kịch nói:  + Quê hương Việt Nam, Thời tiết ngày mai (Xuân Trình)  + Đại đội trưởng của tôi (Đào Hồng Cẩm)  + Đôi mắt (Vũ Dũng Minh)  - Lí luận, phê bình:  Các công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên… |
| + GV: Cho HS đọc SGK và yêu cầu HS tóm tắt những đóng góp của xu hướng văn học tiến bộ, yêu nước và cách mạng. | d. Văn học vùng địch tạm chiếm:  - Phức tạp: xen kẽ nhiều xu hướng phản động, tiêu cực, đồi trụy và tiến bộ, yêu nước, cách mạng.  - Hình thức thể loại: gọn nhẹ như truyện ngắn, phóng sự, bút kí.  - Tác phẩm tiêu biểu:  + Hương rừng Cà Mau (Sơn Nam)  + Thương nhớ mười hai (Vũ Bằng) |
| - Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn 1945 – 1975.  + GV: Nhìn một cách bao quát văn học VN 1945- hết TK XX mang những đặc điểm nào?  + GV: Khuynh hướng chủ đạo của nền văn học cách mạng là gì?  + GV: Văn học giai đoạn này tập trung vào những đề tài nào?  + GV: Nhân vật trung tâm trong những tác phẩm văn học giai đoạn này là những con người như thế nào? | **3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975**  a. Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.  - Khuynh hướng, tư tưởng chủ đạo: tư tưởng cách mạng, văn học là thứ vũ khí phục vụ sự nghiệp cách mạng, nhà văn là người chiến sĩ  - Đề tài: Tổ Quốc với hai vấn đề trọng đại: đấu tranh bảo vệ, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội  - Nhân vật trung tâm: người chiến sĩ, dân quân, du kích, TNXP; người lao động mới có sự hòa hợp giữa cái riêng và cái chung, cá nhân và tập thể.  🡪 Văn học là tấm gương phản chiếu những vấn đề trọng đại của LSDT. |
| + GV: Đại chúng có vai trò như thế nào trong nền văn học giai đoạn 1945-1975?  + GV: Cái nhìn mới của người sáng tác trong văn học giai đoạn này là gì?  + GV: Nội dung của những tác phẩm văn học hướng vào điều gì nơi đại chúng?  + GV: Do văn học hướng về đại chúng nên hình thức những tác phẩm như thế nào? | b. Nền văn học hướng về đại chúng:  - Đại chúng: vừa là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ, vừa là nguồn bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học  - Cái nhìn mới của người sáng tác về nhân dân: Đất nước là của nhân dân.  - Nội dung:  + quan tâm đến đời sống nhân dân lao động;  + những bất hạnh trong cuộc đời cũ và niềm vui sướng, tự hào về cuộc đời mới;  + khả năng cách mạng và phẩm chất anh hùng;  + xây dựng hình tượng quần chúng cách mạng  - Hình thức: ngắn gọn, dễ hiểu, chủ đề rõ ràng, hình thức nghệ thuật quen thuộc, ngôn ngữ bình dị, trong sáng. |
| + GV: Khuynh hướng sử thi được biểu hiện như thế nào ở đề tài trong các tác phẩm văn học? Thử chứng minh qua một tác phẩm đã học?  + GV: Khuynh hướng sử thi được biểu hiện như thế nào trong việc xây dựng nhân vật trong các tác phẩm văn học? | c. Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.  \* Khuynh hướng sử thi:  - Đề tài: đề cập tới những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và tính chất toàn dân tộc: Tổ quốc còn hay mất, độc lập hay nô lệ  - Nhân vật chính:  + những con người đại diện cho tinh hoa và khí phách, phẩm chất và ý chí của dân tộc, tiêu biểu cho lí tưởng dân tộc hơn là khát vọng cá nhân;  + văn học khám phá con người ở khái cạnh trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ công dân, ý thức chính trị, tình cảm lớn, lẽ sống  - Lời văn: mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng (Sử dụng BPNT trùng điệp, phóng đại). |
| + GV: Cảm hứng lãng mạn được biểu hiện như thế nào trong những tác phẩm văn học thời kì này? | \* Cảm hứng lãng mạn:  - Là cảm hứng khẳng định cái tôi dạt dào tình cảm hướng tới cách mạng  - Biểu hiện:  + Ngợi ca cuộc sống mới, con người mới,  + Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.  🡪 Cảm hứng nâng đỡ con người vượt lên những chặng đường chiến tranh gian khổ, máu lửa, hi sinh. |
| + GV: Khuynh hướng sử thi kết hợp với cảm hứng lãng mạn đã tạo nên điều gì cho những tác phẩm văn học giai đoạn này? | \* Khuynh hướng sử thi kết hợp với cảm hứng lãng mạn:  - Tạo nên tinh thần lạc quan thấm nhuần cả nền văn học 1945 - 1975  - Đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển cách mạng.  - Tạo nên đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn này về khuynh hướng thẩm mĩ. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Quá trình phát triển những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ Cáchmạng tháng Tám 1945 – 1975.

- Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT 1945 – 1975.

**5. Dặn dò:**

- Học bài, tìm đọc các tác phẩm của giai đoạn văn học này. Tóm tắt ra giấy những nội dung chủ yếu của bài học.

- Đọc lại bài học, học thuộc Ghi nhớ, viết một đoạn văn ngắn cho đề bài luyện tập

- Chuẩn bị tiết tiếp theo của bài này.

**----------**

### Ngày soạn: 20/8/2016

Ngày dạy:

### Tiết 2. Đọc văn.

### KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM

### TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp học sinh nắm được:

**1. Kiến thức:** Một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản, những đổi mới bước đầu của VHVN giai đoạn từ năm 1975, nhất là từ năm 1986 đến hết thế kỉ XX.

**2. Kĩ năng:** Rèn luyện năng lực tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các kiến thức đã học về VHVN từ CMTT năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

**3. Thái độ, tư tưởng:** Có quan điểm lịch sử, quan điểm toàn diện khi đánh giá văn học thời kì này; không khẳng định một chiều mà cũng không phủ nhận một cách cực đoan

**B. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: SGK Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Ở tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu khái quát về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 : hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa; quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu; những đặc điểm cơ bản. Hãy tiếp tục tìm hiểu khái quát về văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vài nét khái quát nền văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá.**  **+ GV:** Hãy tóm tắt những nét chính về tình hình lịch sử, xã hội, văn hoá thời kì văn học này?  **+ GV:** Trước những khó khăn như vậy, Đảng ta đã đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới như thế nào? | **II. VÀI NÉT KHÁI QUÁT VHVN TỪ NĂM 1975 ĐẾN HẾT TK XX:**  **1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:**  - 1975 - 1985: nước nhà hoàn toàn độc lập, thống nhất ta nhưng gặp phải những khó khăn thử thách mới.  - Từ 1986: Đảng đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện.  + Kinh tế: Chuyển sang kinh tế thị trường  + Văn hoá: Tiếp xúc rộng rãi với nhiều nước trên thế giới 🡪 văn học có điều kiện giao lưu, tiếp xúc mạnh mẽ (văn học dịch thuật, báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ) 🡪 đổi mới văn học phù hợp với quy luật khách quan và nguyện vọng của văn nghệ sĩ | |
| **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu**  **+ GV:** Tình hình thơ ca sau năm 1975 có đặc điểm gì? | **2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu:**  **a. Thơ:**  - Thơ không tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như giai đoạn trước nhưng vẫn có những tác phẩm đáng chú ý:  + Chế Lan Viên với khát vọng đổi mới thơ ca qua các tập thơ *Di cảo,*  *+* các cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ như Xuân Quỳnh*,* Nguyễn Duy, Thanh Thảo… | |
| **+ GV:** Thành tưu nổi bật của thơ ca giai đoạn này là hiện tượng gì? Với những tác phẩm tiêu biểu nào? | - Trường ca nở rộ:  + *Những người đi tới biển* (Thanh Thảo)  + *Đường tới thành phố* (Hữu Thỉnh)  + *Trường ca sư đoàn* (Nguyễn Đức Mậu) | |
|  | **- Những tác phẩm đáng chú ý:**  + *Tự hát* (Xuân Quỳnh)  *+ Người đàn bà ngồi đan* (Ý Nhi)  *+ Thư mùa đông* (Hữu Thỉnh)  *+ Ánh trăng*(Nguyễn Duy)  *+ Xúc sắc mùa thu* (Hoàng Nhuận Cầm)  *+ Nhà thơ và hoa cỏ* (Trần Nhuận Minh)  *+ Gọi nhau qua vách núi* (Thi Hoàng)  + *Tiếng hát tháng giêng* (Y Phương)  + *Sự mất ngủ của lửa* (Nguyễn Quang Thiều) | |
| **+ GV:** Tình hình văn xuôi sau 1975 như thế nào? Những tác phẩm giai đoạn này có khuynh hướng gì mới?  **+ GV:** Kể tên những tác phẩm tiểu biểu? | **b. Văn xuôi:**  - Có nhiều khởi sắc hơn thơ ca.  - Một số cây bút bộc lộ ý thức đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời sống.  + *Đất trắng* ( Nguyễn Trọng Oánh)  + *Hai người trở lại trung đoàn* ( Thái Bá Lộc)  + *Đứng trước biển, Cù lao Tràm* (Nguyễn Mạnh Tuấn)  + *Cha và con và …,* *Gặp gỡ cuối năm* ( Nguyễn Khải)  + *Mưa mùa hạ, Mùa lá rụng trong vườn* ( Ma Văn Kháng)  + *Thời xa vắng* (Lê Lựu)  + *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Bến quê* (Nguyễn Minh Châu) | |
| **+ GV:** Từ năm 1986, văn học chính thức đổi mới như thế nào? Nêu tên một vài tác phẩm theo khuynh hướng đổi mới? | - Từ năm 1986: văn học chính thức bước vào thời kì đổi mới: gắn bó, cập nhật hơn đối với những vấn đề đời sống. Văn xuôi thực sự khởi sắc với các thể loại:  **+ Tập truyện ngắn:**  o *Chiến thuyền ngoài xa, Cỏ Lau* (Nguyễn Minh Châu)  o *Tướng về hưu* (Nguyễn Huy Thiệp)  **+ Tiểu thuyết:**  o *Mảnh đất lắm người nhiều ma* (Nguyễn Khắc Tường)  o *Bến không chồng* (Dương Hướng)  o *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh)  **+ Bút kí:** *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường)  **+ Hồi kí:** *Cát bụi chân ai* , *Chiều chiều* (Tô Hoài) | |
| **+ GV:** Tình hình kịch nói sau 1975 như thế nào? | - Kịch nói: phát triển mạnh mẽ  + *Hồn Trương Ba da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)  + *Mùa hè ở biển* (Xuân Trình) ,…  - Lí luận phê bình: có nhiều đổi mới, xuất hiện một số cây bút trẻ có triển vọng |
| **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số phương diện đổi mới trong văn học sau 1975.**  **+ GV:** Hãy thử nêu các phương diện đổi mới của văn học từ 1986 trở đi ?  **+ GV:** Nêu những thành tựu nổi trội của văn học VN 1945-1975?  **+ GV:** Quá trình đổi mới cũng bộc lộ những khuynh hướng lệch lạc nào? | **2. Những dấu hiệu của sự đổi mới:**  - Vận động theo khuynh hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc.  - Phát triển đa dạng hơn về đề tài, chủ đề; phong phú và mới mẻ về thủ pháp nghệ thuật, cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy  - Khám phá con người trong những mối quan hệ đa dạng và phức tạp, thể hiện con người ở nhiều phương diện của đời sống, kể cả đời sống tâm linh.  🡪 Cái mới của văn học giai đoạn này là tính chất hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp, đời thường.  🡪 Văn học cũng nảy sinh xu hướng: nói nhiều đến mặt trái của xã hội, có khuynh hướng bạo lực. |
| **Hướng dẫn học sinh tổng kết.**  **+ GV:** Gọi 1 học sinh đọc phần Kết luận trong SGK | **III. KẾT LUẬN:**  Ghi nhớ (SGK). |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam từ 1975 đến hết thế kỉ XX.

**5. Dặn dò:**

- Đọc lại bài học, học thuộc Ghi nhớ, viết một đoạn văn ngắn cho đề bài luyện tập

- Chuẩn bị bài mới: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ.

**----------**

Ngày soạn: 22/8/2016

Ngày dạy:

**Tiết 3. Làm văn. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp học sinh :

**1. Kiến thức**: Nắm được cách viết bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

**2. Kĩ năng**: Tìm hiểu đề và lập dàn ý .

**3.Tư duy, thái độ**: Có ý thức và khả năng tiếp thu những quan niệm đúng đắn và phê phán những quan niệm sai lầm về tư tưởng , đạo lí

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Hãy nêu những thành tựu ban đầu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Ở chương trình Ngữ văn lớp 10 và 11, chúng ta đã được học về thể văn nghị luận. Trong chương trình lớp 12, chúng ta sẽ tiếp tục hoàn thiện về thể văn này với một đề tài nghị luận khác: Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Cách làm bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh Tìm hiểu đề và lập dàn ý** | **I. Cách làm bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí:**  **1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:**  Đề bài:  Anh (chị) hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu:  *“ Ôi ! Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn? ”* |
| **+ GV:** Câu thơ của Tố Hữu nêu lên vấn đề gì?  **+ GV:** Thế nào là “sống đẹp”? | **a. Tìm hiểu đề:**  - Vấn đề nghị luận: lối sống đẹp của mỗi người .  - Để sống đẹp, mỗi người cần xác định:  + Lí tưởng (mục đích sống) đúng đắn, cao cả,  + Tâm hồn, tình cảm lành mạnh, nhân hậu  + Trí tuệ (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt  + Hành động tích cực, lương thiện. |
| **+ GV:** Với thanh niên, học sinh, để trở thành người “sống đẹp”, cần phải có những phẩm chất nào? | - Với thanh niên, học sinh muốn trở thành người *“ sống đẹp”* cần:+ Chăm chỉ học tập, khiêm tốn học hỏi, biết nuôi dưỡng hoài bão, ước mơ + Thường xuyên tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, có tinh thần bao dung, độ lượng |
| **+ GV:** Cần vận dụng những thao tác lập nào để giải quyết vấn đề trên?  **+ GV:** Bài viết có thể sử dụng những tư liệu từ đâu? | - Các thao tác lập luận cần vận dụng:  + Giải thích (“sống đẹp”);  + Phân tích (các khía cạnh biểu hiện của “sống đẹp”);  + Chứng minh, bình luận (nêu những tấm gương người tốt; bàn cách thức rèn luyện để “sống đẹp”; phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực)  - Dẫn chứng: chủ yếu tư liệu thực tế, có thể lấy dẫn chứng trong thơ văn nhưng không cần nhiều. |
| **+ GV:** Mở bài phải đảm bảo những yêu cầu nào?Ta có thể mở bài bằng những cách nào? | **b. Lập dàn ý:**  ***\* Mở bài: Phải bảo đảm hai yêu cầu chính***  - Giới thiệu chung vấn đề (diễn dịch, quy nạp hay phản đề… đều phải dẫn đến vấn đề nghị luận)  - Nêu luận đề cụ thể (dẫn nguyên văn hoặc tóm tắt đều phải xuất hiện câu/đoạn chứa luận đề) |
| + GV: Phần thân bài cần sắp xếp các ý theo trình tự như thế nào? | \* Thân bài:  - Giải thích thế nào là lối sống đẹp? (Ý 2 của Tìm hiểu đề)  - Phân tích, chứng minh các khía cạnh biểu hiện của sống đẹp bằng 1 trong 2 cách:  + Cách 1: Nêu ví dụ điển hình, tập trung, tiêu biểu cho các khía cạnh đã nêu (Tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh)  + Cách 2: Mỗi khía cạnh quan trọng đưa ra dẫn chứng tiêu biểu khác nhau hoặc trong đời sống thờng ngày mà ai cũng phải thừa nhận (một gương người tốt, một việc làm đẹp)  - Bình luận: Khẳng định lối sống đẹp:  + Là mục đích, lựa chọn, biểu hiện của con người chân chính, xứng đáng là người  + Có thể thấy ở những vĩ nhân nhưng cũng có ở con người bình thường; có thể là hành động cao cả, vĩ đại, nhưng cũng thấy trong hành vi, cử chỉ thường ngày  + Chủ yếu thể hiện qua lối sống, hành động.  - Bác bỏ và phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực…  - Liên hệ bản thân. |
| + GV: Phần kết bài ta có thể kết thúc vấn đề bằng những ý chính nào? | \* Kết bài:  - Khẳng định ý nghĩa của lối sống đẹp: là chuẩn mực đạo đức, nhân cách của con người  - Nhắc nhở mọi người coi trọng lối sống đẹp, sống cho xứng đáng; cảnh tỉnh sự mất nhân cách của thế hệ trẻ trong đời sống nhiều cám dỗ hiện nay. |
| - Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách làm một bài văn về tư tưởng, đạo lý.  + GV: Qua cách làm bài văn trên, em hiểu thế nào là nghị luận về một tư tưởng, đạo lý? | **2. Cách làm một bài văn về tư tưởng, đạo lý:**  a. Đối tượng được đưa ra nghị luận: là một tư tưởng, đạo lí (Nhận thức, Tâm hồn, tính cách , Quan hệ gia đình , Quan hệ xã hội, Cách ứng xử, hành động trong cuộc sống…) |
| + GV: Nêu thứ tự các bước tiến hành khi nghị luận về một tư tưởng, đạo lí? | b. Cách thức tiến hành:  - Thứ nhất, giới thiệu vấn đề đưa ra bàn luận.  - Thứ hai, giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (Nêu các khía cạnh biểu hiện của tư tưởng, đạo lí này)  - Thứ ba, phân tích, chứng minh, bình luận các khía cạnh; bác bỏ, phên phán những sai lệch liên quan.  - Thứ tư, khẳng định chung, nêu ý nghĩa, liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hành động. |
| + GV: Cách diễn đạt trong bài văn về tư tưởng đạo lý cần tuân thủ những yêu cầu nào ? | \* Diễn đạt:  - Chuẩn xác, mạch lạc  - Có thể sử dụng phép tu từ, biểu cảm nhưng phải ở mức độ phù hợp |
| + GV: Gọi học sinh đọc phần Ghi nhớ. | 🡪 Ghi nhớ (Sách giáo khoa trang 21) |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn học sinh luyện tập.  - Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh luyện tập Bài tập 1  + GV: Vấn đề mà tác giả nêu ra trong bài viết là gì?  + GV: Có thể đặt tên cho văn bản là gì?  + GV: Tác giả sử dụng các thao tác lập luận nào?  + GV: Nhận xét về cách diễn đạt trong văn bản? | **3. LUYỆN TẬP:**  a. Bài tập 1:  - Vấn đề: văn hóa, sự khôn ngoan của mỗi con người …  - Có thể đặt tên cho văn bản là : Văn hóa con người , Thế nào là người sống có văn hóa…  - Tác giả sử dụng các thao tác : Giải thích (Đoạn 1), Phân tích (Đoạn 2), Bình luận (Đoạn 3)…  - Cách diễn đạt trong văn bản: rất đặc sắc, khá sinh động, hấp dẫn.  + Dùng câu nghi vấn để thu hút.  + Đối thoại trực tiếp để tạo gần gũi và sự thẳng thắn  + Dẫn thêm thơ để gây ấn tượng, hấp dẫn |
| - Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh luyện tập Bài tập 2  + GV: Nhắc lại hệ thao tác đã đúc gọn: Giới – Giải – Phân – Chứng – Bình – Bác – Khẳng – Nêu ; vừa phân tích thao tác vừa cho “MẪU”  + GV: Nêu ví dụ thao tác Giới thiệu  *Người ta nói, lạc rừng cứ nhìn sao Bắc Đẩu mà đi, vì sao Bắc Đẩu chỉ cho ta đường đi đúng. Trong cuộc sống mỗi con người, lí tưởng được ví như sao Bắc Đẩu vậy. Về điều này, nhà văn L. Tôn – xtôi đã từng nói: “Lí tưởng …”*  + GV: Yêu cầu HS thực hiện các phần còn lại ở nhà. | b. Bài tập 2:  - Giải thích các khái niệm: *“lí tưởng, cuộc sống”*, ý nghĩa câu nói của nhà văn L. Tôn-xtoi .  - *“lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường”:* Đưa ra phương hướng cho cuộc sống của Thanh niên trong tương lai  🡪 thanh niên sống cần có lí tưởng , biết đề ra mục tiêu để phấn đấu vươn tới ước mơ…  - *Vai trò của lý tưởng:* Lí tưởng có vai trò quan trọng trong đời sống của thanh niên, là yếu tố quan trọng làm nên cuộc sống con người .  - Cần đặt ra câu hỏi để nghị luận:  + Tại sao cần sống có lí tưởng?  + Làm thế nào để sống có lí tưởng?  + Người sống không lí tưởng thì hậu quả như thế nào?  + Lí tưởng của thanh niên, học sinh ngày nay ra sao?  - *Rút ra bài học* cho bản thân, hoàn thiện nhân cách để sống tốt hơn, có ích hơn cho xã hội … |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Các bước tiến hành khi làm bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý.

**5. Dặn dò:**

- Hoàn thiện bài tập 2.

- Chuẩn bị cho bài học: ***“Tuyên ngôn độc lập”* - Hồ Chí Minh.**

Ngày soạn: 28/8/2016

Ngày dạy:

**Tiết 4. Đọc văn. TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

HỒ CHÍ MINH

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp học sinh:

**1. Kiến thức:** Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản trong phong cách nghệ thật của Hồ Chí Minh.

**2. Kĩ năng:** Vận dụng có hiệu quả những kiến thức nói trên vào việc đọc hiểu văn thơ của Người.

**3. Tư duy, thái độ:** Trân trọng di sản văn học của Hồ Chí Minh.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS : Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

- GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

- Riêng phần tác gia: Hướng dẫn học sinh ở nhà đọc kĩ sách giáo khoa và trả lời câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài.* GV nêu câu hỏi, HS trả lời và thảo luận; sau đó GV nhấn mạnh khắc sâu những ý chính

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

* Nêu và phân tích ngắn gọn những đặc điểm chính của VHVN từ sau CMTT đến năm 1975.
* Trình bày những dấu hiệu đổi mới của VHVN từ sau 1975 đến hết TK XX.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, người mở đường cho văn học cách mạng. Sự nghiệp văn học của Người rất đặc sắc về nội dung tư tưởng, phong phú đa dạng về thể loại và phong cách sáng tác. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vài nét về tiểu sử của Bác.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu vài nét về tiểu sử**  **+ GV:** Yêu cầu học sinh đọc nhanh mục Tiểu sử trong SGK.  **+ GV:** Kết hợp với những hiểu biết của mình, trình bày ngắn gọn tiểu sử của Hồ Chí Minh? | **PHẦN MỘT: TÁC GIẢ**  **I. Vài nét về tiểu sử:**  **- Xuất thân:** Sinh ngày 19-5-1890, trong một gia đình nhà nho yêu nước.  **- Quê quán:** làng Kim Liên, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An  **- Song thân:**  + Cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc  + Mẹ là cụ bà Hoàng Thị Loan  **- Học vấn:**  + Thời trẻ, học chữ Hán ở nhà  + Học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Quốc học Huế.  + Có thời gian dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết). |
| **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu quá trình hoạt động cách mạng của Bác.**  **+ GV:** Nêu những mốc thời gian hoạt động Cách mạng của Bác? | **- Quá trình hoạt động cách mạng:**  **+ 1911:** ra đi tìm đường cứu nước.  **+ 1919:** gởi tới Hội nghị Véc-xây *“Bản yêu sách của nhân dân An Nam”*  **+ 1920:** Dự đại hội Tua, là một trong những thành viên sáng lập Đảng cộng sản Pháp  **+ 1923 - 1941:** Hoạt động ở Liên Xô, Trung Quốc và Thái Lan, tham gia thành lập nhiều tổ chức cách mạng:  .Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925),  .Chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước tại Hương Cảng, Đảng cộng sản Việt Nam.  **+ 1941:** Về nước lãnh đạo cách mạng.  **+ 1942 – 1943:** bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt và giam giữ ở các nhà ngục Quảng Tây, Trung Quốc.  **+ Sau khi ra tù:** về nước, lãnh đạo cách mạng  **+ 1946:** được bầu làm chủ tịch nước VNDCCH.  **+ 2 – 9 – 1969:** Người từ trần. |
| + GV: cung cấp thêm: Năm 1990, kỉ niệm 100 năm ngày sinh của chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) suy tôn là “Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa”  🡪 Sự nghiệp chính là sự nghiệp cách mạng, nhưng người cũng để lại một sự nghiệp văn học to lớn. | 🡪 Vị lãnh tụ vĩ đại, đồng thời là nhà văn, nhà thơ lớn với di sản văn học quý giá. |
| **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu quan điểm sáng tác của Bác**  + GV: Giải thích khái niệm quan điểm sáng tác:  + GV: Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có những nội dung nào? | **II. Sự nghiệp văn học:**  **1. Quan điểm sáng tác:**  a. Văn học là một thứ vũ khí lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng, nhà văn là người chiến sĩ xung phong trên mặt trận văn hoá tư tưởng:  - “Nay ở trong thơ nên có thép  Nhà thơ cũng phải biết xung phong”  (Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”).  - “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.  (Thư gửi các hoạ sĩ nhân dịp triển lãm hội hoạ 1951) |
| + GV: Vì sao Hồ Chí Minh lại đề cao tính chân thực và tính dân tộc của văn học?  + GV: Người còn nhắc nhở giới văn nghệ sĩ điều gì để thể hiện được tính dân tộc trong tác phẩm văn chương? | b. Tính chân thực và tính dân tộc trong văn học:  - Tính chân thực: cảm xúc chân thật, phản ánh hiện thực xác thực  + Người nhắc nhở những tác phẩm: “chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt rất ít”  + Người căn dặn: “miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn”, phải “giữ tình cảm chân thật”.  - Tính dân tộc:  + Người nhắc nhở giới nghệ sĩ: phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi viết, “nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc”  + Người đề cao sự sáng tạo của văn nghệ sĩ: “chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo”. |
| + GV: Bốn câu hỏi Hồ Chí Minh tự đặt ra khi cầm bút sáng tác văn học là gì? | c. Sáng tác xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm:  Người luôn đặt 4 câu hỏi:  - “Viết cho ai?” (Đối tượng),  - “Viết để làm gì?” (Mục đích),  - “Viết cái gì?” (Nội dung).  - “Viết thế nào?” (Hình thức).  🡪 Tuỳ trường hợp cụ thể, Người vận dụng phương châm đó theo những cách khác nhau 🡪 Tác phẩm của Người có tư tưởng sâu sắc, nội dung thiết thực, hình thức sinh động, đa dạng. |
| **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu di sản văn học của Bác.**  + GV: Những bài văn chính luận được Bác viết ra nhằm mục đích gì? | **2. Di sản văn học:**  a. Văn chính luận:  - Cơ sở: Khát vọng giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ.  - Mục đích: Đấu tranh chính trị, tiến công trực diện kẻ thù, giác ngộ quần chúng và thể hiện những nhiệm vụ cách mạng của dân tộc qua những chặng đường lịch sử. |
| + GV: Nêu và phân tích một số tác phẩm văn chính luận tiêu biểu của Bác?  + GV: Nội dung của những tác phẩm này nêu lên điều gì?  + GV: Tác phẩm này lay động tình cảm người đọc nhờ vào cách viết như thế nào?  + GV: Văn bản này có những giá trị gì?  + GV: Những văn bản này có ý nghĩa gì? | - Tác phẩm tiêu biểu:  + “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925)  Tố cáo đanh thép tội ác của thực dân Pháp ở thuộc địa  Lay động người đọc bằng những sự việc chân thật và nghệ thuật châm biếm, đả kích sắc sảo, trí tuệ.  + “Tuyên ngôn độc lập” (1945)  Một văn kiện có ý nghĩa lích sử trọng đại và là một áng văn chính luận mẫu mực (bố cục ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, ngôn ngữ hùng hồn, giàu tính biểu cảm)  Thể hiện tình cảm cao đẹp của Bác với dân tộc, nhân dân và nhân loại)  + Các tác phẩm khác: “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (1946); “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” (1966) …  🡪 Được viết trong những giờ phút thử thách đặc biệt của dân tộc, thể hiện tiếng gọi của non sông đất nước, văn phong hòa sảng, tha thiết, làm rung lòng người. |
| + GV: Những tác phẩm truyện và kí của Bác được viết nhằm mục đích gì? Kể tên những tác phẩm truyện và kí tiêu biểu của Bác? | b. Truyện và kí:  - Mục đích:  + Vạch trần bộ mặt tàn ác, xảo trá, bịp bợm của chính quyền thực dân, châm biếm sâu cay vua quan phong kiến ôm chân thực dân xâm lược,  + Bộc lộ lòng yêu nước nồng nàn và tự hào về truyền thống anh dũng bất khuất của dân tộc  - Tác phẩm tiêu biểu:  + Pa-ri (1922),  + Lời than vãn của bà Trưng Trắc (1922),  + “Vi hành” (1923),  + Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (1925),  + Nhật kí chìm tàu (1931),  + Vừa đi đường vừa kể chuyện (1963)... |
| + GV: Những tác phẩm này có những đặc điểm gì nổi bật? | - Đặc điểm nổi bật:  Chất trí tuệ và tính hiện đại, ngòi bút châm biếm vừa sâu sắc, vừa đầy tính chiến đấu, vừa tươi tắn, hóm hỉnh. |
| + GV: Tác phẩm được Bác viết trong khoảng thời gian nào, nhằm mục đích gì?    + GV: Tác phẩm đã ghi lại những gì? Nêu ví dụ một tác phẩm tiêu biểu của Bác?  + GV: Qua một số bài thơ đã học, em hiểu được những gì về Bác? Nêu một số ví dụ tiêu biểu. | c. Thơ ca:  \* *Nhật kí trong tù*:  - Mục đích:  Sáng tác trong thời gian bị cầm tù trong nhà giam Tưởng Giới Thạch từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943 🡪 “ngày dài ngâm ngợi cho khuây”  - Nội dung:  + Ghi lại chân thật, chi tiết những điều mắt thấy tai nghe trong nhà tù và trên đường đi đày.  + Bức chân dung tự hoạ về con người tinh thần Hồ Chí Minh:  nghị lực phi thường;  tâm hồn khao khát hướng về Tổ quốc;  vừa nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, dễ xúc động trước nỗi đau của con người;  vừa tinh tường phát hiện những mâu thuẫn của xã hội mục nát để tạo tiếng cười đầy chất trí tuệ |
| + GV: Qua nội dung trên và một số bài thơ đã được học, em có nhận xét gì về giá trị của tập thơ? | 🡪 Tập thơ sâu sắc về tư tưởng, độc đáo, đa dạng về bút pháp, kết tinh giá trị và tư tưởng nghệ thuật thơ ca Hồ Chí Minh. |
| + GV: Những bài thơ này được Bác viết nhằm những mục đích gì? Nêu tên một số tác phẩm tiêu biểu của Bác?  + GV: Những bài thơ này có đặc điểm gì nổi bật? | \* Chùm thơ sáng tác ở Việt Bắc (1941- 1945):  - Mục đích: tuyên truyền và thể hiện những tâm sự của vị lãnh tụ ưu nước ái dân  - Tác phẩm:  + Thơ tuyên truyền: Dân cày, Công nhân, Ca binh lính, Ca sợi chỉ ... .  + Thơ nghệ thuật: Pắc Bó hùng vĩ, Tức cảnh Pắc Bó, Đăng sơn, Nguyên tiêu, Báo tiệp, Cảnh khuya...  - Đặc điểm nổi bật: vừa cổ điển vừa hiện đại, thể hiện cốt cách, phong thái điềm tĩnh, ung dung tự tại. |
| **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về phong cách nghệ thuật thơ văn của Bác.**  **+ GV:** Ta có thể nhận định chung như thế nào về phong cách nghệ thuật thơ văn của Bác? | **3. Phong cách nghệ thuật:**  **\* Nhận định chung:**  - Độc đáo, đa dạng;  - Bắt nguồn từ:  + Truyền thống gia đình, hoàn cảnh sống, quá trình hoạt động CM, chịu ảnh hưởng và chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới.  + Quan điểm sáng tác. |
| + GV: Những đặc điểm chủ yếu trong phong cách văn chính luận của Bác là gì? | \*Văn chính luận:  - Ngắn gọn, tư duy sắc sảo,  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục,  - Giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp. |
| + GV: Những tác phẩm truyện và kí thể hiện phong cách viết gì của Bác? | \* Truyện và kí:  - Vẻ đẹp hiện đại,  - Tính chiến đấu mạnh mẽ  - Nghệ thuật trào phúng sắc bén, nhẹ nhàng mà hóm hỉnh sâu cay. |
| + GV: Những bài thơ nhằm mục đích tuyên truyền được Bác viết với lời lẽ như thế nào?  + GV: Những bài thơ viết theo cảm hứng nghệ thuật thể hiện cách viết như thế nào của Bác? | \*Thơ ca:  - Thơ tuyên truyền: Lời lẽ giản dị, mộc mạc, dễ nhớ, mang màu sắc dân gian hiện đại.  - Thơ nghệ thuật: Vẻ đẹp hàm súc, hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và hiện đại, giữa chất “tình” và chất “thép”. |
| **Hướng dẫn học sinh tổng kết bài học**  **- GV:** Gọi học sinh đọc phần kết luận để ghi nhớ, đánh giá tổng quát về thơ văn của Bác. | **III. Tổng kết**:  *Ghi nhớ (SGK)* |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

**-** Quan điểm sáng tác của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

- Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới: *“Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”*

**----------**

Ngày soạn: 2/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 5. Tiếng Việt. GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức:** Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

**2. Kĩ năng**: Nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết) để đạt được yêu cầu trong sáng.

**3. Tư duy, thái độ:** Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

**B. PHƯƠNG TIỆN :**

**-** GV:Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu và phân tích ngắn gọn quan điểm sáng tác của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

- Trình bày tóm tắt phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dung tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao? Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về sự trong sáng của tiếng Việt.**  - Thao tác 1: Giải thích khái niệm *trong* *sáng của tiếng Việt*. | **I. Sự trong sáng của tiếng Việt:**  o *“Trong”:* có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục.  o *“Sáng”:* là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói |
| - Thao tác 2: Đưa ra ngữ liệu và yêu cầu học sinh phân tích:  + GV: Đọc và so sánh ba câu văn trong SGK, xác định câu nào trong sáng, câu nào không trong sáng? Vì sao? | o Câu đầu: không trong sáng vì cấu tạo câu không đúng quy tắc (chuẩn mực) ngữ pháp tiếng Việt.  o Hai câu sau: đạt được sự trong sáng vì cấu tạo câu theo chuẩn mực ngữ pháp của tiếng Việt. |
| + GV: Qua đó theo em biểu hiện thứ nhất của trong sáng tiếng Việt là gì?    + GV: Có trường hợp tiếng Việt được sử dụng linh hoạt, sáng tạo, có sự biến đổi, lúc đó tiếng Việt có đảm bảo được sự trong sáng hay không? Hãy phân tích câu thơ của Nguyễn Duy và câu văn của chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi trên.  + GV: Các từ ngữ dùng sáng tạo trong câu thơ của Nguyễn Duy là những từ nào? Chúng có nét nghĩa mới nào? Chúng được dùng theo biện pháp tu từ nào?  + GV: Trong câu văn của Bác, từ “*tắm”* được dùng theo nghĩa mới là gì? Có phù hợp với quy tắc tiếng Việt hay không? | - Thể hiện ở chuẩn mực và việc tuân thủ đúng chuẩn mực của tiếng Việt  o Phát âm theo chuẩn của một phương ngữ nhất định, chú ý cách phát âm ở phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu.  o Tuân theo quy tắc chính tả, viết đúng phụ âm đầu, cuối, thanh điệu các từ khó.  o Khi nói viết phải dùng từ đúng nghĩa và đầy đủ các thành phần câu.  - Trong câu thơ của Nguyễn Duy, các từ “*lưng, áo, con”* được dùng theo nghĩa mới nhưng vẫn theo quy tắc ẩn dụ.  - Trong câu văn của Bác, từ “*tắm”* được dùng theo nghĩa mới và đặc điểm ngữ pháp mới. Nhưng đó vẫn là sự chuyển nghĩa nghĩa và đặc điểm ngữ pháp theo quy tắc của tiếng Việt.  - Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt. |
| + GV: Nhận xét về các từ ngữ nước ngoài được sử dụng trong câu văn của SGK?  + GV: Trong sáng thì không cho phép pha tạp, vẩn đục. Vậy sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép pha tạp của yếu tố ngon ngữ khác không? Qua ví dụ trên, em rút ra biểu hiện thứ hai của sự trong sáng của tiếng Việt là gì?  + GV: Nêu thêm ví dụ:  o Tổng thống và phu nhân. (Cần)  o Chị là người vợ thương chồng thương con (không dùng phu nhân thay cho *người vợ*).  o Báo Thiếu niên nhi đồng. (Cần)  o Trẻ em lang thang cơ nhỡ. (Không dùng Thiếu niên nhi đồng thay cho *trẻ em*)  🡪 Hiện tượng lạm dụng tiếng nước ngoài chỉ làm vẩn đục tiếng Việt. | - Câu văn có những từ ngữ nước ngoài được sử dụng không cần thiết vì tiếng Việt vẫn có những từ ngữ thay thế tương xứng.  - Tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, sử dụng tuỳ tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác. |
| + GV: Nêu ví dụ 5: Đoạn hội thoại trong SGK trang 33  + GV: Phân tích tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói của các nhân vật trong đoạn hội thoại?      + GV: Vậy theo em, sự trong sáng của tiếng Việt còn thể hiện ở phương diện nào? | -Tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói thể hiện ở cách xưng hô, thưa gửi, cách sử dụng từ ngữ:  o Cách xưng hô:  Ông giáo: *Cụ với tôi, ông với con*  🡪 thể hiện sự kính trọng, thân thiết gần gũi.  Lão Hạc: *Ông giáo, chúng mình, tôi với ông*  🡪 thể hiện sự tôn trọng của Lão Hạc đối với ông giáo  o Cách thưa gửi của Lão Hạc với ông giáo: *“ Vâng! Ông giáo dạy phải”*  🡪 Sự trân trọng, tin tưởng và có phần ngưỡng mộ của lão Hạc với ông giáo  o Các từ ngữ: trong sáng, rõ ràng, nhã nhặn, lịch sự  - Lời nói thô tục, bất lịch sự sẽ làm mất đi vẻ trong sáng của tiếng Việt, phải có tính lịch sự, văn hoá. |
| **Hoạt động 3: Hoạt động thực hành**  **Hướng dẫn học sinh luyện tập**  - Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1  + GV: Gọi HS đọc bài tập 1, xác định yêu cầu của bài  + GV: Yêu cầu HS tìm những từ ngữ tiêu biểu mà tác giả dùng để miêu tả diện mạo hoặc tính cách nhân vật trong Truyện Kiều? | **II. Luyện tập:**  *1. Bài tập 1*.  Các từ ngữ Nguyễn Du và Hoài Thanh nói về các nhân vật rất chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính cách nhân vật.  - Kim Trọng: *rất mực chung tình*  - Thuý Vân: *cô em gái ngoan*  - Hoạn Thư: *người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt*  - Thúc Sinh: *sợ vợ*  - Từ Hải: *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ*  - Tú Bà: màu da “*nhờn nhợt*”  - Mã Giám Sinh: “*mày râu nhẵn nhụi*”  - Sở Khanh: *chải chuốt dịu dàng*  - Bạc Bà, Bạc Hạnh: *miệng thề “xoen xoét”* |
| - Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 2  + GV: Yêu cầu học sinh điền vào đoạn văn các dấu câu thích hợp để đoạn văn được trong sáng. | *2. Bài tập 2:*  Cần đặt một số dấu câu:  - Dấu chấm giữa hai từ *dòng sông.*  - Dấu chấm trước cụm từ *dòng ngôn ngữ.*  - Dấu hai chấm sau từ *cũng vậy*  - Dấu phẩy trước từ *nhưng* và sau từ *gạt bỏ.*  “ *Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận – dọc đường đi của mình – những dòng nước khác . Dòng ngôn ngữ cũng vậy: một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì thời đại đem lại* .”  (Chế Lan Viên) |
| - Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 3  + GV: Yêu cầu học sinh chỉ ra những từ ngữ nước ngoài nào cần phải được dịch nghĩa khi sử dụng để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt. | *3. Bài tập 3:*  - Câu văn dùng nhiều từ nước ngoài.  - Cần thay một số từ bằng từ tiếng Việt hoặc dịch nghĩa sang tiếng việt.  - Microsoft: là tên công ty nên để lại không sửa  - Từ File → tệp tin: người không rành máy tính dễ hiểu hơn.  - Từ Hacker → Kẻ đột nhập trái phép hệ thống máy tính ( kẻ xâm nhập trái phép hệ thống máy tính. ...  - Cocoruder là danh từ tự xưng để nguyên. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**:

- Thế nào là sự trong sáng của tiếng Việt?

- Sự trong sáng của tiếng Việt được biểu lộ ở những phương diện nào?

**5. Dặn dò**:

- Sưu tầm trên đài, trên báo những hiện tượng làm vẩn đục sự trong sáng của tiếng Việt

- Ôn tập lại kiến thức đã học chuẩn bị *Viết bài viết số 1*, đặc biệt là nghị luận về một tư tưởng đạo lý.

**----------**

Ngày soạn: 5/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 6. Làm văn. BÀI LÀM VĂN SỐ 1**

**(NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)**

**A.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**: Củng cố kiến thức nghị luận xã hội bàn về một vấn đề tư tưởng, đạolí.

**2. Kĩ năng**: Viết được bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí, trước hết là của tuổi trẻ học đường ngày nay.

**3. Tư duy, thái độ**: Nâng cao ý thức rèn luyện tư tưởng, đạo đức để không ngừng tự hoàn thiện nhân cách của mình.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Giấy kiểm tra.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

Ra đề phù hợp trình độ HS: tập trung vào những quan niệm về đạo lí, những vấn đề tư tưởng phổ biến trong HS như: ước mơ, quan hệ gia đình, bạn bè lối sống...

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ :** không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Các em đã được học cách làm bài nghị luận về tư tưởng, đạo lí. Hôm nay các em sẽ viết bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí quen thuộc trong đời sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 3: Hoạt động thực hành**  **Ôn tập kiến thức và kĩ năng về làm văn NL**  **-** GV yêu cầu HS xem lại các vấn đề có lên quan đến bài viết:  + Về bố cục  + Lập luận  **GV cho đề bài.**  **Gợi ý học sinh cách làm bài.**  - Thao tác 1: GV nhắc lại một số yêu cầu về nội dung và cách làm bài.  - Thao tác 2: GV hướng dẫn học sinh xác định cách thức làm bài  - Thao tác 3: GV lưu ý về thời gian làm bài  - Thao tác 3: GV gợi ý một số luận điểm trong bài viết | **I. Ôn tập kiến thức:**  **1. Bố cục: 3 phần**  **2. Lập luận:**   1. Cách xác lập luận điểm, luận cứ 2. Các thao tác lập luận: giải thích, chứng minh, phân tích, bác bỏ, bình luận… 3. Đặc biệt, xem lại bài nghị về một tư tưởng, đạo lí   **II. Đề bài :**  **Đề 1:** **Tình thương là hạnh phúc của con người.**  **III. Gợi ý cách làm bài:**  **1. Xác định nội dung bài viết:**   1. Tập trung vào vấn đề tư tưởng, đạo lí, đặc biệt là đối với HS trong giai đoạn hiện nay 2. Cần đọc kĩ đề để xác định đúng vấn đề cần bàn bạc và xác định các luận điểm   **2. Xác định cách thức làm bài:**   1. Thao tác lập luận: phối hợp các thao tác 2. Lựa chọn dẫn chứng: chủ yếu dùng dẫn chứng thực tế trong cuộc sống. Có thể dẫn một số thơ văn để bài viết sinh động, nhưng cần vừ mức, tránh lan man, lạc sang NLVH. 3. Diễn đạt cần chuẩn xác, mạch lạc, có thể sử dụng một số yếu tố biểu cảm, nhất là ở phần liên hệ thực tế và trình bày suy nghĩ riêng của cá nhân. 4. Cần chú ý lập hệ thống dàn ý trước khi viết bài.   **3. Xác định thời gian làm bài**:  45 phút.  **4. Dàn ý tham khảo:**  **Đề 1:** **Tình thương là hạnh phúc của con người.**  **4.1. Mở bài:**  - Hạnh phúc là một khái niệm tinh thần trừu tượng.  - Tùy theo vai trò, vị trí của từng cá nhân, từ giai cấp trong xã hội mà có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc.  - Nhân dân ta quan niệm: Tình thương là hạnh phúc của con người.  **4.2. Thân bài:**  **a. Giải thích câu nói: Tình thương là hạnh phúc của con người.**  - Tình thương: là tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người, với vật (Từ điển tiếng Việt)  - Hạnh phúc: là trạng thái sung sướng vì cảm thấy hoàn toàn đạt được ý nguyện. (Từ điển tiếng Việt)  - Tại sao Tình thương là hạnh phúc của con người?  + Tình thương khiến cho người ta luôn hướng về nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau.  + Như vậy là thỏa mãn mọi ý nguyện, đã được hưởng sung sướng, hạnh phúc mà tình thương mang lại.  **b. Phân tích, chứng minh các biểu hiện của tình thương:**  **- Trong phạm vi gia đình:**  + Cha mẹ yêu thương con cái, chấp nhận bao vất vả, cực nhọc, hi sinh bản thân để nuôi dạy con cái nên người. Con cái ngoan ngoãn, trưởng thành, cha mẹ coi đó là hạnh phúc nhất của đời mình.  + Trong đời người có nhiều nỗi khổ, nhưng con cái không nên danh nên phận hoặc hư hỏng là nỗi đau lớn nhất của cha mẹ.  + Con cái biết nghe lời dạy bảo của cha mẹ, biết đem lại niềm vui cho cha mẹ, đó là hiếu thảo, là tình thương và hạnh phúc.  + Tình thương yêu, sự hòa thuận giữa anh em, giữa cha mẹ và con cái tạo nên sự bền vững của hạnh phúc gia đình.  **- Trong phạm vi xã hội:**  + Tình thương chân thành là cơ sở của tình yêu đôi lứa. (Dẫn chứng)  *Nước chảy liu riu, lục bình trôi líu ríu*  *Anh thấy cô nàng nhỏ xíu anh thương*  *Tóc em dài em cài hoa lí*  *Miệng em cười hữu ý anh thương*  *Thò tay mà ngắt ngọn ngò*  *Thương em đứt ruột giả đò ngó lơ*  *Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo*  *Ngũ lục sông cũng lội, thất bát cửu thập đèo cũng qua.*  *Muối ba năm muối đang còn mặn*  *Gừng chín tháng gừng hãy còn cay*  *Đôi ta nghĩa nặng tình dày*  *Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.*  + Tình thương là truyền thống đạo lí: *Thương người như thể thương thân*; tạo nên sự gắn bó chặt chẽ trong quan hệ cộng đồng giai cấp, dân tộc. (Dẫn chứng)  *Bầu ơi thương lấy bí cùng*  *Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*  *Một miếng khi đói bằng một gói khi no*  *Lá lành đùm lá rách*  *Lá rách đùm lá nát…*  *Nhiễu điều phủ lấy giá gương*  *Người trong một nước phải thương nhau cùng*  + Tình thương mở rộng, nâng cao thành tình yêu nhân loại.  **- Những tấm gương sáng trong lịch sử coi Tình thương là hạnh phúc của con người:**  + Vua Trần Nhân Tông trong một chuyến đi thăm quân sĩ đã cởi áo bào khoát cho một người lính giữa đêm đông lạnh giá.  + Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng chia sẻ ngọt bùi, cùng vào sinh ra tử với tướng sĩ dưới quyền trong ba cuộc kháng chiến chống quan xâm lược Nguyên – Mông, giành thắng lợi vẻ vang cho dân tộc.  + Người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi suốt đời đeo đuổi lí tưởng vì dân vì nước, gác sang một bên những oan ức, bất hạnh của riêng mình.  + Người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuất phát từ lòng yêu nước thương dân trong tình cảnh nô lệ nên đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Phương châm sống đúng đắn của Người là: Mình vì mọi người. Bác luôn lấy tình yêu thương con người làm mục đích và hạnh phúc cao nhất của cuộc đời mình.  **c. Phê phán, bác bỏ:**  Lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình thương…  **d. Liên hệ bản thân:**  Rút ra bài học về phương châm sống xứng đáng là con người có đạo đức, có nhân cách và hành động vì tình thương.  **4.3. Kết bài:**  **-** Tình thương là lẽ sống cao cả của con người.  - Tình thương vượt lên trên mọi sự khác biệt giữa các dân tộc trên thế giới.  - Để tình thương thực sự trở thành hạnh phúc của con người, mỗi chúng ta phải vươn lên chống đói nghèo, áp bức bất công, chiến tranh phi nghĩa… để góp phần xây dựng một thế giới hòa bình thịnh vượng… |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố :**

- Bố cục bài văn.

- Các ý chính.

**5. Dặn dò:**

**-** Đọc và soạn *“Tuyên ngôn Độc lập”* – Phần hai: Tác phẩm.

Ngày soạn: 10/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 7. Đọc văn. TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (Hồ Chí Minh)**

**(Phần 2. TÁC PHẨM)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của ***Tuyên ngôn Độc lập***: một bản tổng kết về lịch sử dân tộc dưới ách thực dân Pháp - một thời kì lịch sử đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập tự do của nước Việt Nam trước toàn thế giới

- Hiểu được giá trị của áng văn nghị luận chính trị bất hủ: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng hùng hồn.

**2. Kĩ năng**: Viết văn bản nghị luận xã hội.

**3. Tư duy, thái độ**

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Thế nào là sự trong sáng của tiếng Việt?

- Sự trong sáng của tiếng Việt được thể hiện qua những phương diện nào? Cho ví dụ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Như ta đã biết, chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là vị lãnh tụ vĩ đại mà còn là một nhà văn chính luận mẫu mực. Điều này ta có thể thấy qua một tác phẩm bất hủ của Người: *Tuyên ngôn Độc lập.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | HOẠT ĐỘNG CỦA HS |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về bản tuyên ngôn.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh của thế giới và Việt Nam như thế nào?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh xác định mục đích viết và đối tượng hướng đến của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Nói thêm về tình thế đất nước lúc bấy giờ:  - Miền Bắc: quân Tưởng mà đứng sau là Mĩ đang lăm le  - Miền Nam: quan Anh cũng sẵn sàng nhảy vào  - Pháp: dã tâm xâm lược VN lần thứ 2.  + **GV:** Trước tình hình như thế, theo em, đối tượng mà bản tuyên ngôn hướng đến là những ai? Bản tuyên ngôn được viết ra nhằm mục đích gì?  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh xác định bố cục của văn bản.**  **+ GV:** Cho học sinh nghe một số đoạn qua giọng đọc của Bác. Sau đó, gọi học sinh đọc tiếp văn bản.  **Yêu cầu:**  - Đọc rõ ràng, âm vang, có ngắt nghỉ giữa các phần như giọng đọc của Bác.  **- Phần nội dung:** đọc với giọng hùng hồn, đanh thép, nhấn mạnh vào cấu trúc trùng điệp để tô đậm tội ác của Pháp.  **- Phần viết về quá trình nổi dậy:** đọc với giọng tự hào, nhấn giọng vào chữ *sự thật.*  **- Lời tuyên ngôn và tuyên bố cuối cùng:** giọng trang trọng, hùng hồn.  **+ HS:** Đọc nối tiếp bản tuyên ngôn theo yêu cầu của GV.  + **GV:** Một bản tuyên ngôn độc lập thường có ba phần: Mở đầu, nội dung và kết luận. Căn cứ vào tác phẩm, hãy đánh dấu vị trí từng phần và phát biểu khái quát nội dung mỗi phần?  **Hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần 1 của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn độc lập này là gì?  **+ GV:** Theo em, việc Bác trích dẫn lời của hai bản tuyên ngôn này thể hiện sự khôn khéo như thế nào?    **+ GV:** Việc trích dẫn này cũng thể hiện được sự kiên quyết như thế nào?  **+ GV:** Từ ý nghĩa trên, em hiểu được là Bác trích dẫn hai bản tuyên ngôn này nhằm mục đích gì?  **+ GV:** Theo em, việc Bác trích dẫn như vậy để từ đó suy rộng ra điều gì?  **+ GV:** Khẳng định đóng góp lớn về tư tưởng của Bác ở phần này. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Hoàn cảnh sáng tác:**  **- Thế giới:**  + Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức,  + Nhật đầu hàng Đồng minh  **- Trong nước:**  + CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi.  + Ngày 26 tháng 8 năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội  + Ngày 28 tháng 8 năm 1945: Bác soạn thảo bản ***Tuyên ngôn độc lập*** tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội.  + Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác đọc bản ***Tuyên ngôn độc lập*** tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH.  **2. Mục đích sáng tác:**  - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới  - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc.  - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc.  **3. Bố cục:**  - Phần 1: Từ đầu đến *“…không ai chối cãi được”*  🡪 Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập.  - Phần 2: *“Thế mà, …. phải được độc lập”*  🡪 Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.  - Phần 3: Còn lại  🡪 Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc  **II. Đọc – hiểu văn bản:**  **1. Cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn độc lập:**  - Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ làm cơ sở pháp lí:  + [***Tuyên ngôn độc lập***](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_%C4%90%E1%BB%99c_l%E1%BA%ADp_Hoa_K%E1%BB%B3) của [Mỹ](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9):  *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”*  + [Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_Nh%C3%A2n_quy%E1%BB%81n_v%C3%A0_D%C3%A2n_quy%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1) của [Cách mạng Pháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_Ph%C3%A1p) năm [1791](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=1791&action=edit&redlink=1):  *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”*  **- Ý nghĩa:**  + Vừa khôn khéo: Tỏ ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ của cha ông kẻ xâm lược vì những điều được nêu là chân lí của nhân loại  + Vừa kiên quyết: Dùng lập luận *Gậy ông đập lưng ông* , lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng.  + Ngầm gửi gắm lòng tự hào tự tôn dân tộc: đặt ba cuộc cách mạng, ba bản tuyên ngôn, ba dân tộc ngang hàng nhau.  **- Trích dẫn sáng tạo:**  + Từ quyền bình đẳng, tự do, mưu cầu hạnh phúc của *con người* (tuyên ngôn của Mĩ và Pháp)  + Bác *suy rộng ra*, nâng lên thành quyền bình đẳng, tự do của các *dân tộc* trên thế giới  🡪 Đó là suy luận hợp lí, sáng tạo, là đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.  => Hồ Chí Minh mở đầu bản tuyên ngôn thật súc tích, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, cách trích dẫn sáng tạo để đi đến một bình luận khéo léo, kien quyết: “*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”.* |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

**-** Ý nghĩa cách mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập.*

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị tiết tiếp theo của bài này.

**----------**

Ngày soạn: 10/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 8. Đọc văn. TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (Hồ Chí Minh)**

**(Phần 2. TÁC PHẨM)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của ***Tuyên ngôn Độc lập***: một bản tổng kết về lịch sử dân tộc dưới ách thực dân Pháp - một thời kì lịch sử đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập tự do của nước Việt Nam trước toàn thế giới

- Hiểu được giá trị của áng văn nghị luận chính trị bất hủ: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng hùng hồn.

**2. Kĩ năng**: Viết văn bản nghị luận xã hội.

**3. Tư duy, thái độ**

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Phần mở đầu bản “Tuyên ngôn Độc lập” có ý nghĩa gì?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Như ta đã biết, chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là vị lãnh tụ vĩ đại mà còn là một nhà văn chính luận mẫu mực. Điều này ta có thể thấy qua một tác phẩm bất hủ của Người: *Tuyên ngôn Độc lập.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Câu văn chuyển tiếp mở đầu đoạn 2 có tác dụng gì?  **+ GV:** Khi Pháp có luận điệu về công *“khai hóa”* nhân dân các nước thuộc địa, tác giả đã vạch rõ những tội ác nào mà thực dân Pháp đã gieo rắc trên đất nước ta suốt hơn 80 năm qua?  **+ GV:** Nhà văn đã dùng những nghệ thuật nào để làm nổi bật những tội ác đó và để tăng cường sức mạnh tố cáo?  **+ GV:** Khi Pháp kể công *“bảo hộ”,* bản tuyên ngôn lên án chúng điều gì?  + GV: Những hành động này của Pháp đã gây nên hậu quả gì trên nhân dân ta?  + GV: Còn ta, ta đối xử với người Pháp như thế nào?  **+ GV:** Khi Pháp muốn nhân danh Đồng minh để vào chiếm lại Đông Dương, Bác đã vạch trần những tội trạng gì của chúng?  **+ GV:** Trong phần này, Bác còn nêu rõ quá trình nổi dậy giành chính quyền thắng lợi của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh như thế nào?  **+ GV: Từ những chứng cứ lịch sử hiển nhiên trên, bản tuyên ngôn nhấn mạnh các thông điệp quan trọng.**  **+ GV:** Trong ba câu văn ngắn gọn này, Bác muốn khẳng định điều gì?  **+ GV:** Trong đoạn văn này, Bác đã tuyên bố điều gì?  **+ GV:** Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hai hội nghị Tê – hê – răng và Cựu Kim Sơn, chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi điều gì?  **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần tuyên bố cuối cùng.**  **+ GV:** Người tuyên bố với toàn thể nhân dân trên thế giới điều gì?  **+ GV:** Người còn nêu lên quyết tâm gì của dân tộc?  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những yếu tố thành công, mẫu mực của bản tuyên ngôn.**  **+ GV: Nêu nhận định chung.**  **+ GV:** Em hãy chứng minh điều đó qua nhận xét về lập luận của bản tuyên ngôn?  **+ GV:** Bản tuyên ngôn được xây dựng bằng những lí lẽ như thế nào?  **+ GV:** Nhận xét về những dẫn chứng mà Bác đưa vào bản tuyên ngôn?  **+ GV:** Ngôn ngữ của bản tuyên ngôn thể được những tình cảm gì của Bác?  **Hướng dẫn học sinh tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Qua việc tìm hiểu, em có nhận xét gì về giá trị của bản ***Tuyên ngôn độc lập***? | **2. Cơ sở thực tế của bản Tuyên ngôn Độc lập:**  **a.** **Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:**  - Câu mở đầu đoạn 2:  “*Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.”*  🡪 Câu chuyển tiếp, tương phản với các lí lẽ của đoạn 1: thực dân Pháp đã phản bội lại tuyên ngôn thiêng liêng của tổ tiên chúng, phản bội lại tinh thần nhân đạo của nhân loại.  **- Pháp kể công *“khai hóa”,* Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:**  **+ Về chính trị:** *không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, thi hành luật pháp dã man,* chia rẽ dân tộc, *tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*  **+ Về kinh tế:** Cướp không ruộng đất, hầm mỏ; độc quyền in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí  + **Văn hóa – xã hội – giáo dục:** *lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn , thuốc phiện*  🡪 Biệp pháp liệt kê + điệp từ *chúng* + lặp cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn đanh thép 🡪 nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.  **- Pháp kể công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng:**  *+ “Mùa thu năm* [*1940*](http://vi.wikipedia.org/wiki/1940)*,* [*phát xít*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_x%C3%ADt) *Nhật đến xâm lăng* [*Đông Dương*](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_D%C6%B0%C6%A1ng) *để mở thêm căn cứ đánh* [*Đồng Minh*](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Minh)*, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật.”*  *+ “Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng.”*  + Vậy là trong 5 năm, chúng bán nước ta hai lần cho Nhật.  + Hậu quả: làm *cho “hơn hai triệu đồng bào của ta bị chết đói”*  *+* Ngược lại, Việt Minh đã cứu giúp nhiều người Pháp, bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.  **- Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:**  + Chính Pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật.  + Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn *“nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở* [*Yên Bái*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_B%C3%A1i) *và* [*Cao Bằng*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%E1%BA%B1ng)*.”*  *+ “Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa.”*  *+* Nêu rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam:  **o** *“Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.”*  **o** *“Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.”*  🡪 Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc.  **b. Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:**  - Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định:  + Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị  + Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay  + Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ  🡪 Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử.  *-* Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để *tuyên bố: “thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.”*  🡪 Không chịu sự lệ thuộc và xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp về nước Việt Nam  - Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hai Hội nghị [Tê – hê - răng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tehran) và [Cựu Kim Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/San_Francisco,_California) để buộc các nước Đồng minh: *“quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.”*  *-* Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc:  *“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”*  🡪 Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế.  => Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp… tạo nên âm hưởng hào hùng, đanh thép, trang trọng của đoản khúc anh hùng ca.  **3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc:**  *-* Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập.”*  🡪 Những từ ngữ trang trọng: *“trịnh trọng tuyên bố”, “có quyền hưởng”, sự thật đã thành”* vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lí.  *-* Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: *“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”*  🡪 Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.  **4. Nghệ thuật:**  Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác:  **- Lập luận:** chặt chẽ, thống nhất từ đầu đến cuối (dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc)  **- Lí lẽ:** xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc.  - **Dẫn chứng:** xác thực, lấy ra từ sự thật lịch sử  **- Ngôn ngữ:** đanh thép, hùng hồn, chan chứa tình cảm, cách xưng hô bộc lộ tình cảm gần gũi.  **III. Tổng kết:**  Ghi nhớ (SGK)  - Là một văn kiện chính trị lớn, tổng kết cả một thời kì lịch sử.  - Là áng văn chính luận mẫu mực với lập luận chặt chẽ, kế thừa các chân lí lớn của thế giới.  - Nâng cao lòng tự hào về truyền thống và lịch sử văn học. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4.Củng cố**

- Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn Độc lập.

- Hệ thống lập luận chặt chẽ của tác phẩm.

**-** Lí giải vì sao bản tuyên ngôn độc lập từ khi ra đời cho đến nay là một áng văn chính luận có sức lay động sâu sắc hàng chục triệu trái tim con người?

**Gợi ý:**

- Có giá trị lịch sử lớn lao.

- Chứa đựng tình ảm yêu nước, thương dân nồng nàn, niềm tự hào sâu sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, ngôn ngữ chuẩn xác, giọng văn khi hùng hồn đanh thép, khi chan chứa tình cảm, giàu sức thuyết phục.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt* (tiếp theo).

----------

Ngày soạn: 12/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 9. Tiếng Việt.**

**GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT (tiếp)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức:** Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

**2. Kĩ năng**: Nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết) để đạt được yêu cầu trong sáng.

**3. Tư duy, thái độ:** Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

**B. PHƯƠNG TIỆN :**

**-** GV:Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Tác phẩm “Tuyên ngôn Độc lập” là một áng văn chính luận mẫu mực. Hãy làm sáng tỏ điều đó.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dung tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao? Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.**  **- Thao tác 1:** **Hướng dẫn học sinh xác định trách nhiệm về phương diện tình cảm.**  **+ GV:** Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?  **+ GV:** Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt?  **+ GV:** Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào? | **II. Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:**  **1. Về thái độ, tình cảm:**  - Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là *”thứ của cải vô cùng lâu đời và quí báu của dân tộc”*  **2. Về nhận thức:**  - Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt  (Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp)  **-** Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi.  **3. Về hành động:**  - Sử dụng tiếng Việt theo chuẩn mực và quy tắc, trong đó có các quy tắc chuyển hoá, biến đổi.  - Không lạm dụng tiếng nước ngoài làm vẩn đục tiếng Việt.  - Tránh những lối nói thô tục, thiếu văn hoá. |
| **Hướng dẫn học sinh tổng kết và luyện tập.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tổng kết**  **+ GV:** Cho 1 -2 học sinh đọc phần Ghi nhớ của sách giáo khoa  **+ GV:** Yêu cầu học sinh đọc các bài tham khảo phía sau bài học ở nhà | **III. Kết luận:**  *Ghi nhớ (SGK)* | |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **Hướng dẫn học sinh luyện tập**  **+ GV:** Gọi học sinh đọc các ngữ liệu  **+ GV:** Yêu cầu học sinh phân tích từng câu văn để tìm ra những câu văn *“trong sáng”* và những câu *“không trong sáng”?* | **IV. Luyện tập :**  **1. Bài tập 1:**  - Câu *a* không trong sáng (có sự lẫn lộn giữa trạng ngữ *muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn* và chủ ngữ ) vì dùng thừa từ *đòi hỏi*.  - Các câu *b, c, d* viết đúng chuẩn ngữ pháp nên là những câu trong sáng. | |
| **+ GV:** Gọi học sinh đọc ngữ liệu  **+ GV:** Yêu cầu học sinh phân tích để tìm ra những từ nước ngoài nào không nên sử dụng và thay thế bằng từ khác để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt. | **2. Bài tập 2:**  - Dùng từ *Tình nhân* thì thiên về việc nói đến con người hơn là ngày lễ  - Dùng từ *Valentine* là từ vay mượn nên không cần thiết.  🡪 Dùng từ (*ngày*) *Tình yêu* là đủ diễn đạt nội dung và sắc thái tình cảm. Không nhất thiết dùng từ nước ngoài.  - Trong lời quảng cáo dùng 3 hình thức biểu hiện cùng 1 nội dung: *ngày lễ tình nhân, ngày Valentine, ngày Tình yêu* .  🡪 Cùng biểu hiện ý nghĩa cao đẹp là tình cảm con người .  - Từ cần thay thế: *ngày Valentine*  🡪 *ngày lễ tình nhân, ngày Tình yêu.* | |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Mỗi người cần có ý thức như thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài : *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc.* (Phạm Văn Đồng).

**----------**

Ngày soạn: 14/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 10. Đọc văn.**

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG**

**TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC**

***Phạm Văn Đồng***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS thấy được:

**1. Kiến thức:**

- Những ý kiến sâu sắc, có lí, có tình của Phạm Văn Đồng về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu

- Những giá trị lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đối với thời đại bấy giờ và đối với ngày nay.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc hiểu văn bản nghị luận theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Thêm yêu quý con người và tác phẩm của nhà thơ lớn đó.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, cần phải có những tình cảm, hiểu biết và hành động như thế nào?

- Câu văn sau đây trong sáng hay không trong sáng, vì sao:

*“Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du đã nêu cao một tinh thần nhân đạo hết sức là cao đẹp”*

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Nguyễn Đình Chiểu từ lâu đã đi vào cuộc đời của mỗi người dân Nam Bộ và thơ ca của dân tộc. Đánh giá về những đóng góp của nhà thơ cũng có nhiều biểu hiện khác nhau, nhất là vào những năm chống Mĩ ác liệt. Hôm nay, chúng ta cùng nhìn nhận lại vấn đề qua một bài viết của Phạm Văn Đồng về nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Tìm hiểu những nét chính về tác giả và văn bản.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu những nét chính về tác giả**  **+ GV:** Dựa vào phần *Tiểu dẫn*, nêu những nét chính về tác giả? | **I. Giới thiệu chung:**    **1. Tác giả: (SGK)**  **-** Phạm Văn Đồng (1906 – 2000).  - Quê: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.  - Là một nhà Cách mạng lớn của nước ta trong thế kỉ XX.  - Quá trình hoạt động cách mạng:  + Tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng từ khi chưa đầy 20 tuổi.  + 1929 – 1936: bị thực dân Pháp bắt, kết án tù và đày ra Côn Đảo  + Đầu những năm 1940: được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng biên giới Việt – Trung, được bầu vào Ủy ban Dân tộc giải phóng.  + Từng đảm nhiệm các cương vị:  o Bộ trưởng Bộ Tài chính  o Bộ trưởng Bộ ngoại giao  o Phó thủ tướng  o Thủ tướng (1955-1981)  o Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1981-1987)  🡪 Được đánh giá là một trong những học trò xuất sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh.  - Ông còn là một nhà giáo dục tâm huyết, nhà lí luận văn hoá văn nghệ lớn.  - Có những tác phẩm đáng chú ý về văn học nghệ thuật, bởi:  + Quan niệm: viết cũng là một cách phục vụ cách mạng  + Quan tâm, am hiểu và yêu thích văn học nghệ thuật.  + Vốn sống lịch lãm, tầm nhìn sâu sắc, nhân cách lớn 🡪 đủ để đưa ra những nhận định đúng đắn, mới mẻ, sắc sảo về những vấn đề văn học nghệ thuật  - Tác phẩm tiêu biểu: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ.* |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu chung về văn bản** | **2. Văn bản:** |
| + GV: Nêu hoàn cảnh ra đời của bài viết?  + GV: Bài viết ra đời trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ như thế nào? Bài viết được viết nhằm mục đích gì? | a. Hoàn cảnh ra đời:  - Viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (3 – 7 – 1888), đăng trên tạp chí Văn học tháng 7 – 1963.  - Hoàn cảnh năm 1963: Tình hình miền Nam có nhiều biến động lớn  + Mĩ tài trợ và can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh  + Phong trào đấu tranh chống Mĩ và tay sai nổi lên khắp nơi, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi. |
| **- Thao tác 3: Tìm hiểu bố cục văn bản.**  + GV: Bài nghị luận này có thể chia làm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì?  + GV: Phần thân bài có bao nhiêu luận điểm? Tìm những câu chủ đề thể hiện luận điểm đó? | b. Bố cục:  \* Ba phần:  - Phần mở bài: Từ đầu đến “... cách đây hơn một trăm năm”  🡪 Nêu luận đề: Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ lớn của dân tộc.  (“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”)  - Phần thân bài: Từ “Nguyễn Đình Chiểu” đến “... văn hay của Lục Vân Tiên”  🡪 Nêu ba luận điểm tương ứng với ba câu chủ đề:  + Luận điểm 1: Từ “Nguyễn Đình Chiểu” đến “... khôn lường thực hư”  🡪 Con người và quan niệm văn chương của Nguyễn Đình Chiểu.  (“Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ phấn đấu hi sinh vì một nghĩa lớn”)  + Luận điểm 2: Tiếp theo đến “hai vai nặng nề”  🡪 Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.  (“Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sống lại trong tâm trí chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bĩ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 về sau, suốt hai mươi năm trời”)  + Luận điểm 3: Tiếp theo đến “văn hay của Lục Vân Tiên”  🡪 Đánh giá về truyện thơ Lục Vân Tiên.  (“Lục Vân Tiên, một tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu, rất phổ biến trong dân gian, nhất là ở miền Nam”)  - Phần kết bài: Còn lại  🡪 Đánh giá khái quát về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu  (“Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao đại vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sư mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng”) |
| **Tìm hiểu văn bản.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu phần mở bài .**  + GV: Tác giả mở đầu bằng một nhận định như thế nào, nêu lên điều gì?  + GV: Hiểu “lúc này” là thời điểm nào? Nhấn mạnh thời điểm ấy, Phạm Văn Đồng muốn nêu lên điều gì?  + GV: Sau đó, Phạm Văn Đồng đã dùng câu văn ẩn dụ để khẳng định điều gì về Nguyễn Đình Chiểu? | **II. Đọc – hiểu văn bản:**  **1. Phần mở bài: Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ lớn của dân tộc**  - Tác giả mở đầu bằng một nhận định khách quan có tính thời sự:  “Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là vào lúc này”  🡪 “Lúc này”: năm 1963, phong trào đấu tranh chống Mĩ – nguỵ của nhân dân miền Nam đang phát triển sôi sục, rộng khắp  🡪 Nhấn mạnh thời điểm ca ngợi nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu để khẳng định truyền thống chống ngoại xâm, động viên nhân dân cả nước vùng lên.  - Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:  “Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”.  🡪 Cách đặt vấn đề: đúng đắn, toàn diện và mới mẻ, như một định hướng để tìm hiểu về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. |
| + GV: Theo tác giả, những lí do nào làm “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trên bầu trời văn nghệ của dân tộc? | - Tác giả nêu hai lí do khiến cho “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc:  + Thứ nhất: Nhiều người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của truyện thơ *Lục Vân Tiên* và hiểu tác phẩm này khá thiên lệch về nội dung và nghệ thuật.  + Thứ hai: Người đọc biết rất ít về thơ văn yêu nước - một bộ phân quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. |
| **- Thao tác 2:Tìm hiểu phần thân bài.**  + GV: Tác giả đã giới thiệu những gì về con người nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu?  + GV: Tác giả đã nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật nào khi giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu? | **2. Phần thân bài:**  a. Luận điểm 1: Con người và quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu  - Con người:  + Sinh ra trên đất Đồng Nai hào phóng  + Triều đình nhà Nguyễn cam tâm bán nước, nhân dân khắp nơi đứng lên đánh giặc cứu nước  + Bị mù, Nguyễn Đình Chiểu dùng thơ văn phục vụ chiến đấu  + Thơ văn ông ghi lại tâm hồn trong sáng và cao quý của ông và thời kì khổ nhục nhưng vĩ đại của dân tộc.  🡪 Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật: khí tiết của một người chí sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn. |
| + GV: Tác giả đã giới thiệu cho ta biết thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn như thế nào?  + GV: Nguyễn Đình Chiểu có quan niệm như thế nào về văn chương? Nhận xét về quan niệm sáng tác đó?  + GV: Trong phần này, tác giả đã đưa ra những luận điểm và luận cứ như thế nào? Có tác dụng gì? | - Quan điểm sáng tác:  + Thơ Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn mang tính chiến đấu, đánh thẳng vào giặc xâm lược và tôi tớ của chúng.  + Với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút còn là một thiên chức nên ông khinh miệt những kẻ lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa.  🡪 Quan niệm sáng tác thống nhất với con người Nguyễn Đình Chiểu: văn thơ phải là vũ khí chiến đâu sắc bén.  ⇒ Tác giả đã đưa ra luận điểm có tính khái quát cao, luận cứ bao gồm các lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, giúp người đọc hiểu rõ và sâu sắc vấn đề. |
| + GV: Trong phần đầu của luận điểm 2, Phạm Văn Đồng đã tái hiện lại thời kì Nguyễn Đình Chiểu sống. Đó là thời kì như thế nào?  + GV: Tác giả gọi thời kì Nguyễn Đình Chiểu là thời kì “khổ nhục nhưng vĩ đại”. Văn chương Nguyễn Đình Chiểu phản chiếu lại thời kì này như thế nào?  + GV: Văn chương chân chính còn phải tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của thời đại. Phạm Văn Đồng đã khẳng định thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu có tính chiến đấu như thế nào? | b. Luận điểm 2: Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu  - Nêu bối cảnh thời đại Nguyễn Đình Chiểu cầm bút: “khổ nhục nhưng vĩ đại”  + Nguyễn Tri Phương thua ở Sài Gòn, Triệu Đức vội vã đầu hàng  + Năm 1862, cắt ba tỉnh miền Đông và năm 1867 cắt ba tỉnh miền Tây cho giặc  + Cuộc chiến tranh của nhân dân lan rộng khắp nơi làm cho kẻ thù khiếp sợ và khâm phục  🡪 Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là “ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”, vì thơ văn ông đã “làm sống lại phong trào kháng Pháp bền bĩ và oanh liệt của nhân dân Nam Bộ từ 1860 trở về sau” 🡪 Vì nhà văn lớn, tác phẩm lớn khi phản ánh trung thành những đặc điểm bản chất của một giai đoạn lịch sử trọng đại.  - Nêu nội dung chính thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:  + Là tấm gương phản chiếu thời đại nên sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là lời ngợi ca những nghĩa sĩ nông dân dũng cảm và cũng là lời khóc thương cho những anh hùng thất thế, bỏ mình vì dân vì nước  🡪 Phần lớn là những bài văn tế  + Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mang tính chiến đấu vì đã xây dựng những hình tượng “sinh động và não nùng” về những con người “suốt đời tận trung với nước, trọng nghĩa với dân, giữ trọn khí phách hiên ngang cho dù chiến bại” và “ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu”: |
| + GV: Phạm Văn Đồng đã phân tích tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu để cho người đọc thấy được sự sáng tạo của Nguyễn Đình Chiểu? Sự sáng tạo đó là gì?  + GV: Tác giả đã so sánh bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc với Bình Ngô đại cáo. So sánh như vậy để làm gì?  + GV: Phạm Văn Đồng đã dẫn thêm bài thơ Xúc cảnh của Nguyễn Đình Chiểu nhằm mục đích gì?  + GV: Phạm Văn Đồng đã đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng. Đặt như vậy là nhằm mục đích gì? | o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”  🡪 Ta thấy được tính chiến đấu và sự sáng tạo trong việc xây dựng hình tượng người anh hùng hoàn toàn mới trong văn học – nghĩa sĩ nông dân  o So sánh với “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khải hoàn, bài văn tế là khúc ca của những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang  🡪 Khẳng định giá trị to lớn của bài văn tế.  o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như “Xúc cảnh”  🡪 Tác giả không phân tích mà chỉ gợi ra để người đọc cảm nhận được sự phong phú trong thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu  o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa...  🡪 Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu góp phần tạo nên diện mạo của văn học thời kì này và Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu, là ngôi sao sáng nhất của thơ văn yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX. |
| + GV: Trong luận điểm 2, Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu với trí tuệ, sự hiểu biết như thế nào? Nhận xét về cách viết của tác giả?  + GV: Phạm Văn Đồng không nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu với con mắt hoài cổ mà luôn nhìn từ trung tâm cuộc sống hôm nay. Cách nhìn nhận như vậy là tác giả muốn cho người đọc thấy được điều gì? | => Nhận xét:  + Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu bằng một trí tuệ sáng suốt, hiểu biết sâu sắc qua hệ thống lập luận rõ ràng và chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể và thuyết phục  🡪 Giọng văn nghị luận không khô khan mà thấm đẫm cảm xúc  + Tác giả không nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu với con mắt hoài cổ - tiếc thương những giá trị cũ, mà luôn nhìn từ trung tâm cuộc sống hôm nay – những năm 60 của thế kỉ XX  🡪 Con người hôm nay có điều kiện để đồng cảm với một con người đã sống hết mình vì dân tộc, thấu hiểu hơn những giá trị thơ văn của con người đó. |
| + GV: Phạm Văn Đồng đã nêu lên lí do nào làm cho tác phẩm *Lục Vân Tiên* được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian?  + GV: Khi bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm, Phạm Văn Đồng thừa nhận điều gì?  + GV: Tác giả cũng đã khẳng định đó là những hạn chế như thế nào của tác phẩm *Lục Vân Tiên*? Vì sao?  + GV: Việc nêu lên hạn chế trước rồi sau đó lí giải có tác dụng gì? | c. Luận điểm 3: Truyện thơ Lục Vân Tiên  - Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian:  “trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những con người trung nghĩa”  - Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:  + Thừa nhận sự thật: “Những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời”, trong tác phẩm có những chỗ “lời văn không hay lắm” 🡪 trung thực, công bằng khi phân tích.  + Khẳng định bằng những lí lẽ và dẫn chứng xác thực: đó là những hạn chế không thể tránh khỏi và không phải là chính yếu:  o Hình tượng con người trong “Lục Vân Tiên” gần gũi với mọi thời, vấn đề đạo đức trong Lục Vân Tiên mang tính phổ quát xưa nay 🡪 “gần gũi với chúng ta”, “làm cho chúng ta cảm xúc và thích thú”  o Lối kể chuyện “nôm na” dễ nhớ, dễ truyền bá trong dân gian 🡪 người miền Nam say sưa nghe kể “Lục Vân Tiên”  🡪 Thủ pháp “đòn bẩy”: nêu hạn chế để khẳng định giá trị trường tồn của tác phẩm “Lục Vân Tiên” |
| + GV: Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “Truyện Lục Vân Tiên” trong mối quan hệ nào? Đó là cách xem xét như thế nào? | => Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “Truyện Lục Vân Tiên” trong mối quan hệ mật thiết với đời sống nhân dân (quen thuộc với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến) 🡪 Đó là cơ sở đúng đắn và quan trọng nhất để đánh giá tác phẩm này. |
| **- Thao tác 3: Tìm hiểu phần kết bài.**  + GV: Tác giả đã khẳng định những gì về Nguyễn Đình Chiểu? | **3. Phần kết bài:**  - Khẳng định vẻ đẹp nhân cách và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc:  “Nguyễn Đình Chiểu là một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta”.  - Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người:  “Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chí sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng”  🡪 Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước, lá cờ đầu của thơ văn yêu nước, là người nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng. |
| **Tổng kết**  GV: Gọi học sinh đọc Ghi nhớ của SGK. | **III. Tổng kết:**  Ghi nhớ (SGK) |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Nắm được hệ thống luận điểm, luận cứ của bài văn.

- Cách giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu.

- Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.

- Nhận xét về cách viết của tác giả trong bài văn nghị luận này.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới: MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ ; ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI.

-----------

Ngày soạn: 15/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 11. Đọc văn. Đọc thêm:**

**- MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ (trích) *(Nguyễn Đình Thi)***

**- ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI (trích) *(X.Xvai-gơ)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức về văn bản nghị luận

- Học tập các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận về một vấn đề văn học.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ:**

- Tình yêu văn học.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1.Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Cách giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu có gì khác lạ, nhằm mục đích gì?

- Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện điều gì? Có tính chiến đấu như thế nào?

- Nhận xét về cách viết của tác giả trong bài văn nghị luận này?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Hôm nay chúng ta hãy cùng tìm hiểu hai bài đọc thêm để bổ sung kiến thức về lí luận văn học (đặc trưng của thể loại thơ) và hiểu biết hơn về chân dung một nhà văn nổi tiếng thế giới.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ***  - **GV**: Nguyễn Đình Thi lí giải về đặc trưng cơ bản nhất của thơ: Thơ là biểu hiện của tâm hồn con người như thế nào?  - **GV**: Theo NĐT thơ có những đặc trưng nào?  - **GV**: Nguyễn Đình Thi chỉ cho ta thấy được sự khác biệt của ngôn ngữ thơ với các ngôn ngữ thể loại khác là gì?  **- GV:** Nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi được bộc lộ như thế nào trongnghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra?  - **GV:** Quan niệm về thơ của NĐT ngày nay còn có giá trị không? Vì sao?  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn bản *Ñoâ-xtoâi-ep-ki***  - **GV**: Đô-xtôi-ép-ki qua nét vẽ của X. Vai gơ là một con người có những nét gì đặc biệt về tính cách và số phận?  - **GV**: Tìm dẫn chứng về số phận bị vùi dập và sức lao động phi thường của Đô-xtôi-ép-xki ?  - **GV**: Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung Đô-xtôi-ép-xki?  - **GV**: Từ câu “*Cuối cùng* …” đến hết đoạn trích, các biện pháp so sánh, ẩn dụ đều quy tụ về một thế giới như thế nào? Qua đó, X.Vaigơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tầm vóc của Đôx-xtôi-ép-xki?  - **GV**: Việc X.Vaigơ luôn gắn Đôx-xtôi-ép-xki với bối cảnh thời sự, chính trị và văn chương có tác dụng như thế nào trong việc làm nổi bật vai trò của nhà văn? | **I. MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ (trích):**  **1 . Đặc trưng cơ bản nhất của thơ:** thể hiện tâm hồn con người.  **- Đặt ra một câu hỏi:** không mang nghĩa nghi vấn mà khẳng định:  “*Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng?”*.  - **Khởi đầu một bài thơ:** phải có “*rung động thơ*”, sau đó mới “*làm thơ*”.  - **Rung động thơ:**  + có được khi tâm hồn ra khỏi trạng thái bình thường;  + do có sự va chạm với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác mà tâm hồn thức tỉnh, bật lên những tình ý mới mẻ.  **- Còn làm thơ:**  + là thể hiện những rung động của tâm hồn con người bằng lời nói (tức là chữ).  + Những lời, những chữ ấy phải có sức mạnh truyền cảm tới người đọc, khiến “*mọi sợi dây của tâm hồn rung lên”.*  **2. Những đặc trưng khác của thơ** gồm: hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực,...  - Hướng tới việc biểu hiện tâm hồn con người, **hình ảnh của thơ**: không chỉ ghi lại cái vẻ bề ngoài mà “*đã bao hàm một nhận thức, một thái độ tình cảm hoặc suy nghĩ*”.  - Thơ gắn liền với sự suy nghĩ, thơ phải có tư tưởng, nhưng **tư tưởng trong thơ** cũng là tư tưởng - cảm xúc, “*thơ muốn lay động những chiều sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ*”.  - **Cảm xúc, tình cảm** là những yếu tố quan trọng bậc nhất mà nhà thơ hướng tới.  “*Cảm xúc là phần thịt xương hơn cả của đời sống tâm hồn”.*  - Ngay **cái thực trong thơ** cũng là sự thành thực của cảm xúc, là biểu hiện một cách chân thật và sinh động những gì đang diễn ra trong tâm hồn, đó là *“hình ảnh thực nảy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy”.*  🡪 Tóm lại, hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực của thơ đều nằm trong hệ quy chiếu của tâm hồn con người.  **3. Ngôn ngữ thơ** có nét khác biệt so với ngôn ngữ các thể loại văn học khác.  - Ngôn ngữ trong truyện, kí: chủ yếu là ngôn ngữ tự sự, kể chuyện,  - Ngôn ngữ trong kịch: chủ yếu là ngôn ngữ đối thoại  - Ngôn ngữ thơ ca: có tác dụng gợi cảm đặc biệt nhờ yếu tố nhịp điệu, “*Cái kì diệu ấy của tiếng nói trong thơ, có lẽ chăng ta tìm nó trong nhịp điệu (...) một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn*”.  - Xuất phát từ sự đề cao nhịp điệu bên trong, nhịp điệu của tâm hồn, Nguyễn Đình Thi quan niệm:  + “*không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không vần*” mà chỉ có “*thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ*”.  + Thời đại mới, tư tưởng, tình cảm mới, nội dung mới đòi hỏi một hình thức mới, điều quan trọng là dùng thơ tự do, thơ không vần, hay “*dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn đạt được đúng tâm hồn con người mới ngày nay”.*  **4. Nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi:**  Bộc lộ trong nghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra.  - Mở đầu bài viết, dùng ngay lập luận phủ nhận để khẳng định (bác bỏ một số quan niệm có phần phiến diện về thơ- có người cho “*thơ là ở những lời đẹp*” lại có người cho “*thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ”*, để nhấn mạnh đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người), từ đó triển khai các ý ngày càng cụ thể hơn, xoáy sâu vào vấn đề chính.  - Lí lẽ gắn với dẫn chứng. Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh rất cụ thể, sinh động, gây ấn tượng mạnh:  + “*Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Toé lân ở những nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật, trước hết là những cảm xúc”,*  *+ “Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung”.*  **5. Giá trị của bài văn:**  - Việc nêu lên những vấn đề đặc trưng bản chất của thơ ca không chỉ có tác dụng nhất thời lúc bấy giờ mà ngày nay nó vẫn còn có giá trị, bởi ý nghĩa thời sự, tính chất khoa học đúng đắn, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống và thực tiễn sáng tạo thi ca.  **II. ĐÔ - XTÔI – ÉP – XKI *(Trích)*:**  **1. Tính cách và số phận của Đô – xtoi – ép – xki:**  **a. Hai thời điểm đối lập trong cuộc sống:**  **- Thời điểm thứ nhất:** kiếp sống của một kẻ lưu vong (*tờ séc cuối cùng ,hiệu cầm đồ, phòng làm việc, cơn động kinh, tiền nợ* 🡪 thời điểm của sự tuyệt vọng lớn nhất.  **- Thời điểm thứ hai:**  + Trở về Tổ quốc, “*một giây hạnh phúc tuyệt đỉnh”,*  *+* những giờ phút *“xuất thần”,*  *+* niềm hứng khởi trước đám đông cuồng nhiệt.  + Sau đó là cái chết khi *“sứ mệnh đã hoàn thành*”, trong tình cảm anh em của tất cả các giai cấp và tất cả các đẳng cấp của nước Nga.  **b. Những mâu thuẫn trong thiên tài Đô-xtôi-ép-xki:**  - Những tình cảm mãnh liệt >< trong cơ thể yếu đuối của con bệnh thần kinh;  - Con người mang trái tim vĩ đại >< phải tìm đến những cơ hội thấp hèn, bị giày vò vì hoàn cảnh.  - Số phận vùi dập thiên tài >< nhưng thiên tài tự cứu vãn bằng lao động và tự đốt cháy trong lao động.  - Vinh quang tột đỉnh của Đốt >< cũng vẫn gắn với đau khổ.  - Người bị lưu đày biệt xứ- *đau khổ một mình ->< sứ giả của xứ sở mình.*  **2. Cấu trúc tương phản ở nhiều cấp độ:**  - Trong nội bộ một câu, hoặc giữa hai vế, giữa hai từ ngữ. Ví dụ :  + N*ước Nga tiếng gọi vĩnh cửu của niềm tuyệt vọng của ông..,*  *+ Lao động là sự giải thoát và là nỗi thống khổ của ông.*  - Trong từng đoạn. Ví dụ :  + Hai hệ thống hình ảnh trái ngược ở đoạn từ *“Suốt đêm...tinh thần của chúng ta*”.  + Ở đây có sự đối lập: sự dằn vặt của cuộc sống hằng ngày >< những tác phẩm đồ sộ, thế giới tinh thần.  - Sự đối lập giữa những chi tiết hèn mọn về đời thường >< với những hình ảnh cao cả khác thường của khát khao sáng tạo của thiên tài  **3. Biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ:**  - So sánh:  + “*tác phẩm…là rượu ngọt”,*  *+ “đếm các ngày như trước đây đếm cái cọc của trại giam”,*  *+ “trở về như một kẻ hành khuất”,*  *+ “lời như sấm sét”.*  *-* Ẩn dụ:  + “*quả đã được cứu thoát, vỏ khô rụng xuống”,*  *+ “thành phố ngàn tháp chuông”.*  🡪 Những hình ảnh so sánh và ẩn dụ có hệ thống ở đây đều thuộc lĩnh vực tôn giáo, hoặc những lực lượng siêu nhiên.  🡪 Mục đích: từ chỗ mô tả như một con người khốn khổ, bị chà đạp, nâng lên thành một vị thánh, một con người siêu phàm  **4. Biện pháp tô đậm chân dung văn học:**  Gắn hình tượng con người trên khung cảnh rộng lớn.  **-** Cái nền **Đô-xtôi-ép-xki** xuất hiện: hình ảnh xã hội Nga đương thời.  - Thiên tài bị đè nén bởi số phận, nhưng cũng có thể tác động trở lại số phận, không chỉ số phận mình mà của cả dân tộc, thời đại: Hình ảnh nước Nga ở nửa đầu và cuối đoạn trích. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

**-** Nội dung và đặc sắc về nghệ thuật trong hai văn bản Đọc thêm.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: “Nghị luận về một hiện tượng đời sống”.

-----------

Ngày soạn: 16/9/2016

Ngày dạy:

Tiết 12. Làm văn. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS :

**1. Kiến thức:**

-Nắm được cách làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**2. Kĩ năng:**

**-** Huy động kiến thức và những trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**3. Tư duy, thái độ:**

- Có nhận thức, tư tưởng, thái độ và hành động đúng đắn trước những hiện tượng đời sống hằng ngày.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nguyễn Đình Thi đã nêu lên đặc trưng cơ bản nhất của thơ như thế nào?

- Nguyễn Đình Thi có quan niệm như thế nào về thơ tự do?

- Thiên tài Đôx có những mâu thuẫn như thế nào trong cuộc đời và số phận?

- Tác giả đã làm nổi bật chân dung Đôx bằng cách nào?

**3. Bài mới** :

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Chúng ta đã được học cách nghị luận về một tư tưởng đạo lí. Bài học hôm nay sẽ cung cấp cho chúng ta kĩ năng viết một bài văn về một dạng nghị luận xã hội khác: *Nghị luận về một hiện tượng đời sống.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Tìm hiểu cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đời sống**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu đề của SGK**  **+ GV:** Yêu cầu học sinh đọc tư liệu tham khảo *“Chia chiếc bánh của mình cho ai?”* (SGK)  **+ GV:** Đề bài yêu cầu nghị luận về hiện tượng gì?  **+ GV:** Em dự định trong bài viết của mình gồm có những luận điểm nào?    **+ GV:** Bài viết sẽ sử dụng những dẫn chứng nào?  **+ GV:** Cần vận dụng những thao tác lập luận nào?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn lập dàn ý**  **+ GV:** Phần mở bài cần nêu lên những gì? Giới thiệu về hiện tượng như thế nào?  **+ GV:** Phần thân bài có những ý chính nào?  **+ GV:** Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa gì, tiêu biểu cho phẩm chất nào của thanh niên ngày nay?  **+ GV:** Em hãy đánh giá chung về những hiện tượng tương tự như hiện tượng Nguyễn Hữu Ân?  **+ GV:** Những hiện tượng nào cần phê phán?  **+ GV:** Em rút ra được bài học gì cho những thanh niên, học sinh ngày nay?  **+ GV:** Phần kết bày nêu lên điều gì?  **- Thao tác 3: Tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.**  **+ GV:** Nghị luận đời sống là gì?  **+ GV:** Cần đạt được những yêu cầu nào khi làm bài một bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống?  **Hoạt động 3: Hoạt động thực hành.**  **- Thao tác 1: Luyện tập bài tập 1 SGK 68 -69.**  **+ GV:** Hiện tượng mà Nguyễn Ái Quốc nêu lên trong bài viết là gì? Hiện tượng ấy diễn ra vào khoảng thời gian nào?  **+ GV:** Nguyễn Ái Quốc đã dùng các thao tác lập luận nào?  + **GV:** Nhận xét về cách dùng từ, diễn đạt của Bác?  + **GV:** Qua bài viết trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?  **- Thao tác 2: Luyện tập bài tập 2:**  **+ GV:** Nêu lên dàn ý đại cương cho bài viết? | **I. Cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đời sống**  **1.** **Tìm hiểu đề:**  **- Đề bài yêu cầu bày tỏ ý kiến:** việc làm của anh Nguyễn Hữu Ân - vì tình thương *“dành hết chiếc bánh thời gian của mình”* chăm sóc cho hai người mẹ bị bệnh hiểm nghèo.  **- Luận điểm:**  + Việc làm của Nguyễn Hữu Ân: đã nêu một tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha, đức hi sinh của thanh niên.  + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân là một hiện tượng sống đẹp, thế hệ ngày nay cần có nhiều tấm gương như Nguyễn Hữu Ân.  + Bên cạnh đó, còn một số người có lối sống ích kỉ, vô tâm, đáng phê phán, *“lãng phí chiếc bánh thời gian vào những việc vô bổ”.*  + Bài học: Tuổi trẻ cần dành thời gian tu dưỡng, lập nghiệp, sống vị tha để cuộc đời ngày một đẹp hơn.  **- Dẫn chứng:**  + Một số việc làm có ý nghĩa của thanh niên ngày nay tương tự như Nguyễn Hữu Ân: dạy học ở các lớp tình thương, giúp đỡ người tàn tật có hoàn cảnh neo đơn, tham gia phong trào tình nguyện…  + Một số việc làm đáng phê phán của thanh niên học sinh: bỏ học ra ngoài chơi điện tử, đánh bi a, tham gia đua xe…  **- Thao tác nghị luận:** phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ.  **2. Lập dàn ý:**  **a. Mở bài:**  - Giới thiệu hiện tượng Nguyễn Hữu Ân  - Trích dẫn đề văn, nêu vấn đề *“chia chiếc bánh mì của mình cho ai?”*  **b. Thân bài:**  **- Tóm tắt hiện tượng:**  Nguyễn Hữu Ân đã dành hết thời gian của mình cho những người ung thư giai đoạn cuối.  **- Phân tích hiện tượng:**  Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay:  + Hiện tượng này chứng tỏ thanh niên Việt Nam đã và đang phát huy truyền thống *Lá lành đùm lá rách*, tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau của cha ông xưa.  + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân tiêu biểu cho lối sống đẹp, tình yêu thương con người của thanh niên ngày nay.  + Một số tấm gương tương tự.  **- Bình luận:**  **+ Đánh giá chung về hiện tượng:**  Đa số thanh niên Việt Nam có ý thức tốt với việc làm của mình, có hành vi ứng xử đúng đắn, có tấm lòng nhân đạo, bao dung. Không chỉ vì một số ít thanh niên có thái độ và việc làm không hợp lí mà đánh giá sai toàn bộ thanh niên.  **+ Phê phán:**  Một vài hiện tượng tiêu cực *“lãng phí chiếc bánh thời gian”* vào những việc vô bổ, không làm được gì cho bản thân, gia đình, bạn bè, những người cần được quan tâm, chia sẻ.  **+ Kêu gọi:**  Thanh niên, học sinh ngày nay hãy noi gương Nguyễn Hữu Ân để thời gian của mình không trôi đi vô ích.  **c. Kết bài:**  Bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết đối với hiên tượng.  **3. Cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống:**  *Ghi nhớ* (SGK).  **- Nghị luận đời sống:** là bàn về một hiện tượng có ý nghĩa trong xã hội.  **- Bài nghị luận cần:**  + Nêu rõ hiện tượng  + Phân tích các mặt đúng – sai, lợi – hại  + Chỉ ra nguyên nhân  + Bày tỏ ý kiến, thái độ của người viết  - Ngoài việc vận dung các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận…, cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình.  **II.** **LUYỆN TẬP**:  **1. Bài tập 1:**  **a. Nguyễn Ái Quốc bàn về hiện tượng:**  - Sự lãng phí thời gian của thanh niên An Nam. Hiện tượng ấy diễn ra vào những năm đầu thế kỉ XX. Với hoàn cảnh xã hội nước ta ngày nay, hiện tượng ấy vẫn còn.  **- Nêu và phê phán hiện tượng:** thanh niên, học sinh Việt Nam du học lãng phí thời gian vào những việc vô bổ  **- Chỉ ra nguyên nhân:** Họ chưa xác định được lí tưởng sống đúng đắn, ngại khó, ngại khổ, lười biếng hoặc chỉ sống vìe tiền bạc, vì lợi ích nhỏ hẹp  **- Bàn bạc:** Nêu một vài tấm gương thanh niên, sinh viên chăm học đạt địa vị cao, khi trở về thì phục vụ cho nước nhà (giảng dạy ở các trường đại học hoặc làm việc ở các ngành kinh tế, khoa học, kĩ thuật)  **b. Nguyễn Ái Quốc đã dùng các thao tác lập luận:**  *- Phân tích:* thanh niên du học, thanh niên trong nước, lối sống của họ nguy hại cho đất nước  *- So sánh:* nêu hiện tuợng thanh niên, sinh viên Trung Hoa du học chăm chỉ, cần cù.  *- Bác bỏ*: “*Thế thì thanh niên chúng ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: Họ không làm gì cả.”*  **c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:**  - Dùng từ ngữ giản dị, không hoa mĩ, nêu dẫn chứng xác thực, cụ thể;  - Kết hợp nhuần nhuyễn các kiểu câu trần thuật, câu hỏi (“*Thế thì … gì*?”), câu cảm thán (“*Hỡi … hồi sinh*”!).  **d. Rút ra bài học:**  - Xác định lí tưởng, cách sống;  - Mục đích, thái độ học tập đúng đắn.  **2. Bài tập 2:**  Dàn ý:  **- Mở bài:** Nêu hiện tượng, trích dẫn đề, nhận định chung.  **- Thân bài:**  + Phân tích hiện tượng  + Bình luận hiện tượng  o Đánh giá chung về hiện tượng  o Phê phán các biểu hiện chưa tốt  **- Kết bài:**  + Bày tỏ suy nghĩ riêng của mình.  + Kêu gọi mọi người tránh xa các tệ nạn xã hội. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Khái niệm nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC.

----------

Ngày soạn: 20/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 13-14. Tiếng Việt. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Giúp HS: Nắm được khái niệm:*ngôn ngữ khoa học* (phạm vi sử dụng, các loại văn bản) và *phong cách ngôn ngữ khoa học* (các đặc trưng để nhận diện và phân biệt trong sử dụng ngôn ngữ).

**2. Kĩ năng :**

- Có kĩ năng lĩnh hội, phân tích và tạo lập các văn bản khoa học (thuộc các ngành khoa học trong chương trìnhTHPT).Trình bày, trao đổi về đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học.

**3. Tư duy, thái độ :**

- Phân tích đối chiếu các ngữ liệu để tìm hiểu về phong cách ngôn ngữ khoa học, các loại văn bản khoa học.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV.

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C.Phương pháp:**

- Tìm hiểu ví dụ trong thực tế về hai phương diện: các dạng và các loại văn bản của ngôn ngữ khoa học, khái niệm và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ khoa học.

- Liên hệ với phong cách ngôn ngữ sinh hoạt hoặc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật để thấy được sự đối lập với 3 đặc trưng của phong cách ngôn ngữ khoa học.

**D.Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**TIẾT 13.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | Học sinh vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

***Nghị luận về một hiện tượng đời sống***

- Thế nào là nghị luận về một hiện tượng đời sống?

- Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống?

- Trình bày các luận điểm trong dàn ý của đề bài Bài tập 2 phần Luyện tập?

**3**. B**ài mới:**

**Hoạt động 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có phong cách ngôn ngữ khoa học. Vậy ngôn ngữ khoa học là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **TIẾT 13** | |
| **Hoạt động 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu các loại văn bản khoa học**  **+ GV:** Yêu cầu 3 học sinh lần lượt đọc 3 đoạn trích từ 3 văn bản khoa học.  **+ HS 1:** Đọc đoạn trích a  **+ HS 2:** Đọc đoạn trích b  **+ HS 3:** Đọc đoạn trích c  **+ GV:** Ba đoạn trích trên đều nói về những vấn đề khoa học. Nhưng khác nhau về mức độ và phạm vi sử dụng như thế nào?  **+ HS:** Trả lời.  **+ GV:** Như vậy, các văn bản trên là thuộc những loại văn bản khoa học nào?  **+ HS:** Trả lời. | **I. Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học:**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu:**  ***- Về mức độ:***  + Văn bản a: chuyên sâu  + Văn bản b: phù hợp với học sinh THPT  + Văn bản c: phổ cập  ***- Về phạm vi sử dụng:***  + Văn bản a: những người có trình độ chuyên môn sâu  + Văn bản b: trong nhà trường  + Văn bản c: mọi người  ***- Các loại văn bản khoa học:***  + Văn bản a: VBKH chuyên sâu  + Văn bản b: VBKH giáo khoa  + Văn bản c: VBKH phổ cập |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu khái niệm ngôn ngữ khoa học.**  **+ GV:** Qua các ngữ liệu đã phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học?  **+ HS:** Trả lời.  **+ GV:** Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng?  **+ HS:** Trả lời. | **2. Ngôn ngữ khoa học:**  ***- Ngôn ngữ khoa học:*** Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiếp về những vấn đề khoa học.  ***- Các dạng:***  + Dạng viết: báo cáo khoa học, luận văn, luận án, SGK, sách phổ biến khoa học…  + Dạng nói: giảng bài, nói chuyện khoa học, thảo luận – tranh luận khoa học... |
| **GV hướng dẫn HS : Tìm hiểu đÆc tr­ng cña ng«n ng÷ khoa häc.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu tính khái quát, trừu tượng của ng«n ng÷ khoa häc.**  **+ GV:** Dựa vào những tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, cho biết tính khái quát trừu tượng của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?  **+ HS:** Trả lời. | **II. ĐÆc tr­ng cña ng«n ng÷ khoa häc:**  **1. Tính khái quát, trừu tượng :**  **- Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học:** từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.  **- Kết cấu văn bản:** mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể) |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu tính lí trí, logic của ng«n ng÷ khoa häc.**  **+ GV:** Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính lí trí, logic của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?  **+ HS:** Trả lời. | **2. Tính lí trí, logic:**  **- Từ ngữ:** chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.  **- Câu văn:** chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.  **- Kết cấu văn bản:** Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic. |
| **- Thao tác 3: Tìm hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá của ng«n ng÷ khoa häc.**  **+ GV:** Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?  **+ HS:** Trả lời. | **3. Tính khách quan, phi cá thể:**  **- Câu văn trong văn bản khoa học:** có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc  **- Khoa học có tính khái quát cao** nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân |
| **+ GV:** Yêu cầu một học sinh đọc to phần Ghi nhớ trong SGK. |  |
| **TIẾT 14**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 14 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  | | |
| **\* Hoạt động 3: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH.**  **- Thao tác 1: Luyện tập Bài tập 1**  **+ GV:** Nội dung thông tin là gì ?  **+ HS:** Trình bày  **+ GV:** Thuộc loại văn bản nào ?  **+ HS:** Trình bày  **+ GV:** Tìm các thuật ngữ khoa học được sử dụng trong văn bản ?  **+ HS:** Trình bày | **III. Luyện tập:**  **1. Bài tập 1:**  Bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX*  - Nội dung thông tin:  + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá  + Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn  + Những đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn từ 1945 đến 1975 và 1975 đến hết thế kỉ XX.  - Thuộc loại văn bản: ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, hoặc chuyên ngành Khoa học Ngữ văn  - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm:  + Dùng nhiều thuật ngữ khoa học.  + Kết cấu của văn bản mạch lạc, chặt chẽ: có hệ thống đề mục lớn nhỏ, các phần, các đoạn rõ ràng |
| **- Thao tác 2: Luyện tập bài tập 2**  **+ GV:** Cho ví dụ về đoạn thẳng và chia nhóm cho học sinh thảo luận các từ còn lại  **+ HS:** Trình bày | **2. Bài tập 2:**  Ví dụ: *Đoạn thẳng*  - Thông thường: là đoạn không cong queo, gãy khúc  - Toán học: Đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau |
| **- Thao tác 3: Luyện tập bài tập 3**  **+ GV:** Tính lí trí và logic của văn bản được thể hiện ở những phương diện nào?  **+ HS:** Trình bày | **3. Bài tập 3 :**  - Thuật ngữ: *khảo cổ, người vượn, hạch đá, mảnh tước, rìu tay, di chỉ, công cụ đá…*  - Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận:  + Câu đầu: nêu lên luận điểm  + Các câu sau: nêu các luận cứ, cứ liệu thực tế |
| **Hoạt động 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  **+ GV:** Hướng dẫn học sinh làm bài tập 4 . | **4. Bài tập 4:**  - Lưu ý: Cần đảm bảo:  + Nhất quán về nội dung: các câu đều tập trung vào chủ đề “sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống” và phát triển, làm rõ chủ đề đó.  + Các câu liên kết với nhau và có quan hệ lập luận chặt chẽ.  + Mỗi câu, mỗi từ cần đúng về nghĩa, về phong cách khoa học.  - Đoạn văn: Hoàn thiện. |

**Hoạt động 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Thế nào là ngôn ngữ khoa học? Có các loại văn bản khoa học nào?

- Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học là gì?

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Soạn bài học tiếp theo: Trả bài viết số 1. Bài viết số 2: Nghị luận xã hội (Bài làm ở nhà).

**----------**

Ngày soạn: 22/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 15. Làm văn.**

**TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 1.**

**BÀI VIẾT SỐ 2: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (Làm ở nhà)**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** :

Giúp HS:

Hiểu rõ những ưu, khuyết điểm của bài làm để củng cố kiến thức và kĩ năng về văn nghị luận.

**2.Kĩ năng**

- Củng cố và nâng cao thêm tri thức và kĩ năng viết bài nghị luận xã hội bàn về một tư tưởng, đạo lí. Rút kinh nghiệm và chuẩn bị cho bài viết số 2.

**3. Tư duy,thái độ :**

- Rèn luyện cách phân tích, nêu cảm nghĩ của bản thân.

**B. Chuẩn bị :**

+GV : chấm bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

Kết hợp thuyết trình, giảng giải và phát vấn của GV với ý kiến HS tự nhận xét, đánh giá kết quả bài làm. GV hướng dẫn học sinh phân tích đề, lập dàn ý và chữa lỗi từ bài làm của học sinh.

**D.Tiến trình tổ chức:**

**1. Ổn định tổ chức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Học sinh vắng** |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

*PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC*

Câu hỏi:

- Thế nào là ngôn ngữ khoa học? Có các loại văn bản khoa học nào?

- Ngôn ngữ khoa học có những đặc trưng cơ bản nào?

- Các bài học trong sách giáo khoa thuộc loại văn bản khoa học nào? Ngôn ngữ của chúng có đặc trưng gì?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Các em đã học cách làm văn về một tư tưởng, đạo lí và đã có một bài viết cụ thể về đề tài này. Hôm nay, trong tiết học này, chúng ta cùng nhìn nhận lại kết quả làm bài của minh để rút kinh nghiệm cho những bài viết tiếp theo.

| **Ho¹t ®éng cña GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài.  **GV: Hướng dẫn học sinh phân tích đề.**  **- GV:** Khi phân tích một đề bài, ta cần phân tích những gì?  **- GV:** Bài viết cần theo thể loại nào, sử dụng những thao tác lập luận nào?  **- GV:** Dẫn chứng ta có thể lấy từ đâu?  **GV: Hướng dẫn học sinh lập dàn ý.**  **GV: Nhận xét đánh giá bài làm.**  **\* Các tiêu chí đánh giá:**  - Nhận thức đúng vấn đề nghị luận chưa?  - Vận dụng các thao tác lập lụân như thế nào?  - Hệ thống luận điểm đủ hay thiếu? Sắp xếp hợp lí chưa?  - Các luận cứ (lí lẽ, dẫn chứng) có chặt chẽ, tiêu biểu, phù hợp với vấn đề không?  - Những lỗi về kĩ năng, diễn đạt:  + Chính tả  + Dùng từ  + Đặt câu  + Xây dựng đoạn  **- Thao tác 1: Nhận xét về ưu điểm của học sinh trong bài viết.**  **- Thao tác 2: Nhận xét về nhược điểm của học sinh trong bài viết.**  **- Thao tác 3: Nêu biểu điểm để học sinh tham khảo.**  **GV: Hướng dẫn học sinh chữa những lỗi tiêu biểu trong bài viết.**  **- GV:** Nêu các lỗi mà học sinh thường gặp trong bài văn của mình.  - **GV:** Đưa ra những câu văn sai phổ biến, yêu cầu học sinh sữa chữa.  **- HS:** Lần lượt sửa những lỗi sai.  **GV: Đọc những bài viết khá giỏi của học sinh.**  **Tổng kết bài viết của học sinh.**  **HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  **GV ra đề bài viết số 2 ở nhà.**  **- Thao tác 1: Yêu cầu chuẩn bị.**  **+ GV:** Nêu những công việc mà học sinh chuẩn bị trước khi viết bài văn.  **+ HS:** Lắng nghe, ghi nhận  **- Thao tác 2: Ra đề bài viết số 2.**  **+ GV:** Nêu đề bài. Hướng dẫn học sinh cách xác định các luận điểm.  **+ HS:** Lắng nghe, ghi nhận  **+ GV:** Nhắc nhở thời gian nộp bài. | **Đề 1:** **Tình thương là hạnh phúc của con người.**  **I. Phân tích đề:**  **- Nội dung vấn đề:** Ý nghĩa và tác dụng của lối sống có tình thương.  **- Thể loại và thao tác nghị luận:** nghị luận xã hội: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ…  **- Phạm vi tư liệu:**  + Tấm gương của những con người sống có tình thương  + Những danh ngôn, ca dao, tục ngữ… nói về ý nghĩa của lối sống có tình thương  **II. Xây dựng dàn ý:**  ( Như tiết 6)  **III. Nhận xét, đánh giá:**  **\* Ưu điểm:**  - Nhận thức vấn đề nghị luận:  - Vận dung các thao tác:  - Hệ thống ý:  - Các lí lẽ, dẫn chứng:  - Kĩ năng, diễn đạt: **\* Khuyết điểm:**  - Nhận thức vấn đề nghị luận:  - Vận dung các thao tác:  - Hệ thống ý:  - Các lí lẽ, dẫn chứng:  - Kĩ năng, diễn đạt: **\* Biểu điểm:**  **- Điểm 9 - 10**: Đáp ứng tốt và đầy đủ các yêu cầu trên về nội dung và kĩ năng.  **- Điểm 7 - 8**: Trình bày được khoảng 2/3 số ý đã nêu, bố cục rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung giải quyết tốt, có thể mắc sai sót nhỏ về diễn đạt.  **- Điểm 5 - 6**: Giải quyết được 1/2 số ý nói trên, phân tích dẫn chứng chưa sâu sắc, diễn đạt còn hạn chế.  **- Điểm 3 - 4**: Trình bày được khoảng 1/3 số ý nói trên, phân tích dẫn chứng chưa sâu sắc, diễn đạt còn hạn chế.  **- Điểm 1 - 2**: Phân tích đề yếu, không nắm được yêu cầu của đề, diễn đạt kém.  **- Điểm 0**: Không hiểu đề, mắc lỗi trầm trọng về kiến thức và kĩ năng.  **IV. Sửa lỗi bài viết:**  **\* Các lỗi thường gặp cần tránh:**  - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí.  - Sự kết hợp các thao tác lập luận chưa hài hoà, chưa phù hợp với từng ý.  - Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém.  - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ, viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp  **V. Bài viết tiêu biểu:**  - Bài viết tốt:  - Bài viết đạt yêu cầu:  - Bài viết kém  **VI. Tổng kết rút kinh nghiệm:**  **\* Thống kê :**     |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **12A3** | **12A4** | **12A5** | | **Điểm giỏi:** |  |  |  | | **Điểm khá:** |  |  |  | | **Điểm TB:** |  |  |  | | **Điểm kém:** |  |  |  |   **\* Rút kinh nghiệm:**  **VII. Viết bài làm văn số 2:**  **Nghị luận văn học (Bài làm ở nhà)**  **1. Chuẩn bị:**  - Tìm hiểu những hiện tượng được nhiều người quan tâm, gần gũi với thanh niên, học sinh.  - Tìm hiểu, lắng nghe, đọc trên các phương tiện thông tin để nắm bắt dư luận xã hội, thu thập tư liệu về các hiện tượng nổi bật.  - Ôn tập về hai bài học về nghị luận xã hội để củng cố kiến thức và kĩ năng làm bài nghị luận xã hội.  - Lập dàn ý trước khi làm bài.  **2. Đề bài:**  Bày tỏ suy nghĩ về tình trạng môi trường hiện nay.  **-** Luận đề:  Thực trạng môi trường hiện nay.  - Thao tác:  Giải thích, chứng minh, bình luận.  - Tư liệu: trong cuộc sống. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

Rút kinh nghiệm các lỗi đã thống kê cho những bài viết sau

**5. Dặn dò:**

- Đọc và soạn trước: “*Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003.”*

Ngày soạn: 29/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 16. Đọc văn.**

**THÔNG ĐIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI**

**PHÒNG CHỐNG AIDS, 01- 12 - 2003**

***Cô-phi An-nan***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:** Thấy được tầm quan trọng và sự bức thiết của công cuộc phòng chống HIV/AIDS đối với toàn nhân loại và mỗi cá nhân. Nhận thức rõ trách nhiệm của các quốc gia và từng các nhân trong việc sát cánh, chung tay đẩy lùi hiểm họa.

**2. Kĩ năng:**Rèn luyện kĩ năng tìm hiểu văn bản nhật dụng. Cảm nhận được sức thuyết phục của bài văn.

**3. Tư duy, thái độ:** Giáo dục HS thái độ nghiêm túc, đúng đắn trong việc phòng chống HIV/AIDS.

**B. PHƯƠNG TIỆN :**

GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

HS: Sách giáo khoa, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**:

Hiện giờ, đại dịch HIV/AIDS đang hoành trên thế giới. Chúng ta phải có thái độ ra sao trước tình hình đó, đặc biệt là trước những người bị nhiễm căn bệnh này? Chúng ta sẽ có câu trả lời hợp lí thông qua việc tìm hiểu bài học hôm nay.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Tìm hiểu những nét chính về tác giả và văn bản?**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu những nét chính về tác giả.**  **+ GV:** Dựa vào SGK, em hãy trình bày một vài nét về tác giả Cô-phi An-nan?  **+ HS:** Dựa vào SGK và phát biểu.  **+ GV:** Lúc đưa ra văn bản này, Cô -phi An - nan có những hành động gì? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Sinh ngày 8 – 4 - 1938 tại Ga-na (Châu Phi) .  - Năm 1997: là người thứ bảy và là người châu Phi da đen đầu tiên được bầu làm Tổng thư kí Liên hợp quốc.  - Đảm nhiệm chức vụ này trong hai nhiệm kì, từ tháng 1 - 1997 đến tháng 1 - 2007.  **- Hoạt động:**  + Ra lời kêu gọi hành động gồm năm điều về đấu tranh chống lại đại dịch HIV/AIDS  + Kêu gọi thành lập quỹ sức khoẻ về AIDS toàn cầu  + Kêu gọi chống khủng bố trên toàn thế giới  - Được trao giải thưởng Nô-ben Hòa bình. |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu chung về văn bản.**  **+ GV:** Nêu lên hoàn cảnh ra đời bức thông điệp?  **+ HS:** Phát biểu.  **+ GV:** Giới thiệu thể loại của văn bản:  o **Văn bản nhật dụng:** Nói về vấn đề có ý nghĩa bức thiết của toàn nhân loại.  o **Thông điệp:** Những thông báo có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều người, nhiều quốc gia.  + **GV:** Bản thông điệp có ý nghĩa như thế nào? | **2. Văn bản:**  ***a. Hoàn cảnh ra đời:***  Được viết và gởi nhân dân thế giới nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS 01/12/2003.  ***b. Ý nghĩa:***  Cảnh báo và kêu gọi thế giới trước vấn nạn hiểm hoạ chung toàn cầu, toàn nhân loại |
| **+ GV:** Gọi học sinh đọc văn bản.  Yêu cầu đọc: Giọng khẩn thiết, thể hiện được tâm huyết của tác giả. | **+ HS:** Đọc văn bản theo yêu cầu. |
| **Tìm hiểu văn bản**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu vấn đề được nêu trong văn bản**  **+ GV:** Bức thông điệp đề cập đến vấn đề gì?  + **GV:** Tại sao phải đặt vấn đề này lên vị trí hàng đầu?  **+ HS:** Trao đổi và trả lời theo những hiểu biết của mình về hiện tượng. | **II- Đọc – hiểu văn bản.**  ***1. Vấn đề được nêu trong bản thông điệp:***  - Vấn đề: phòng chống AIDS.  - Là vấn đề cần đặt lên vị trí hàng đầu, vì:  + là vấn đề nóng bỏng, bức thiết của toàn nhân loại và đe doạ nghiêm trọng con người  + đang hoành hành, lây lan với tốc độ đáng báo động và ít có dấu hiệu suy giảm  + làm tuổi thọ con người bị giảm sút nghiêm trọng, gây tỉ lệ tử vong cao  + những cách thức cạnh tranh khác không quan trọng bằng vấn đề HIV/AIDS |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu tình hình cuộc chiến phòng chống AIDS**  **+ GV:** Mở đầu bản thông điệp, tác giả nhắc lại vấn đề gì?  **+ GV:** Vấn đề này được thực hiện như thế nào?  **+ GV:** Tác giả đã công bố những kết quả mà chúng ta đã đạt được là gì? | ***2. Cuộc chiến phòng chống AIDS:***  ***a. Diễn biến cuộc chiến:***  - Dẫn lại những điều được các nước nhất trí để đánh bại HIV/AIDS: cam kết, nguồn lực và hành động.  - Đã có cam kết, nguồn lực đã được tăng lên, nhưng hành động còn quá ít so với yêu cầu thực tế  ***b. Công bố một số kết quả đạt được:***  - Ngân sách cho phòng chống AIDS tăng lên đáng kể  - Quỹ toàn cầu về phòng chống AIDS, lao, sốt rét được thông qua  - Ngày càng nhiều công ty áp dụng chính sách phòng chống AIDS tại nơi làm việc  - Các nhóm từ thiện luôn đi đầu trong cuộc chiến chống AIDS; có hoạt động tích cực, phối hợp với chính phủ và các tổ chức khác. |
| **+ GV:** Tác giả đã làm thế nào để cho việc tổng kết tình hình thực tế của mình trung thực, đáng tin cậy?  **+ HS:** Trả lời.  **+ GV:** Tác giả đã nêu những tồn tại nào của tình hình phòng chống HIV/AIDS?  **+ HS:** Trả lời. | ***c. Nêu lên những mặt chưa đạt được:***  - Nạn dịch vẫn hoành hành, có ít dấu hiệu suy giảm  - Mỗi phút có khoảng 10 người bị nhiễm HIV  - Tuổi thọ bị giảm sút nghiêm trọng.  - Tốc độ lây lan đáng báo động ở phụ nữ  - Lây lan sang những trước đây an toàn, đặc biệt là Đông Âu và toàn bộ châu Á  - Cảnh báo về việc không hoàn thành mục tiêu vào năm 2005. |
| + GV: Cách trình bày của bức thông điệp có tính toàn diện và bao quát như thế nào?  + GV: Những dẫn chứng và tình hình được tác giả trình bày như thế nào?  + GV: Cách trình bày của tác giả còn như thế nào để tác động trực tiếp đến người nghe?  + GV: Cách tổng kết của bức thông điệp như thế nào? Hướng vào việc gì? | d. Cách trình bày:  - Toàn diện và bao quát:  + mặt làm được và chưa tốt  + tại các khu vực khác nhau trên thế giới  + trong những giới tính, lứa tuổi khác nhau  + những hành động của quốc gia và các tổ chức, công ty, nhóm từ thiện  - Cụ thể, rõ ràng: số liệu, tình hình được chọn lọc và kịp thời  - Sáng tạo trong cách trình bày để tác động trực tiếp đến người nghe:  “Trong năm qua, mỗi phút đồng hồ của một ngày trôi đi, có khoảng 10 người bị nhiễm HIV”  - Cách tổng kết: có trọng tâm và điểm nhấn vào “hành động của chúng ta vẫn quá ít so với yêu cầu thực tế” |
| **- Thao tác 3: Tìm hiểu lời kêu gọi phòng chống AIDS.**  + GV: Tác giả đã kêu gọi các quốc gia và tổ chức phải có những hành động gì trong việc phòng chống AIDS?  + HS: Thảo luận chung và trả lời.  + GV: Đối với mỗi người, tác giả kêu gọi và nhắc nhở điều gì?  + HS: Trả lời. | ***3. Lời kêu gọi phòng chống AIDS:***  - Các quốc gia và tổ chức:  + Phải nỗ lực hơn nữa trong hành động.  + Phải đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự chính trị và hành động thực tế.  - Với mọi người:  + Phải công khai lên tiếng về AIDS, đối mặt với thực tế không mấy dễ chịu này.  + Không vội vàng phán xét đồng loại mình  + Không kì thị và phân biệt đối xử đối với người nhiễm bệnh.  + Không ảo tưởng về sự bảo vệ bằng cách dựng lên hàng rào ngăn cách với người bị nhiễm HIV  + Hãy sát cánh cùng ông trong cuộc chiến chống HIV/AIDS |
| **- Thao tác 4: Tìm hiểu sức lay động của bản thông điệp.**  + GV: Bản thông điệp này tác động đến người đọc bằng cách trình bày như thế nào?  + GV: Những câu văn, đoạn văn nào trong bản thông điệp gây cho ta cảm động nhiều nhất? | ***4. Sức lay động của bản thông điệp:***  - Lập luận đầy sức thuyết phục  - Lí lẽ, tình cảm sâu sắc  - Những câu văn cảm động:  + “Hãy đừng để … cái chết”  + “Hãy cùng tôi … này” |
| **Tổng kết**  **+ GV:** Bản thông điệp nêu lên những nội dung gì? | **III. Tổng kết:**  - Bản thông điệp khẳng định phòng chống HIV/AIDS phải là mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại, và những cố gắng của con người về mặt này vẫn còn chưa đủ.  - Tác giả tha thiết kêu gọi các quốc gia và toàn thể nhân dân thế giới hãy coi việc đẩy lùi đại dịch đó là công việc chính của mình, hãy sát cánh bên nhau để cùnh *“đánh đổ các thành lũy của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử”* với những người bị HIV/AIDS. |
| **+ GV:** Cách viết của bản thông điệp như thế nào? | - Văn phong chính luận rõ ràng, trong sáng, dễ hiểu, giàu hình ảnh, có sức truyền cảm với một lập luận lôgíc, chặt chẽ.  - Thể hiện được tâm huyết và trách nhiệm của người viết đã làm nên sức thuyết phục cao cho bức thông điệp lịch sử này |
| **+ GV:** Bản thông điệp có ý nghĩa như thế nào? | - Bản thông điệp là tiếng nói kịp thời trước một nguy cơ đe doạ cuộc sống của loài người. Nó thể hiện thái độ sống tích cực, một tinh thần trách nhiệm cao, tình yêu thương nhân loại sâu sắc.  - Thông điệp giúp mọi người biết quan tâm tới hiện tượng đời sống đang diến ra; biết chia sẻ, không vô cảm trước nổi đau của con người. |
| **+ GV:** Gọi HS đọc *Ghi nhớ* SGK | **Ghi nhớ (SGK).** |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **- Thao tác 1: Luyện tập tại lớp**  **+ GV:** Nêu yêu cầu của bài tập 1. Yêu cầu HS thảo luận và trình bày ý kiến.  **+ GV:** Tổng kết ý kiến của học sinh  **HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  **- Thao tác 2: Hướng dẫn luyện tập ở nhà**  **+ GV:** Nêu đề bài và hướng dẫn học sinh luyện tập ở nhà. | **IV. Luyện tập:**  **1. Bài tập 1:**  Giả sử em có bạn thân là người mắc phải căn bệnh HIV/AIDS, em sẽ phải làm gì?  **2. Bài tập 2:**  Viết một bài nghị luận bàn về thái độ của học sinh hiện nay với vấn đề HIV/AIDS. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Bức thông điệp nêu lên vấn đề gì?

- Tác giả đã điểm lại tình hình như thế nào? Có tác dụng gì?

- Tác giả đã kêu gọi những gì đối với các quốc gia và tổ chức; với mọi người?

- Bức thông điệp tác động đến người đọc nhờ những yếu tố nào?

**5. Dặn dò:**

**-** Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: “Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ”.

Ngày soạn: 29/9/2016

Ngày dạy:

**Tiết 17-18. Làm văn. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:** Hệ thống hóa và nâng cao tri thức về làm văn nghị luận.

**2. Kĩ năng:** Biết làm bài nghị luận về tác bài thơ, đoạn thơ.

**3. Tư duy, thái độ:** Nâng cao ý thức trau rèn kĩ năng làm văn nghị luận nói chung và nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ nói riêng.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

**GV:** Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

**HS**: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: thảo luận nhóm, phát vấn, phân tích, diễn giảng, …

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

**TIẾT 17.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** **“*Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS 1 – 12 – 2003”***

Câu hỏi:

- Bức thông điệp nêu lên vấn đề gì?

- Tác giả đã điểm lại tình hình như thế nào? Có tác dụng gì?

- Tác giả đã kêu gọi những gì đối với các quốc gia và tổ chức; với mọi người?

- Bức thông điệp tác động đến người đọc nhờ những yếu tố nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Trong những bài học trước, các em đã làm quen và biết được cách là một bài văn về những vấn đề xã hội. Bài học hôm nay sẽ cung cấp cho các em những kĩ năng cần thiết để biết cách làm một bài văn nghị luận về lĩnh vực văn học.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **TIẾT 17** | |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **Tìm hiểu cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 1**  **+ GV:** Khi tìm hiểu đề, ta cần xác định những vấn đề gì?  **+ GV:** Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?  **+ GV:** Vấn đề cần giải quyết, làm rõ trong bài viết là gì?  **+ GV:** Phần mở bài ta cần giới thiệu những gì?  **+ GV:** Phần thân bài ta cần làm rõ điều gì trước tiên?  **+ GV:** Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm trăng khuya được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào? Gợi lên những điều gì?  **+ GV:** Hình ảnh nổi bật nhất trong bào thơ là hình ảnh gì?  **+ GV:** Nhân vật trữ tình trong bài thơ có gì khác hình ảnh ẩn sĩ trong thơ cổ?  **+ GV:** Vì sao lại nói bài thơ vừa có tính chất cổ điển, vừa hiện đại?  **+ GV:** Nêu nhận đinh chung về giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ?  **+ GV:** Khẳng định lại những giá trị bài thơ?  **- Thao tác 2: Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 2**  **+ GV:** Khi tìm hiểu đề trong đề bài này, ta cần xác định những vấn đề gì?    **+ GV:** Mở bài, ta cần giới thiệu điều gì? Có gì khác với cách giới thiệu về một bài thơ?  **+ GV:** Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào trong 8 câu thơ đầu?  **+ GV:** Khí thế hiện lên như thế nào?  **+ GV:** Khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau) được diễn đạt bởi những thủ pháp nghệ thuật nào?  **+ GV:** Khí thế đó tạo nên điều gì cho bức tranh công cuộc kháng chiến chống Pháp?  **+ GV:** Hệ thống từ ngữ nào đã được vận dụng trong đoạn thơ?  **+ GV:** Nhà thơ còn vận dụng những biện pháp tu từ nào?  + **GV:** Giọng thơ của đoạn thơ có âm hưởng như thế nào?  **+ GV:** Hãy nêu ý để chốt lại đoạn thơ?  **TIẾT 18**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 18 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **- Thao tác 2: Tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ**  **+ GV:** Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?  + **GV:** Em có nhận xét gì về đối tượng nghị luận về thơ? Xuất phát từ điều này, chúng ta cần phải thao tác như thế nào khi nghị luận?  **+ GV:** Nội dung cơ bản của một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?    **HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG.**  **- GV:** Chia lớp làm 4 nhóm.  - Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 5 phút.  - Đại diện các nhóm lần lượt trả lời.  - GV: Chốt lại các ý đúng.  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ  - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ  - Nhận xét chung về khổ thơ  - Dẫn văn bản khổ thơ  **2. Thân bài:**  - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối?  - Phân tích hai câu thơ đầu?  - Phân tích hai câu thơ cuối?  - Một vài nét về nghệ thuật?  Tổng hợp chung? | **I. Cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:**  **1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:**  ***A. Thực hành đề 1 – SGK:***  Phân tích bài thơ "*Cảnh khuya*" của Hồ Chí Minh.  **a. Tìm hiểu đề:**  **- Hoàn cảnh ra đời:**  + Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp  + Địa điểm là vùng chiến khu Việt Bắc.  + Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến đầy gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của nhân dân ta.  - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:  + Từ phân tích vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Việt Bắc thấy được vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vẻ đẹp của thơ ca Hồ Chí Minh.  + Từ vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của cuộc kháng chiến để thấy được vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam – sự tất thắng của cuộc kháng chiến.  **b. Lập dàn ý:**  **\* Mở bài:**  - Giới thiệu bài thơ (hoàn cảnh sáng tác)  - Nhận định chung về bài thơ (Định hướng giải quyết)  **\* Thân bài:**  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc:  + Thủ pháp so sánh: *Tiếng suối trong như­ tiếng hát xa”*  🡪 tiếng suối cộng hưởng với tiếng người, tiếng đời tươi trẻ, vang vọng tràn đầy niềm tin  + Hình ảnh: *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*  🡪 Điệp từ *lồng* : tạo nên hình ảnh huyền ảo, lung linh, thơ mộng  => Cảnh vật mang vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng 🡪 tâm hồn yêu thiên nhiên của Bác.  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp tâm hồn thi nhân qua hình ảnh nhân vật trữ tình:  + Nổi bật giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng lo *nỗi nước nhà*.  🡪 tấm lòng yêu nước sâu sắc của Bác.  + Khác với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần  🡪 Tinh thần ung dung tự tại lo việc nước, tràn đầy sự lạc quan, kiên định và tất thắng  - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại:  + Tính cổ điển: thể thơ Đường luật, những hình ảnh thiên nhiên *tiếng suối, trăng, cổ thụ, hoa*.  + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: thi sĩ - chiến sĩ, *lo nỗi nước nhà*, sự phá cách trong hai câu cuối (không tuân thủ luật đối)  - Nhận định giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ:  + Tư tưởng: Tình yêu thiên nhiên, đất nước sâu đậm  + Nghệ thuật: cổ điển và hiện đại  **\* Kết bài:**  - Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ: Mang cốt cách thanh cao, tấm lòng vì nước vì dân, khí chất ung dung của vị lãnh tụ  - Đây là một trong những bài thơ hay của Bác  ***b. Thực hành đề 2 – SGK:***  Phân tích đoạn thơ trong bài "*Việt Bắc*" của Tố Hữu  **a. Tìm hiểu đề:**  - Yêu cầu kiểu đề: phân tích một đoạn thơ.  - Yêu cầu về nội dung: Làm rõ hai vấn đề:  + Khí thế dũng mãnh và khí thế chiến thắng của quân ta trên khắp chiến trường  + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo của đoạn thơ  **b. Lập dàn ý:**  \* **Mở bài**:  - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.  - Nêu xuất xứ đoạn trích  - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích  \* **Thân bài:**  - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):  + Nghệ thuật: Sử dụng từ láy (*rầm rập, điệp điệp trùng trùng*), so sánh (*Đêm đêm rầm rập như là đất rung*), hoán dụ (*mũ nan*), cường điệu (*bước chân nát đá*), đối lập (*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày >< Đèn pha bật sáng như ngày mai lên)*  + Nội dung: Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia (dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới), hình ảnh con đường bộ đội hành quân, dân công đi tiếp viện, đoàn quân ô tô quân sự nối tiếp nhau...  - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):  + Nghệ thuật: Điệp từ *vui*, biện pháp liệt kê các địa danh của mọi miền đất nước  + Nội dung: Tin vui chiến thắng dồn dập bay về, vì Việt Bắc là thủ đô, là đầu não của cuộc kháng chiến. Niềm vui của đất nước hoà cùng Việt Bắc tạo nên bức tranh kháng chiến thắng lợi toàn diện và toàn vẹn.  - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:  Rất điêu luyện trong việc sử dụng thể thơ lục bát  + Các từ láy, động từ (*rầm rập, rung, nát đá, lửa bay*), tính từ gợi tả (*Quân đi điệp điệp trùng trùng, Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan, Dân công đỏ đuốc từng đoàn, Nghìn đêm thăm thẳm sương dày, Đèn pha bật sáng*)...  + Các biện pháp tu từ: so sánh, hoán dụ, cường điệu, trùng điệp...  + Giọng thơ: âm vang, sôi nổi, hào hùng  ***c. Kết bài:***  Đoạn thơ ngắn như thể hiện được không khí của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta một cách cụ thể, sinh động.  **2. Đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:**  Ghi nhớ (SGK)  **-** Đặc điểm **:** Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.  - Đối tượng: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ... Cách làm: cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, cấu tứ...  - Nội dung:  + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ  + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ  + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ  **II. LUYỆN TẬP:**  **Đề bài**:  Hãy phân tích đoạn thơ trong bài "*Tràng giang*" của Huy Cận  **Dàn ý**:  **1. Mở bài:**  **- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ:**  Từ cảm hứng trước một buổi chiều đìu hiu, văng lặng buồn, khi lặng ngắm sông Hồng ngoại thành Hà Nội  **- Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ:**  Khổ cuối trong bài thơ *Tràng giang*  **- Nhận xét chung về khổ thơ:**  Một bài thơ buồn – đẹp vào bậc nhất của Huy Cận, của văn học lãng mạn Việt Nam  - Dẫn văn bản khổ thơ  **2. Thân bài:**  **- Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối:**  **+ Nhận xét:** Thơ Huy Cận trước CMTT là nỗi buồn của thế hệ thanh niên mất nước, tương lai mờ mịt. Bài thơ mở vào khoảng trời đất cao rộng, vắng lặng để nỗi buồn thấm sâu tận cõi lòng  **+ Phân tích ba khổ đầu bài thơ:** .  Cảnh buồn mênh mang, tâm hồn cô đơn không nguồn san sẻ (*sóng gợn tràng giang, sông dài trời rộng, mênh mang* sông nước với tâm trạng, tâm tình *sầu trăm ngả, cô liêu, không chút niềm thân mật* )  **- Phân tích hai câu thơ đầu:**  Trong ba khổ thơ trước: buồn trải ra xa, trong khổ cuối: buồn lên cao trong cánh chim nhỏ và dường như nhiều bơ vơ, không tìm ra phương hướng trong buổi chiều tắt nắng  **- Phân tích hai câu thơ cuối:**  + Cảnh hoàn toàn không còn dấu người. ở thời điểm này, quê hương là nơi neo đậu của lòng người. Câu thơ buồn nhưng sáng lên tình yêu quê hương đất nước sâu đậm.  **+ Thôi Hiệu:**  *Quê hương khuất bóng hoàng hôn*  *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai*  (Hoàng Hạc Lâu)  **+ Huy Cận:**  *Lòng quê dơn dợn vời con nước*  *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*  **- Một vài nét về nghệ thuật:**  + Mượn một số cách diến đạt thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng của Huy Cận:  o **Các hình ảnh**: *mây cao đùn núi bạc, chim nghêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà...* đậm chất thơ Đường  o **Nét riêng**: cách dùng từ láy (*lớp lớp, dợn dợn)*, cảm xúc lãng mạn tinh tế (*chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*), cách nói ngược so với thơ Đường (*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*)  + Âm hưởng Đương thi cộng với những hình ảnh cô đơn, nỗi buồn thế hệ tạo nên vẻ đẹp cổ điển, hiện đại của khổ thơ, bài thơ.  **3. Kết bài:**  Tổng hợp chung:  - Đoạn thơ có nét cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi nhưng vẫn giữ được cái hồn Việt Nam  - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu đậm của tác giả. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Nắm chắc kỹ năng và các bư­ớc nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

**5. Dặn dò:**

- Về nhà hoàn thành các bài viết đã lập dàn ý ở trên*.*

**-** Chuẩn bị bài: “Tây Tiến” (Quang Dũng).

Ngày soạn: 10/10/2016

Ngày dạy:

**Tiết 19-20. Đọc văn. TÂY TIẾN**

***Quang Dũng***

**A.Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**Giúp HS: Cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ, mĩ lệ của thiên nhiên miền Tây và hình tượng người lính Tây Tiến. Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

**2. Kĩ năng :** Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc cua bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng người lính của bài thơ so với thơ ca cách mạng cùng thời đại.

**3.** **Tư duy, thái độ :** Tự nhận thức về tinh thần yêu nước, ý chí vượt khó của người lính Tây Tiến, qua đó tự rút ra bài học cho cá nhân.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

**-** GV nêu vấn đề, gợi mở cho HS tiếp cận và khám phá tác phẩm.

- Đàm thoại, tổ chức thảo luận nhóm, kết hợp với diễn giảng.

**D.Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 19 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

***Nghị luận một bài thơ, đoạn thơ***

- Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?

- Hãy nêu các b­ước làm bài nghị luận một bài thơ, đoạn thơ?

- Đối tượng và cách làm bài nghị luận một bài thơ, đoạn thơ?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Trong những bài thơ hay hiếm hoi viết về người lính – anh bộ đội cụ Hồ- thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp – có bài Tây Tiến ( 1948) của Quang Dũng. Bài thơ của nhà thơ – người chiến sĩ – người lính viết về đồng đội và chính bản thân mình, về những kĩ niệm hãy còn nóng hổi mình từng trải qua.Bài thơ đã trở thành kiệt tác, thành bứctượng đài bất tử bằng thơ, bức chân dung người lính trung đoàn Tây Tiến ( 52) lừng danh một thuở hào hùng.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 19** | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **?** *Hãy trình bày những nét cơ bản về nhà thơ Quang Dũng ?*    **?** *Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào ?*  **?***Em hiểu gì về nhan đề bài thơ?*  **?***Xác định bố cục bài thơ ?*  **?***Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ ?*  **?***Trong hai câu thơ đầu, từ ngữ nào thể hiện cảm xúc gợi nhớ ?*  **?** *Trong phần I, thiên nhiên miền Tây được tác giả tái hiện qua những câu thơ tiêu biểu nào ?Phân tích.*  *- Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả thiên nhiên ở đây? Nhận xét gì về thiên nhiên đó?*  **?** *Em có nhận xét gì về âm điệu của 4 câu thơ ?*  - *Bên cạnh những câu thơ toàn thanh trắc, có những câu thơ có nhiều thanh bằng, đó là câu nào ? Phân tích ?*  **?***Nhận xét chung về thiên nhiên Tây Bắc trong bốn câu?*  **?** *Nhớ về đoàn binh Tây Tiến đang hành quân nhà thơ nhớ về những vùng đất nào mà họ đi qua?*  **?** *Để đến với những vùng đất xa xôi ấy, đoàn quân phải trải qua những cuộc hành quân như thế nào ?*  **?** *Từ ngữ nào đã diễn tả sự hi sinh của người lính Tây Tiến ?*  **?***Em ấn tượng nhất về hình ảnh nào của người lính?*  **?***Em nhận xét gì về hình ảnh "súng ngửi trời" ?*  **?** *Nêu cảm nhận chung về người lính Tây Tiến ?*  **?** *Hai câu cuối của đoạn thơ thể hiện điều gì ?*  GV liên hệ tình quân dân qua những câu thơ của các nhà thơ khác.  **?** *Hình ảnh “ mùa em” gợi cho em suy nghĩ gì ?*  Cảnh núi rừng hoang vu, hiểm trở, dữ dội, lùi dần rồi khuất hẳn để bầt ngờ hiện ra vẻ mĩ lệ, thơ mộng, duyên dáng của miền Tây.  **?** *Khung cảnh đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị hiện lên như thế nào?*  **?***Những cô gái Thái hiện ra trong đêm liên hoan văn nghệ như thế nào?*  **?** *Tâm trạng của người lính trong đêm văn nghệ như thế nào?*  **?***Theo em, hình ảnh nào đáng nhớ nhất trong 4 câu thơ sau?*  Nếu đêm liên hoan văn nghệ đem đến cho người đọc không khí say mê, ngây ngất, thì cảnh sông nước miền Tây lại gợi lên được cảm giác mênh mang, mờ ảo.  **TIẾT 20.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 18 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **?** *Hình ảnh người lính TT được tác giả miêu tả như thế nào ?*  Trên cái nền hùng vĩ, hiểm trở, dữ dội của núi rừng (đoạn 1), đến đoạn 3, hình tượng tập thể người lính xuất hiện với một vẻ đẹp đậm chất bi tráng.  *"không mọc tóc"*: vì bệnh sốt rét và vì cạo trọc để thuận tiện khi đánh nhau.  Liên hệ “ *Đồng chí*”  "*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,*  *Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*"    Phân tích câu thơ “ *Chiến* *trường .... đời xanh*”.  **?** *Hãy tìm những từ ngữ chỉ sự hi sinh của người lính? Nhận xét về loại từ đó?*  **?** Nhận xét âm điệu của 4 câu thơ cuối? nội dung ?  **?** Nêu chủ đề của bài thơ ?  **?** Đặc sắc nghệ thuật ?  **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  + Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính.  + Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, sự thể hiện hình tượng người lính. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:** Quang Dũng ( 1921- 1988 )  - Là người đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, làm nhạc.  - Hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa- đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây) .  \* Tác phẩm tiêu biểu (SGK)  **2. Bài thơ:**  ***a. Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:***  - Sáng tác năm 1948, tại làng Phù Lưu Chanh; lúc Quang Dũng đã rời xa đoàn quân Tây Tiến.  - Được đăng trong tập thơ “Mây đầu ô”.  ***b. Nhan đề bài thơ:***  ***­***- Ban đầu có tên là *Nhớ Tây Tiến*, sau đổi thành *Tây Tiến:* nỗi nhớ đã lặn xuống tầng sâu trong tâm hồn để chỉ còn hiển hiện một nỗi lòng hướng đến Tây Tiến, tạo nên một vẻ đẹp hàm súc cho bài thơ.  - Tây Tiến gợi nhắc đến một đơn vị quân đội lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với quân đội Lào bảo vệ vùng biên giới Việt – Lào và làm tiêu hao lực lượng Pháp ở thượng Lào và miền Tây Bắc Bộ Việt Nam. Quang Dũng là đại đội trưởng. Lính Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội thuộc nhiều tầng lớp khác nhau, đa phần là trí thức.  ***c. Bố cục của bài thơ:*** xuyên suốt bài thơ là nỗi nhớ.  - Nhớ về thiên nhiên miền Tây và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến.  - Nhớ những kỉ niệm về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây.  - Nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến.  - Nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây).  =>Kết cấu bài thơ logic của mạch hồi tưởng, từ thực tại vọng về miền hoài niệm để trở lại với thực tại.  ***d. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ:***  - Cảm hứng lãng mạn.  - Cảm hứng bi tráng.  ⇒ Vẻ đẹp độc đáo, đậm chất sử thi cho bài thơ.  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Nhớ về thiên nhiên miền Tây và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến:**  **a. Cảm xúc gợi nhớ Tây Tiến:**  - *Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!*  *+* Nỗi nhớ đơn vị trào dâng, không kìm nén nổi, nhà thơ đã thốt lên thành tiếng gọi.  + *Sông Mã, Tây Tiến*: Tên đoàn quân gắn với tên sông Mã, với núi rừng miền Tây. Đoàn quân ấy sẽ bất tử cùng sông núi quê hương.  + “*xa rồi”*: đặt giữa sông Mã và Tây Tiến tạo nên khoảng cách giữa quá khứ và hiện tại làm bật lên tiếng gọi thiết tha như gọi người thân yêu, gọi vào hoài niệm gõ vào kí ức làm thức dậy bao kỉ niệm.  - “*Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”.*  *+* Từ “*ơi*” bắt vần với từ láy “*chơi vơi*” làm cho âm điệu câu thơ trở nên tha thiết, sâu lắng, bồi hồi .Vần “*ơi*” tạo ra âm hưởng mênh mang kéo dài khiến cho nỗi nhớ càng trở nên da diết.  + Từ ngữ độc đáo “ *nhớ chơi vơi*": nỗi nhớ khó tả, cứ lửng lơ, chập chờn, khó nắm bắt. Không có hình, không có lượng nhưng hình như rất nặng mà mênh mang đầy ắp, như vẽ ra trạng thái cụ thể của nỗi nhớ, hình tượng hoá nỗi nhớ => khơi nguồn cho kí ức lần lượt hiện về.  **b. Nhớ về thiên nhiên miền Tây:**  **\* Thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, hoang dã:**  **-** "*Dốc lên khúc khuỷu...ngàn thước xuống*"  + Những từ ngữ giàu giá trị tạo hình: *khúc khuỷu, thăm thẳm, cồn mây, súng ngửi trời, ngàn thước lên cao ngàn thước xuống*=> diễn tả thật đắc địa sự hiểm trở, trùng điệp và độ cao ngất trời của núi đồi miền Tây.  + Nhịp thơ 4/3: như bẻ đôi câu thơ tạo thành giao điểm rạch ròi hai hướng lên xuống của vô vàn con dốc. đốc núi vút lên rồi đổ xuống gần như thẳng đứng, nhìn lên cao chót vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm.  + Những câu thơ nhiều vần trắc đọc lên nghe vất vả, nhọc nhằn.  - “ *Chiều chiều oai linh thác gầm thét.*  *Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”*  *+* Âm thanh *gầm thét* kết hợp với tính từ *oai linh* rất mạnh và gợiđặt trong bối cảnh không gian núi rừng lúc chiều tối làm cho thác nước có sức mạnh linh thiêng, huyền bí; cái dữ dội của thiên nhiên được đẩy đến cực độ.  + Hai tiếng *Mường Hịch* đọc lên như lởn vởn tiếng chân cọp vừa lướt qua.  => Tiếng gầm núi rừng và tiếng gầm của chúa sơn lâm cùng lúc chứng tỏ sự oai linh tuyệt đối dữ dội của mình. Nó không chỉ được mở rộng ra ở chiều không gian mà còn khám quá ở chiều thời gian (*chiều chiều, đêm đêm)*, luôn là mối đe dọa khủng khiếp đối với con người.  Nét vẽ gân guốc, mạnh mẽ, khỏe khoắn đã tạo ra một bức tranh hoành tráng diễn tả rất đạt sự hiểm trở và dữ dội, hoang vu và heo hút của núi rừng miền Tây.  => Ba câu thơ được vẽ bằng những nét gân guốc (nhiều thanh trắc), câu thứ tư được vẽ bằng nét rất mềm mại (toàn những thanh bằng). Qui luật này giống như cách sử dụng những gam màu trong hội hoạ: giữa gam màu nóng, tác giả sử dụng gam màu lạnh làm dịu cả khổ thơ.  \* **Vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình:**  - Một bức tranh sương khói mơ màng, hoa đưa hương trong đêm: *Mường Lát hoa về trong đêm hơi.*  *-* Một bức tranh đầy sức gợi cảm: *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi=>* vẽ nên một bức tranh mịn màng, mờ ảo, đầy quyến rũ.  Tóm lại: Những tên đất lạ, những hình ảnh giàu giá trị tạo hình, những câu thơ nhiều vần trắc đọc lên nghe vất vả nhọc nhằn được xoa dịu bằng những câu thơ có nhiều vần bằng. Sự phối hợp ăn ý đã làm hiện lên một thế giới khác thường vừa đa dạng vừa độc đáo của núi rừng Tây Bắc.  **c. Nhớ về đoàn quân Tây Tiến trong những cuộc hành quân:**  - Dấu chân của họ đến những vùng đất xa lạ:gợi lên gian khổ, vất vả, nhọc nhằn.  - Họ phải đối mặt những cơn mưa rừng, những đêm sương lấp dày, thác gầm, cọp rừng sâu đe doạ.  - *Dãi dầu*: gian khổ, *"không bước nữa"*: hi sinh, “ *gục lên súng mũ*” gục trên đường hành quân, giữa trận đánh, súng còn cầm trên tay, mũ còn đội trên đầu, "*bỏ quên đời*": coi thường cái chết => tạo nên cảm hứng bi tráng.  ⇒ Tác giả miêu tả rất thực về sự vất vả, hi sinh của người lính, không tránh né che giấu. Nhưng người lính Tây Tiến không vì thế mà uỷ mị, ngược lại càng thêm cao đẹp hơn. Nói cái gian khổ để đề cao chiến thắng, nói hi sinh để nâng hình ảnh người lính lên tầm cao mới của thời đại.  - Hình ảnh người lính hiện ra với tư thế: "*súng ngửi trời*" rất hồn nhiên, tếu táo:  + Ngang tàng, tinh nghịch, đậm chất lính tráng.  + Người lính nối kết giữa trời và đất =>dáng hình người chiến sĩ hiên ngang, cao lớn, hùng vĩ. Ý thơ khắc tạc hình ảnh người lính vào không gian đất nước.  =>Những người lính trong đoàn quân Tây Tiến hiện ra với vẻ đẹp vừa hào hùng, dũng cảm, giàu ý chí lại vừa hào hoa lãng mạn cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.  - Hai câu thơ cuối là vẻ đẹp của tình quân dân gợi ra cuộc sống yên bình sau những vất vả hi sinh.  + “ Cơm lên khói”, “ thơm nếp xôi”: hương vị của miền Tây Bắc, tượng trưng cho tình quân dân, tình nghĩa gắn bó thuỷ chung của đồng bào Tây Bắc đối với bộ đội kháng chiến  + “ Mùa em”: cách dùng từ rất lạ, táo bạo, tinh nghịch của Quang Dũng và tình tứ, biểu cảm.  → Cảnh tượng hiện qua những câu thơ thật đầm ấm.  ⇒ Tác giả lấy cái gian khổ ác liệt của chiến trường để tô đậm, ngợi ca và khẳng định bản lĩnh phi thường ý chí của người chiến sĩ Việt Nam trong đoàn quân Tây Tiến.  **2. Nhớ về tình kỉ niệm quân dân:**  \* **4 câu đầu:** Gợi nhớ lại đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị.  - “ *bừng*”: bừng tỉnh, bừng sáng: cả doanh trại bừng dậy, qua rồi cuộc sống gian khổ. Đó còn là sự bừng sáng của tâm hồn.  - "*hội đuốc hoa":*  →đêm liên hoan văn nghệ như một ngày hội.  → đuốc hoa :hoa chúc (t.Hán) :tiệc cưới→ Đêm liên hoan văn nghệ qua cái nhìn trẻ trung, tinh nghịch, yêu đời của người lính như một tiệc cưới.  - **Những cô gái Thái:** dáng điệu e ấp, tình tứ trong bộ xiêm áo uốn lượn → như cô dâu trong tiệc cưới, là nhân vật trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ.  - **Những người lính:**  + *Kìa em*: ngỡ ngàng, ngạc nhiên cả sự hân hoan, vui sướng trước vẻ đẹp của cô gái Tây Bắc  + Say mê âm nhạc với vũ điệu mang màu sắc của xứ lạ → Tâm hồn lãng mạn dễ kích thích, hấp dẫn.  => Bằng những nét bút mềm mại, tinh tế, tác giả đã vẽ nên đêm liên hoan văn nghệ diễn ra trong không khí ấm áp tình người, tưng bừng, nhộn nhịp có ánh sáng, màu sắc. Gợi nét lãng mạn, tình quân dân thắm thiết.  **\* 4 câu sau:**  - Dòng sông đậm màu sắc cổ tích, huyền thoại nổi bật lên dáng hình mềm mại của cô gái Thái trên chiếc thuyền độc mộc. Và như hoà hợp với con người, những bông hoa rừng cũng "*đong đưa*" làm duyên trên dòng nước lũ.  - Nghệ thuật: láy vắt dòng→ câu thơ trở nên mềm mại, uyển chuyển, níu kéo nhau.  → Thiên nhiên và con người như hoà vào nhau tạo thành bức tranh hữu tình.  \* Tóm lại: Bốn câu thơ đầu ngân nga như tiếng hát, như nhạc điệu cất lên từ tâm hồn ngây ngất, say mê của những người lính. Trong đoạn thơ sau, chất thơ và chất nhạc hoà quyện với nhau đến mức khó tách biệt.  **3. Chân dung người lính Tây Tiến:**  **\* 4 câu đầu:**  - Bên ngoài: có vẻ kì dị, lạ thường: không mọc tóc, da xanh màu lá → chiến trường khắc nghiệt vì thiếu thốn, vì bệnh sốt rét đang hoành hành.=>GIAN KHỔ.  - Bên trong: dữ oai hùm, mắt trừng →thậm xưng thể hiện sự dũng mãnh. Bề ngoài thì lạ thường nhưng bên trong không hề yếu đuối, vẫn oai phong lẫm liệt ở tư thế “ *dữ oai hùm*”=>Ý CHÍ.  - Người lính Tây Tiến là những chàng trai lãng mạn, hào hoa với trái tim rạo rực, khao khát yêu đương: gởi mộng, mắt trừng=>LÃNG MẠN.  \* Càng gian khổ=> càng căm thù=> tạo thành ý chí + nhờ tâm hồn lãng mạn giúp người lính vẫn sống, vẫn tồn tại trong đạn bom khắc nghiệt.  *dáng kiều thơm*: không làm người lính nản lòng, thối chí mà cổ vũ, động viên chiến sĩ, tiếp thêm sức mạnh cho chiến sĩ.  **\* 4 câu sau:**  - “ *Chiến trường....đời xanh*”: thái độ dứt khoát ra đi với tất cả ý thức trách nhiệm, không tính toán. Sẵn sàng hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước  - *“ mồ viễn xứ”, “ áo bào thay chiếu”:* từ Hán Việt: nấm mồ của người chiến sĩ trở thành mộ chí tôn nghiêm.  *"áo bào":* cái chết sang trọng.  - Cái bi nâng lên thành hùng tráng bởi lí tưởng của người năm xuốngcái chết bi hùng, có bi nhưng không luỵ.  - Sông Mã: gợi điển tích Kinh Kha→khí khái của người lính. Cái chết đậm chất sử thi bi hùng bởi tiếng gầm của sông Mã.  \* Cả đoạn thơ là cảm hứng bi tráng về cuộc đời chiến đấu gian khổ, tư tưởng lạc quan và sự hi sinh gian khổ, anh dũng của người lính.  **4. Lời thề sắt son:**  - Âm điệu trầm hùng thể hiện ý chí quyết tâm lớn của người chiến sĩ với tinh thần một đi không trở lại. Sẵn sàng cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh.  - Gợi cho người đọc liên tưởng đến chất yên hùng của người tráng sĩ thời phong kiến.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**  Nhà thơ hồi tưởng nhớ lại những chặng đường đã qua, những kỉ niệm sâu sắc. Đồng thời ca ngợi chí khí hào hùng của người lính Tây Tiến.  **2. Nghệ thuật:**  - Cảm hứng lãng mạn và sắc thái bi hùng tạo nên vẻ đẹp của bài thơ, Quang Dũng đã khắc hoạ thành công hình tượng tập thể Tây Tiến với nét vùa hào hoa, lãng mạn vừa hào hùng.  **IV. Luyện tập**  + Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính.  + Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, sự thể hiện hình tượng người lính.  + Tinh thần yêu nước, ý chí vượt khó, thích nghi hoàn cảnh. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:** Cảm hứng lãng mạn và tính chất bi tráng

**5. Dặn dò:**

- Học thuộc bài thơ. Nắm bài giảng.

- Chuẩn bị bài *Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.*

**----------**

Ngày soạn: 10/10/2016

Ngày dạy:

**Tiết 21. Làm văn. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu bài học :**

**1. Kiến thức :**Giúp HS: rèn luyện khả năng suy luận để nhận rõ một ý kiến bàn về văn học là đúng hay sai, đúng hoàn toàn hay chỉ đúng một phần, có giá trị như thế nào trong cuộc sống ngày nay và qua đó có thái độ thích hợp.

**2. Kĩ năng :** Vận dụng các thao tác phân tích, bình luận, chứng minh, so sánh...để làm bài nghị luận văn học.

**3. Tư duy, thái độ :** Biết cách làm bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

GV khơi gợi cho HS thảo luận theo những câu hỏi trong SGK. GV theo dõi chỉnh sửa, sơ kết và tổng kết cuối buổi luyện tập (không thuyết giảng).

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

***“Tây Tiến”***

- Bức tranh thiên nhiên được vẽ ra ở khổ thơ thứ nhất như thế nào? Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hiện ra như thế nào trên nền cảnh thiên nhiên ấy ?

- Đoạn thơ thứ hai mở ra một cảnh thiên nhiên khác với khổ thơ thứ nhất. Hãy phân tích để làm rõ điều đó?

- Hình ảnh người lính Tây Tiến được khắc họa như thế nào ở khổ thơ thứ ba?

- Ở đoạn thơ thứ tư, nỗi nhớ Tây Tiến được diễn tả như thế nào? Vì sao nhà thơ viết *“Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”*?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Trong văn nghị luận có nhiều loại : nghị luận về một tác phẩm , tác giả , văn bản , đoạn thơ , bài thơ , hình tượng văn học, nhân vật.... còn có ý kiến , nhận định về văn học ... và bài học hôm nay sẽ giúp các em định hướng về nghị luận một ý kiến văn học như thế nào cho đạt hiệu quả.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề và lập dàn ý.  -GV gọi một HS đọc rõ 2 đề bài ở mục 1- SGK (trang 91)  -HS đọc hai đề bài theo yêu cầu của GV.  -GV có thể chia đôi bảng và chép hai đề lên bảng.  -GV gợi cho hs thảo luận theo từng câu hỏi của SGK, lần lượt đối với đề1 và đề 2.  -HS theo dõi phần khơi gợi câu hỏi của GV, suy nghĩ và chuẩn bị trả lời.  -GV chia lớp thành 4 nhóm và tiến hành thảo luận nhóm  Nhóm 1, 3 : đề 1  Nhóm 2, 4 : đề 2  -HS tập trung về 4 nhóm theo 4 tổ thảo luận theo hai bước:  +Tìm hiểu đề  +Lập dàn ý  -Hs thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận lên bảng phụ.  -Đại diện nhóm 1, 2 lện trình bày kết quả thảo luận đề 1 và đề 2 lần lượt.  -HS tập trung theo dõi phần trình bày của hai đại diện nhóm và nhận xét bổ sung.  -HS chú ý phần chỉnh sửa, bổ sung kiến thức của GV và ghi bài (phần tìm hiểu đề và lập dàn ý)  -GV yêu cầu HS ghi kết quả thảo luận lên bảng phụ.  -GV gọi một HS bất kỳ của nhóm 1 và 2 trình bày kết quả thảo luận.  -GV mời hs khác nhận xét bổ sung.  -GV theo dõi kết quả trình bày của hai nhóm và chỉnh sửa phần tìm hiểu đề và lập dàn ý đối với cả hai đề, chốt lại phần kiến thức đề, học sinh ghi bài  HS trình bày kết quả tìm hiểu đề.  HS trình bày dàn ý.  ? Hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường ?  ? Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề ?  ? Bình luận bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề ?  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học và cách làm kiểu bài này.  -Sau khi hướng dẫn học sinh thực hiện hai đề bài SGK, giáo viên chốt lại kiến thức và đặt câu hỏi:  +Từ các đề bài và kết quả thảo luận trên, đối tượng của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là gì?  +Theo em, đối với kiểu bài đó, cách làm như thế nào?  +Giáo viên bổ sung lại toàn bộ kiến thức bài học  (cho học sinh ghi bài)  **HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  Giáo viên hướng dẫn học sinh luyện tập  -Giáo viên gọi học sinh đọc đề bài tập 1 SGK/93  -Giáo viên cho học sinh thảo luận theo nhóm (8 nhóm)  -Học sinh đọc đề bài tập 1 SGK/93  -Học sinh thảo luận theo nhóm.  HS trình bày kết quả tìm hiểu đề.  HS trình bày dàn ý đã lập.  Các nhóm khác bổ sung. | **I. Tìm hiểu đề - Lập dàn ý:**  **Đề 1:** Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cho rằng: “*Nhìn chung văn học Việt Nam phong phú, đa dạng; nhưng nếu cần xác định một chủ lưu, một dòng chính, quán thông kim cổ, thì đó là văn học yêu nước*”(Dẫn theo Trần Văn Giàu tuyển tập-NXB Giáo dục-2001)  Hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) đối với ý kiến trên,  **1.Tìm hiểu đề:**  ***a. Thể loại:*** nghị luận ( bao hàm giải thích, chứng minh, bình luận) vể một ý kiến vể văn học.  ***b. Nội dung:*** Văn học Việt Nam phong phú và đa dạng, trong đó văn học yêu nước là dòng chính.  ***c. Phạm vi tư liệu:***  Các tác phẩm tiêu biểu có nội dung yêu nước của VHVN qua các thời kỳ.  **2. Lập dàn ý:**  ***a. Mở bài:*** Giới thiệu câu nói của Đặng Thai Mai  ***b. Thân bài:***  **\* Giải thích ý nghĩa của câu nói:**  - *Tìm hiểu nghĩa của các từ khó:*  + Phong phú, đa dạng: có nhiều tác phẩm với nhiều hình thức thể loại khác nhau  + chủ lưu: dòng chính (bộ phận chính).  + Quán thông kim cổ: thông suốt từ xưa đến nay.  - *Tìm hiểu ý nghĩa của các vế câu và cả câu:*  +Văn học VN rất đa dạng, phong phú  +Văn học yêu nước là chủ lưu  + Văn học Việt Nam rất phong phú và đa dạng (Đa dạng về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại, đa dạng về phong cách tác giả)  +VH yêu nước là một chủ lưu, xuyên suốt.  **\* Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói:**  + Đây là một ý kiến hoàn toàn đúng  + Văn học yêu nước là chủ lưu xuyên suốt lịch sử VH Việt Nam:   * Văn học trung đại: *Nam quốc sơn hà, Cáo bình Ngô, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.* * Văn học cận – hiện đại: *Tuyên ngôn độc lập*   + Nguyên nhân:   * Đời sống tư tưởng con người Việt Nam phong phú đa dạng * Do hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử VN thường xuyên phải chiến đấu chống ngoại xâm để bảo vệ đất nước.   + Nêu và phân tích một số dẫn chứng …  ***c. Kết bài:*** Khẳng định giá trị của ý kiến.  + Giúp đọc hiểu hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm văn học dân tộc.  + Biết ơn, khắc sâu công lao của cha ông trong cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước.  +Giữ gìn, yêu mến, học tập những tác phẩm văn học có nội dung yêu nước của mọi thời đại.  **Đề 2:** Bàn về đọc sách, nhất là đọc các tác phẩm văn học lớn, người xưa nói: *“ Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài.”***(** Dẫn theo Lâm Ngữ Đường, Sống đẹp, Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Tao đàn, Sài Gòn, 1965)  Anh (chị ) hiểu ý kiến trên như thế nào?  **1.Tìm hiểu đề:**  ***a. Thể loại:*** Nghị luận (giải thích – bình luận) một ý kiến bàn về văn học.  ***b. Nội dung***: ý kiến của Lâm Ngữ Đường về việc đọc sách.  -Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.  ***c. Phạm vi tư liệu:*** Thực tế cuộc sống  **2. Lập dàn ý:**  ***a. Mở bài:*** Giới thiệu ý kiến của Lâm Ngữ Đường.  ***b. Thân bài:***  **\* Giải thích:**  **- Hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.**  + Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ: chỉ thấy được trong phạm vi hẹp  + Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân: tầm nhìn được mở rộng hơn khi kinh nghiệm, vốn sống nhiều hơn theo thời gian (khi đọc sách)  + Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài: Theo thời gian, con người càng giàu vốn sống, kinh nghiệm và vốn văn hóa thì khả năng am hiểu khi đọc sách sâu hơn, rộng hơn.  **-Tìm hiểu nghĩa của câu nói:** Sự khác nhau trong cách đọc và kết quả đọc ở mỗi lứa tuổi. Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm…càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn. Khả năng tiếp nhận khi đọc sách (tác phẩm văn học) tùy thuộc vào điều kiện, trình độ, và năng lực chủ quan của người đọc.  \* **Bình luận và chứng minh những** **khía cạnh đúng của vấn** **đề:**  - Đọc sách tùy thuộc vào vốn sống, vốn văn hóa, kinh nghiệm, tâm lý, của người đọc.  - Ví dụ: Đọc Truyện Kiều của Nguyễn Du:   * Tuổi thanh niên: Có thể xem là câu chuyện về số phận đau khổ của con người. * Lớn hơn: Hiểu sâu hơn về giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm, hiểu được ý nghĩa xã hội to lớn của Truyện Kiều * Người lớn tuổi: Cảm nhận thêm về ý nghĩa triết học của Truyện Kiều.   **\* Bình luận bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề:**  - Không phải ai từng trải cũng hiểu sâu sắc tác phẩm khi đọc. Ngược lại, có những người trẻ tuổi nhưng vẫn hiểu sâu sắc tác phẩm (do tự nâng cao vốn sống, trình độ văn hóa, trình độ lý luận, ham học hỏi,…)  - Ví dụ: Những bài luận đạt giải cao của các bạn học sinh giỏi về tác phẩm văn học (tự học, ham đọc, sưu tầm sách, nâng cao kiến thức)  ***c. Kết bài:*** Tác dụng, giá trị của ý kiến trên đối với người đọc:  - Muốn đọc sách tốt, tự trang bị sự hiểu biết về nhiều mặt.  - Đọc sách phải biết suy ngẫm, tra cứu.  **II. Bài học:**  1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng: về văn học lịch sử, về lí luận văn học, về tác phẩm văn học…  2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào:  + Giải thích  + Chứng min  + Bình luận  **III. Luyện tập:** Bài tập 1/93:  **1. Tìm hiểu đề:**  ***a. Thể loại:*** Nghị luận (Giải thích, bình luận, chứng minh) một ý kiến bàn về một vấn đề văn học.  ***b. Nội dung:***  +Thạch Lam không tán thành quan điểm văn học thoát li thực tế: Thế giới dối trá và tàn ác  +Khẳng định giá trị cải tạo xã hội và giá trị giáo dục của văn học  ***c.Phạm vi tư liệu:***  -Tác phẩm Thạch Lam  -Những tác phẩm văn học tiêu biểu khác.  **2. Lập dàn ý:**  ***a. Mở bài:***  -Giới thiệu tác giả Thạch Lam.  -Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.  ***b.Thân bài:***  **-Giải thích về ý nghĩa câu nói:** Thạch Lam nêu lên chức năng to lớn và cao cả của văn học.  **-Bình luận và chứng minh ý kiến:**  + Đó là một quan điểm rất đúng đắn về giá trị văn học:   * Trước CM tháng Tám: quan điểm tiến bộ. * Ngày nay: vẫn còn nguyên giá trị.   +Chọn và phân tích một số dẫn chứng (Truyện Kiều, Số đỏ, Chí Phèo, Hai đứa trẻ, Nhật ký trong tù...) để chứng minh 2 nội dung:   * Tác dụng cải tạo xã hội của văn học. * Tác dụng giáo dục con người.của văn học   ***c. Kết bài:***  -Khẳng định sự đúng đắn và tiến bộ trong quan điểm sáng tác của Thạch Lam.  -Nêu tác dụng của ý kiến trên đối với người đọc:  +Hiểu và thẩm định đúng giá trị của tác phẩm văn học.  +Trân trọng, yêu quý và giữ gìn những tác phẩm văn học tiến bộ của từng thời kỳ. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố :**

Giáo viên chốt lại một lần nữa kiến thức bài học (đối tượng và cách làm bài).

**5. Dặn dò :**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới: *Việt Bắc* (Tố Hữu).

**----------**

Ngày soạn: 13/10/2016

Ngày dạy:

**Tiết 22. Đọc văn. VIỆT BẮC (Trích)**

***Tố Hữu***

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** Giúp HS :Nắm được những nét chính trong đường đời, đường cách mạng, đường thơ của Tố Hữu – nhà hoạt động cách mạng ưu tú, một trong những lá cờ đầu của nền văn học cách mạng Việt Nam.

**2.** **Kĩ năng** :Cảm nhận sâu sắc chất trữ tình chính trị về nội dung và tính dân tộc trong nghệ thuật biểu hiện của phong cách thơ Hố Hữu.

**3. Tư duy, thái độ** : Đường đời, đườngthơ Tố Hữu luôn song hành cùng con đường cách mạng của cả dân tộc; ở đó phong cách thơ Tố Hữu có những nét đặc sắc về cả nội dung và nghệ thuật biểu hiện.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:** Kết hợp các phương pháp phát vấn, diễn giảng,bình giảng thảo luận nhóm.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

***Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học***

**-**  Cho biết đối tượng của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là gì?

**-** Với kiểu bài đó, cách làm như thế nào? Diễn đạt cần có những yêu cầu nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Tố Hữu là nhà thơ lớn, cách chim đầu đàn của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Trong tác phẩm Một nhành xuân, ông tâm sự:

“Vâng, xin kể cùng Xuân đồng chí

Chuyện riêng chung, một cuộc đời bình dị”

Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về “cuộc đời bình dị” của nhà thơ ấy.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu về tiểu sử**  GV cho HS đọc lướt để có ấn tượng chung, ghi nhớ những ý chính  **?***Cuộc đời của Tố Hữu có thể chia làm mấy giai đoạn ?*  **Hướng dẫn HS tìm hiểu Đường cách mạng, đường thơ.**  GV cần nhấn mạnh bảy chặng đường đời của TH gắn liền với bảy chặng đường cách mạng và bảy tập thơ của TH ( nhất là 5 tập thơ đầu)  GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS thảo luận: Về nội dung chính của 5 tập thơ đầu.  -Nhóm 1: Tập ***Từ ấy***  Sau khi HS trình bày, GV nhấn mạnh ***Từ ấy*** là chất men say lí tưởng, chất lãng mạn trong trẻo, tâm hồn nhạy cảm, sôi nổi của cái tôi trữ tình  - Nhóm 2: ***Tập Việt Bắc***  - Nhóm 3: Tập ***Gió lộng***  - Nhóm 4: ***Ra trận, Máu và hoa***  - GV gọi 1 đên 2 HS tóm tắt nội dung chính của hai tập kế tiếp.  Sau cùng GV chốt lại các tập thơ của TH là sự vận động của cái tôi trữ tình, là cuốn biên niên sử ghi lại đời sống dân tộc, tâm hồn dân tộc trong sự vân động của tiến trình lịch sử.  **Hướng dẫn HS tìm hiểu phong cách thơ Tố Hữu**.  **?** *Phong cách thơ TH thể hiện ở những mặt nào?*  **?** *Tại sao nói thơ Tố Hữu mang phong cách* ***trữ tình chính trị?*** *Sau khi HS trả lời GV giải thích* ***trữ tình chính trị*** *thể hiện ở những điểm nào.*  **?** *Em chứng minh thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà?*  **Hướng dẫn HS kết luận**  **?***Cảm nhận chung của em về nhà thơ Tố Hữu?* | **I. Vài nét về tiểu sử:**  - Thời thơ ấu: Tố Hữu sinh ra trong một gia đình Nho học ở Huế - mảnh đất thơ mộng, trữ tình còn lưu giữ nhiều nét văn hoá dân gian.  - Thời thanh niên: Tố Hữu sớm giác ngộ cách mạng và hăng say hoạt động, kiên cường đấu tranh trong các nhà tù thực dân  - Thời kỳ sau CM tháng Tám: Tố Hữu đảm nhiệm những cương vị trọng yếu trên mặt trận văn hoá văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và nhà nước.  **II. Đường cách mạng, đường thơ:**  **1. Từ ấy:** (1937- 1946)  - Niềm hân hoan của tâm hồn trẻ đang gặp ánh sáng lý tưởng cách mạng, tìm thấy lẽ sống và quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng.  **- Gồm có 3 phần:** *Máu lửa*,  *Xiềng xích*, *Giải phóng*.  **2. Việt Bắc:** (1946- 1954)  - Tiếng hùng ca thiết tha về cuộc kháng chiến chống Pháp và con người kháng chiến.  - Thể hiện những tình cảm lớn.  **3. Gió lộng**: (1955- 1961)  - Hướng về quá khứ để ghi sâu ân tình cách mạng- ngợi ca cuộc sống mới trên miền Bắc.  - Tình cảm thiết tha, sâu đậm với miền Nam ruột thịt.  **4.** **Ra trận** (1962- 1971), **Máu và hoa** ( 1972- 1977):  - Bản hùng ca về “Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời”.  - Ghi lại chặng đường cách mạng đầy gian khổ, hi sinh, khẳng định niềm tin, niềm tự hào phơi phới khi “toàn thắng về ta”.  ***5.*Một tiếng đờn** (1992 ), **Ta với ta** (1999 ):  **-** Những suy tư, chiêm nghiệm mang tính phổ quát về con người, cuộc đời.  - Niềm tin vào lí tưởng và con đường cách mạng, tin vào chữ nhân luôn tỏa sáng trong mỗi tâm hồn con người.  **II. Phong cách thơ Tố Hữu:**  **1.Về nội dung**: Thơ Tố Hữu mang phong cách trữ tình chính trị sâu sắc.  -Trong việc biểu hiện tâm hồn, thơ Tố Hữu luôn hướng tới cái ***ta*** chung  - Trong việc miêu tả đời sống, thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi.  - Những điều đó được thể hiện qua giọng thơ mang tính chất tâm tình, tự nhiên, đằm thắm, chân thành  **2. Về nghệ thuật**: Thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà.  - Về thể thơ:  + Vận dụng thành công thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc  + Thể thất ngôn trang trọng mà tự nhiên  -Về ngôn ngữ: Dùng từ ngữ và cách nói dân gian, phát huy tính nhạc phong phú của tiếng Việt.  **IV. Kết luận:**  Thơ Tố Hữu là bằng chứng sinh động về sự kết hợp hài hoà hai yếu tố cách mạng và dân tộc trong sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo thi ca. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:** Nhắc lại các chặng đường thơ và phong cách nghệ thuật.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài *Luật thơ.*

Ngày soạn: 14/10/2016

Ngày dạy:

**Tiết 23. Làm văn. LUẬT THƠ**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức :** Giúp HS:Hiểu luật thơ của một số thể thơ truyên thống: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật.Qua các bài tập, hiểu thêm về một số đổi mới trong các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng.

**2. Kĩ năng :** Làm thơ

**3. Tư duy, thái độ** : Yêu thích thơ

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

C. **Phương pháp:**

- Hướng dẫn HS quan sát vần, nhịp, phép hài thanh qua các ví dụ đã nêu trong SGK. Có thể dùng phát vấn, đối thoại để tiết học thêm sinh động.

- Bài tập có thể hướng dẫn ngay tại lớp, không cần yêu cầu HS làm trước ở nhà.

**D.Tiến trình tổ chức:**

**1. Ổn định tổ chức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu nội dung chính của các tập thơ Tố Hữu?

- Hãy trình bày những hiểu biết của em về phong cách thơ Tố Hữu?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu , dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp , hài thanh…để thể hiện tâm tư tình cảm mà người viết muốn bày tỏ . Và một câu thơ hay, bài thơ hay được đánh giá tổng thể nhưng tuyệt đối phải hay về luật . Và thơ Đường chính vì vậy mà mãi đến ngàn năm sau vẫn được người đời ca ngời vì luật thơ Đường rất nghiêm và rất chuẩn mực , đây là hiện tượng đáng quý của văn học TQ nói riêng và văn học nghệ thuật toàn thế giới nói chung. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu thêm về Luật thơ.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **\* GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số nét khái quát về luật thơ**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu khái niệm luật thơ**  **+ GV:** Cho học sinh dựa vào SGK nêu khái niệm luật thơ.  **+ HS:** Cá nhân trả lời  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các thể thơ**  **+ GV:** Nêu các thể thơ được sử dụng trong văn chương Việt Nam?  **+ HS:** Cá nhân trả lời  **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự hình thành luật thơ**  **+ GV:** Luật thơ hình thành trên cơ sở nào?  **+ HS:** Dựa vào SGK trả lời  **+ GV:** Yếu tố nào đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ?  **+ HS:** Dựa vào SGK trả lời  **+ GV:** Vì sao “*tiếng*” có vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ?  **+ HS:** Dựa vào sgk trả lời  **+ GV:** chốt lại những cơ sở hình thành luật thơ của “*tiếng*”  **\* GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu luật thơ của một số thể thơ truyền thống.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Thể lục bát**  **+ GV:** Cho học sinh xem một bài thơ lục bát:  *“ Trăm năm/ trong cõi/ người ta*  *Chữ tài/ chữ mệnh/ khéo là /ghét nhau*  *Trải qua/ một cuộc /bể dâu*  *Những điều/ trông thấy/ mà đau/ đớn lòng”*  **+ GV:** Gọi hs đọc, nhận xét cách đọc, cho hs nhận xét về số tiếng trong câu, hiệp vần, nhịp, hài thanh  **+ HS:** Dựa vào đoạn thơ trả lời  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Thể song thất lục bát**  **+ GV:** Sử dụng phương pháp tương tự cho các thể thơ còn lại. Cho hs rút ra luật thơ của thể song thất lục bát qua 4 dòng thơ sau:  *“ Ngòi đầu cầu/ nước trong như lọc,*  *Đường bên cầu/ cỏ mọc còn non.*  *Đưa chàng/ lòng dặc/ dặc buồn,*  *Bộ khôn/ bằng ngựa, thủy khôn/ bằng thuyền”*  **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Các thể ngũ ngôn Đường luật**  **+ GV:** Cho học sinh tự rút ra luật thơ của thể thơ ngũ ngôn bát cú qua bài thơ sau:  *MẶT TRĂNG*  *Vằng vặc/ bóng thuyền quyên*  *Mây quang/ gió bốn bên*  *Nề cho/ trời đất trắng*  *Quét sạch/ núi sông đen*  *Có khuyết/ nhưng tròn mãi*  *Tuy già/ vẫn trẻ lên*  *Mảnh gương/ chung thế giới*  *Soi rõ:/ mặt hay, hèn*  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Các thể thất ngôn Đường luật**  **+ GV:** Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt qua bài thơ sau:  *ÔNG PHỖNG ĐÁ*  *Ông đứng làm chi/ đó hỡi ông?*  *Trơ trơ như đá/, vững như đ****ồng***  *Đêm ngày gìn giữ/ cho ai đó?*  *Non nước đầy vơi/ có biết kh****ông****?*  **+ GV:** Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thất ngôn bát cú qua bài thơ sau:  *QUA ĐÈO NGANG*  *Bước tới Đèo Ngang/ bóng xế tà*  *Cỏ cây chen đá/, lá chen hoa*  *Lom khom dưới núi/, tiều vài chú,*  *Lác đác bên sông/, chợ mấy nhà.*  *Nhớ nước đau lòng/, con quốc quốc,*  *Thương nhà mỏi miệng/ cái gia gia.*  *Dừng chân đứng lại/, trời, non, nước,*  *Môt mảnh tình riêng/, ta với ta*  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Các thể thơ hiện đại**  **+ GV:** Cho hs quan sát một ví dụ về thơ hiện đại:  *TIẾNG THU*  *Em không nghe mùa thu*  *Dưới trăng mờ thổn thức?*  *Em không nghe rạo rực*  *Hình ảnh kẻ chinh phu*  *Trong lòng người cô phụ?*  *Em không nghe rừng thu*  *Lá thu rơi xào xạc,*  *Con nai vàng ngơ ngác,*  *Đạp trên lá vàng khô?*  **+ GV:** Yêu cầu hs cho biết nguồn gốc của thơ mới  **+ GV:** Cho hs xác định thể thơ, số dòng, gieo vần từ đó rút ra mối quan hệ giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại  **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **\* GV hướng dẫn HS luyện tập**  **- GV:** Yêu cầu hs chia thành 4 nhóm  + Nhóm 1, 2: Làm câu a.  + Nhóm 3, 4: Làm câu b.  **- HS:** Tiến hành thảo luận trong 3 phút, đại diện từng nhóm lên bảng viết lại  **- GV:** Nhận xét, bổ sung, cho hs rút ra sự khác nhau về gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh của 2 câu thơ 7 tiếng trong thể song thất lục bát với thể thất ngôn Đường luật | **I. KHÁI QUÁT VỀ LUẬT THƠ**:  **1. Khái niệm**:  Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp…trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định  **2. Các thể thơ**:  a. Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói  b. Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn  c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,…  **3. Sự hình thành luật thơ**:  Dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt:  \* Tiếng là đơn vị có vai trò quan trọng:  - Số tiếng trong câu tạo nên thể thơ  - Vần của tiếng → hiệp vần (mỗi thể thơ có vị trí hiệp vần khác nhau).  - Thanh của tiếng → hài thanh  - Tiếng là cơ sở để ngắt nhịp (mỗi thể thơ có cách ngắt nhịp khác nhau).  => Số tiếng, vần, thanh của tiếng và ngắt nhịp là cơ sở để hình thành luật thơ  \* Số dòng trong bài thơ, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa cũng là yếu tố hình thành luật thơ  **II. LUẬT THƠ CỦA MỘT SỐ THỂ THƠ TRUYỀN THỐNG:**  **1. Thể lục bát:**  - Số tiếng: Câu 6 - câu 8 liên tục  - Vần:  + Tiếng thứ 6 hai dòng  + Tiếng thứ 8 dòng bát với tiếng thứ 6 dòng lục  - Nhịp: Chẵn, dựa vào tiếng có thanh không đổi (2, 4, 6 → 2/2/2)  - Hài thanh:  + Tiếng 2 (B), tiếng 4 (T), tiếng 6 (B).  + Đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng 6, 8 dòng bát  **2. Thể song thất lục bát:**  - Số tiếng: 2 dòng 7, dòng 6 - dòng 8 liên tục  - Vần:  + Cặp song thất: tiếng 7 - tiếng 5 hiệp vần vần T  + Cặp lục bát hiệp vần B, liền  - Nhịp: 2 câu thất 3/4 ; lục bát 2/2/2  - Hài thanh: song thất: tiếng 3 linh hoạt B/T  **3. Các thể ngũ ngôn Đường luật**    ***a. Ngũ ngôn tứ tuyệt***:  ***b. Ngũ ngôn bát cú:***  - Số tiếng: 5, số dòng: 8  - Vần: độc vận, vần cách  - Nhịp: 2/3  - Hài thanh: Có sự luân phiên B-T hoặc niêm B - B, T - T ở tiếng thứ 2,4  **4. Các thể thất ngôn Đường luật:**  ***a. Thất ngôn tứ tuyệt***:  - Số tiếng: 7, số dòng: 4  - Vần: vần chân, độc vận, vần cách  - Nhịp: 4/3  - Hài thanh: theo mô hình trong sgk.    ***b. Thất ngôn bát cú:***  - Số tiếng: 7, số dòng: 8 (4 phần: đề, thực, luận, kết).  - Vần: vần chân, độc vận ở các câu 1, 2, 4, 6, 8  - Nhịp: 4/3  - Hài thanh: theo mô hình trong sgk.  **5. Các thể thơ hiện đại**:  - Ảnh hưởng của thơ Pháp  - Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân  **III. LUYỆN TẬP:**  Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh:  **a. Hai câu song thất**:  - Gieo vần: “*Nguyệt, mịt*”: Tiếng thứ 7 và tiếng thứ 5  → vần lưng  - Ngắt nhịp: 3/4  - Hài thanh: Tiếng thứ 3: “ *thành, Tuyền*”: đều là tiếng B  **b. Thể thất ngôn Đường luật:**  - Gieo vần: *“xa, hoa, nhà”:* Tiếng cuối câu 1, 2, 4 → vần chân, vần cách ( hoa – nhà).  - Ngắt nhịp: 4/3  - Hài thanh: Tiếng thứ 2, 4, 6 tuân thủ đúng luật hài thanh của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt:  + Tiếng thứ 2 các dòng:  suối, lồng, khuya, ngủ  **T B B T**  + Tiếng thứ 4 các dòng:  như, thụ, vẽ, lo  **B T T B**  + Tiếng thứ 6 các dòng:  hát, lồng, chưa, nước  **T B B T** |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Luật thơ .

- Luật thơ của một số thể thơ truyền thống .

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài : Trả bài làm văn số 2.

**----------**

Ngày soạn: 15/10/2016

Ngày dạy:

**Tiết 24. Làm văn. TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 2**

**A .Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** : Giúp HS:Nhận thức rõ những ưu điểm và nhược điểm về kiến thức, kĩ năng làm bài nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng đời sống.

**2. Kĩ năng** : Tự đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi bài làm văn.

**3. Tư duy, thái độ** : Nâng cao thêm ý thức rèn luyện đạo đức để có thái độ, hành động đúng đắn trước những hiện tượng đời sống hiện nay.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C.Phương pháp:** Kết hợp thuyết trình, giảng giải và phát vấn của GV với ý kiến HS tự nhận xét, đánh giá kết quả bài làm.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Thế nào là luật thơ? Trong bài thơ, tiếng có vai trò như thế nào, nêu cụ thể?

- Xác định số câu, số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp, cách hài thanh trong bài thơ *Cảnh khuya* (Hồ Chí Minh)?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Các em đã có bài viết số 2 ở nhà : Nghị luận về một hiện tượng đời sống. Tiết trả bài văn số 2 sẽ giúp chúng ta đánh giá bài làm của mình, đồng thời rút kinh nghiệm để có thể làm bài văn sau tốt hơn.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **\* GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh Tìm hiểu đề.**  **+ GV:** Luận đề mà đề bài đặt ra là gì? Hướng giải quýêt?  **+ GV:** Ta cần sử dụng những thao tác lập luận nào trong bài viết?  **+ GV:** Tư liệu trong bài viết được lấy từ đâu?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh Lập dàn ý.**  **+ GV:** Mở bài cần nêu những ý gì?  **+ GV:** Phần thân bài cần phải trình bày những ý nào? Xác định các dẫn chứng cụ thể?  **+ GV:** Nêu cách ứng xử cụ thể của mọi người với vấn đề?  **+ GV:** Bài học rút ra là gì?  **- Thao tác 3: Nhận xét sửa lỗi bài làm của học sinh.**  \* Giáo viên nêu biểu điểm của bài viết.  \* GV cho đọc những bài viết khá giỏi của học sinh.  \* GV tổng kết bài viết của học sinh. | **Đề bài:**  Bày tỏ suy nghĩ về tình trạng môi trường hiện nay.  **I. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:**  **1**. ***Tìm hiểu đề***:  - Luận đề:  Thực trạng môi trường hiện nay.  - Thao tác:  Giải thích, chứng minh, bình luận.  - Tư liệu: trong cuộc sống.  **2. *Lập dàn ý*:**  **\*** Mở bài :  - Giíi thiÖu vÊn ®Ò ®Æt ra trong ý kiến  - Nêu luận đề chính của bài viết theo các cách khác nhau.  *\*Thân bài :*  - Tầm quan trọng của môi trường đối với đời sống con người.  + Tạo sự sống con người.  + Môi trường sống cho nhiều động, thực vật.  + Che chắn cho con người khỏi những nguy hại từ thời tiết.  + Cung cấp nhiều tài nguyên quý giá cho con người  - Thực trạng môi trường hiện nay:  + Môi trường đang bị ô nhiễm trầm trọng do các hoạt động thiếu ý thức của con người.  + Nạn thải chất thải từ nhà máy, khu công nghiệp ra sông,  + Nạn tàn phá rừng bừa bãi.  - Nguy cơ có thể xảy ra do biến đổi cực về môi trường:  + Không khí bị ô nhiễm, nguy hại đến sự sống.  + Thiên tai nghiêm trọng: trái đất nóng lên, hạn hán, lũ lụt, bão tố, động đất, song thần…  + Đất đai bị sa mạc hóa, không thể nào anh tác, sinh sống được.  + Nguồn tài nguyên không còn nữa: Động, thực vật quý hiếm bị tuyệt chủng, thiếu nước sạch, cạn kiệt mạch nước ngầm.  + Thiếu lương thực, đói nghèo, bệnh tật.  + Đói nghèo làm hủy hoại nhân cách, đạo đức con người.  + Chiến tranh giành nguồn nước, lương thực lan tràn, nhân loại bị diệt vong.  - Më réng, n©ng cao vÊn ®Ò, nªu biÖn ph¸p..  ***- Đối với các cấp lãnh đạo:***  + Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, các ban ngành và nhân dân.  + Tuyên truyền, vận động cấp kinh phí đứng mức cho kế hoạch bảo vệ môi trường.  + Xử lí thật nặng những kẻ phá môi trường.  + Không được khai thác môi trường bừa bãi, không có kế hoạch.  + Tăng cường lực lượng bảo vệ môi trường.  + Có chế độ đãi ngộ, khen thưởng đúng mức cho những người có công bảo vệ môi trường.  ***- Đối với bản thân:***  + Mạnh dạn tố cáo những kẻ phá hoại rừng.  + Tích cực trồng rừng và kêu gọi mọi người cùng trồng rừng.  *\*Kết bài :*  Bài học cho bản thân.  3. ***Nhận xét, chữa lỗi:***  **a. Nhận xét:**  **\* Về nội dung:**  - Lạc đề:  - Xa đề:  **\* Về phương pháp:**  - Cách dùng từ:  - Cách diễn đạt:  - Cách xây dựng đoạn, trình bày ý:  **b. Chữa lỗi:**  **III. Biểu điểm:**  - Điểm giỏi:  + Xác định rõ vấn đề nghị luận  + Xác định các luận cứ, luận điểm đầy đủ  + Sắp xếp triển khai các ý một cách khoa học  + Biết liên hệ mở rộng , lật đi lật lại vấn đề ở nhiều phương diện  + Hành văn trong sáng, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi từ, câu  - Điểm khá :  Như điều kiện của điểm giỏi, nhưng còn mắc một số lỗi về hành văn  - Điểm trung bình :  + Xác định đúng luận đề  + Luận điểm luận cứ chưa thực sự đầy đủ  + Biết trình bày các luận điểm luận cứ một cách khoa học  - Điểm kém :  + Hoặc chưa xác định được luận đề  + Hoặc chưa biết triển khai các luận điểm luận cứ để làm sáng rõ yêu cầu của đề bài  + Hành văn yếu, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp  **V. Đọc bài viết tốt của học sinh**  **VI. Tổng kết**  **\* Thống kê :**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | 12A3 | 12A4 | 12A5 | | Điểm giỏi: |  |  |  | | Điểm khá: |  |  |  | | Điểm TB: |  |  |  | | Điểm kém: |  |  |  | |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Cách làm bài văn nghị luận về hiện tượng đời sống.

- Rút kinh nghiệm, khắc phục những lỗi thường xuyên mắc phải.

- Đọc lại bài: Cách nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**5. Dặn dò:**

**-** Xem và sửa lại bài.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: *Việt Bắc (*Tố Hữu*).*

Ngày soạn: 19/10/2016

Ngày dạy:

**Tiết 25-26. Đọc văn. VIỆT BẮC (Trích- tiếp theo)**

**Phần hai:** **TÁC PHẨM**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :** Giúp HS: Cảm nhận được một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, tình nghĩa thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước.Nhận thức được tính dân tộc đậm đà không chỉ trong nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Kĩ năng**:Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, cảm xúc kẻ ở người đi trong bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của lối nói giao duyên trong bài thơ, về cách xưng hô, về hình ảnh kẻ đi, người ở, về tình cảm cách mạng cao đẹp.

**3. Tư duy,** **thái độ** : Tự nhận thức về nghĩa tình thủy chung cách mạng của những con người Việt Bắc.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C.** **Phương pháp:**

**-** Cho HS đọc một số đoạn phân vai.

- Phát vấn, thảo luận.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 25 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Em hãy trình bày chặng đường cách mạng, chặng đường thơ của Tố Hữu.

- Trình bày phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

“Việt Bắc” là một trong những đỉnh cao của thơ Tố Hữu nói riêng, của thơ ca kháng chiến chống Pháp nói chung. Cả bài thơ là một hoài niệm nhớ thương tuôn chảy về những năm tháng ở chiến khu Việt Bắc rất gian khổ nhưng vui tươi, hào hùng. Hãy cùng tìm hiểu bài thơ được coi là đỉnh cao của thơ trữ tình chính trị Việt Nam.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **TIẾT 25** | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **\* GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về tác phẩm.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về hoàn cảnh sáng tác bài thơ.**  **+ GV:** Gọi học sinh đọc phần Tiểu dẫn.  **+ GV:** Dựa vào Tiểu dẫn, hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sắc thái tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ?**  **+ GV:** Gọi học sinh đọc đoạn thơ. Chú ý cách đọc đúng với tơ lục bát, đọc với giọng tâm tình tha thiết.  **+ HS:** Đọc diễn cảm đoạn thơ.  **+ GV:** Hoàn cảnh sáng tác của bài thơ cho ta biết được tâm trạng gì của các nhân vật trữ tình? Câu thơ nào tập trung nói rõ điều đó?  **+ GV:** Đây cũng là cuộc chia tay của những con người đã từng trải qua những điều gì? Câu thơ nào cho em biết điều đó?  **+ GV:** Đọc bài thơ, ta có cảm tưởng như đây là lời của những ai?  **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu kết cấu bài thơ.**  **+ GV:** Diễn biến tâm trạng được tổ chức như thế nào trong bài thơ?  **+ GV:** Lời hỏi và cả lời đáp đều mở ra những gì?  **+ GV:** Theo em đây có phải thực sự là lời của hai nhân vật không? Nếu không thì đó là lời của ai?  **\* GV hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vẻ đẹp của cảnh núi rừng và con người Việt Bắc**  **+ GV:** Cảnh vật núi rừng Việt Bắc được khắc hoạ trong đoạn thơ nào? Cảnh vật hiện lên như thế nào?  **+ GV:** Nỗi nhớ núi rừng Việt Bắc được so sánh với điều gì? Diễn tả một nỗi như như thế nào?  **+ GV:** Đoạn thơ có sử dụng hình thức nghệ thuật gì nổi bật? Biện pháp này muốn diễn tả điều gì?  **+ GV:** Đẹp nhất trong nỗi nhớ là có sự hoà quyện giữa những điều gì? Được thể hiện trong đoạn thơ nào?  **+ GV:** Phân tích bức tranh tứ bình trong đoạn thơ?  **+ GV:** Hình ảnh những con người được miêu tả như thế nào?  **+ GV:** Qua việc miêu tả đó, tác giả muốn nói lên điều gì?  **+ GV:** Trong nỗi nhớ của nhà thơ, đồng bào Việt Bắc hiện lên với những phẩm chất cao đẹp nào? Được thể hiện trong những câu thơ nào?  **+ GV:** Diễn tả hình ảnh người mẹ, tác giả muốn thể hiện tình cảm gì của mình?  **+ GV:** Tác giả còn nhớ về những tháng ngày như thế nào?  **+ GV:** Những tình cảm nào được thể hiện trong các câu thơ trên?  **TIẾT 26.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 26 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **Thao tác 3: Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu, vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến**  **+ GV:** Bức tranh Việt Bắc ra quân hùng vĩ được miêu tả trong đoạn thơ nào?  **+ GV:** Nhận xét về những hình ảnh, từ ngữ và biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong đoạn thơ?  **+ GV:** Những nghệ thuật trên diễn tả điều gì?  **+ GV:** Đoạn thơ có âm hưởng như thế nào? thể hiện được điều gì?  **+ GV:** Khí thế chiến thắng của dân tộc được thể hiện trong những câu thơ nào?  **+ GV:** Tác giả đã liệt kê những gì?  **+ GV:** Tố Hữu còn đi sâu lí giải những cội nguồn đã làm nên chiến thắng. Điều đó được nói trong những câu thơ nào? những nguyên nhân đó là gì?  **+ GV:** Chốt lại.  **+ GV:** Vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến được thể hiện trong những câu thơ nào?  **+ GV:** Tác giả đã nêu lên những vai trò gì của Việt Bắc?  **+ GV:** Trong những câu thơ cuối đoạn trích, tác giả còn khẳng định những gì?  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ.**  **+ GV:** Tính dân tộc của đoạn thơ được thể hiện như thế nào qua thể loại? (Cấu tứ của bài thơ như thế nào?)  **+ GV:** Nhà thơ còn vận dụng hình thức gì của ca dao trong các câu thơ?  **+ GV:** Tác dụng của hình thức tiểu đối này là gì?  **+ GV:** Ngôn ngữ trong đoạn thơ được lấy từ đâu? Nó có đặc điểm như thế nào?  **+ GV:** Tìm những câu thơ giàu hình ảnh?  **+ GV:** Những câu thơ nào theo em là giàu nhạc điệu?  **+ GV:** Phép trùng điệp được thể hiện trong những câu thơ nào?  **+ GV:** Phép trùng điệp này đã tạo giọng điệu gì cho đoạn thơ, bài thơ?  **\* GV hướng dẫn học sinh tổng kết.**  **+ GV:** Nêu chủ đề của đoạn thơ?  **+ GV:** Đoạn trích *Việt Bắc* có những nét nghệ thuật đặc sắc nào? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Hoàn cảnh sáng tác :**  - Tháng 10 - 1954, những người kháng chiến từ căn cứ mìêm núi về miền xuôi.  - Trung ương Đảng quyết định rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô.  - Nhân sự kiện có tính chất lịch sử ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ *Việt Bắc* .  **2. Sắc thái tâm trạng:**  - Hoàn cảnh sáng tác tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt:  *“Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”*  🡪 đầy xúc động, bâng khuâng không nói nên lời.  - Đây cũng là cuộc chia tay của những người từng gắn bó:  *“Mười lăm năm ấy, thiết tha mặn nồng”*  🡪 có biết bao kỷ niệm ân tình thuỷ chung.  - Chuyện ân tình cách mạng được Tố Hữu thể hiện khéo léo như tâm trạng của tình yêu đôi lứa.  **3. Kết cấu :**  - Diễn biến tâm trạng được tổ chức theo lối đối đáp giao duyên trong ca dao - dân ca: bên hỏi, bên đáp, người bày tỏ, người hô ứng.  - Hỏi và đáp điều mở ra bao nhiêu kỷ niệm về cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, bao nỗi niềm nhớ thương.  - Thực ra, bên ngoài là đối đáp, còn bên trong là lời độc thoại, là biểu hiện tâm tư tình cảm của chính nhà thơ, của những người tham gia kháng chiến.  **II. Đọc - hiểu văn bản :**    **1. Vẻ đẹp của cảnh núi rừng và con người Việt Bắc:**  - Cảnh vật núi rừng Việt Bắc hiện lên với vẻ đẹp vừa hiện thực vừa mơ mộng:  *“Nhớ gì như nhớ người yêu*  *Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương*  *Nhớ từng bản khói cùng sương*  *Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*  *Nhớ từng rừng nứa bờ tre*  *Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy”.*  + Nỗi nhớ Việc Bắc được so sánh “*như nhớ người yêu”*  🡪 Nỗi nhớ thật da diết, mãnh liệt, cháy bỏng.  + Điệp từ “*nhớ*” được đặt ở đầu câu  🡪 như liệt kê ra từng nỗi nhớ cụ thể: *nhớ ánh nắng ban chiều, ánh trăng buổi tối, những bản làng mờ trong sương sớm, những bếp lửa hồng trong đêm khuya, những núi rừng, sông suối mang những cái tên thân thuộc.*  => Nỗi nhớ bao trùm khắp cả không gian và thời gian.  - Đẹp nhất trong nỗi nhớ là sự hoà quyện thắm thiết giữa cảnh với người:  *Ta về mình có nhớ ta*  *Ta về ta nhớ những hoa cùng người.*  *Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*  *Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng*  *Ngày xuân mơ nở trắng rừng*  *Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang*  *Ve kêu rừng phách đổ vàng*  *Nhớ cô em gái hái măng một mình.*  *Rừng thu trăng rọi hoà bình*  *Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.*  + Thiên nhiên Việt Bắc hiệ lên với vẻ đẹp đa dạng, sinh động, thay đổi theo từng mùa:  o Mùa xuân: trong sáng, tinh khôi và đầy sức sống với “*mơ nở trắng rừng*”  o Mùa hè: rực rỡ, sôi động với âm thanh “*rừng phách đổ vàng*”  o Mùa thu: yên ả, thanh bình, lãng mạn với hình ảnh “*trăng rọi hoà bình*”  o Mùa đông: tươi tắn, không lạnh lẽo với hình ảnh “*hoa chuối đỏ tươi*”  + Gắn bó với thiên nhiên là những con người bình dị:  o Người đi làm nương rẫy (*Ngày xuân mơ nở trắng rừng*)  o Người khéo léo trong công việc đan nón (*Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang*)  o Người đi hái măng giữa rừng tre nứa (*Nhớ cô em gái hái măng một mình*)  🡪 Bằng những việc làm nhỏ bé, họ góp phần tạo nên sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến.  - Trong nỗi nhớ của nhà thơ, đồng bào Việt Bắc hiện lên với những phẩm chất cao đẹp:  + Hình ảnh *“Hát hiu lau xám, đậm đà lòng son”*  🡪 Tuy họ nghèo về vật chất nhưng lại giàu về nghĩa tình.  + Hình ảnh người mẹ:  *“Nhớ người mẹ nắng cháy lưng*  *Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô”*  🡪 nỗi xót xa về cuộc sống cơ cực của đồng bào miền núi.  + Những tháng ngày:  *“Thương nhau chia củ sắn lùi*  *Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”*  🡪 Họ đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi với người cán bộ kháng chiến.  => Âm hưởng trữ tình tạo khúc ca ngọt ngào, đằm thắm của tình yêu thương đồng chí, đồng bào, tình yêu thiên nhiên, đất nước.    **3. Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu, vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:**  **a. Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu:**  - Bức tranh Việt Bắc ra quân hùng vĩ :  *Những đường Việt Bắc của ta*  *Đêm đêm rầm rập như là đất rung.*  *Quân đi điệp điệp trùng trùng.*  *Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan.*  *Dân công đỏ đuốc từng đoàn*  *Bước đi nát đá, muôn tàn lửa bay.*  *Nghìn đêm thăm thẳm sương dày*  *Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.*  + Những hình ảnh không gian rộng lớn, những từ láy (*rầm rập, điệp điệp, trùng trùng*), biện pháp so sánh (*như là đất rung*), cường điệu (*bước chân nát đá*), biện pháp đối lập (*Nghìn đêm … >< … mai lên*), những động từ (*rầm rập, đất rung, lửa bay*)  🡪 diễn tả được khí thế hào hùng của cuộc kháng chiến chống Pháp: không khí sôi động với nhiều lực lượng tham gia, những hoạt động tấp nập…  + Âm hưởng hùng ca, mang tính sử thi của đoạn thơ  🡪 thể hiện được sức mạnh của cả một dân tộc đứng lên chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc.  - Dân tộc ấy vượt qua bao khó khăn, thử thách, hi sinh để đem về những kì tích:  *+ “Tin vui thắng trận trăm miền.*  *Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về*  *Vui từ Đồng Tháp, An Khê,*  *Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”*  *+ “Ai về ai có nhớ không?*  *Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng*  *Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng*  *Nhớ từ Cao - Lạng, nhớ sang Nhị Hà…”*  🡪 Liệt kê những chiến công gắn liền với những địa danh lịch sử.  - Tố Hữu còn đi sâu lí giải những cội nguồn đã làm nên chiến thắng:  + Đó là sức mạnh của lòng căn thù: *“Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai”*  + Đó là sức mạnh của tình nghĩa thuỷ chung: *“Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi”*  + Sức mạnh của tình đoàn kết:  *“Nhớ khi giặc đến giặc lùng*  *Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.*  *Núi giăng thành luỹ sắt dày,*  *Rừng che bộ đội rừng vây quân thù.*  *Mênh mông bốn mặt sương dày,*  *Đất trời ta cả chiến khu một lòng”*  🡪 Khối đại đoàn kết toàn dân (“*Đất trời ta cả chiến khu một lòng”*), sự hoà quyện gắn bó giữa con người với thiên nhiên (*Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây*): tất cả tạo thành hình ảnh một *đất nước đứng lên* tiêu diệt kẻ thù.  **b. Vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:**  *- “Mình về, có nhớ núi non,*  *Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh.*  *Mình đi mình có nhớ mình,*  *Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa.”*  + Việt Bắc là quê hương của cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, là đầu não của cuộc kháng chiến, nơi hội tụ tình cảm, suy nghĩ, niềm tin và hi vọng của mọi người Việt Nam yêu nước..  + Việt Bắc là chiến khu kiên cường, nơi nuôi dưỡng bao sức mạnh đấu tranh, nơi khai sinh những địa danh mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc.  *- “Ở đâu u ám quân thù,*  *Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi*  *Ở đâu đau đớn giống nòi,*  *Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.*  *Mười lăm năm ấy, ai quên*  *Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hoà”*  + Khẳng định Việt Bắc là nơi có *“Cụ Hồ sáng soi*”, có “*Trung ương chính phủ luận bàn việc công”*  + Khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc bằng những vần thơ mộc mạc, giản dị mà thắm thiết nghĩa tình.  **4. Nghệ thuật đậm đà tính dân tộc:**  **a. Về thể loại:**  - Cấu tứ bài thơ là cấu tứ ca dao với hai nhân vật trữ tình “*ta”* và “*mình*”, người ra đi, người ở lại đối đáp nhau.  - Sử dụng kiểu tiểu đối của ca dao:  *+ “Mình về rừng núi nhớ ai,*  *Trám bùi để rụng,/ măng mai để già.”*  *+ “Điều quân chiến dịch thu đông,*  *Nông thôn phát động,/ giao thông mở đường.”*  🡪 Tác dụng:  + Nhấn mạnh ý  + Tạo nhịp thơ uyển chuyển, cân xứng, hài hoà  + Lời thơ dễ nhớ, dễ thuộc, cân xứng hài hoà.  **b. Về ngôn ngữ:**  - Sử dụng lời ăn tiếng nói của nhân dân rất mộc mạc, giản dị nhưng cũng rất sinh động để tái hiện lại một thời cách mạng và kháng chiến đầy gian khổ mà dạt dào nghĩa tình.  - Đó là thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh cụ thể:  “*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày”*  *“Nắng trưa rực rỡ sao vàng”*  + Ngôn ngữ giàu nhạc điệu:  “*Chày đêm nện cối đều đều suối xa”*  *“Đêm đêm rầm rập như là đất rung”*  - Sử dụng nhuần nhuyễn phép trùng điệp của dân gian:  *+ “Mình về, mình có nhớ ta”*  *“Mình về, có nhớ chiến khu”*  *+ “Nhớ sao lớp học i tờ”*  *“Nhớ sao ngày tháng cơ quan”*  *“Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều”*  🡪 tạo giọng điệu trữ tình thiết tha, êm ái, ngọt ngào như âm hưởng lời ru, đưa ta vào thế giới của kỷ niệm và tình nghĩa thuỷ chung.  **III. TỔNG KẾT :**  *Ghi nhớ (SGK)*  - Qua nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến đối với chiến khu Việt Bắc, tác giả đã thể hiện được nghĩa tình thắm thiết giữa cán bộ kháng chiến với chiến khi Việt Bắc. Đồng thời ca ngợi vẻ đẹp của phong cảnh và con người Việt Bắc, đe cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng.  - Đoạn trích *Việt Bắc* đậm đà tính dân tộc từ hình thức nghệ thuật đến nội dung tình cảm. Việt Bắc là một bài thơ tiêu biểu nhiều mặt cho hồn thơ, phong cách thơ của Tố Hữu. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Cảnh đẹp của thiên nhiên và con người Việt Bắc qua nỗi nhớ của người ra đi.

- Hình ảnh Việt Bắc cách mạng, Việt Bắc anh hùng .

- Tính dân tộc trong đoạn thơ.

**5. Dặn dò:**

**-** Học thuộc lòng đoạn trích.

*-* Chuẩn bị bài *: Phát biểu theo chủ đề.*

Ngày soạn: 26/10/2016

Ngày dạy:

**Tiết 27. Làm văn. PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** :Qua bài học giúp HS:Hiểu được yêu cầu, cách thức phát biểu theo chủ đề.

Trình bày được ý kiến của mình trước tập thể phù hợp với chủ đề thảo luận và tình huống giao tiếp.

**2. Kĩ năng** : Xác định chủ đề, xây dựng dàn ý và trình bày bài phát biểu theo chủ đề.

Tìm kiếm và xử lí thông tin hợp lí, phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp.

**3. Tư duy, thái độ** : Xác định đúng vấn đề và nội dung, tự tin khi phát biểu theo chủ đề.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:** GV hướng dẫn, gợi ý cho học sinh lựa chọn nội dung, chuẩn bị đề cương và phát biểu ý kiến theo chủ đề , sau đó cho HS nhận xét, thảo luận và rút ra cách phát biểu theo chủ đề.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

* Đọc thuộc đoạn trích.
* Phân tích cảnh đẹp của thiên nhiên và con người Việt Bắc qua nỗi nhớ của người ra đi.
* Hình ảnh Việt Bắc cách mạng, Việt Bắc anh hùng được nhà thơ miêu tả như thế nào?
* Tính dân tộc trong đoạn thơ được thể hiện như thế nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong quá trình học tập của học sinh thường nảy sinh nhiều vấn đề buộc các em phải suy nghĩ và đưa ra những ý kiến của mình để cùng với mọi người tìm ra một điểm chung, một cách giải quyết thoả đáng nhất. Để có được một bài phát biểu phù hợp với chủ đề đưa ra và thuyết phục người nghe, hôm nay chúng ta cùng đi vào tìm hiểu bài học : ***Phát biểu theo chủ đề****.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  \* Hình thành khái niệm.  **-** Thế nào là phát biểu theo chủ đề? | | **I. KHÁI NIỆM:**  Phát biểu theo chủ đề là phát biểu bằng ngôn ngữ nói, có đề cương chuẩn bị trước để làm rõ nội dung một chủ đề nào đó (văn học, xã hội…. ). | |
| **\*** Xác định chủ đề và nội dung cần phát biểu.  Giáo viên đưa trước cho mỗi nhóm một VCD trong đó chứa một đoạn phim tư liệu về chủ đề *“Bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của con người”* (thời lượng 15 phút. và yêu cầu học sinh xem trước ở nhà, xác định chủ đề, nội dung chính của đoạn phim.  **-** Xác định chủ đề của đoạn phim tư liệu đã xem?  **-** Chủ đề đoạn phim được thể hiện qua những nội dung nào? | | **II. CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ PHÁT BIỂU:**  ***1. Xác định nội dung cần phát biểu:***  - Chủ đề: Bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của con người.  - Nội dung:  + Những lợi ích của rừng đối với cuộc sống con người  + Những hậu quả nghiêm trọng khi phá rừng.  + Trách nhiệm bảo vệ rừng của mỗi người. | |
| **\*** Nắm vững yêu cầu khi phát biểu, chọn nội dung phát biểu và chuẩn bị đề cương.  **-** Khi phát biểu theo chủ đề cần đảm bảo những yêu cầu nào? | ***2. Dự kiến đề cương phát biểu:***  - Yêu cầu chung:  + Chọn nội dung phát biểu: phù hợp chủ đề.  + Xây dựng đề cương: nổi bật trọng tâm, lôgích.  + Thái độ, cử chỉ, giọng nói: lịch sự, phù hợp với nội dung và cảm xúc. | |
| **-** Chủ đề thảo luận có 3 nội dung, hãy chọn 1 nội dung để phát biểu?  (Chọn nội dung 1, nội dung 2 và 3 dùng để luyện tập.  **-** Cho biết bố cục của đề cương?  - Giáo viên cho các nhóm thảo luận làm đề cương. | - Yêu cầu cụ thể:  + Nội dung phát biểu: Nội dung 1  + Bố cục đề cương:  o Mở bài: Giới thiệu khái quát nội dung.  o Thân bài: Trình bày hệ thống ý trong nội dung.  o Kết bài: Lời kết thúc và cảm ơn. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH** Tổ chức cho học sinh phát biểu ý kiến.  - Giáo viên gọi đại diện từng nhóm phát biểu ý kiến.  - Cho các nhóm khác nhận xét về giọng nói, thái độ, cử chỉ và bổ sung nội dung cho nhóm bạn. | **III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN:**  1. Mở bài: Những lợi ích lớn lao của rừng đối với sự sống của con người  2. Thân bài:  - Tạo ôxy cho sự sống con người.  - Điều hòa nhiệt độ, cân bằng thời tiết.  - Giữ mạch nước ngầm.  - Giữ độ màu mỡ cho đất, chống xói mòn.  - Môi trường sống cho nhiều động, thực vật quý hiếm.  - Che chắn giông bão, hạn chế lũ lụt.  - Cung cấp nhiều tài nguyên quý giá: thực phẩm, cây thuốc quý, gỗ, quặng mỏ…  - Căn cứ địa cách mạng thời chống giặc ngoại xâm.  - Cảnh quan hùng vĩ, nguồn đề tài sang tác cho văn học nghệ thuật.  => Lợi ích của rừng vô cùng to lớn nên bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của con người.  3. Kết bài: Lời kết thúc và cảm ơn. | |
| **\*** Đúc kết lại cách thức phát biểu theo chủ đề.  - Để phát biểu ý kiến theo chủ đề cần tiến hành theo cách thức nào? | **III. CÁCH THỨC PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ:**  1. Lựa chọn nội dung phát biểu phù hợp với chủ đề.  2. Dự kiến nội dung chi tiết và sắp xếp thành đề cương.  3. Có thái độ, cử chỉ, giọng nói: đúng mực, lịch sự, phù hợp với nội dung và cảm xúc. | |
| **HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  Luyện tập để khắc sâu kiến thức đã học.  - Cho các nhóm thảo luận, xây dựng đề cương theo nội dung thứ 2.  - Mỗi nhóm cử đại diện phát biểu.  - Các nhóm khác nhận xét về giọng nói, thái độ, cử chỉ và bổ sung cho hoàn chỉnh.  - Giáo viên trình chiếu đề cương tham khảo. | **V. LUYỆN TẬP:**  1. Phát biểu ý kiến theo nội dung thứ hai của chủ đề đoạn phim tư liệu đã xem.  1. Mở bài: Những hậu quả nghiêm trọng khi phá rừng  2. Thân bài:  - Không khí bị ô nhiễm, thiếu dưỡng khí cho sự sống.  - Thiên tai nghiêm trọng: trái đất nóng lên, hạn hán, lũ lụt, bão tố, động đất, song thần…  - Đất đai bị sa mạc hóa.  - Động, thực vật quý hiếm bị tuyệt chủng.  - Thiếu nước sạch, cạn kiệt mạch nước ngầm.  - Thiếu lương thực, đói nghèo, bệnh tật.  - Đói nghèo làm hủy hoại nhân cách, đạo đức con người.  - Chiến tranh giành nguồn nước, lương thực lan tràn, nhân loại bị diệt vong.  => Bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của con người.  3. Kết bài: Lời kết thúc và cảm ơn. | |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Cách thức phát biểu theo chủ đề.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới: Đoạn trích: *Đất Nước* (Nguyễn Khoa Điềm).

Ngày soạn: 27/10/2016

Ngày dạy:

**Tiết 28-29. Đọc văn. ĐẤT NƯỚC**

**(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*)**

***Nguyễn Khoa Điềm***

**A. Mục tiêu bài học :**

**1. Kiến thức** Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được những suy tư sâu sắc của nhà thơ về đất nước và trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, xứ sở. Hiểu được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính luận và trữ tình, sự vận dụng các chất liệu văn hóa và văn học dân gian, sự phong phú, linh hoạt của giọng điệu thơ.

**2. Kĩ năng :**Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, sự thể hiện hình tượng đất nước của bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, chất chính luận và chất trữ tình của bài thơ, về sự thể hiện tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân”.

**3. Tư duy, thái độ** : Tự nhận thức về tình yêu đất nước của thế hệ các nhà thơ trẻ trong thời kì chống Mĩ.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

- Nêu vấn đề, phát vấn, kết hợp diễn giảng.

- Hoạt động song phương giữa HS và GV.

**D. Tiến trình tổ chức:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 28 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu hoàn cảnh sáng tác và phân tích sắc thái tâm trạng, lối đối đáp của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

- Vẻ đẹp của cảnh và người Việt Bắc hiện lên như thế nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Đất Nước là nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca và nghệ thuật. Mỗi nhà thơ đều có những cảm nhận rất riêng về đất nước. Bởi thế, đất nước, Tổ quốc hiện lên muôn màu muôn vẻ. Nếu như các nhà thơ cùng thời thường chọn điểm nhìn về đất nước bằng những hình ảnh kì vĩ, mĩ lệ hay cảm hứng về lịch sử qua các triều đại thì Nguyễn Khoa Điềm lại chọn điểm nhìn gần gũi, quen thuộc về đất nước. Đến với “Đất Nước” của Nguyễn Khoa Điềm, ta như đứng trước muôn màu văn hóa, truyền thống, phong tục tươi đẹp vô ngần. Hãy cùng tìm hiểu đoạn trích “Đất Nước”.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 28** | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **?**Phần tiểu dẫn trình bày những nội dung chính nào?  - Trữ tình chính luận: thể hiện cảm xúc, tâm trạng riêng về các vấn đề chính trị xã hội bằng một giọng điệu sắc sảo.  **?**Nêu hoàn cảnh ra đời? Nội dung cơ bản? Nghệ thuật bài thơ?  **?**Với cảm hứng ấy, nhà thơ đã triển khai đoạn thơ theo trình tự như thế nào?  **?**Tác giả đã sử dụng những chất liệu văn hoá và lịch sử nào để thể hiện sự cảm nhận về đất nước?  **?**Đất nước được cảm nhận trên phương diện kgian như thế nào? Nhận xét gì về những kgan đó?  **?**Xét về phương diện thời gian, đất nước tồn tại trong thời gian “đằng đẵng”. Em hãy tìm dẫn chứng để làm rõ ý trên?  **?**Hãy nhận xét chung về cách cảm nhận đất nước của nhà thơ?Qua đó giáo dục chúng ta điều gì?  **?**Tác giả suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với đất nước?    **?** Nhận xét nghệ thuật thể hiện ?  **Hết tiết 28, chuyển sang tiết 29**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 29 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **?** Phần sau của đoạn thơ tập trung làm nổi bật tư tưởng "*Đất Nước của Nhân Dân*". Tư tưởng ấy đã quy tụ mọi cách nhìn nhận và đưa đến những phát hiện và mới của tác giả về địa lí lịch sử và văn hoá của đất nước như thế nào?  **?**Tác giả đã cảm nhận đất nước qua những địa danh , thắng cảnh nào?  **?**Những địa danh gắn với cái gì, của ai ?  **?** Vì sao khi nói về bốn nghìn năm lịch sử của đất nước, tác giả không điểm tên các triều đại cùng bao nhân vật anh hùng trong sử sách? Đối tượng mà tác giả muốn nhắc đến là ai? Vì sao tác giả lại nhắc đến họ? (Họ là những con người như thế nào?)    Khi nói về truyền thống của nhân dân tg đã chọn những yếu tố văn học dân gian nào để làm sáng tỏ? Đó là những truyền thống gì ?  **?**Nhận xét về nghệ thuật của đoạn thơ?  - Thể thơ?  - Giọng thơ?  - Nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn hoá dân gian của tg ? Vì sao có thể nói chất liệu văn hoá dân gian ở đoạn này gợi ấn tượng vừa quen thuộc vừa mới lạ? **?** Qua đoạn trích, tác giả thể hiện quan điểm về vấn đề gì? Mục đích của tác giả? | **I. Tìm hiểu chung :**  **1. Tác giả :**  ***a. Tiểu sử:***  - Sinh ra trong một gia đình trí thức, giàu truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng.  - Học tập và trưởng thành trên miền Bắc, tham gia chiến đấu và hoạt động văn nghệ ở miền Nam.  ***b. Phong cách sáng tác :***  - Giàu chất suy tư , xúc cảm dồn nén .  - Giọng thơ trữ tình chính luận .  **2. Bài thơ:**  ***a. Hoàn cảnh sáng tác***: Hoàn thành ở chiến khu Trị -Thiên 1971 .  ***b. Nội dung:*** thức tỉnh tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam.  ***c. Nghệ thuật:*** mang đậm phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm.  **3. Đoạn trích :**  ***a. Vị trí:*** Trích chương V của trường ca .  ***b. Cảm hứng chủ đạo:*** tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”.  ***c. Bố cục:*** Hai phần  - Phần I : 42 câu đầu :  + Đất nước được cảm nhận từ nhiều phương diện lịch sử văn hoá dân tộc, chiều sâu của không gian, chiều dài của thời gian.  + Quan hệ giữa con người và đât nước.  - Phần II: 47 câu cuối : Tư tưởng cốt lõi, cảm nhận về đất nước : Đất nước của Nhân dân .  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Cảm nhận về đất nước:**  **a. Đất nước được cảm nhận ở nhiều phương diện:**  **\* Phương diện lịch sử, văn hoá dân tộc:**  **(**Đất nước có từ bao giờ?)  - Đất nước gắn liền với:  + Văn hoá lâu đời của dân tộc: truyện cổ tích, phong tục.  + Cuộc trường chinh không nghỉ ngơi: chống ngoại xâm, cuộc sống lao động vất vả.  => Đất nước được hình thành và phát triển theo quá trình sống của mỗi con người, rất bình dị, thân thộc và gần gũi.  ***Nghệ thuật:*** Giọng thơ nhẹ nhàng, âm hưởng đầy quyến rũ đã đưa ta về với cội nguồn của đất nước : Một đất nước vừa cụ thể vừa huyền ảo đã có từ rất lâu đời.  ***\*Phương diện không gian địa lí và thời gian lịch sử:***  **(**Đất nước là gì?)  - **Phương diện không gian:** mới mẻ, độc đáo  Chiết tự: *Đất* mang tính cá thể  *Nước*  hết sức táo bạo  + Không gian gần gũi với con người: nơi sinh hoạt của mỗi người, không gian tuyệt diệu của tình yêu và nỗi nhớ đầy thơ mộng với bao kỉ niệm ngọt ngào.  + Không gian đại lí mênh mông từ "*núi bạc*" đến "*biển khơi*" và không gian sinh tồn của dân tộc bao thế hệ: "*Những ai đã khuất...mai sau*".  =>Đất nước hiện lên thiêng liêng những vẫn gần gũi, gắn bó với mỗi con người. Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.  -**Phương diện thời gian:**  + Nhắc đến cội nguồn dân tộc: “*Lạc Long Quân và Âu Cơ*” và ngày giỗ Tổ cho đến hiện tại với những con người không bao giờ quên nguồn cội dân tộc.  + Đất nước là sự kế tục của các thế hệ: quá khứ, hiện tại và tương lai: "*Những ai đã khuất...mai sau*".  **Tóm lại:** Tác giả đã hướng tới cái nhìn toàn vẹn và nhiều chiều về đất nước để khơi dậy một đất nước có chiều dài của thời gian lịch sử, chiều rộng của không gian địa lí và chiều sâu của truyền thống văn hoá dân tộc.  ***c. Trách nhiệm của thế hệ mình với đất nước***: Điểm mấu chốt về tư tưởng, tập trung cảm xúc.  + Đất nước kết tinh trong sự sống, trong máu thịt của mỗi cá nhân.  + Tình yêu lứa đôi thống nhất, hài hoà với tình yêu đất nước.  + Sự phát triển từ cá nhân, tình yêu lứa đôi đến tình yêu đồng loại + kết hợp với hình ảnh “*Đất nước vẹn tròn to lớn*” => gợi tả tình đoàn kết dân tộc (làm nên sức mạnh Việt Nam).  - Niềm tin vào thế hệ mai sau.  - Trách nhiệm của thế hệ mình:  + Đất nước - "*máu xương*" của mỗi con- là những giá trị vật chất và tinh thần mà mỗi người được thừa hưởng (quyền lợi).  + Trách nhiệm của mỗi người:phải biết gắn bó, san sẻ, hoá thân  =>Xây dựng và bảo vệ **Đất nước muôn đời**. (nghĩa vụ).  + Nghệ thuật:  **.** Điệp ngữ “*phải biết”* => giọng thơ **chính luận**.  **.** Âm điệu “*em ơi em”*=> **trữ tình** thiết tha.  **.** Dùng từ “*hoá thân”*(# hi sinh): hiến dâng, hoà nhập, sống còn vì đất nước => sâu sắc, giàu ý nghĩa.  **.** Lời thơ giản dị nhưng mang ý nghĩa sâu xa.  => Ý thơ mang tính chất tâm sự nhiều hơn là kêu gọi, giáo huấn nên sức truyền cảm rất mạnh.  **2. Tư tưởng cốt lõi :** "*Đất Nước của Nhân Dân*".  - ***Phương diện địa lí:*** cảm nhận đất nước qua những địa danh thắng cảnh gắn với cuộc sống tính cách số phận của nhân dân:  + Tình nghĩa thuỷ chung thắm thiết (núi Vọng Phu, hòn trống mái).  + Sức mạnh bất khuất (Chuyện Thánh Gióng).  + Cội nguồn thiêng liêng (hướng về đất Tổ Hùng Vương).  + Truyền thống hiếu học (Cách cảm nhận về núi Bút non nghiêng).  + Hình ảnh đất nước tươi đẹp (Cách nhìn dân dã về núi con Cóc, con Gà , dòng sông)  => Đất nước hiện lên vừa gần gũi vừa thiêng liêng.  ***- Phương diện lịch sử:*** Nhìn vào bốn nghìn năm đất nước mà nhấn mạnh đến những con người vô danh- Họ âm thầm cống hiến và hi sinh.  ***- Truyền thống của nhân dân:***  + Say đắm trong tình yêu (*Yêu em từ thuở trong nôi.*)  + Biết quý trọng tình nghĩa (*Biết quý công*...)  + Quyết liệt trong căm thù và chiến đấu (*Biết trồng tre.*..)  => Sự phát hiện thú vị và độc đáo của tác giả về đất nước được triển khai trên hai hướng vừa khơi sâu, vừa phát triển những ý nghĩa mới trên các phương diện địa lí, lịch sử, văn hoá với nhiều ý nghĩa mới : Muôn vàn vẻ đẹp của đất nước đều là kết tinh của bao công sức và khát vọng của nhân dân , của những con người vô danh , bình dị .  **Tư tưởng cốt lõi và tụ điểm** là "*Đất Nước của Nhân Dân*" : Vì Đất Nước là của nhân dân nên Đất Nước là của ca dao thần thoại.Đây là một định nghĩa giản dị mà độc đáo.  **c. Nghệ thuật :**  - Thể thơ tự do phóng túng .  - Giọng thơ suy tưởng: đặt câu hỏi và tự trả lời.  - Sử dụng các chất liệu văn hoá dân gian không phải là thủ pháp nghệ thuật mà là để chi phối tư tưởng ***"Đất Nước là của Nhân Dân".***  - Giọng thơ trữ tình – chính luận .  **III. Tổng kết:**  - Đoạn trích thể hiện một cái nhìn mới mẽ về đất nước : Đất nước là sự hội tụ và kết tinh bao công sức và khát vọng của nhân dân . Nhân dân là người làm ra đất nước.  - Đoạn trích nằm trong ý đồ tư tưởng của tác giả: thức tỉnh tinh thần dân tộc. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố** :

- Về tiểu sử và phong cách sáng tác của Nguyễn Khoa Điềm.

- Vị trí và hoàn cảnh sáng tác của văn bản .

- Cách cảm nhận đất nước vừa cụ thể vừa độc đáo của tác giả ở phương diện thời gian, không gian và văn hoá.

- Tư tưởng Đất Nước của Nhân dân .

**5. Dặn dò** :

- Học thuộc đoạn trích.

- Soạn bài mới *Đất Nước* của Nguyễn Đình Thi.

***Đọc thêm:* ĐẤT NƯỚC**

***Nguyễn Đình Thi***

**A. Mục tiêu cần đạt** :

**1. Kiến thức**

- Tác giả Nguyễn Đình Thi là một nhà văn đa tài thành công hơn cả vẫn là thơ.

- Thơ của ông giàu cảm xúc, kết tinh chất trí tuệ khi viết về nhân dân, đất nước.

- Vẻ đẹp sâu lắng, gợi cảm và thuyết phục qua tác phẩm thơ “Đất nước”.

**2. Kĩ năng**

- Đọc hiểu tc phẩm theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Tình yêu quê hương đất nước.

**B. Phương tiện thực hiện :**

- GV: SGK, SGV, Các tài liệu đọc thêm.

- HS: SGK, Vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp:**

- Nêu vấn đề, phát vấn, kết hợp diễn giảng.

- Hoạt động song phương giữa GV và HS.

- Về nhà, đọc kỹ bài thơ, tìm hiểu phần Hướng dẫn học bài.

- Cố gắng giải đáp các câu hỏi SGK, nhất là phải thấy được dụng ý của tác giả khi sử dụng các biện pháp nghệ thuật tu từ.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Tác giả Nguyễn Khoa Điềm cảm nhận Đất Nước theo phương diện nào?

- Cơ sở tác giả xác định *“ Đất Nước của Nhân Dân”?*

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Đất nước là chủ đề rộng lớn và đa dạng . Đến với *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi sẽ giúp cho người đọc hiểu thêm về thời kì đau thương của đất nước trong những năm thực dân Pháp xâm lược. Bên cạnh đó còn có hình ảnh con người đi cứu nước với tư thế hiên ngang và ý chí sắt đá , lòng kiên định trong buổi ra đi. Với bản sắc riêng , âm điệu hào hùng và xu hướng sáng tác Nguyễn Đình Thi đã sáng tác bài thơ rất giàu cảm xúc.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOAÏT ÑOÄNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **?**Em hãy sơ lược vài nét về tác giả Nguyễn Đình Thi ?  **?**Nêu quá trình sáng tác tác phẩm?  **?**Trình bày bố cục bài thơ?  **?**Đoạn đầu thể hiện điều gì ?  **?**Nghệ thuật thể hiện qua câu, chữ tiêu biểu?  **?**Các em hãy chỉ ra các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong từng khổ thơ ? Biện pháp nghệ thuật ấy nhằm biểu đạt nội dung gì ?  **?**Em thích nhất những câu thơ nào? Lý giải vì sao em yêu thích nó ?  **?**Bằng cảm nhận riêng của bản thân, em khai thác giá trị đặc sắc trong 4 câu thơ cuối của bài thơ.  ? Khái quát nghệ thuật và nội dung bài thơ. | **I. Giới thiệu chung :**  **1. Tác giả**: (SGK)  **2. Quá trình hoàn thành :**  - Ấp ủ trong thời gian 8 năm, (1948 – 1955), tác phẩm mới hoàn thành.  - Tuy có thể lắp ghép các mảng thơ nhưng tác phẩm thơ vẫn là một chỉnh thể.  **3. Bố cục :**  + Phần 1 (7 câu) : Tâm trạng – nỗi luyến nhớ về mùa thu & Hà Nội.  + Phần 2 (8 câu🡪 câu 21) Cảm xúc về mùa thu, suy nghĩ về đất nước, con người VN.  + Phần 3 (còn lại) Nhận thức tình yêu quê hương – đất nước, ý thức căm thù và quật khởi quật cường.  **II. Đọc hiểu văn bản :**  **1. 7 câu đầu:** (cảm xúc về đất nước được khơi nguồn từ 1 buổi sáng mùa thu)  + “sáng mát trong”  + “hương cốm”  + Lặp từ “thu”  + “sáng chớm lạnh”  + “Xao xác hơi may”  + “Thềm nắng – lá rơi đầy”  => mùa thu đặc trưng Hà Nội.  “*Người ra đi / đầu không ngoảnh lại*" => thể hiện ý chí quyết tâm.  **2. 14 câu tiếp theo**: Mùa thu mới nơi Việt Bắc. Lòng kiêu hãnh, tự hào vẻ đẹp của đất nước, truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam.  - Câu thơ 5 chữ “mùa thu nay khác rồi”  - Lời thơ ngắn gọn, chắc khoẻ nhằm khẳng định sự thay đổi của hoàn cảnh xã hội, trong nhận thức của con người.  - Chú ý các biện pháp nghệ thuật tu từ, ngôn ngữ thơ.  + Đứng – vui – nghe : niềm vui, sự hân hoan phơi phới.  + Nghệ thuật nhân hoa, lối nói ***ẩn dụ***  + Sự phối hợp thanh ***trắc*** thanh ***bằng***  =>Bức tranh thu đẹp, lóng lánh niềm vui sướng, tự hào.  + Cụm từ “Nước chúng ta” – trang nghiêm, trang trọng.  + Lặp từ “Những” – hình ảnh đất nước trù phú, mênh mông.  + Tự láy “đêm đêm”, “rì rầm” – sự liên tưởng về mỗi quan hệ giữa hiện tại và quá khứ.  **3. Những câu thơ còn lại:**  ***a. Đất nước trong đau thương:***  - Cánh đồng quê – chảy máu.  - Dây thép gai – đâm nát trời chiều.  - Bát cơm chan đầy nước mắt.  - Đứa đè cổ – đứa lột da.  (Cần thấy được các biện pháp tu từ đã góp phần đắc lực trong việc thể hiện nội dung tư tưởng)  ***b. Đất nước của những con người anh hùng, dũng cảm, bất duyệt:***  - Ngời lên nét mặt quê hương.  - Bật lên những tiếng căm hờn.  => quyết liệt, dữ dội  - Nghệ thuật đối lập :  Xiềng xích > < trời đầy chim  Súng đạn > < đất đầy hoa  yêu nước,  thương nhà  => khẳng định sức mạnh tinh thần, tâm hồn người Việt Nam  - Động từ ***ôm*** (trong câu thơ: “ôm đất nước …”) được hiểu theo nghĩa như một tính từ : sự níu giữ, niềm tin yêu vô bờ, không để ai cướp lấy.  - Nổi bật và đặc sắt nhất vẫn là 4 câu thơ cuối bài “Súng nổ…đứng dậy sáng loà”  + Hình thức thể hiện : thơ 6 chữ cô đúc, rắc rỏi.  + Bút pháp nhân hoá, kết hợp với sự linh hoạt, nhuần nhị trong việc đưa thành ngữ “tức nước vỡ bờ” vào thơ.  => Tạo nên vẻ đẹp hào hùng, tráng lệ về con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Đoạn thơ đã khái quát được sức vươn dậy thần kỳ của dântộc Việt Nam chúng ta.  **III. Tổng kết:** Đất nước là một tác phẩm thơ gây một ấn tượng mạnh nhờ vào chất chính luận – trữ tình hoà quyện tự nhiên, uyển chuyển.  Tác phẩm đã khắc chạm thành công một tượng đài kỳ vĩ bằng thơ về con người Việt Nam. Tổ quốc Việt Nam |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố :** “*Đất nước*”, một đóng góp đáng nể của Nguyễn Đình Thi cho nền thi ca dân tộc.

**5. Dặn dò:**

**-** Học thuộc lòng bài thơ.

- Chuẩn bị bài : Luật thơ (tiếp).

Ngày soạn: 2/11/2016

Ngày dạy:

**Tiết 30. Làm văn: LUẬT THƠ**(Tiếp)

**A. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :** Giúp HS:Hiểu luật thơ của một số thể thơ truyên thống: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật.Qua các bài tập, hiểu thêm về một số đổi mới trong các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng.

**2. Kĩ năng** : Làm thơ

**3. Tư duy, thái độ** : Yêu thích thơ

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

- Hướng dẫn HS quan sát vần, nhịp, phép hài thanh qua các vị dụ đã nêu trong SGK. Có thể dùng phát vấn, đối thoại để tiết học thêm sinh động.

- Bài tập có thể hướng dẫn ngay tại lớp, không cần yêu cầu HS làm trước ở nhà.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Tác giả Nguyễn Đình Thi có cảm xúc như thế nào về hai mùa thu của đất nước?

- Hình ảnh con người, dân tộc Việt Nam trong chiến đấu được miêu tả như thế nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Luật thơ là toàn bộ những quy tắc về số câu , dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp , hài thanh…để thể hiện tâm tư tình cảm mà người viết muốn bày tỏ . Và một câu thơ hay, bài thơ hay được đánh giá tổng thể nhưng tuyệt đối phải hay về luật . Hãy cùng làm các bài tập để hiểu thêm về luật thơ.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **\*GV : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài tập 1 :**  **- GV:** Những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh trong hai bài *Mặt trăng* và bài *Sóng*?    **\*GV : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài tập 2 :**  **- GV:** Sự đổi mới, sáng tạo của bài thơ trong thể thơ 7 tiếng hiện đại so với thơ thất ngôn truyền thống?  **\*GV : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài tập 3 :**  **- GV:** Đánh dấu mô hình âm luật bài thơ *Mời trầu*?  **\* GV : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài tập 4 :**  **- GV:** Ảnh hưởng của thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới trong bài thơ? | **1. Bài tập 1:**  Những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh (bài *Mặt trăng* và bài *Sóng*):  \* Giống nhau: gieo vần cách  \* Khác nhau:     |  |  | | --- | --- | | **Ngũ ngôn truyền thống**  **( Mặt trăng)** | **Thơ hiện đại:**  **năm chữ (Sóng)** | | - Vần: độc vận (bên, đen, lên, hèn)  - Ngắt nhịp lẻ: 2/3  - Hài thanh: Luân phiên ở tiếng 2 và 4 | - Vần: 2 vần (thế, trẻ, em, lên)  - Nhịp chẵn: 3/2  - Thanh của tiếng thứ 2 và 4 linh hoạt |   **2. Bài tập 2:**  Sự đổi mới, sáng tạo trong thể thơ 7 tiếng hiện đại so với thơ thất ngôn truyền thống:  \* Gieo vần:  - Vần chân, vần cách: lòng - trong (giống thơ truyền thống)  - Vần lưng: lòng - không (sáng tạo)  - Nhiều vần ở các vị trí khác nhau: sông- sóng- trong lòng – không (3)- không (5)- trong (5)-trong (7)  → sáng tạo  \* Ngắt nhịp:  - Câu 1 : 2/5 → sáng tạo  - Câu 2, 3, 4: 4/3→giống thơ truyền thống  **3. Bài tập 3:**  Mô hình âm luật bài thơ *Mời trầu*:  *Quả cau nho nhỏ / miếng trầu hôi*  B T B  *Này của Xuân Hương / mới quệt rồi*  T B T Bv  *Có phải duyên nhau / thì thắm lại*  T B T  *Đừng xanh như lá / bạc như vôi*  B T B Bv  **4. Bài tập 4:**  Ảnh hưởng của thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới:  \* Gieo vần: sông - dòng: vần cách  \* Nhịp: 4/3  \* Hài thanh:  - Tiếng 2: gợn, thuyền, về, một: T – B – B – T  - Tiếng 4: giang, mái, lại, khô: B –T – T – B  - Tiếng 6: điệp, song, trăm, mấy: T – B – B – T  🡪 Vần, nhịp, hài thanh đều giống thơ thất ngôn tứ tuyệt |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Sự khác nhau giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại .

- Mối quan hệ giữa thơ hiện đại và truyền thống.

**5. Dặn dò:**

**-** Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: Thực hành một số phép tu từ ngữ âm.

Ngày soạn : 2/11/2016

Ngày dạy :

***Tiết 31.Tiếng Việt:* THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM**

**A. Mục tiêu bài học :**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS:Củng cố và nâng cao nhận thức về một số phép tu từ ngữ âm (tạo nhịp điệu, âm hưởng, điệp âm, điệp vần, điệp thanh): đặc điểm và tác dụng của chúng.

Cảm nhận và phân tích các phép tu từ trong văn bản, bước đầu biết sử dụng các phép tu từ.

**2. Kĩ năng** : Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hiệu quả biểu đạt của một số câu/ đoạn văn, thơ có sự phối hợp ngữ âm.

**3. Tư duy, thái độ** : Phân tích, đối chiếu sự phối hợp âm thanh, nhịp điệu, âm hưởng của một số câu/ đoạn thơ, văn.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

\* Tuỳ đối tượng HS mỗi lớp, GV chọn một trong những hình thức sau:

- Cá nhân Hs làm bài tập, Gv yêu cầu trình bày trước lớp.

- Thảo luận ở tổ, nhóm, sau đó cử đại diện trình bày trước lớp.

- Thi giải bài tập giữa các tổ, nhóm.

\* Sau mỗi bài tập, GV tổng kết, chốt lại những kiến thức và kĩ năng cơ bản.

**D**. **Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không.

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Bài học sẽ giúp cho HS rèn luyện kĩ năng về việc tích hợp kiến thức đọc văn, phân tích thơ ca . Rèn luyện về kiến thức tiếp nhận thơ ca dựa vào : nhịp điệu và âm hưởng thơ ca, giúp hiểu cách gieo vần , hài thanh, sự đăng đối , sắc thái thơ ca nói chung.Chúng ta sẽ chia nhóm thảo luận và cùng giải bài tập :

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **GV: Hướng dẫn HS tìm hiểu phần I**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 1**  **+ GV:** Nhận xét cách ngắt nhịp trong đoạn?  **+ GV:** Nhịp dài có tác dụng ra sao?  **+ GV:** Nhịp ngắn tạo nên tác dụng gì ?  **+ GV:** Cách phối hợp thanh điệu như thế nào, tác dụng của nó?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 2**  **+ GV:** Điều gì nổi bật về nghệ thuật trong đoạn văn này?  **+ GV:** Nhịp điệu khi nhanh, khi chậm thể hiện điều gì ?  **- Thao tác 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 3**  **+ GV:** Cách ngắt nhịp của đoạn văn như thế nào? Tạo nên âm hưởng gì?  **+ GV:** Cách ngắt nhịp của hai câu cuối như thế nào? Tạo nên âm hưởng gì?  **\* GV: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phép điệp âm, điệp vần, điệp thanh.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn tìm hiểu bài tập 1.**  **+ GV:** Tác dụng của lặp âm đầu trong câu thơ sau là gì?  *Dưới trăng quyên đã gọi hè*  *Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông*  **+ GV:** Nếu thay từ *bóng* thành từ ánh thì câu thơ sau như thế nào?  *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe*  **- Thao tác 2: Hướng dẫn tìm hiểu bài tập 2.**  **+ GV:** Sắc thái ý nghĩa của vần *ang* trong đoạn thơ sau là gì?  *Lá bàng đang đỏ ngọn cây.*  *Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời*  *Mùa đông còn hết em ơi*  *Mà con én đã gọi người sang xuân* !  **- Thao tác 3: Hướng dẫn tìm hiểu bài tập 3.**  **+ GV:** Khung cảnh hiểm trở và sự giao sự gian lao vất vả được gợi ra nhờ những yếu tố nào? Phân tích? | **I. Tạo nhip điệu và âm hưởng cho câu:**  **1. Bài tập 1:**  - Đoạn văn có 4 nhịp: 2 nhịp dài, 2 nhịp ngắn phối hợp diễn tả nội dung đoạn:  + Hai nhịp dài: thể hiện lòng kiên trì và ý chí quyết tâm dân tộc trong đấu tranh vì tự do với thời gian dài.  + Hai nhịp ngắn: khẳng định dứt khoát và đanh thép quyền tự do và độc lập của dân tộc  - Sự thay đổi thanh điệu cuối nhịp:  + Kết thúc 3 nhịp đầu: thanh bằng và âm tiết mở tạo âm hưởng ngân vang, lan xa.  + Nhịp cuối: thanh trắc và âm tiết khép, tạo nên âm hưởng mạnh mẽ, dứt khoát, phù hợp với lời khẳng định.  **2. Bài tập 2:**  Để tạo nên sắc thái hùng hồn, thiêng liêng, đoạn văn phối hợp:  - Phép điệp (lặp từ ngữ, kết cấu ngữ pháp và nhịp điệu 4/2/4/2) + phép đối (đối xứng từ ngữ, về nhịp điệu, về kết cấu ngữ pháp)  - Câu văn xuôi + có vần (Câu 1,2: bà / già, súng / súng)  - Nhịp ngắn, nhịp dài: câu 1, 4.  🡪 Tạo âm hưởng khi khoan thai, khi mạnh mẽ, thích hợp với lời kêu gọi cứu nước.  **3. Bài tập 3:**  - Ngắt nhịp (dấu phẩy ở ba câu đầu) khi cần liệt kê.  - Câu 3:  + Ngắt nhịp liên tiếp  🡪 như lời kể về từng chiến công của tre.  + Nhịp ngắn trước, nhịp dài sau  🡪 tạo âm hưởng du dương cho lời ngợi ca.  - Hai câu cuối: ngắt nhịp giữa CN và VN  🡪 Tạo âm hưởng mạnh mẽ, dứt khoát cho lời tuyên dương công trạng, khẳng định ý chí kiên cường và chiến công vẻ vang của trẻ.  **II. Điệp âm, điệp vần, điệp thanh:**  **1. Bài tập 1:**  - Lặp âm đầu gợi cảm giác về hình ảnh : hoa lựu như những đóm lửa nhỏ, đẹp và ẩn hiện trên đầu tường.  - Lặp âm đầu gợi cảm giác phản chiếu của bóng trăng như phát tán trong không gian và trên mặt nước.  **2. Bài tập 2:**  - Vần *ang* – âm thanh mở lặp lại nhiều nhất, xuất hiện 7 lần  - Tác dụng:  + Tạo cảm giác rộng lớn, chuyển động, kéo dài (đông – xuân)  + Phù hợp với cảm xúc chung: mùa đông đang còn tiếp diễn vậy mà đã có lời mời gọi mùa xuân.  **3. Bài tập 3:**  Khung cảnh hiểm trở và sự gian lao vất vả được gợi ra nhờ:  - Nhịp điệu: 4/3 ở 3 câu đầu.  - Sự phối hợp: B – T ở 3 câu đầu  + Câu 1: Thiên về vần T  🡪 Gợi không gian hiểm trở, mang màu sắc hùng tráng, mạnh mẽ.  + Câu 4: Thiên về vần B  🡪 Gợi không khí rộng lớn, thoáng đãng trước mắt khi vượt qua con đường gian lao, vất vả.  - Từ láy gợi hình, phép đối, phép lặp, phép nhân hoá (*súng ngửi trời.*)  - Lặp cú pháp: câu 1 và 3. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

Tác dụng của các biện pháp tu từ ngữ âm trong khi diễn đạt nội dung câu văn.

**5. Dặn dò:**

- Luyện tập ở nhà: chỉ ra phép tu từ ngữ âm và ý nghĩa của nó trong những đoạn thơ, đoạn văn đã học trong chương trình.

- Chuẩn bị: Bài viết số 3: Nghị luận văn học.

Ngày soạn: 10/11/2016

Ngày dạy:

**Tiết 32-33. VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức**: Vận dụng kiến thức đã học trong phần Văn học ở nửa đầu HKI. để viết bài nghị luận văn học về một bài thơ, đoạn thơ trong đó sử dụng các thao tác phân tích, bình luận, nêu cảm nghĩ.

**2. Kĩ năng**: Rèn luyện, củng cố kĩ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý, tổ chức bài văn, các thao tác phân tích, bình luận vh; Bước đầu rèn luyện cho HS tập trung vào một khía cạnh, một vấn đề nổi bật trong đặc điểm nghệ thuật hoặc nội dung của tác phẩm,

**3. Tư duy, thái độ**: Ý thức tự rèn luyện cách trình bày ngắn gọn, rõ ràng, đồng thời nâng cao năng lực tư duy tổng hợp.

**B. HÌNH THỨC**

Bài kiểm tra tự luận trong thời gian 90 phút.

**C. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Thấp** | **Cao** |
| Làm văn |  | Chỉ ra được tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu). |  | Vận dụng kiến thức đọc hiểu về bài thơ *Tây Tiến* và kỹ năng tạo lập văn bản để viết bài nghị luận văn học về vẻ đẹp hình tượng người lính Tây Tiến. |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỷ lệ: |  | 1  3,0  30% |  | 1  7,0  70% | 2  10  100% |
| Tổng số câu:  Tổng số điểm:  Tỷ lệ: |  | 1  3,0  30% |  | 1  7,0  70% | 2  10  100% |

**D. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA**

**Thời gian làm bài: *90 phút***

**Câu 1**. Tính dân tộc trong bài thơ “Việt Bắc” - Tố Hữu được biểu hiện cụ thể ở những phương diện nào? Trình bày vắn tắt và nêu dẫn chứng minh hoạ. (3 điểm)

**Câu 2**. Phân tích vẻ đẹp hình tượng người lính trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng. (7 điểm)

**E. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1:**

- Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài của bài thơ (0.5đ)

- Những biểu hiện cụ thể của tính dân tộc trong bài thơ:

+ Nội dung: đề tài, hình tượng trung tâm, cảm hứng chủ đạo của bài thơ đều hướng tới những vấn đề lớn lao của ls dt(cuộc kc chống Pháp); hình tượng đất nước con ngườiVN vừa anh dũng, quật cường vừa tràn đầy vẻ đẹp thơ mộng đằm thắm (1 điểm)

+ Nghệ thuật: Thể thơ lục bát, giọng điệu trữ tình, cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh (1.5 đ)

**Mức đầy đủ:**

Mã 2: Trả lời đầy đủ được các ý.

**Mức không đầy đủ**

Mã 1: Nêu được một trong các ý trên hoặc nêu được các ý nhưng chưa đầy đủ.

**Mức không tính điểm:**

Mã 0: Có câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

**Câu 2:**

**1. Yêu cầu về kĩ năng**

Hiểu đề, biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Biết phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

**2. Yêu cầu về kiến thức**

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải làm nổi bật được những ý cơ bản sau:

*Sau đây là một số gợi ý:*

\* Mở bài: (0.5đ)

- Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

- Giới thiệu khái quát về hình tượng nt chủ đạo - đối tượng trữ tình của tp: ha người lính TT với vẻ bi tráng, đậm chất lãng mạn, hào hoa, bay bổng.

\* Thân bài (6đ)

- Vẻ đẹp bi tráng của người lính TT(3 đ)

+ Hình tượng người lính TT mang vẻ đẹp hào húng mãnh liệt có bóng dáng của các tráng sĩ thủa xưa nhưng cũng rất thời đại, rất mới mẻ. ý chí quên mình, ty mãnh liệt với quê hương đất nước, ty cs làm bừng sáng vẻ đẹp cuộc đời cđ gian khổ.

+ Vẻ đẹp của người lính khong tách rời nỗi đau chiến tranh ác liệt. Sự hi sinh của những người lính được biểu hiện bằng những hả bi thương nhưng không bi luỵ

- Vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn, hào hoa (3 đ)

+ Nét khác biệt giữa hình tượng người lính trong bài thơ TT với người lính trong bài thơ một số bài thơ khác: Sự khác biệt xuất phát từ đ. điểm bản thân đối tượng trữ tình, từ tâm hồn của chính chủ thể trữ tình.

+ Vẻ đẹp lãng mạn không chỉ bộc lộ ở dáng vẻ “oai hùm” phóng túng mà luôn thăng hoa trong tâm hồn trong từng giai điệu cảm xúc của người lính giữa sự tàn khốc của ct.

\* Kết bài: (0.5đ)

- Nhận định tổng quát về dặc trưng của hình tượng nghệ thuật: chất lãng mạn và chất anh hùng trong hình tượng người lính.

- Đóng góp của Quang Dũng trong cách biểu hiện hình tượng người lính trong thơ ca kháng chiến.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ kết quả cần đạt.** | | | | |
| **Giỏi** | **Khá** | **TB** | **Yếu** | **Kém** |
| **Nội dung 1** | **Tiêu chí:**  - Chỉ ra được tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc*, phân tích sâu sắc, đầy đủ các phương diện đó.  ***- Điểm: 3,0*** | **Tiêu chí:**  **-** Chỉ ra được tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* nhưng phân tích không sâu các biểu hiện.  - ***Điểm: 2,0 - 2,5*** | **Tiêu chí:**  - Chỉ ra được tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* nhưng phân tích sơ sài, chưa đầy đủ  ***-Điểm: 1,0 – 1,5*** | **Tiêu chí:**  - Chưa chỉ ra đầy đủ các phương diện của tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc.*  - Bài viết sơ sài.  ***Điểm: 0,5 – 0,75*** | **Tiêu chí:**  - Không làm hoặc hoàn toàn không phân tích, không chỉ ra được bất cứ một phương diện nào.  ***- Điểm 0*** |
| **Nội dung 2** | **Tiêu chí**  - Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc và sáng tạo; có thể còn một vài sai sót về chính tả, dùng từ.  - Giới thiệu được hoàn cảnh ra đời, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Phân tích được đầy đủ vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính Tây Tiến.  - Đóng góp của nhà thơ Quang Dũng.  ***- Điểm: 6,0 – 7,0*** | **Tiêu chí:**  - Bố cục rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ; còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  **-** Giới thiệu được hoàn cảnh ra đời, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Phân tích được vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính Tây Tiến nhưng chưa sâu.  - Chỉ ra được những đóng góp của nhà thơ Quang Dũng nhưng chưa sắc sảo.  ***- Điểm: 4,5 – 5,75*** | **Tiêu chí:**  - Bố cục, lập luận chưa rõ ràng, mắc nhiều lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  - Giới thiệu hoàn cảnh ra đời, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ chưa thực sự rõ ràng.  - Phân tích được vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính Tây Tiến nhưng chưa sâu, còn mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.  - Chỉ ra được đóng góp của nhà thơ Quang Dũng nhưng diễn đạt không rõ ràng.  ***Điểm: 3,5 – 4,25*** | **Tiêu chí:**  - Mắc lỗi bố cục, lập luận, rất nhiều lỗi về diễn đạt.  - Chưa giới thiệu được hoàn cảnh ra đời, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ, chưa phân tích được vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính Tây Tiến, những đóng góp của nhà thơ Quang Dũng.  ***- Điểm: 1 -3,25*** | **Tiêu chí:**  Không làm hoặc hoàn toàn lạc đề.  ***- Điểm: 0*** |

-Hết-

Ngày soạn: 11/11/2016

Ngày dạy:

**Tiết 34-35. Đọc văn. Đọc thêm. - DỌN VỀ LÀNG (*Nông Quốc Chấn*)**

**- TIẾNG HÁT CON TÀU(*Chế Lan Viên*)**

**- ĐÒ LÈN (*Nguyễn Duy*)**

**Bài 1: DỌN VỀ LÀNG**

*(Nông Quốc Chấn)*

**A.** **Mục tiêu cần đạt** :

**1. Kiến thức** :Giúp HS hiểu được:Vẻ đẹp rất riêng của thơ Nông Quốc Chấn, đại diện cho thơ của tầng lớp trí thức dân tộc ít người.Cảm nhận vẻ đẹp về nội dung và hình thức của bài thơ “ *Dọn về làng”.*

**2. Kĩ năng :** Rèn thêm kĩ năng đọc hiểu thơ cho học sinh.

**3. Tư duy, thái độ** : Tình yêu quê hương.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.**Phương pháp :** Nêu vấn đề, hợp tác nhóm...

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 34 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Chỉ ra cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh trong đoạn thơ:

*“Nhớ gì như nhớ người yêu*

*…*

*Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy”*

*(Việt Bắc -* Tố Hữu*)*

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã trở thành nguồn cảm xúc sáng tác phong phú cho giới văn nghệ sĩ bấy giờ, cũng lấy từ nguồn cảm xúc ấy, Nông Quốc Chấn sáng tác **Dọn về làng.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  -Cho HS tham khảo phần tiểu dẫn, gọi 1 em nêu những nét chính về tác giả và đặc điểm thơ Nông Quốc Chấn.  **?** Em cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ? Hoàn cảnh ấy có tác động như thể nào đến cảm hứng của tác giả?  - Gọi HS đọc bài thơ  **?**Tác phẩm “*Dọn về làng*” nói về vấn đề gì?.  *Cuộc sống của nhân dân ta dưới ách thống trị của thực dân Pháp và niềm vui được giải phóng.*  **?** Từ bố cục rất lạ của bài thơ, em có thể suy ra được bài thơ có những nội dung cơ bản nào?  **Nhóm 1:** phát hiện nghệ thuật từ câu 7 đến 37.  HS bình câu: *“ Cơn sấm sét lán sụp xuống nát cửa”*  **Nhóm 2:** câu 38 đến 48.   * Biện pháp đối lập (vd). * Giàu liên tưởng, âm thanh ánh sáng (vd).   **?** Nhân dân đã sống cay cực ra sao? Phải chăng đó là bi kịch của một gia đình?.  **?** Có người cho rằng từ hiện thực đau thương đó, niềm vui được giải phóng của nhân dân là niềm vui lớn mang tính thời đại, dân tộc. Em nghĩ sao?.  **?** Để có được những nội dung trên, tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật độc đáo nào? Từ đó suy ra thơ của tác giả có gì đặc biệt? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả, tác phẩm:**  **-** Nông Quốc Chấn là nhà thơ dân tộc Tày. Thơ ông đậm bản sắc dân tộc miền núi.  **-** Tác phẩm: (SGK)  **2.** **Hoàn cảnh ra đời:**(SGK)  **II. Hướng dẫn đọc thêm**:  **1. Đặc sắc về nội dung:**  ***a. Cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao- Bắc- Lạng và tội ác của giặc Pháp:***  **- Cuộc sống “*cay đắng* *đủ mùi*” của nhân dân:**  + Chạy giặc loạn lạc trong cảnh mưa bão mịt mù, sấm sét dữ dội.  *+* Sống đói khát, ngột ngạt, kinh hoàng; chết không ai chôn.  + Đặc biệt là hình tượng người mẹ- chịu đựng bao đau thương, mất mát nhưng cũng hết sức can trường trước mọi gian nan, thử thách trước mọi suy ngẫm. Đó vừa là người mẹ thân yêu trong tâm thức tác giả, vừa là người mẹ quê hương trong ý nghĩa tự thân của tác phẩm.  - **Tội ác của giặc Pháp:** Đốt trơ trụi, vét hết quần áo, bắt dân làng, tra tấn, đánh đập.  => Đó là bi kịch của dân tộc ta, nỗi đau lớn của nhà thơ. Có thể coi bài thơ là bản cáo trạng kẻ tọi thực dân xâm lược, qua đó bộ lộ thái độ của tác giả về sức chịu đựng và tình cảm yêu nước của dân tộc vùng cao.  ***b. Niềm vui khi được “Dọn về làng”:***  - Bố cục giản dị: Mở đầu là niềm vui khi Cao- Bắc- Lạng được giải phóng => nỗi buồn tủi, xót x,a căm giận bọn ngoại xâm đã tàn phá, gieo rắc tội ác lên quê hương => đoạn kết: trở lại cảm xúc mừng vui, hân hoan vì quê hương thanh bình trở lại.  - Thể hiện niềm vui mang nét riêng: lối nói cụ thể, cảm xúc, suy nghĩ được diễn đạt bằng hình ảnh: *"Người đông như kiến, súng đầy như củi", "Đường cái kêu vang tiếng ô tô... mái nhà lá"*  => Niềm vui Cao- Bắc- Lạng giải phóng được thể hiện bằng một phong cách riêng, đậm màu sắc độc đáo của tư duy người miền núi. Từ những chi tiết, hình ảnh, âm thanh cụ thể, niềm vui tràn ngập như vút lên trên từng câu thơ. Qua đó, thể hiện khát vọng tự do của dân tộc ta.  **III.** **Tổng kết:**  Bài thơ có nội dung và nghệ thuật đặc sắc. Góp một gương mặt đặc biệt cho nền thơ Việt Nam. |

**Bài 2: TIẾNG HÁT CON TÀU**

**(*Chế Lan Viên*)**

**A Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được khát vọng về với nhân dân và đất nước với những kỷ niệm sâu nặng nghĩa tình trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhà thơ.

- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật thơ Chế Lan Viên: sáng tạo hình ảnh, liên tưởng phong phú, bất ngờ, cảm xúc gắn với suy tưởng.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc hiểu bài thơ theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Ý thức cống hiến, xây dựng đất nước.

**B. Phương pháp :**

- Nêu vấn đề, phát vấn, thuyết giảng.

- Gợi mở, dẫn dắt, hướng dẫn HS đọc thêm

**C. Phương tiện :**

GV: Sách giáo viên, sách giáo khoa, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Khát vọng xây dựng đất nước sau khi miền Bắc giành được độc lập của một tâm hồn nghệ sĩ giàu tình yêu quê hương.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  HS đọc tiểu dẫn nêu vài nét chính về tác giả Chế Lan Viên?  Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  Bài thơ mang đậm phong cách sáng tác của Chế Lan Viên.  Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ? Thực tế ó con tàu đi Tây Bắc không?  Vậy con tàu có ý nghĩa như thế nào? Tây Bắc có ý nghĩa gì?  Từ đó rút ra ý nghĩa của lời đề từ.  Nên tìm hiểu bài thơ theo bố cục như thế nào?  Hai khổ đầu tác giả thể hiện nội dung gì? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng?  Nội dung chính của khổ 3- 11?  Nét độc đáo của khổ 5 là gì? Biện pháp nghệ thuật gì?  Ý nghĩa của khổ 5?  Những con người Tây Bắc hiện lên như thế nào?  Tình quân dân được thể hiện trong đoạn thơ như thế nào?    Nội dung của đoạn còn lại. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả: Chế Lan Viên (1920 - 1989):**  - Thơ Chế Lan Viên nóng hổi tính thời sự, giàu chất sử thi, chất anh hùng ca và chất chính luận, có vẻ đẹp trí tuệ độc đáo.  - Phong cách thơ Chế Lan Viên độc đáo: có vẻ đẹp trí tuệ, khai thác triệt để những tương quan đối lập, giàu chất suy tưởng, triết lí với thế giới hình ảnh đa dạng, phong phú, đầy sáng tạo.  **2. Tác phẩm:** Rút từ tập*“Ánh sáng và phù sa”.*  - Bài thơ được gợi cảm hứng từ một sự kiện lịch sử những năm 1958- 1960: cuộc vận động đồng bào miền xuôi xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc.  **II. Hướng dẫn đọc thêm:**   1. **Lời đề từ:**   - Con tàu: biểu tượng cho khát vọng ra đi.  - Tây Bắc:vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa biểu tượng cho miền đất xa xôi của Tổ quốc.  => Đến với nhân dân, với Tây Bắc chính là trở về với lòng mình, với tình cảm sâu nặng, gắn bó.  **2. Hai khổ đầu:** Sự trăn trở và lời mời gọi lên đường:  - Biện pháp đối lập.  - Câu hỏi tu từ => nhân vật trữ tình tự phân đôi để chất vấn, đối thoại với chính mình.  → Không thể có ý nghĩa cuộc đời, không thể có thơ hay nêú chỉ quẩn quanh trong thế giới chật hẹp của cái tôi.  **3. Khổ 3- 11:** Hoài niệm về Tây Bắc trong kháng chiến .  - Khổ 3,4: Tây Bắc là xứ núi rừng anh hùng, cuộc kháng chiến chống Pháp là sân khấu để tôi luyện nhà thơ chuyển biến cuộc đời và nghệ thuật.  - Khổ 5: so sánh độc đáo.  Sự trở về với nhân dân là niềm hạnh phúc lớn lao của tác giả: trở về để được tắm mát, để tâm hồn được hồi sinh, tìm thấy ý nghĩa sự tồn tại của cuộc đời mình, được chăm sóc, vỗ về, an ủi. Những hình ảnh so sánh vừa gần gũi có vẻ đẹp thơ mộng mượt mà, vừa sự hoà hợp giữa nhu cầu, khát vọng của bản thân với hiện thực đã nhấn mạnh niềm hạnh phúc tột độ và ý nghĩa sâu xa của việc trở về với nhân dân.  - Khổ 6-11: Hình ảnh Tây Bắc hiện lên qua những con người cụ thể:  + Đó là người anh du kích với chiếc áo nâu , đứa em liên lạc linh hoạt, dũng cảm, người mẹ nuôi quân giàu đức hi sinh, cô gái xung phong với vắt xôi nuôi quân giấu giữa rừng => sự gắn bó và niềm biết ơn của tác giả.  + Nhóm từ chỉ thời gian vĩnh hằng, từ xưng hô nói lên mối quan hệ gắn bó, gần gũi.  + Đoạn thơ có những câu mang tính triết lí:  "*Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*  *Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn"*  =>bình thường khi ta ở mảnh đất ấy chỉ là chốn trú thân. Khi rời xa mới nhận ra nơi ấy đã lưu giữ một phần tâm hồn.  *"Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương".*  *=>* Tình yêu có khả năng gắn kết những tâm hồn xa lạ.  **3. Còn lại:** Khúc hát lên đường  - Tiếng gọi của đất nước, của nhân dân, của đời sống trở thành động lực bên trong làm nhà thơ khao khát, bồn chồn: mắt ta thèm, tai tai nhớ, mắt ta nhớ, lòng ta cũng như tàu...  - Những hình ảnh có tính biểu tượng và ẩn dụ chỉ cuộc sống lớn của nhân dân... thành lời thôi thúc, mời gọi lên đường xây dựng Tây Bắc, xây dựng Tổ quốc.  - Âm hưởng đoạn thơ dồi dào lôi cuốn.  →Khao khát, bồn chồn, giục giã lên đường sôi nổi, mê say đáp lại lời mời gọi của hai khổ thơ đầu.  **III. Tổng kết:** Với những nét đặc sắc trong sáng tạo hình ảnh, với những liên tưởng phong phú bất ngờ, xúc cảm gắn với suy tưởng, bài thơ là tiếng lòng của nhà thơ hướng về đất nước với những kỉ niệm sâu nặng trong kháng chiến chống Pháp. Đó cũng là khát vọng trở về với ngọn nguồn cảm hứng sáng tạo thơ ca. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố**

**-** Nghệ thuật của bài thơ *Dọn về làng*  mang màu sắc dân tộc.

**-** Những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng trong bài thơ *Tiếng hát con tàu.*

**5. Dặn dò**

- Học thuộc lòng hai bài thơ.

- Chuẩn bị bài : *Đò Lèn* (Nguyễn Duy).

**Tiết 35. ĐÒ LÈN**

**(***Nguyễn Duy*)

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu thêm về thơ Nguyễn Duy - “ một thế giới nội tâm có bản sắc”.

Cảm nhận được tình cảm tri ân sâu sắc pha nỗi xót xa ân hận muộn màng của nhà thơ đối với người bà đã khuất.

- Hiểu được những nét riêng của Nguyễn Duy trong cách nhìn về quá khứ, về tuổi thơ cũng như trong cách thể hiện những cảm nhận về người bà lam lũ tảo tần giàu yêu thương.

**2. Kĩ năng**

**-** Góp phần củng cố kĩ năng tiếp nhận văn bản văn học cho HS : Cách dùng PP đối chiếu, so sánh để tìm ra nét riêng của VBVH, của tác giả.

**3. Tư duy, thái độ**

**-** Giáo dục tình cảm và hành vi đạo đức cho HS : Biết quý trọng người thân, biết hành động, quan tâm, chia xẻ đối với những người thân yêu nhất trong cuộc sống của mình.

**B**.**Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề , gợi mở .So sánh văn học

**C**.**Phương tiện**:

GV :SGK , SGV, thiết kế bài giảng , bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt.

HS : SGK, Vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 35 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ :**

**-**Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ *Dọn về làng.*

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ *Tiếng hát con tàu.*

**3.Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Bài thơ như lời ru, một nỗi niềm xa xưa vọng lại. Bài thơ mở ra một thế giới tuổi thơ thắm đẫm tình bà cháu.

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS |
| HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI  ?GV yêu cầu HS: Phát biểu một vài nét về Nguyễn Duy  GV nhấn mạnh một số nội dung quan trọng đã ghi trong tiểu dẫn.  GV đọc diễn cảm bài thơ.Hướng dẫn cách đọc.  GV nói nhanh về xuất xứ và đại ý , bố cục bài thơ.  ? Hai khổ thơ đầu khắc họa cái tôi ND thời thơ ấu. GV nêu một vài chi tiết và nhận xét về cái tôi tác giả.  + GV đọc đoạn đầu bài thơ Quê Hương của Giang Nam. So sánh với bài thơ này để học sinh thấy rõ cách nhìn mới mẻ của ND về tuổi thơ  - Hình ảnh người bà , qua hồi ức của tác giả,hiện lên như thế nào ? ( các chi tiết, hình ảnh )  -Tình cảm của nhà thơ như thế nào khi nghĩ về người bà một thời tần tảo, yêu thương nuôi nấng mình ?  ( Lưu ý trạng thái cảm xúc nhiều chiều trong tâm hồn nhà thơ )  GV đối chiếu bài này với bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt.Từ đó rút ra nét đặc sắc của Nguyễn Duy trong cùng thi đề viết về tình bà cháu.GV gợi mở :  - Để khắc hoạ hình ảnh người bà và gửi gắm tình cảm đối với bà, Nguyễn Duy đã sử dụng hiệu quả hai thủ pháp nghệ thuật :  + Thủ pháp đối lập.  + Thủ pháp so sánh, đối chiếu  GV so sánh giọng điệu ở 2 bài thơ.  GV tổng kết | I.Tìm hiểu chung:  1.Tác giả: (SGK)  2. Bài thơ: Đò Lèn (SGK)  II. Hướng dẫn đọc hiểu:  1. Cách nhìn về tuổi thơ của tác giả:  -Thời thơ ấu : câu cá , bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật,ăn trộm nhãn, đi chơi đền,chân đất đi đêm, níu váy bà đòi đi chợ...=> tinh nghịch, hiếu động, hồn nhiên.  - Cách nhìn: thành thực, thẳng thắng, tự nhiên, đậm chất quê, khác với lối thi vị hoá thường gặp => cách nhìn mới mẻ.  2.Tình cảm sâu nặng đối với người bà:  - Hình ảnh người bà: mò cua xúc tép ,gánh chè xanh những đêm lạnh ,bán trứng ga Lèn ngày bom Mỹ dội, năm đói củ dong riềng luộc sượng.. .  =>cơ cực, tần tảo, yêu thương .  - Tình cảm của nhà thơ khi nghĩ về bà ngoại:  + Thấu hiểu nỗi cơ cực, tần tảo, tình yêu thương của bà .Thể hiện tình yêu thương, sự tôn kính, lòng tri ân sâu sắc đối với bà.  + Sự ân hận , ngậm ngùi , xót đau muộn màng :  “Khi tôi biết thương bà thì đã muộn  Bà chỉ còn một nấm cỏ thôi"  3. Những đặc sắc trong cách thể hiện của ND trong thi đề viết về tình bà cháu:  - Sử dụng thủ pháp đối lập :  + Đối lập giữa cái tinh nghịch vô tư của người cháu với cái cơ cực, tần tảo của người bà.  + Đối lập giữa chiến tranh ác liệt với tình yêu thương của người bà.  + Đối lập giữa cái vĩnh hằng của vũ trụ với cái ngắn ngủi, hữu hạn của cuộc đời con người.  => thấu hiểu nỗi khổ cực của bà; thể hiện nỗi ngậm ngùi, sự ân hận muộn màng khi bà không còn nữa.  -Sử dụng phép so sánh đối chiếu :  + Giữa cái hư và cái thực; giữa bà với Tiên , Phật, thánh thần => tương đồng  + Giữa thần thánh với bà đặt trong một bối cảnh chiến tranh => tương phản  =>Tôn vinh, ngợi ca tấm lòng nhân từ cao cả của bà.Khẳng định sự bất diệt của hình ảnh người bà.  - Giọng điệu: thành thực, thẳng thắng.Vì thế tạo được dư vị về nỗi ngậm ngùi, đắng xót , ân hận pha lẫn những suy niệm đầy màu sắc triết lí về sự sống con người.  III. Kết luận:  - Bài thơ để lại nhiều dư vị trong tâm hồn, chạm đến cõi sâu kín và thường nhật trong cuộc sống tình cảm của mỗi con người. Dường như ND vừa nói hộ vừa nhắc nhở cho nhiều người về lẻ sống ở đời, đặc biệt là thái độ sống của mỗi người trong hiện tại đối với những gì gần gũi nhất trong cuộc sống của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:** Cái nhìn mới mẻ của Nguyễn Duy về tuổi thơ và cách thể hiện rất riêng của nhà thơ về tình cảm đối với người bà.

**5. Dặn dò**

**-** Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài **:** *Thực hành một số phép tu từ cú pháp.*

Ngày soạn: 15/11/2016

Ngày dạy:

**Tiết 36. Tiếng Việt. THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ CÚ PHÁP**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Nắm được một số phép tu từ cú pháp ( phép lặp cú pháp, phép liệt kê, phép chêm xen ) : đặc điểm và tác dụng của chúng. Nhận biết và phân tích các phép tu từ cú pháp trong văn bản và biết sử dụng chúng khi cần thiết.

**2. Kĩ năng** : Trình bày, trao đổi về hiệu quả biểu đạt của một số câu/ đoạn văn, thơ có sử dụng một số biện pháp tu từ cú pháp.

**3. Tư duy, thái độ** : Phân tích, đối chiếu tác dụng của các biện pháp tu từ trong một số câu/ đoạn thơ, văn.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp:**

\* Tuỳ đối tượng HS mỗi lớp, GV chọn một trong những hình thức sau:

- Cá nhân HS làm bài tập, GV yêu cầu trình bày trước lớp.

- Thảo luận ở tổ, nhóm, sau đó cử đại diện trình bày trước lớp.

- Thi giải bài tập giữa các tổ, nhóm.

\* Sau mỗi bài tập, GV tổng kết, chốt lại những kiến thức và kĩ năng cơ bản.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Tình cảm sâu nặng của tác giả đối với bà được biểu hiện ở những góc độ nào trong bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Bài học ngày hôm nay giúp chúng ta nắm được một số phép tu từ cú pháp thường dùng trong văn bản nói chung, văn bản nghệ thuật nói riêng.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  GV hướng dẫn học sinh lần lượt thực hiện các bài tập ở phép lặp cú pháp .  -Bài tập 1  HS đọc ngữ liệu trong SGK và xác định yêu cầu của bài tập.  *-* Bảng phụ 1 *:*  *“ Buồn thay ! ( 1 )* ***Đàn muỗi vo ve bay, đùa nhau quanh ngọn đèn.(2) Lá cây sột soạt rụng, đuổi nhau trên đường nhựa”***( NCHoan ) Yêu cầu HS nhận xét về kiểu cấu trúc cú pháp của câu (1),(2) và kiểu cấu trúc cú pháp đó có tác dụng như thế nào ?  Cách nhận biết phép lặp cú pháp ?  Hướng dẫn HS làm bài tập , chia HS thành từng nhóm để thảo luận.  Bài tập 2 : Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK và xác định yêu cầu của bài tập.    Bài tập 3 : HS về nhà làm.  GV hướng dẫn HS thực hành về phép liệt kê .  Bảng phụ 2 :  *Này chồng này mẹ này cha.*  *Này là em ruột này là em dâu .*  ( Nguyễn Du )  -Yêu cầu HS liệt kê những người trong gia đình Kiều, tác dụng của việc liệt kê này ?  HS trả lời được 5 người trong gia đình Kiều . Cách liệt kê đã thể hiện được một trật tự hợp nhân tình và một tôn ti đúng chế định (phong kiến)  - Sự sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp đồng loại ( nhưng khác nhau về từ ngữ ) nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.  -HS làm việc theo nhóm, cử đại diện trình bày, các nhóm khác bổ sung.  Cách nhận biết phép liệt kê ?  Hướng dẫn HS làm bài tập, chia nhóm để HS thảo luận.  GV hướng dẫn HS thực hành về phép chêm xen .  -Bảng phụ 3 : “ *Ông già giương hai mắt lên, rồi như đã nhận biết, bèn nhăn bộ răng ra cười,* ***cái cười khó khăn,*** *và gật gật mấy cái, giơ tay ra bắt”* (NCHoan)  Yêu cầu HS nhận xét về tác dụng của phép chêm xen trong câu trên.  Cách nhận biết phép chêm xen ?  Hướng dẫn HS làm bài tập 1, chia nhóm để thảo luận  Bài tập 2 : HS về nhà thực hiện | **I . Phép lặp cú pháp** :  **1. Bài tập 1:**  ***a.- Câu có hiện tượng lặp kết cấu cú pháp (lặp cú pháp):***  + Hai câu bắt đầu từ “ Sự thật là ”.  + Hai câu bắt đầu từ “ Dân ta”.  ***- Phân tích kết cấu cú pháp đó :***  + Kết cấu lặp ở hai câu bắt đầu từ “*Sự thật là*”: P – C – V1 – V2. Kết cấu khẳng định ở vế đầu và bác bỏ ở vế sau.  + Kết cấu lặp ở hai câu bắt đầu từ “ Dân ta”: C–V–Tr.  ***- Tác dụng :*** Tạo cho lời tuyên ngôn âm hưởng đanh thép, hào hùng, thích hợp với việc khẳng định nền độc lập của Việt Nam, đồng thời khẳng định thắng lợi của CMT8 là đánh đổ chế độ thực dân và chế độ phong kiến.  ***b.Các câu có lặp kết cấu cú pháp***  - Câu 1 và câu 2: C-V.  Câu 3,4,5 : cụm danh từ.  - **Tác dụng :** Khẳng định mạnh mẽ chủ quyền của chúng ta và bộc lộ cảm xúc sung sướng, tự hào, sảng khoái đối với thiên nhiên, đất nước khi giành được quyền làm chủ đất nước.  ***c. Đoạn thơ vừa lặp từ ngữ, vừa lặp cú pháp.***  - Ba cặp câu lục bát lặp các từ *nhớ sao* và lặp kết cấu ngữ pháp của kiểu câu cảm thán.  **- Tác dụng :** Biểu hiện nỗi nhớ da diết của người ra đi đối với những cảnh sinh hoạt và cảnh vật thiên nhiên ở Việt Bắc.  ***2. Bài tập 2 :*** So sánh :  ***a. Ở mỗi câu tục ngữ:*** hai vế lặp cú pháp nhờ phép đối chặt chẽ về số lượng tiếng, về từ loại, về kết cấu ngữ pháp của từng vế.  ***b. Ở phép đối:*** phép lặp cú pháp đòi hỏi mức độ chặt chẽ hơn: số tiếng ở hai câu bằng nhau. Hơn nữa, phép lặp còn phối hợp với phép đối (đối ứng từng tiếng trong hai vế về từ loại, về nghĩa; trong mỗi vế còn dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa tương ứng)  ***c. Ở thơ Đường luật:*** phép lặp cú pháp cũng đòi hỏi mức độ chặt chẽ cao : kết cấu ngữ pháp giống nhau, số lượng tiếng bằng nhau, các tiếng đối nhau về từ loại và nghĩa (đặc biệt giữa hai câu thực và hai câu luận của bài thất ngôn bát cú)  ***d. Ở văn biền ngẫu,*** phép lặp cú pháp cũng thường phối hợp với phép đối. Điều đó thường tồn tại trong một cặp câu (câu trong văn biền ngẫu có thể dài, không cố định về số tiếng).  **II. Phép liệt kê :**  a. Phép liệt kê đã phối hợp với phép lặp cú pháp. Tác dụng : nhấn mạnh và khẳng định sự đối đãi chu đáo, đầy tình nghĩa của Trần Quốc Tuấn đối với tướng sĩ trong mọi hoàn cảnh.  b. Phép lặp cú pháp ( các câu có kết cấu ngữ pháp giống nhau : C- V ( + phụ ngữ chỉ đối tượng ) phối hợp với phép liệt kê để vạch tội ác của thực dân Pháp, chỉ mặt vạch tên kẻ thù dân tộc. Cũng cùng mục đích ấy là cách tách dòng liên tiếp, dồn dập.    **III. Phép chêm xen :**  **Bài tập 1 :**  -Tất cả các bộ phận in đậm trong các bài tập a, b, c, d đều ở vị trí giữa câu hoặc cuối câu, sau bộ phận được chú thích.  - Các bộ phận đó đều được tách bằng ngữ điệu khi nói, khi đọc. Còn khi viết thì chúng được tách ra bằng dấu phẩy, dấu ngoặc đơn hoặc dấu gạch ngang.  - Chúng có tác dụng ghi chú hoặc giải thích cho từ ngữ đi trước, bổ sung thông tin thêm sắc thái về tình cảm, cảm xúc của người viết.  **Bài tập 2 :** HS về nhà thực hiện. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố**

**-** Tác dụng của phép lặp cú pháp, phép liệt kê, phép chêm xen.

**5.Dặn dò**

- Làm các bài tập về nhà.

- Soạn bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

Ngày soạn : 16/11/2016

Ngày dạy :

**Tiết 37-38. Đọc văn. SÓNG**

***Xuân Quỳnh***

**A. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức** :Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao của người phụ nữ về một tình yêu thuỷ chung, bất diệt.Thấy được đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, xây dựng hình ảnh, nhịp diệu và ngôn từ của bài thơ.

**2. Kĩ năng** : Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng sóng và em trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của tình yêu trong thơ ca, về vẻ đẹp của gương mặt thơ Xuân Quỳnh.

**3. Tư duy, thái độ** : Tự nhận thức về vẻ đẹp tình yêu trong cuộc sống.

**B. Phương tiện**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS : đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp**

- Hướng dẫn HS tiếp cận và khám phá TP qua phát vấn, đàm thoại về các h/ả, từ ngữ, âm điệu của bài thơ.

- Kết hợp việc đọc diễn cảm với các hình thức nêu vấn đề, phát vấn, đàm thoại, thảo luận nhóm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 37 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Trong bài thơ ***Đò Lèn***, cái tôi của tác giả thời thơ ấu được thể hiện như thế nào?

- Tình cảm sâu nặng của tác gia đối với bà được thể hiện như thế nào?

- Cách thể hiện tình cảm của tác giả đối với bà có gì đặc biệt?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Một cuộc đời đa đoan, một trái tim đa cảm là một Xuân Quỳnh luôn coi tình yêu là cứu cánh nhưng cũng luôn day dứt về giới hạn của tình yêu.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 37** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Nêu vài nét về tiểu sử Xuân Quỳnh có ảnh hưởng đến sự nghiệp văn học, là phong cách nghệ thuật thơ.  Bài thơ ra đời vào thời gian nào?  **?**Hình tượng bao trùm, xuyên suốt bài thơ là hình tượng *sóng*. Mạch liên kết các khổ thơ là những khám phá liên tục về *sóng*. Hãy phân tích hình tượng *sóng*?  **?**Giữa *sóng* và *em* trong bài thơ có mối quan hệ như thế nào? Nhận xét về nghệ thuật kết cấu của bài thơ?  **?**Chỉ ra sự tương đồng giữa trạng thái tâm hồn của người phụ nữ đang yêu với những con sóng?  **?**Nhận xét gì về 2 câu đầu?  **?**Cảm nhận như thế nào về khổ 3, 4?  **Hết tiết 37 sang tiết 38**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 38 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **?**Nội dung của khổ 5,6?  **?**Khổ 7 nêu lên qui luật gì?  **?** Cảm nhận hai khổ cuối của bài thơ?  **?** Tìm các biện pháp nghệ thuật được dùng để thể hiện tâm tư và cảm xúc của tác giả?  **?** Nhận xét về thể thơ, âm điệu, nhịp điệu bài thơ? Âm điệu, nhịp điệu đó được tạo nên bởi những yếu tố nào?      **?** Cảm nhận được điều gì qua bài thơ? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:** Xuân Quỳnh (1942 - 1988)  - Mồ côi mẹ từ nhỏ, sống với bà nội, khao khát tình yêu thương.  - Một trong số ít gương mặt thơ trẻ thời chống Mĩ.  - Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc đời thường.  **2. Bài thơ:**  ***a. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:*** Sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình).In trong tập ***Hoa dọc chiến hào*** (1968).  ***b. Giá trị nội dung và nghệ thuật: Sóng*** là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.  ***c. Hình tượng “sóng”:*** Sóng là hình ảnh ẩn dụ của tâm trạng người con gái đang yêu, là sự hoá thân, phân thân của nhân vật trữ tình.  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1.Những biểu hiện cụ thể của tình yêu:**  **a. Hai khổ đầu:** Tình yêu là qui luật của muôn đời.  - dữ dội ><dịu êm  ồn ào>< lặng lẽ  => hai trạng thái đối nghịch của sóng cũng là những biến động khác thường về trạng thái tâm lí tình yêu của người phụ nữ đang yêu: tình yêu nồng nàn, mãnh liệt, đắm say nhưng cũng dịu dàng, e ấp, đầy nữ tính.  - Trước những trạng thái đối nghịch của lòng mình, sóng không thể nào tự lí giải được nên đã làm hành trình từ sông ra bể để thể hiện khát vọng tự nhận thức, cắt nghĩa hạnh phúc của mình. Đó là hành trình thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp để tìm đến chân trời mới.  - Ra đến bể, con sóng thấy những dao động trái ngược kia là vĩnh hằng, muôn thuở với thời gian. Cũng như khao khát tình yêu của con người là khát vọng vĩnh hằng, muôn thuở. Nó luôn làm bồi hồi trái tim con người mà nhất là tuổi trẻ.  ***b. Khổ 3,4:*** Nhu cầu tự nhận thức.  - Tình yêu còn mang đến nhiều suy tư, trăn trở: nghĩa về người mình yêu, nghĩa về mình và về cuộc đời.  - Truy nguyên đến tận cội nguồn của sóng- tận nơi xuất phát của tình yêu, nhà thơ đành chịu "*em cũng không biết nữa*".  => Triết lí: "*chỉ có thể cảm nhận chứ không thể cắt nghĩa được tình yêu*"  \* Cách nói hồn nhiên, chân thành, là tiếng nói của chính tâm trạng thực của người con gái vừa bước vào tình yêu.  ***c. Khổ 5,6:*** Các sắc độ của tình yêu, tình yêu sắc son.  - Tình yêu đi liền với nỗi nhớ, nỗi nhớ là thước đo nồng độ của tình yêu: Sóng nhớ bờ- ngày đêm không ngủ, em nhớ anh: khi thức lẫn khi vô thức (mơ)=> nỗi nhớ thật sâu đậm, chiếm cả tầng sâu, bề rộng (lòng sâu, mặt nước); khắc khoải trong mọi thời gian (ngày- đêm, mơ- thức), bao trùm không gian bao la (phương Bắc, phương Nam), choáng ngợp cả lòng người.  - Tâm hồn khao khát tình yêu ấy luôn hướng về sự thủy chung ( Hướng về anh một phương) như định hướng của sóng biển là bờ. Trong tình yêu chỉ có một hướng duy nhất là hướng về phía người mình yêu- "Chiếc kim la bàn trong tình yêu".  => Người phụ nữ khi yêu thật mạnh bạo, chân thành khi bày tỏ lòng mình.  ***d. Khổ 7:*** Tình yêu bền vững.  - Sóng vượt qua muôn trùng xa cách cuối cùng cũng đến bờ=> dùng qui luật của thiên nhiên để khẳng định niềm tin mãnh liệt vào tình yêu và cũng là niềm an ủi cho bản thân mình và cho cả người mình yêu: "*tình yêu đẹp là tình yêu biết vượt ua thử thách*".  **2. Niềm khát vọng trong tình yêu:**  - Sử dụng nghệ thuật đối lập giữa cái vô hạn với cái hữu hạn vì thế mà Xuân Quỳnh hết mình trong tình yêu.  - Ở khổ cuối nhà thơ tự phân thân. Mong muốn tình yêu chung thủy nhưng không ích kỉ không chỉ có anh và em mà chan hòa vào tình yêu của mọi người có như vậy tình yêu mới vĩnh hằng “ nghìn năm còn vỗ”. Đây là khát vọng đẹp đẽ và đầy cảm động.  ⇒ Tình yêu của người phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh nồng nhiệt thiết tha, chủ động trong tình yêu, yêu hết mình, quên mình nhưng cũng đòi hỏi sự duy nhất, tuyệt đối luôn hướng về sự gắn bó thủy chung.  **3. Nghệ thuật:** Sóng là sự tìm tòi sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Xuân Quỳnh.  - Âm hưởng nhịp nhàng dào dạt, gợi ra những nhịp sóng dồn dập và liên tiếp. Lúc sôi nổi, lúc sâu lắng.  - Thể thơ năm chữ, cách ngắt nhịp linh hoạt tạo nên nhịp điệu của sóng biển dào dạt, sôi nổi, lúc sâu lắng, dịu êm chạy suốt bài thơ.  - Tâm trạng: hồn nhiên, chân thành  - Hình tượng sóng được miêu tả trở đi trở lại mà không lặp, diễn tả được tâm hồn người phụ nữ.  **III. Tổng kết:**  - Qua hình tượng “Sóng” nhà thơ nêu lên khát vọng về một tình yêu sâu sắc, nồng nàn, thủy chung và bất diệt, gắn với hạnh phúc đời thường. Qua đó, chúng ta cảm nhận được sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Học thuộc bài thơ.

- Hình tượng Sóng

- Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ đang yêu trong bài thơ .

- Đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

**5. Dặn dò:**

- Đọc thuộc bài thơ và phân tích hình tượng *sóng*, qua đó thấy được tâm trạng của chủ thể trữ tình.

- Chuẩn bị bài *Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận.*

Ngày soạn: 19/11/2016

Ngày dạy:

**Tiết 39. Làm văn. LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP**

**CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS:Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng** : Biết cách vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong một đoạn văn, bài văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ** : Tư duy tổng hợp.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS : đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.  **Phương pháp**

- GV nhắc HS ôn tập các bài *Luyện tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận;Luyện tập đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận* trong SGK *Ngữ văn 8*. Trên lớp GV kiểm tra những điều HS đã biết bằng các hình thức như: kiểm tra, nhận diện phương thức biểu đạt trong các đoạn trích, thảo luận, tranh luận,...

- GV nên cho HS đi từ những điều đã biết về vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để suy ra cách thức vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt.

- Tích hợp với các tác phẩm nghị luận *Tuyên ngôn Độc lập, Mấy ý nghĩ về thơ...*

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra sự chuẩn bị bài tập của HS.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Trong bài văn nghị luận, việc kết hợp các phương thức biểu đạt, tự sự, miêu tả, biểu cảm đem lại sự hấp dẫn, sinh động cho bài văn nghị luận. Để sử dụng tốt các phương thức biểu đạt trong bài văn, chúng ta cùng đi vào luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **?** GV hướng dẫn HS ôn tập kiến thức đã học ở lớp 8 qua việc tìm hiểu ngữ liệu ở bảng phụ.  **?**Qua ngữ liệu 1 theo em đâu là yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả?  Yếu tố tự sự: mẹ chàng... sáng bạc.  Yếu tố miêu tả:  Còn nàng ... Người kinh.  **?**Ngữ liệu 2 sử dụng yếu tố nào?  **?**Theo em, sử dụng các yếu tố đó vào ngữ liệu có tác dụng gì?  GV hướng dẫn HS luyện tập ở lớp trên cơ sở trả lời các câu hỏi SGK.  **?**Vì sao cần phải vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm trong đoạn văn nghị luận?  Muốn vận dụng các phương thức biểu đạt có kết quả cao thì chúng ta cần chú ý điều gì?  GV cho HS luyện tập bằng cách chia nhóm  **?**Gọi HS đại diện mỗi nhóm xác định chủ đề của bài phát biểu? (phát biểu về nhà văn nào?)  Xác định nội dung của bài phát biểu?  *Lưu ý:* Bài văn phải vận dụng những phương thức biểu đạt mà các em thấy cần.  GV yêu cầu HS rút ra bài học sau khi đã làm bài tập.  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  - GV hướng dẫn HS luyện tập ở nhà. | **I. Luyện tập trên lớp:**  **1. Bài tập 1:**  ***a. Ngữ liệu:***  1. Mẹ chàng trăng đã nằm mơ thấy một con thỏ trắng, nhảy qua ngực mà thụ thai mà đẻ ra chàng. Sợ tù trưởng phạt vạ, mẹ chàng bỏ chàng trên rừng, phó mặc cho trời đất. Suốt ngày chàng không nói, không cười, chỉ thích chơi khiên đao. Sau đó, chàng cưỡi ngựa đá khổng lồ do trời đất cho, đi giết một tên bạo chúa đến chiếm đất rồi cuối cùng biến vào mặt trăng để đêm đêm soi xuống dòng thác Fông- Gơ-Nhi những vầng sáng bạc.  Còn nàng Han là một cô gái thông minh, dũng cảm, lớn lên đi đánh giặc ngoại xâm. Quân nàng liên kết với người kinh, theo cờ lệnh bằng chăn dệt chỉ ngũ sắc của nàng mà đánh tan được giặc. Mường bản đang vui thắng trận thì nàng hoá thành tiên lên trời, sau khi tắm ở sông Nậm Bờ để lại trên bờ thanh gương nàng đã dùng diệt giặc. Từ đấy, hằng năm đế ngày nàng lên trời, dân bản mường lại mở hội dước cờ nàng Han, vui chơi rồi kéo ra sông Nậm Bờ tắm. Và trên dày núi Fu-Keo vẫn còn đền thờ nàng Han ở trên rừng, gần đây có những vũng, những ao chi chit nối tiếp nhau là vết chân voi ngựa của quân nàng Han và quân đội người kinh.  2.Hỡi đồng bào toàn quốc !.  Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cước nước ta lần nữa!  Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.  Hỡi đồng bào !  Chúng ta phải đứng lên!  ***b.******Nhận xét:***  - Yếu tố tự sự  - Yếu tố miêu tả  - Yếu tố biểu cảm  Các yếu tố giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn được rõ ràng, sinh động có sức thuyết phục tác động mạnh mẽ đến tình cảm người đọc.  - Khắc phục hạn chế của bài văn nghị luận bởi đặc điểm của văn nghị luận khô khan, thiên về lý tính.  - Yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm làm cho bài văn nghị luận thêm cụ thể, sống động.  ***\* Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận***  Bài văn phải thuộc một kiểu văn bản chính luận, dứt khoát phải là văn nghị luận.  **3. Bài tập 3:** Viết một bài văn nghị luận ngắn về chủ đề “Nhà văn tôi hâm mộ”  Tác giả Nguyễn Đình Chiểu  - Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác (tác phẩm chính có giá trị)  \* **Ghi nhớ:** SGK  **II. Luyện tập ở nhà:**  **1. Trả lời:** Cả hai nhận định đều đúng vì:  - Một bài văn nghị luận chỉ hấp dẫn khi sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nếu không nó sẽ đi sa vào trừu tượng, khô khan.  - Tác phẩm nghị luận chỉ vận dụng một phương pháp sẽ rơi vào đơn điệu, nhàm chán và khô cứng.  **2. Viết bài:**  Chủ đề: Ô nhiễm môi trường . |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Việc vận dụng các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận là cần thiết.

- Việc vận dụng các phương thức biểu đạt phải xuất phát từ yêu cầu và mục đích nghị luận.

- Kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức người viết có thể làm cho tiến trình nghị luận đặc sắc, hấp dẫn.

**5. Dặn dò**

**-** Chuẩn bị bài mới: *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo).

Ngày soạn: 20/11/2016

Ngày dạy:

**Tiết 40. Đọc văn .ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA**

***Thanh Thảo***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Hiểu được vẻ đẹp của hình tượng Lor- ca qua cách cảm nhận và tái hiện độc đáo của Thanh Thảo.Nắm được những nét đặc sắc trong kiểu tư duy thơ mới mẻ, hiện đai của tác giả.

**2. Kĩ năng** : Trình bày, trao đối về mạch cảm xúc của bài thơ, về hình tượng Lor-ca, về cách thể hiện cảm xúc của tác giả. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của hình tượng Lor-ca, về những sáng tạo độc đáo của Thanh Thảo trong bài thơ.

**3. Tư duy, thái độ** : Tự nhận thức về tinh thần bất khuất của người anh hùng dân tộc.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS : SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.  **Phương pháp:**

- Đọc diễn cảm.

- Qui nạp từ dễ đến khó, từ cụ thể đến khái quát kết hợp vận dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp để HS chủ động khám phá tác phẩm.

- Cung cấp kiến thức về các trào lưu, trường phái văn học như chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa siêu thực trong văn học phương Tây và sự ảnh hưởng của nó đến văn học Việt Nam.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Đọc thuộc bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

- Phận tích các khổ thơ.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Thơ Thanh Thảo viết về đề tài nào cũng đậm chất triết lí. Mạch trữ tình trong thơ ông đều hướng tới những vẻ đẹp của nhân cách: nhân ái, bao dung, can đảm, trung thực và yêu tự do.Thơ ông dành mối quan tâm đặc biệt cho những con người sống có nghĩa khí như: Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Ê-xê- nhin, Lor-ca...Và bài thơ “ Đàn Ghi ta của Lor – ca “ sẽ giúp cho chúng ta hiểu thêm về TBN , âm nhạc ghi ta, về Lor – ca về khát vọng cách tân nghệ thuật từ âm nhạc.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?**Nêu vài nét chính về nhà thơ Thanh Thảo, đặc biệt là phong cách sáng tác?  GV bổ sung các kiến thức về Lor-ca; về trào lưu văn học siêu thực; về trào lưu văn học tượng trưng…  Gọi 1 HS đọc bài thơ.  HS đọc bài thơ.(lưu ý cách đọc xúc cảm, luyến láy...như cung bậc đàn ghi ta)  **?**Nêu xuất xứ.  **?**Em hãy xác định bố cục bài thơ?  **?**Nêu cảm nhận về chủ đề của bài thơ.  Đọc lại 18 dòng thơ đầu.  **?**Em có suy nghĩ gì khi bắt gặp h/ả *“Áo choàng đỏ gắt”, “ tiếng đàn ghi ta…?”*  **?**Các hình ảnh *“đi lang thang, vầng trăng chếnh choáng, yên ngựa mỏi mòn, hát nghêu ngao, li la…”* giúp ta liên tưởng đến điều gì?  **?**Tác giả đã tái hiện cái chết oan khuất của Lor-ca qua các h/ả, chi tiết nào?  **?**Cảm nhận của em về các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ?  (ý nghĩa của các biện pháp nghệ thuật đó?)  Đọc phần thơ còn lại.  **?**Theo em, Lor-ca muốn nhắn gửi thông điệp gì qua câu nói *“khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”*?  **?**Cho HS nêu cảm nhận 4 câu thơ *“Không ai chôn …cỏ mọc hoang”.*  Yêu cầu HS giải mã các hình ảnh *“giọt nước mắt , đường chỉ tay, dòng sông, lá bùa, chiếc ghi ta màu bạc…”.*  **?**Tiếng “Li la- li la- li la” trong bài thơ có ý nghĩa gì?  Gợi: tiếng đàn và còn có nghĩa là hoa đinh tử hương.  Yêu cầu HS tự tổng kết bài học về phương diện nội dung và nghệ thuật. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:** Thanh Thảo.  - Được công chúng đặc biệt chú ý bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến.  - Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muộn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi.  - Nỗ lực cách tân thơ Việt qua hình thức thơ tự do.  **2. Tác phẩm:**  ***a. Xuất xứ:***  - Rút trong tập “Khối vuông Ru – bích”.  - Thể hiện tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuốm màu sắc tượng trưng, siêu thực.  ***b. Bố cục:*** Gồm 4 phần:  **\*** Câu 1 – 6: Lor-ca – con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật TBN.  **\*** Câu 7- 18: Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật.  **\*** Câu 19- 22: Niềm xót thương Lor-ca.  **\*** Câu 23- 31: Suy tư về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca.  ***c. Chủ đề:***  - Khắc hoạ cuộc đời nghệ sĩ Lor-ca với lý tưởng cách tân nghệ thuật và cái chết oan khuất.  - Thể hiện niềm ngưỡng mộ và xót thương của tác giả đối với Lor-ca.  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. Hình tượng nghệ sĩ Lor-ca:**  ***a. Lor-ca, một con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị và nghệ thuật Tây Ban Nha:***  *- Áo choàng đỏ:*  + Gợi bản sắc văn hoá Tây Ban Nha.  + Hình ảnh Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị Tây Ban Nha độc tài lúc bấy giờ.  *- Tiếng đàn:*  + Ghi ta: nhạc cụ của người Tây Ban Nha.  + Tài năng nghệ thuật của Lor-ca với khát vọng cách tân nghệ thuật.  *=>Tiếng đàn bọt nước:* đẹp, mong manh mà sinh sôi bất tận như "bọt nước" lặn rồi lại nổi làm dịu bớt và phần nào dập tắt màu "đỏ gắt" như đang bùng bùng thiêu đốt cả Tây Ban Nha.  =>Sắc thắm dịu dàng của hoa "li la" (Tử đinh hương) đang nở ra bát ngát trên từng giai điệu>< bối cảnh chính trị Tây Ban Nha.  - *Đi lang thang; vầng trăng chếnh choáng; yên ngựa mỏi mòn; hát nghêu ngao; li la…:*  + Phong cách nghệ sĩ dân gian tự do.  + Sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị, trước nghệ thuật Tây Ban Nha già cỗi.  ***b. Lor-ca và cái chết oan khuất:***  - Hình ảnh:  + *Áo choàng bê bết đỏ* – Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca.  + *Tiếng ghi ta:*  . *nâu:* trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng).  . *xanh:* thiết tha, hy vọng.  . *tròn bọt nước vỡ tan:* bàng hoàng, tức tưởi.  . *ròng ròng máu chảy:* sự đau đớn, nghẹn ngào.  => Phép chuyển đổi cảm giác: tiếng đàn mang tâm tư, thành thân phận, linh hồn, sinh thể của người tạo ra nó. Nó đau đớn vỡ ra thành màu sắc, đường nét, hình khối.  - Biện pháp nghệ thuật:  + Đối lập:  *Hát nghêu ngao* >< *áo choàng bê bết đỏ*    khát vọng >< hiện thực phũ phàng (giữa tiếng hát yêu đời vô tư , giữa tình yêu cái Đẹp và hành động tàn ác, dã man).  + Nhân hoá: Tiếng ghi ta… máu chảy.  + Hoán dụ: Áo choàng, tiếng ghi ta 🡪Lor-ca.  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.  + Gieo vần "ây" : khiến thơ như nhạc, nhạc như người. Tất cả như đang rướn mình lên kiên cường, không khuất phục  =>Khắc hoạ thật ấn tượng về cái chết đầy bi phẫn của người nghệ sĩ Lor-ca.  **2. Nỗi xót thương và suy tư về cuộc giã từ của Lor-ca:**  - Lời Lor-ca (đề từ): *“Khi tôi chết …cây đàn.”*  + Niềm đam mê nghệ thuật.  + Hãy biết quên nghệ thuật của Lor-ca để tìm hướng đi mới.  - *“Không ai chôn cất… cỏ mọc hoang”*  + Nghệ thuật của Lor-ca (cái Đẹp): có sức sống và lưu truyền mãi mãi như *“cỏ mọc hoang”*.  + Phải chăng không ai dám vượt qua cái cũ, thần tượng để làm nên nghệ thuật mới.  - *Giọt nước mắt …trong đáy giếng:*  + Vầng trăng nơi đáy giếng🡪sự bất tử của cái Đẹp.  - *Đường chỉ tay:* ẩn dụ về định mệnh nghiệt ngã.  -... d*òng sông, ghi ta màu bạc...*🡪 gợi cõi chết, siêu thoát.  - Các hành động: *ném lá bùa, ném trái tim:* có ý nghĩa tượng trưng cho một sự giã từ, một sự lựa chọn.  **\*** Tiếng lòng tri âm sâu sắc đối với người nghệ sĩ, thiên tài Lor-ca.  **3.Yếu tố âm nhạc trong bài thơ:**  - Chuỗi âm thanh “Li la- li la- li la” luyến láy ở đầu và cuối như khúc dạo đầu và kết thúc bản nhạc. Bài thơ khép lại nhưng thực ra âm thanh "Li la.." đã mở ra một thế giới suy tưởng. Đó là chuỗi âm đêm ru lòng mai hậu, phần nào an ủi nỗi xót thương người nghệ sĩ.  - Sự kính trọng và tri âm Lor-ca- nghệ sĩ thiên tài.  **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc.  - Sử dụng hình ảnh, biểu tượng - siêu thực có sức chứa lớn về nội dung.  - Kết hợp hài hoà hai yếu tố thơ và nhạc.  **2. Nội dung:**  Tác giả bày tỏ nỗi đau xót sâu sắc trước cái chết oan khuất của thiên tài Lor-ca- một nghệ sĩ khát khao tự do, dân chủ, luôn mong muốn cách tân nghệ thuật. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Người nghệ sĩ tự do Lor-ca.

- Cái chết oan khuất của Lor-ca.

- Nỗi xót thương và suy tư về cuộc từ giã của Lor-ca.

**5. Dặn dò**

**-** Học bài cũ.

**-** Chuẩn bị bài mới: Đọc thêm *Bác ơi!, Tự do.*

Ngày soạn : 24/11/2016

Ngày dạy:

**Tiết 41**. ***Đọc thêm:*  BÁC ƠI !**

***Tố Hữu***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được tình cảm của nhà thơ Tố Hữu, của nhân dân Việt Nam trước sự ra đi của vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

**2. Kĩ năng** :Đọc sáng tạo, gợi tìm, nghiên cứu

**3. Tư duy, thái độ** :Hiểu hơn về con người Hồ Chí Minh với đầy đủ những phẩm chất cao đẹp.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS : SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp:**Đọc sáng tạo, gợi tìm, nghiên cứu

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Em hãy cho biết hình tượng tiếng đàn trong bài thơ “ Đàn ghi-ta của Lor-ca” mang ý nghĩa ẩn dụ gì?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Đã có rất nhiều người làm thơ về Bác Hồ nhưng có lẽ sáng tác nhiều nhất, hay nhất, sâu sắc và cảm động nhất là nhà thơ Tố Hữu: ***Sáng tháng năm, Hồ Chí Minh, Theo chân Bác, Bác ơi...*** Trong đó, “Bác ơi” là bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. Bài thơ không chỉ là tiếng lòng của nhà thơ mà còn là tiếng lòng của cả dân tộc Việt Nam đối với Bác - Người anh hùng giải phóng dân tộc, vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam – trong giờ khắc Bác đi xa.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?**Tố Hữu có đóng góp như thế nào với đề tài viết về Bác?  **?**Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  GV đọc diễn cảm bài thơ.  **?**Tìm bố cục bài thơ? (Theo câu hỏi SGK)  Hướng dẫn HS tìm hiểu 4 khổ thơ đầu  **?** Nỗi đau xót lớn lao khi Bác qua đời được thể hiện như thế nào? (Cảnh vật? Lòng người?) Giữa cảnh vật và con người có gì tương đồng?  **?**Hình tượng Bác Hồ được thể hiện như thế nào?  (GV gợi mở: về tình thương yêu, lý tưởng, lẽ sống...)  Nhận xét, khái quát ý  Hướng dẫn HS tìm hiểu 3 khổ cuối  **?**Hãy cho biết cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi?  Nhận xét, khái quát ý.  Yêu cầu HS đọc lại bài thơ, tổng hợp kiến thức để đưa ra nhận xét chung. | **I. Tiểu dẫn:**  - Tác giả:  + Tố Hữu là nhà thơ viết về Bác nhiều nhất, có nhiều tác phẩm hay, sâu sắc và cảm động về Bác Hồ.  + Đó là tấm lòng của mọi người Việt Nam hướng về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.  - Hoàn cảnh ra đời: Ngày 02/9/1969, Bác Hồ từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho cả dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ “Bác ơi”.  **II. Đọc – hiểu văn bản:**  **1. Bốn khổ đầu**: Nỗi đau xót lớn lao trước sự kiện Bác qua đời.  - Lòng người:  + Xót xa, đau đớn: chạy về, lần theo lối sỏi quen thuộc, bơ vơ đứng nhìn lên thang gác.  + Bàng hoàng không tin vào sự thật: “*Bác đã đi rồi sao Bác ơi*”  - Cảnh vật:  + Hoang vắng, lạnh lẽo, ngơ ngác (phòng im lặng, chuông không reo, rèm không cuốn, đèn không sáng...)  + Thừa thải, cô đơn, không còn bóng dáng Người.  - Không gian thiên nhiên và con người như có sự đồng điệu “ Đời tuôn nước mắt/ trời tuôn mưa”→ Cùng khóc thương trước sự ra đi của Bác  ⇒ Nỗi đau xót lớn lao bao trùm cả thiên nhiên đất trời và lòng người.  ***2.* Sáu khổ tiếp:** Hình tượng Bác Hồ.  - Giàu tình yêu thương đối với mọi người.  - Giàu đức hy sinh.  - Lẽ sống giản dị, tự nhiên, khiêm tốn.  ⇒ Hình tượng Bác Hồ cao cả, vĩ đại mà giản dị, gần gũi  **3. Ba khổ cuối**:Cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi:  - Bác ra đi để lại sự thương nhớ vô bờ  - Lý tưởng, con đường cách mạng của Bác sẽ còn mãi soi đường cho con cháu.  - Yêu Bác→ quyết tâm vươn lên hoàn thành sự nghiệp cách mạng.  ⇒ Lời tâm nguyện của cả dân tộc Việt Nam.  **III. Tổng kết**:  - Bài thơ là tình cảm ngợi ca Bác, đau xót, tiếc thương khi Bác qua đời. Đó cũng là tấm lòng kính yêu Bác Hồ của Tố Hữu, cũng là của cả dân tộc Việt Nam  - Bài thơ tiêu biểu cho giọng thơ tâm tình, ngọt ngào, tha thiết của thơ Tố Hữu. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Nội dung và nghệ thuật bài thơ.

**5. Dặn dò:**

- Học thuộc bài thơ, nắm vững nội dung bài học.

- Chuẩn bị bài đọc thêm: “*Tự do*” ( P. Ê-luy-a).

**Đọc thêm: TỰ DO**

**P. Ê-luy-a**

**A.Mục tiêu bài học**

**1**. **Kiến thức :** Hiểu được bài thơ là khát vọng tự do mãnh liệt không chỉ của cá nhân nhà thơ mà còn là của nhân dân Pháp khi bị phát xít Đức xâm lược trong chiến tranh thế giới lần thứ 2.

- Nắm được các biện pháp nghệ thuật cơ bản của bài thơ: điệp khúc, kết cấu vòng tròn, nhân cách hóa ... góp phần diễn tả cảm xúc dào dạt, tuôn trào.

**2. Kĩ năng:** Phân tích thơ theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ:**Vun đắp tình yêu tự do, nhận thức tự do của mỗi cá nhân phải luôn gắn với tự do của tổ quốc, dân tộc.

**B. Phương tiện** :

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: SGK, Vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp:** Học sinh soạn trước trả lời các câu hỏi GV phân công. Trên lớp HS trình bày, lớp phát biểu thảo luận; Giáo viên kết luận vấn đề.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Tự Do là một đề tài lớn mang tính nhân văn phổ quát, thể hiện khát vọng vĩnh cửu của con người mọi thời đại. Đề tài Tự Do trở thành thánh ca của cuộc kháng chiến chống phát xít Đức trong thế chiến thứ 2, và bài thơ **Tự Do** của nhà thơ Pôn Ê-luy-a đã trở thành tiếng lòng đồng vọng của hàng triệu con tim nước Pháp đang rên xiết vì bị mất nước.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | Hoạt động của HS | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới** | | | **I. Tiểu dẫn** |
| 1. Dựa vào TD, em hãy tóm lược những nét cơ bản nhất về tác giả và tác phẩm?  2. Nhận xét phần trả lời của hs, nhấn mạnh nội dung chính.  3. Lưu ý hs: nguyên tác bài thơ có 21 khổ thơ (không kể dòng cuối cùng: Tự Do), không vần, không dấu chấm câu- trừ dòng cuối cùng. Bản dịch có 12 khổ thơ. | HS (đã đọc TD ở nhà) phát biểu.  - Nêu được các nét lớn về tác giả.  - Nêu được hoàn cảnh ra đời bài thơ. | | **1. Tác giả**  - Pôn Ê-luy-a (1895-1952) là nhà thơ lớn nước Pháp.  - Từng tham gia trào lưu siêu thực. Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, ông thoát ly chủ nghĩa siêu thực, cùng nhân dân Pháp kháng chiến chống chủ nghĩa phát xít.  - Thơ ông mang đậm chất trữ tình chính trị, mang đậm hơi thở của thời đại  **2. Bài thơ "Tự do"**  - Được viết vào mùa hè 1941, trong lúc nước Pháp đang bị phát xít Đức xâm lược, in trong tập "Thơ ca và chân lý, 1942" (1942).  - Bài thơ được coi là kiệt tác, là thánh ca của thơ ca kháng chiến Pháp. |
| **\*** Tổ chức đọc văn bản | | | **II. Đọc hiểu văn bản** |
| 1. Hướng dẫn cách đọc: giọng tha thiết, cảm xúc; nhấn giọng ở câu kết mỗi khổ thơ.  2. Gọi 1 hs đọc bài thơ | HS đọc. | |  |
| **\*** Thảo luận làm rõ giá trị văn bản | | |  |
| 1. Bài thơ điệp cấu trúc "Trên ... trên ... Tôi viết tên em". "Em" ở đây nên hiểu như thế nào? Đây có phải là một bài thơ tình yêu không ? Từ đó khái quát chủ đề của bài thơ ?  2. Tổ chức các nhóm trình bày trả lời câu hỏi được phân công.  3. Nhận xét.Gợi ý hs phát biểu bổ sung (nếu cần). Kết luận các nội dung chính.  GV: Hình ảnh thơ giản dị lấy từ cuộc sống nhưng vẫn rất sâu xa.  GV hướng dẫn tổng kết. | \* NHÓM 1 (C1 Sgk)  - Xác định từ TỰ DO- chủ đề nhất quán và xuyên suốt các khổ thơ.  \* NHÓM 2:(câu 2 sgk)Tìm hiểu câu kết mỗi khổ thơ, cách lặp từ (trên ...trên) và nhạc điệu bài thơ.  \* NHÓM 3 (C3 sgk): Xác định từ "trên" trong bài thơ ở trường hợp nào chỉ không gian, trường hợp nào chỉ thời gian. Nêu ý nghĩa?  \* NHÓM 1 (C1sgk): Nhà thơ viết tên em (Tự Do) lên đâu ? Liệt kê các hình ảnh trong bài thơ.  *(****Hữu hình****: Viết trên trang vở, trên bàn học, trên cây xanh, trên đất cát, trên tuyết, trên gươm đao người lính, trên mũ áo các vua quan).*  *(****Vô hình****: Viết trên thời thơ ấu âm vang, viết trên những mảnh đời trong xanh, trên ao mặt trời ẩm mốc, viết trên hồ vầng trăng lung linh...)* \* NHÓM 4 (Câu 4 sgk) "Tôi" có thể là tác giả và cũng có thể là độc giả của bài thơ; "viết" cũng có thể là ''ghi, chép '' hoặc"hành động".Từ đó hãy suy luận để chỉ ra tính chất thánh ca của bài thơ này trong cuộc kháng chiến chống phát xít Đức ? | | **1.Chủ đề bài thơ**  - Em = Tự do (***Tự do*** nhân hóa thành ***em***- cách nói tha thiết, gần gũi nhưng cũng rất thiêng liêng, sâu xa).  **Chủ đề**: Khát vọng tự do cháy bỏng của nhà thơ (và của cả dân tộc Pháp) khi đất nước bị xâm lăng.  **2. Những điểm nổi bật về nội dung và nghệ thuật**  ***a. Kết cấu bài thơ***  - Lặp kết cấu, cú pháp với tần số cao.  - Điệp từ "trên" theo kiểu "xoáy tròn".  - Kết cấu vòng tròn "Tự Do"  → Hiệu quả: Mạch cảm xúc hướng về tự do tuôn trào, triền miên, mạnh mẽ của những nô lệ rên xiết dưới ách phát xít.  ***b. Không gian, thời gian biểu hiện Tự Do và cách thức liên tưởng***  - Từ "trên" thể hiện cả không gian và thời gian:  + Chỉ địa điểm - không gian (tôi viết Tự Do ở đâu, vào đâu)  . Địa điểm cụ thể (khổ 1,2) hoặc trên những điạ điểm khác thường hơn (hiện vật, sách sử- khổ 3).  => Tình cảm gắn bó, khát khao tự do của tác giả và cũng là của mọi người.  . Địa điểm trừu tượng, mơ hồ, mang tính chất vô hình (khổ 4,5,6).  => Cảm xúc bức bách, khao khát khôn cùng đối với tự do. + Chỉ thời gian ( tôi viết Tự Do khi nào) => Tình cảm thiết tha vươn tới tự do.  - Cách thức liên tưởng: ngẫu hứng (Tự Do được viết mọi nơi, mọi lúc).  \* Khát vọng Tự Do hoá thân khắp không gian, xuyên suốt thời gian, hiện hữu trong cuộc đời mỗi con người.  ***c. Đại từ nhân xưng "tôi":***  - "tôi": tác giả. đa chủ thể.  độc giả.  => Đáp ứng được khát vọng của tất cả mọi người. Nó trở thành thánh ca của cuộc chiến chống phát-xít.  - Động từ "*viết*"(11khổ)=> "*gọi*" (khổ cuối): tính chất phát triển của hành động, hành động của mỗi con người để hướng tới tự do.  **III. Kết luận:**  Tình yêu tự do tha thiết tuôn trào trong trái tim nhà thơ đã đồng vọng trong tâm hồn cả dân tộc. Khát khao tự do biến thành khát khao hành động để giành lấy tự do cho tất cả mọi người. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Nội dung và nghệ thuật bài thơ.

**5.Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài *Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.*

Ngày soạn: 26/11/2016

Ngày dạy:

**Tiết 42. Làm văn.**

**LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Củng cố vững chắc hơn kiến thức và kĩ năng về các thao tác lập luận chứng minh, phân tích, giải thích, so sánh, bác bỏ, bình luận. Biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng** : Trình bày suy nghĩ của cá nhân về tác dụng của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ** : Lựa chọn và vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai các vấn đề nghị luận.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp**

\* Tuỳ đối tượng HS mỗi lớp, GV chọn một trong những hình thức sau:

- Cá nhân HS làm bài tập, GV yêu cầu trình bày trước lớp.

- Thảo luận ở tổ, nhóm, sau đó cử đại diện trình bày trước lớp.

- Thi giải bài tập giữa các tổ, nhóm.

\* Sau mỗi bài tập, GV tổng kết, chốt lại những kiến thức và kĩ năng cơ bản.

**D. Tiến trình tổ chức:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra sự chuẩn bị bài tập của HS.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Nhắc lại các thao tác lập luận đã học cùng những đặc điểm của từng thao tác. Chứng minh, Giải thích, Phân tích, So sánh, Bác bỏ, Bình luận…Và bài học sẽ giúp các em nắm vững hơn về lập luận diễn đạt.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV giúp HS ôn tập kiến thức đã học.  - Hãy kể tên các thao tác lập luận đã học?  - Hãy phân biệt các thao tác lập luận trên? | **I. Ôn tập kiến thức:** 6 thao tác lập luận  - Chứng minh là để người ta tin.  - Giải thích là để người ta hiểu.  - Phân tích giúp ta biết cặn kẽ, thấu đáo.  - So sánh nhằm nhận rõ giá trị của sự việc, hiện tượng này so với sự việc, hiện tượng khác.  - Bác bỏ nhằm phủ nhận một điều gì đó.  - Bình luận là thuyết phục người khác nghe theo sự đánh giá, bàn bạc của mình về một hiện tượng, vấn đề. |
| GV giúp HS luyện tập nhận biết sự kết hợp các thao tác lập luận.  -Trong đoạn trích ở SGK trang 174, tác giả đã vận dụng kết hợp các thao tác lập luận nào? Đâu là thao tác chính? Căn cứ vào đâu mà xác định như thế?  +Thao tác chính: phân tích (để thấy việc bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái áp bức đồng bào ta).  + Thao tác kết hợp: chứng minh (về chính trị, về kinh tế).  - GV dùng bảng phụ ghi lại đoạn văn (b) trang 89 sách Bài tập ngữ văn 12 Tập 1 để yêu cầu HS nhận biết các thao tác lập luận đã được kết hợp trong văn bản.  + Thao tác chính: bình luận (về việc nâng cao dân trí, nhằm cổ vũ cho công cuộc đổi mới, hướng nước nhà đi đến văn minh).  + Thao tác kết hợp: so sánh và bác bỏ.  . So sánh: để phân biệt rõ hai thứ chữ, hai lối học.  . Bác bỏ: để phủ nhận ý kiến của một số người trong thời ấy.  GV giúp HS vận dụng lí thuyết vào thực hành viết văn bản.  - Thao tác 1:  **\*** GV ra đề (đề tùy thuộc ở GV song phải gần gũi với thực tế đời sống và học tập để HS có điều kiện phát biểu những suy nghĩ, ý kiến thật của mình).  + Đề: Hãy bàn về bệnh quay cóp của HS trong thi, kiểm tra.  **\*** GV chia HS thành 4 nhóm theo tổ.  - Thao tác 2: GV yêu cầu HS viết thành đoạn văn có vận dụng kết hợp ít nhất hai thao tác lập luận.  - Thao tác 3: Sau 15 phút, GV gọi một vài HS đại diện nhóm trình bày văn bản đã viết và chỉ ra các thao tác lập luận mà nhóm mình đã sử dụng.  - Thao tác 4:  \* GV nhận xét phần trình bày của HS, củng cố bài học, có thể thưởng điểm nếu làm tốt. | **II. Luyện tập nhận biết:**  Hãy xác định các thao tác lập luận được vận dụng kết hợp trong các văn bản sau:  **1. Đoạn trích trang 174:**  **-** Thao tác chính: phân tích.  **-** Thao tác kết hợp: chứng minh.  **2. Văn bản giáo viên cung cấp:**  **-** Thao tác chính: bình luận.  - Thao tác kết hợp: so sánh và bác bỏ.  **III. Luyện viết đoạn văn vận dụng kết hợp các thao tác lập luận**  **1. Đề bài**: *Đề: Hãy bàn về bệnh quay cóp của HS trong thi kiểm tra.*  **2. Luyện viết văn bản theo chủ đề**  **\*** Gợi ý về nội dung:  + Có thể triển khai đoạn theo bố cục sau:  Thực trạng của bệnh quay cóp trong HS ngày nay.  Tác hại của bệnh quay cóp.  Lời khuyên .  + Có thể chọn 1 trong các ý trên để dựng đoạn.  **\*** Về kĩ năng: Vận dụng kết hợp ít nhất 2 thao tác lập luận  **3. Trình bày văn bản và chỉ ra các thao tác lập luận đã sử dụng** |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Các yêu cầu khi vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.

**5. Dặn dò**

- Về nhà HS cần rèn luyện kĩ năng viết văn bản kết hợp nhiều thao tác lập luận.

- Chuẩn bị bài mới: *Quá trình văn học và phong cách văn học*.

Ngày soạn: 30/11/2016

Ngày dạy:

**Tiết 43-44. Lí luận văn học: QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Nắm được khái niệm quá trình văn học, bước đầu có ý niệm về các tràolưu văn học tiêu biểu. Hiểu được khái niệm phong cách văn học, Làm rõ quá trình văn học là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển của toàn bộ đời sống văn học qua các thời kì lịch sử.

Hoạt động nổi bật của quá trình văn học là trào lưu văn học.Thành tựu chính của quá trình văn học kết tinh ở các phong cách văn học độc đáo.

**2. Kĩ năng** : Biết nhận diện những biểu hiện của phong cách văn học.

**3. Tư duy, thái độ** : Tư duy khái quát, tổng hợp.

**B. Phương tiện**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học.

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp**

- Nêu vấn đề, đàm thoại với HS.

- Chú ý tính ứng dụng của kiến thức đã học: nhận biết sáng tác của một tác giả cụ thể thuộc trào lưu văn học nào đó, ý nghĩa của sáng tác ấy trong quá trình văn học dân tộc, phân tích những biểu hiện phong cách ở một trường hợp nhất định.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 43 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Văn học là một loại hình nghệ thuật, một hình thái ý thức XH đặc thù luôn vận động biến chuyển. Diễn tiến của VH như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành tồn tại, thay đổi có mối quan hệ chặt chẽ với thời kỳ lịch sử. Quá trình VH là diễn biến hình thành tồn tại, phát triển, thay đổi của VH qua các thời kỳ lịch sử. Mỗi tác giả có cách diễn đạt khác nhau tạo ra sự phong phú và đa dạng cho văn học.Và bài học hôm nay sẽ giúp các em thấy rõ hơn.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| TIẾT 43 | |
| ***H*oạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  - Cho HS đọc mục I trong Sgk trang 178 và trả lời các câu hỏi.  - Văn học là gì?  -Lịch sử văn học khác với quá trình văn học như thế nào?  - Bản thân văn học và toàn bộ đời sống văn học khác nhau như thế nào?  - Giữa văn học và lịch sử có mối quan hệ ra sao?  - Mối quan hệ giữa các thời kỳ văn học như thế nào?  - Qui luật bảo lưu và tiếp biến là gì ?  - Có nền văn học nào tồn tại, phát triển mà không cần giao lưu ? Vì sao ?  - Trào lưu Vh là gì ?   * Có phải mỗi trào lưu chỉ có một khuynh hướng, một trường phái ?   Hãy nêu các trào lưu lớn trên thế giới ?  \**Thảo luận nhóm*  ***\* Nhóm 1 :***  -VH thời phục hưng  - Chủ nghĩa cổ điển  ***\* Nhóm 2 :***  - Chủ nghĩa lãng mạn  ***\* Nhóm 3 :***  - Chủ nghĩa hiện thực phê phán  - Chủ nghĩa hiện thực XHCN  ***\* Nhóm 4 :***  - Chủ nghĩa siêu thực  - Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo  *Nhận xét chung các nhóm, kết luận* | **I. Quá trình văn học**  **1. Khái niệm**  - Văn học là một loại hình nghệ thuật, một hình thái ý thức xã hội luôn vận động biến chuyển.  - Diễn tiến của văn học như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành, tồn tại thay đổi có mối quan hệ khắng khít với thời kỳ lịch sử.  - Quá trình văn học là diễn tiến, hình thành, tồn tại, phát triển và thay đổi của văn học qua các thời kỳ lịch sử.  ***\* Những quy luật chung tác động đến quá trình văn học***  + *Qui luật văn học gắn bó với đời sống xã hội :* Bản chất của đời sống xã hội trong từng thời kỳ lịch sử sẽ qui định nội dung, tính chất của văn học.  + *Qui luật kế thừa và cách tân*  . Kế thừa là dựa trên nền tảng truyền thống, là cơ sở tồn tại của văn học.  . Cách tân là làm ra cái mới, làm chovăn học luôn vận động và phát triển.  + *Qui luật bảo lưu và tiếp biến*: Văn học mỗi dân tộc để tồn tại và phát triển phải giao lưu với văn học các nước khác đồng thời biết chọn lọc, cải biến để làm giàu cho văn học tộc mình.  **2. Trào lưu văn học**  Trào lưu văn học là một hiện tượng có tính chất lịch sử. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng, nguyên tắc miêu tả hiện thực tạo thành một dòng rộng lớn có bề thế trong đời sống văn học của một dân tộc hoặc một thời đại.  \****Các trào lưu văn học lớn trên thế giới :***  ***a. Văn học thời phục hưng***(ở Châu Âu vào TK XV- XVI)  - *Đặc trưng* : Đề cao con người, giải phóng cá tính chống lại tư tưởng khắc nghiệt thời trung cổ.  - *Tác giả tiêu biểu* : Sêch-xpia ( Anh), Xec- van- tec (Tây Ban Nha).  ***b. Chủ nghĩa cổ điển***(Pháp VàoTK XVII)  - *Đặc trưng* : Coi Văn hóa cổ đại là hình mẫu lý tưởng, luôn đề cao lý trí, sáng tác theo các quy phạm chặt chẽ.  - *Tác giả tiêu biểu* : Cooc- nây,  Mô-li-e ( Pháp )  ***c. Chủ nghĩa lãng mạn :*** ( Ở các nước Tây âu sau cách mạng tư sản Pháp 1789)  -*Đặc trưng* : Đề cao những nguyên tắc chủ quan, lấy đề tài trong thề giới tưởng tượng của nhà văn, hình tượng nghệ thuật thường có vẻ đẹp khác thường  - *Tác giả tiêu biểu* :V.Huygô(Pháp)  F. Si-le ( Đức)  ***d. Chủ nghĩa hiện thực phê phán*:** (Châu âu TKXIX )  - *Đặc trưng* : Thiên về những nguyên tắc sáng tác khách quan. Thường lấy đề tài từ đời sống hiện thực, xây dựng những tính cách điển hình, vừa có tính khái quát, vừa có tính cụ thể.  -*Tác giả tiêu biểu* : H. Ban- dăc( Pháp) L. Tôn-tôi ( Nga)  ***e. Chủ nghĩa hiện thực XHCN :***(TK XX sau Cách mạng tháng Mười Nga)  - *Đặc trưng* : Miêu tả cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng.  -*Tác giả tiêu biểu*:M.Gooc-ki(Nga)  Giooc – giơ A-ma- đô ( Braxin)  ***g.Chủ nghĩa siêu thực*:** ( Pháp- 1922)  -*Đặc trưng :* Quan niệm thế giới trên hiện thực mới là mảnh đất sáng tạo của người nghệ sĩ  - *Tác giả tiêu biểu*:A. Brơ- tôn ( Pháp )  ***h. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo :*** (Mỹ La tinh sau thế chiến thứ hai)  - *Đặc trưng* : Coi thực tại bao gồm cả đời sống tâm linh, niềm tin tôn giáo , các huyền thoại, truyền thuyết  -*Tác giả tiêu biểu* : G. Mac- ket.  \* **Ở Việt Nam** :  - Trào lưu xuất hiện vào những năm 30 của TK XX.  + Trào lưu lãng mạn  + Trào lưu hiện thực phê phán  + Trào lưu hiện thực XHCN |
| TIẾT 44   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 44 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  | | |
| ***Phong cách văn học***  Cho HS đọc và tìm hiểu VB  - Phong cách văn học là gì ?  -Phong cách văn học có những biểu hiện gì ? | **II. Phong cách văn học**  **1. Khái niệm**  -PCVH là sự độc đáo, riêng biệt của các nghệ sĩ biểu hiện trong tác phẩm.  - PCVH nẩy sinh do chính nhu cầu, đòi hỏi sự xuất hiện cái mới và nhu cầu của quá trình sáng tạo văn học.  - Quá trình văn học được đánh dấu bằng những nhà văn kiệt xuất với phong cách độc đáo của họ.  - Phong cách in dậm dấu ấn dân tộc và thời đại.  **2. Những biểu hiện của phong cách văn học :**  - Giọng điệu riêng biệt, cách nhìn, cách cảm thụ có tính khám phá .  - Sự sáng tạo các yếu tố thuộc nội dung tác phẩm  - Hệ thống phương thức biểu hiện, các thủ pháp kỹ thuật mang dấu ấn riêng.  - Thống nhất từ cốt lõi, nhưng có sự triển khai đa dạng đổi mới.  - Có phẩm chất thẩm mỹ cao, giàu tính nghệ thuật. |
| ***Tổng kết***  Cho HS đọc ghi nhớ Sgk trang 183 | **III. Ghi nhớ** : (SGK) |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  -Cho HS làmluyện tập Sgk trang183 | **V. Luyện tập** :Căn cứ hướng dẫn SGK trang 183 |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố** :

- Quá trình phát triển của văn học .

- Phong cách văn học.

**5. Dặn dò** :

- Đọc lại văn bản, nắm vững ý chính.

- Chuẩn bị trả bài viết số 3.

Ngày soạn : 1/12/2016

Ngày dạy :

**Tiết 45. Làm văn.TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 3**

**A. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** : Giúp HS nhận ra những điểm đạt và chưa đạt yêu cầu về kiến thức, kĩ năng trong bài làm.

**2. Kĩ năng** : Điều chỉnh, phát huy những điểm mạnh, sữa chữa và hạn chế những điểm yếu để rút kinh nghiệm, nâng cao kĩ năng, chuẩn hóa lại kiến thức, chuẩn bị cho những bài viết sau.

**3. Tư duy, thái độ** : Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong bài văn sau.

**B. Phương tiện:**

- GV: Thiết kế bài dạy, bài viết của học sinh.

- HS: Vở ghi, bài viết của bản thân.

**C**. **Phương pháp:** Kết hợp thuyết trình, giảng giải và phát vấn của GV với ý kiến HS tự nhận xét, đánh giá kết quả bài làm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Tiết trả bài văn số 3 giúp các emnhận ra những điểm đạt và chưa đạt về kiến thức, kĩ năng trong bài làmđể có được bài viết tốt hơn trong thời gian tới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn HS tìm hiểu đề  *- Đề bài có những yêu cầu gì về nội dung và hình thức?* | **I. Tìm hiểu đề:**  *1. Tính dân tộc trong bài thơ “Việt Bắc” - Tố Hữu được biểu hiện cụ thể ở những phương diện nào? Trình bày vắn tắt và nêu dẫn chứng minh hoạ. (3 điểm)*  *2. Phân tích vẻ đẹp hình tượng người lính trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng.*  *\** Câu 1: Trả lời vắn tắt, ý chính, cơ bản, không nên dài quá một trang  Câu 2:  - Yêu cầu về hình thức: Kiểu bài nghị luận văn học về thơ trữ tình. Vận dụng các thao tác: phân tích (là chính) kết hợp với lập luận, giải thích, so sánh, bình luận.  - Yêu cầu về nội dung: Vẻ đẹp hình tượng người lính trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng |
| Hướng dẫn HS lập dàn ý:   * *Biểu hiện tính dân tộc trong thơ TH qua những phương diện nào?*   Lưu ý: HS khi làm bài thi TN nếu có những dạng câu 2 hoặc 3 điểm thì cần trình bày vắn tắt không nên dài quá một trang.   * *Phần mở bài cần trình bày những điểm nào để người đọc có thể nắm bắt được vấn đề mà ta đề cập đến?* * *Phân thân bài cẩm đảm bảo những ý chính nào?*   *- Kết bài cần khẳng định điều gì?* | **II. Lập dàn ý:**  Câu 1: - Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài của bài thơ (0.5đ)  - Những biểu hiện cụ thể của tính dt trong bài thơ:  + Nội dung: đề tài, hình tượng trung tâm, cảm hứng chủ đạo của bài thơ đều hướng tới những vấn đề lớn lao của ls dt(cuộc kc chống Pháp); hình tượng đất nước con ngườiVN vừa anh dũng, quật cường vừa tràn đầy vẻ đẹp thơ mộng đằm thắm (1 điểm)  + Nghệ thuật: Thể thơ lục bát, giọng điệu trữ tình, cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh (1.5 đ)  Câu 2: \* Mở bài: (0.5đ)  - Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Giới thiệu khái quát về hình tượng nt chủ đạo - đối tượng trữ tình của tp: ha người lính TT với vẻ bi tráng, đậm chất lãng mạn, hào hoa, bay bổng.  \* Thân bài (6đ)  - Vẻ đẹp bi tráng của người lính TT(3 đ)  + Hình tượng người lính TT mang vẻ đẹp hào húng mãnh liệt có bóng dáng của các tráng sĩ thủa xưa nhưng cũng rất thời đại, rất mới mẻ. ý chí quên mình, ty mãnh liệt với quê hương đất nước, ty cs làm bừng sáng vẻ đẹp cuộc đời cđ gian khổ.  + Vẻ đẹp của người lính khong tách rời nỗi đau chiến tranh ác liệt. Sự hi sinh của những người lính được biểu hiện bằng những hả bi thương nhưng không bi luỵ  - Vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn, hào hoa (3 đ)  + Nét khác biệt giữa hình tượng người lính trong bài thơ TT với người lính trong bài thơ một số bài thơ khác: Sự khác biệt xuất phát từ đ. điểm bản thân đối tượng trữ tình, từ tâm hồn của chính chủ thể trữ tình.  + Vẻ đẹp lãng mạn không chỉ bộc lộ ở dáng vẻ “oai hùm” phóng túng mà luôn thăng hoa trong tâm hồn trong từng giai điệu cảm xúc của người lính giữa sự tàn khốc của ct.  \* Kết bài: (0.5đ)  - Nhận định tổng quát về đặc trưng của hình tượng nt: chất lãng mạn và chất anh hùng trong ht người lính.  - Đóng góp của Quang Dũng trong cách biểu hiện hình tượng người lính trong thơ ca kháng chiến. |
| Giáo viên nhận xét về bài văn của học sinh.  GV: *Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?* | **III. Nhận xét chung:**  ***1. Ưu điểm:***  - Về kĩ năng: một số biết vận dụng kiểu văn nghị luận  - Về kiến thức: xác định được các luận điểm cần thiết cho bài văn  - Bố cục: rõ ràng, đủ 3 phần  - Về diễn đạt: tương đối rõ ràng, biết vận dụng các phương tiện để liên kết câu và đoạn.  ***2. Nhược điểm:***  - Đa số chưa xác định được các luận điểm cần thiết.  - Bài viết thiếu dẫn chứng, chưa đủ sức thuyết phục.  - Còn sai nhiều lỗi chính tả, trình bày bẩn. |
| **Trả bài:**  GV trả bài và yêu cầu HS:  - Xem lại bài và đọc kĩ lời phê của GV.  - Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, bố cục, liên kết.  - Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm. | |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố*:*** Giáo viên yêu cầu học sinh rút kinh nghiệm cho bài văn của mình.

**5. Dặn dò*:***  Soạn bài mới: “ Người lái đò sông Đà “ – Nguyễn Tuân.

Ngày soạn: 2/12/2016

Ngày dạy:

**Tiết 46-47. Đọc văn. NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ (Trích)**

***Nguyễn Tuân***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được vẻ đẹp của con sông Đà và hình tượng người lái đò. Từ đó hiểu được tình yêu say đắm của Nguyễn Tuân đối với thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc Tổ quốc.Thấy được sự tài hoa, uyên bác của nhà văn và hiểu được những nét đặc sắc nghệ thuật của thiên tùy bút.

**2. Kĩ năng** : Tự nhận thức về vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc dựng xây và phát triển đất nước; thấy được tấm lòng nâng niu, trân trọng các giá trị con người của tác giả.

**3. Tư duy, thái độ** : Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét, độc đáo trong cách thể hiện hình tượng sông Đà và hình tượng người lái đò trong cuộc vượt thác.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học.

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.**Phương pháp**

- Phát huy tính chủ động, tích cực, cùng tinh thần độc lập suy nghĩ của HS.

- Đọc diễn cảm một số đoạn chọn lọc trong tác phẩm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 46 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Quá trình văn học là gì? Nêu các quy luật chung của quá trình văn học.

- Thế nào là phong cách văn học? Phân tích những biểu hiện của phong cách văn học?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Có một nhà văn từng quan niệm: *Văn chương trước hết phải là phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật. Và đã là nghệ thuật thì phải có phong cách độc đáo.* Nhà văn ấy chính là Nguyễn Tuân. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ được tiếp xúc với tác giả này qua tùy bút *Người lái đò Sông Đà.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 46** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  GV tổ chức cho HS nhớ lại và trình bày những nét cơ bản về tác giả đã được học ở bài *Chữ người tử tù* lớp 11.  **?** Cho biết thể loại và xuất xứ tác phẩm?  **?** *Người lái đò sông Đà* được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  **?** Thiên tùy bút đã kế thừa những nét riêng biệt, đặc sắc nào trong phong cách nghệ thuật của NT về đề tài, nguồn cảm hứng, thể loại và ngôn ngữ?  **?** Vì sao có thể nói rằng, so với những tập tùy bút viết trước CM, *Người lái đò sông Đà* nói riêng và tập *Sông Đà* nói chung đã cho thấy diện mạo của một Nguyễn Tuân đã căn bản đổi thay, để trở thành một nhà văn mới trong thời đại mới?  **?** Từ điều vừa mổ xẻ, thử phát biểu cảm hứng chủ đạo của tác phẩm?  GV gọi HS đọc các đoạn văn ở trang 186,187.  Tổ chức cho HS thảo luận câu 2 SGK: Trong thiên tùy bút, tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để khắc họa một cách ấn tượng hình ảnh con sông Đà hung bạo? Gợi ý:  - Nhóm 1,2: Tác giả đã khắc họa sự hung bạo ấy trên nhiều dạng vẻ. Chỉ ra những dạng vẻ đó?  Nhóm 1 trả lời, nhóm 2 bổ sung.  - Nhóm 3,4: Để diễn tả chính xác và sinh động những gì Nguyễn Tuân quan sát thấy về sự hung bạo của dòng sông, tác giả đã thêm vào rất nhiều nét tài hoa vốn có nào? Thử nêu vài dẫn chứng minh họa?  Nhóm 3 trả lời, nhóm 4 bổ sung.  **?** Nguyễn Tuân còn cho ta thấy, bên cạnh và cả bên trong sự hung bạo ấy, hình ảnh con sông vẫn nổi bật lên như một biểu tượng cho điều gì?  **?** Nếu phải cho một lời nhận xét ngắn gọn về khả năng sử dụng ngôn từ của Nguyễn Tuân, em sẽ nói thế nào?  GV lưu ý: Dòng Đà giang chỉ thực sự trữ tình khi đã chảy qua Chợ Bờ, và đã để lại những hòn đá thác xa xôi trên thượng nguồn Tây Bắc.  Gọi 1 HS đọc các đoạn văn ở trang 190, 191.  **?** Chứng minh rằng những đoạn văn viết về vẻ trữ tình của sông Đà cũng là kết quả của những công phu tìm tòi khó nhọc của một người nhất quyết không bao giờ chịu bằng lòng với những tri thức hời hợt?ví dụ: Để chắc chắn dòng Đà không hề đen🡪mấy lần bay tạt ngang trên con sông, quan sát kĩ càng để đi đến quả quyết:  + Vào mùa xuân: nước sông Đà có sắc xanh - xanh ngọc bích.  + Mỗi độ thu về: lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa.  **?** Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh hoạ? (Câu 3, SGK)  **Hết tiết 46, chuyển sang tiết 47**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 47 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   Gọi HS đọc đoạn miêu tả 1 quãng thuỷ chiến ở mặt trận sông Đà.  **?**Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo?  Gợi ý:  + Thoạt nhìn, em có nhận xét gì về tính chất của cuộc chiến?  + Kết quả ra sao?  + Nguyễn Tuân cho thấy nguyên nhân làm nên chiến thắng của con người có hề bí ẩn không? Đó chính là điều gì?  **?**Hãy cắt nghĩa vì sao, trong con mắt của Nguyễn Tuân, thiên nhiên Tây Bắc quý như vàng nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là vàng mười của đất nước ta?  **?**Thử phát hiện nét độc đáo trong cách khắc hoạ nhân vật ông lái đò?  Hướng dẫn HS vận dụng phép so sánh *Người lái đò sông Đà* với *Chữ người tử tù* viết trước cách mạng ở phương diện khắc họa con người.  **?**Có thể xem *Người lái đò sông Đà* như một khúc hùng ca, ca ngợi điều gì?  **?**Qua tác phẩm, em có thể rút ra được điều gì về tác giả Nguyễn Tuân?  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  - Làm bài tập 1,2 phần Luyện tập ở nhà. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1.Tác giả:** (Xem lại phần tiểu dẫn bài *Chữ người tử tù,* SGK Ngữ văn 11, tập I, tr 107).  **2.Tác phẩm *Người lái đò Sông Đà****:*  - Bài tùy bút được in trong tập *Sông Đà* (1960).  - Thành quả thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi.  - Tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân: uyên bác, tài hoa, không quản nhọc nhằn để cố gắng khai thác kho cảm giác và liên tưởng phong phú, bộn bề, nhằm tìm ra những chữ nghĩa xác đáng nhất.  - Cho thấy diện mạo của một Nguyễn Tuân mới mẻ, khao khát được hòa nhịp với đất nước và cuộc đời (không giống với Nguyễn Tuân trước cách mạng, con người chỉ muốn xê dịch cho khuây cảm giác “thiếu quê hương”)  - Cảm hứng chủ đạo: Nhiệt tình ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi nhân dân của một nhà văn mà trái tim đang tràn đầy niềm hứng khởi khi thấy nay mình đã có đất nước, mình đã không còn “thiếu quê hương”.  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. Hình tượng con sông Đà:**  **a. Con sông Đà hung bạo:**  - *Quan sát công phu, tìm hiểu kĩ càng để* *khắc họa sự hung bạo trên nhiều dạng vẻ:*  + Trong phạm vi một lòng sông hẹp, như chiếc yết hầu bị đá bờ sông chẹt cứng.  + Trong khung cảnh mênh mông hàng cây số của một thế giới đầy gió gùn ghè, đá giăng đến chân trời và sóng bọt tung trắng xóa.  + Những cái hút nước xoáy tít lôi tuột mọi vật xuống đáy sâu.  + Những trùng vi thạch trận sẵn sàng nuốt chết con thuyền và người lái.  + Âm thanh luôn thay đổi: oán trách 🡪 khiêu khích, chế nhạo 🡪 rống lên.  - *Mượn ở các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.*  + Hình dung một cảnh tượng rất đỗi hoang sơ bằng cách liên tưởng đến hình ảnh của chốn thị thành, có hè phố, có khung cửa sổ trên “cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện”.  + Tả cái hút nước quãng Tà Mường Vát: *nước thở và kêu như cửa cống cái bị sặc*, *ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào.*  + Lấy hình ảnh “*ô tô sang số nhấn ga*” trên “*quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực*” để ví von với cách chèo thuyền…  + Tưởng tượng về cú lia ngược của chiếc máy quay từ đáy cái hút nước🡪 cảm thấy có một cái thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày.  + Dùng lửa để tả nước:  🡪Biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước.  🡪Bậc kì tài trong lĩnh vực sử dụng ngôn từ (sự phá cách mà ngoại trừ các tay bút thực sự tài hoa, không ai làm nổi).  **b. Con sông Đà trữ tình:**  \* Sự tài hoa đã làm nên sức gợi cảm của một dòng chảy trữ tình:  - Viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài như chính dòng nước: *con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình,...*  - Dụng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.  + Con sông giống như một cố nhân lâu ngày gặp lại.  + Nắng cũng “giòn tan” và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi “yên hoa tam nguyệt”  + Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ.  + Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời.  + Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích.  \* Đây là kết quả của những công phu tìm tòi khó nhọc của một người nhất quyết không bằng lòng với những tri thức hời hợt, hoặc đã quen nhàm (Dẫn chứng: miêu tả nước sông Đà thay đổi theo mùa).  🡪Sự tài hoa đã đem lại cho áng văn những trang tuyệt bút.  🡪Tạo dựng nên cả một không gian trữ tình đủ sức khiến người đọc say đắm, ngất ngây.  **2. Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo**  - Tính chất cuộc chiến: không cân sức  + Sông Đà: sóng nước hò reo quyết vật ngửa mình thuyền; thạch trận với đủ 3 lớp trùng vi vây bủa, được trấn giữ bởi những hòn đá ngỗ ngược, hỗn hào và nham hiểm 🡪 dữ dội, hiểm độc với sức mạnh được nâng lên hàng thần thánh.  + Con người: nhỏ bé, không hề có phép màu, vũ khí trong tay chỉ là chiếc cán chèo trên một con đò đơn độc hết chỗ lùi.  - Kết quả: Thác dữ đã không chặn bắt được con thuyền; con người chiến thắng sức mạnh thần thánh của tự nhiên.  + Con người cưỡi lên thác ghềnh, xé toang hết lớp này đến lớp kia của trùng vi thạch trận; đè sấn được sóng gió, nắm chặt cái bờm sóng mà thuần phục sự hung hãn của dòng sông.  + Những thằng đá tướng phải lộ sự tiu nghỉu, thất vọng qua bộ mặt xanh lè.  - Nguyên nhân làm nên chiến thắng: sự ngoan cường, dũng cảm, tài trí, chí quyết tâm và nhất là kinh nghiệm đò giang sông nước, lên thác xuống ghềnh.  \* **Nhận xét:**  + Thiên nhiên: vàng; con người lao động: vàng mười 🡪 trong cảm xúc thẩm mĩ của tác giả, con người đẹp hơn tất cả và quý giá hơn tất cả.  + Con người được ví với khối vàng mười quý giá lại chỉ là những ông lái, nhà đò nghèo khổ, làm lụng âm thầm, giản dị, vô danh.  + Những con người vô danh đó đã nhờ lao động, nhờ cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên mà trở nên lớn lao, kì vĩ, hiện lên như đại diện của Con Người.  =>Nét độc đáo trong cách khắc hoạ:  - Tô đậm nét tài hoa nghệ sĩ.  - Tạo tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ phẩm chất.  - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đầy cá  tính, giàu chất tạo hình.  \* Khúc hùng ca ca ngợi con người, ca ngợi ý chí của con người, ca ngợi lao động vinh quang đã đưa con người tới thắng lợi trước sức mạnh tựa thánh thần của dòng sông hung dữ. Đó chính là những yếu tố làm nên chất vàng mười của nhân dân Tây Bắc và của những người lao động nói chung.  **III. Tổng kết:**  - Tác phẩm: Ngợi ca vẻ đẹp vừa kì vĩ, hào hùng, vừa trữ tình, thơ mộng của thiên nhiên và nhất là của con người lao động bình dị ở miền Tây Bắc  - Tác giả Nguyễn Tuân:  + Tình yêu đất nước say đắm, thiết tha.  + Lao động nghệ thuật nghiêm túc, cần cù, công phu.  + Tài hoa, uyên bác trong việc dùng chữ nghĩa.  **IV. Luyện tập**  - Làm câu 5 phần Hướng dẫn học bài ở lớp  - Làm bài tập 1,2 phần Luyện tập ở nhà |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

**-** Hình tượng Sông Đà hung bạo và trữ tình. Thủy chiến Sông Đà.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài *Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận.*

Ngày soạn: 5/12/2016

Ngày dạy:

**Tiết 48. Làm văn. CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp HS:Hệ thống hoá những lỗi thường gặp khi lập luận.Tự phát hiện, phân tích và sửa chữa lỗi về lập luận trong bài văn nghị luận của chính mình.Có ý thức thận trọng để tránh lỗi về lập luận trong các bài viết.

**2. Kĩ năng** : Tự nhận thức về các lỗi cá nhân thường gặp trong việc viết các văn bản nghị luận và biết cách sửa chữa để nâng cao chất lượng bài văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ** : Xác định các lựa chọn phù hợp để nhận ra và chữa lỗi lập trong bài văn nghị luận.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học.

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.  **Phương pháp**

- Thảo luận theo nhóm.

- Phát huy khả năng làm việc độc lập của từng cá nhân, kết hợp với khả năng hợp tác, giao tiếp của các thành viên trong nhóm và giữa các nhóm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Trong quá trình viết văn nghị luận, chúng ta thường mắc nhiều lỗi về cách nêu luận điểm, luận cứ và luận chứng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu các lỗi thường gặp để tìm cách phân tích và sửa chữa khi viết văn nghị luận.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | |
|  |  | | |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu các lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm.  Bài tập 1: Tìm hiểu những đoạn văn trong sgk và cho biết việc nêu luận điểm mắc lỗi là gì?  - GV cho HS thảo luận theo nhóm sau đó nhận xét.  + Nhóm 1: đoạn văn a  + Nhóm 2: đoạn văn b  + Nhóm 3: đoạn văn c | - HS thảo luận và trả lời:  + Luận điểm nêu ra không rõ, trùng lặp ý: “cảnh vật trong bài thơ thu điếu của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ”, “ngưng đọng, im lìm”, “cảnh sắc im ắng”  + Luận điểm “Người làm trai thời xưa…để mở mày, mở mặt với thiên hạ” dài dòng, không nêu được trọng tâm của luận điểm (ý nghĩa của nợ công danh theo quan niệm của PNL là gì)  + Giữa luận điểm “VHDG ra đời từ…phát triển”, với luận cứ tiếp theo “Nhắc đến nó…cuộc sống” rời rạc và không có sự liên kết về nội dung. | | **I. Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm:**  **1. Bài tập 1: Lỗi nêu luận điểm**  a. Việc nêu luận điểm chưa rõ ràng, nội dung trùng lặp mà không có sự nhấn mạnh hay phát triển ý  b. Đoạn văn b: Luận điểm nêu ra dài dòng, rườm rà, không rõ ràng, không trình bày được đúng bản chất của vấn đề.    c. Đoạn văn c: Luận điểm không rõ ràng, nhiều luận điểm nhưng không luận điểm nào được triển khai đầy đủ, chưa logic với luận cứ nêu ra. |
| Bài tập 2: GV hướng dẫn HS chữa lại những đoạn văn trên cho đúng.  - GV yêu cầu HS chữa lại các đoạn văn sao cho mỗi đoạn nêu rõ luận điểm  - Sau khi HS đưa ra cách chữa đoạn văn của mình, gv yêu cầu một HS khác nhận xét, sau đó GV kết luận. | - Đoạn văn a: nên thay từ “vắng vẻ” bằng một tính từ khác để phù hợp với các luận cứ  - Đoạn văn b: thay bằng luận điểm “Người làm trai thời xưa luôn mang theo bên mình món nợ công danh”  - Đoạn văn c: Luận điểm cần sửa lại là “VHDG là kho tàng kinh nghiệm của cha ông được đúc kết từ xưa” | | **2. Bài tập 2**  - Đoạn văn a: (GV đọc đoạn văn mẫu đã sửa)  - Đoạn văn b: (GV đọc đoạn văn mẫu đã sửa)  - Đoạn văn c: (GV đọc đoạn văn mẫu đã sửa)  \* HS đọc ghi nhớ về các lỗi nêu luận điểm. |
| GV hướng dẫn HS tìm hiểu lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ.  - GV yêu cầu HS chỉ ra lỗi nêu luận cứ ở mỗi ví dụ và sửa lại cho đúng.  - GV cho HS thảo luận theo nhóm và trả lời. các thành viên tổ khác tham gia nhận xét và sửa chửa bổ sung. | HS trao đổi, thảo luận và trả lời.  - Cần nêu rõ sự tương đồng giữa hình tượng thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ-tâm trạng riêng của Huy Cận, nhưng trong đó cũng hàm chứa tâm trạng của cái tôi thơ Mới.  - Sửa lại luận cứ:  “Nắng …sâu chót vót”  - Luận cứ thiếu chính xác: “Đất nước…hoàn toàn” (sửa lỗi)  - Thiếu toàn diện: chỉ nêu dẫn chứng về Hai Bà Trưng không phù hợp với luận điểm “trong lịch sử…cũng có” (Bổ sung luận cứ)  - Sắp xếp luận cứ theo trình tự hợp lý  - Luận cứ không phù hợp với luận điểm. “Ải chi Lăng…Bạch Đằng” các địa danh này không phải là “tên tuổi”. | | **II. Lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ:**  **1. Bài tập 1:**  - Lỗi nêu luận cứ: dẫn thơ sai, luận cứ đưa ra chưa chính xác, mơ hồ.  (GV cho HS tham khảo đoạn văn đã sửa đúng)  **2. Bài tập 2**  - Lỗi nêu luận cứ: luận cứ đưa ra thiếu chính xác, thiếu toàn diện.  **3. Bài tập 3**  - Lỗi luận cứ: lộn xộn, không theo trình tự logic.  - Luận cứ không phù hợp với luận điểm.  \* HS đọc ghi nhớ về các lỗi nêu luận cứ. |
| - GV hướng dẫn HS tìm ra lỗi liên quan đến việc vận dụng cách thức lập luận.  - GV yêu cầu HS phân tích lỗi về cách thức lập luận và sửa chữa lại cho đúng  - GV yêu cầu HS phân tích lỗi và sửa chữa đoạn. Sau đó Gv nhận xét.  - GV yêu cầu HS tìm lỗi của đoạn và chữa lại cho đúng.GV nhận xét câu trả lời và điều chỉnh bài của HS  - Qua các bài tập đã làm em rút ra kết luận gì về những lỗi nên tránh khi viết văn nghị luận? | \* HS thảo luận theo nhóm.  - Bổ sung luận cứ  - Sắp xếp lại luận cứ cho phù hợp.  - Các luận cứ đều nói về cái đói và những nhân vật gắn với cái đói nhưng LĐiểm nêu ra lại là “Nam Cao viết về nông thôn”. Sửa lại: “NC viết nhiều về miếng ăn và cái đói”  - LĐ không rõ ràng: phần gợi mở, dẫn dắt không giúp cho việc nêu bật luận đểm chính.  - Luận cứ không phù hợp với phạm vi đề tài đã nêu ở câu trước “tinh tế…Đỗ Phủ (Thu hứng)”  - HS suy nghĩ trả lời. | | **III. Lỗi về cách thức lập luận:**  **1. Bài tập 1**  - Lỗi về cách thức lập luận: trình bày luận cứ thiếu lôgic, lộn xộn. Hệ thống luận cứ không đủ làm sáng tỏ cho luận điểm chính.  **2. Bài tập 2**  - Lỗi về cách thức lập luận: Luận điểm không rõ ràng.  - Luận cứ thiếu toàn diện (chỉ tập trung vào “cái đói”trong tác phẩm viết về đề tài nông thôn và nông dân của Nam Cao)  **3. Bài tập 3**  - Luận điểm không rõ ràng, luận cứ không phù hợp với phạm vi đề tài.  (GV cho HS tham khảo đoạn văn).  \* HS đọc ghi nhớ về các lỗi liên quan đến cách thức lập luận.  **IV. Tổng kết:** (ghi nhớ)/sgk |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

**-** Những lỗi nên tránh khi viết văn nghị luận.

**5.Dặn dò**

- HS về nhà xem lại các lỗi ở bài viết số 3 và làm bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 12.

- GV sẽ kiểm tra vở bài tập của một số HS trong giờ trả bài cũ tại lớp.

- Chuẩn bị bài mới: “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*” (Hoàng Phủ Ngọc Tường).

Ngày soạn: 6/12/2016

Ngày dạy:

**Tiết 49. Đọc văn. AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?**

**(*Trích)***

***Hoàng Phủ Ngọc Tường***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp học sinh hiểu được:Thấy được tình yêu, niềm tự hào tha thiết, sâu lắng của tác giả dành cho dòng sông quê hương, cho xứ Huế thân yêu. Hiểu được đặc trưng của thể loại bút ký và đặc sắc nghệ thuật của bài ký.

**2. Kĩ năng** : Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét trong sự thể hiện vẻ đẹp của dòng sông ở hai tác phẩm của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường.

**3. Tư duy, thái độ** : Tự nhận thức về tấm lòng trân trọng trước những giá trị văn hóa của đất nước, qua đó rút ra bài học về sự gắn bó của mỗi cá nhân với quê hương đất nước.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.  **Phương pháp**

- Tác phẩm thuộc thể loại bút kí, khi phân tích, cần chú ý đặc trưng thể loại. Trong đó, cảm xúc và suy tư của tác giả về đối tượng phản ánh là trọng tâm.

- Kết hợp giữa đàm thoại và diễn giảng, phát vấn vè gợi ý giúp HS cảm nhận nét riêng của đối tượng phản ánh và nét riêng trong lối viết bút kí của tác giả.

Vẻ đẹp thiên nhiên phong phú, đa dạng, huyền ảo, đầy chất thơ như đời sống, như tâm hồn con người xứ Huế qua hình tượng dòng sông Hương được diễn tả trong thể loại bút kí bởi cây bút uyên bác và tài hoa.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Phân tích hình tượng con sông Đà.

- Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà.

- Qua bài tuỳ bút, em có nhận xét gì về tác giả Nguyễn Tuân?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Nguyễn Tuân từng ca ngợi: *Kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường có rất nhiều ánh lửa.* Bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* đi sâu khám phá cá tính Huế từ một dòng sông xứ Huế. Đây là một tác phẩm đặc sắc vừa thể hiện những nét đẹp độc đáo của sông Hương, vừa thể hiện nét tài hoa, uyên bác của cái tôi Hoàng Phủ Ngọc Tường nhạy cảm, tinh tế, nhất mực say mê cái đẹp của quê hương, đất nước.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Hãy nêu vài nét chính về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường giúp ta hiểu sâu sắc hơn tác phẩm?  **?** Em hãy xác định thể loại của tác phẩm?  **?**Khi tìm hiểu một tác phẩm tuỳ bút, chúng ta cần nắm những vấn đề chung nào?  GV kể huyền thoại tên dòng sông ở phần cuối tác phẩm.  Bài tuỳ bút mang đậm phong cách nghệ thuật viết ki của Hoàng Phủ Ngọc Tường.  **?**Về đoạn trích, chúng ta nên tìm hiểu những nội dung nào?  **?**Hãy xác định vị trí và nội dung của đoạn trích?  **?**Chia bố cục và xác định nội dung của từng phần.  **GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.**  **?** Sông Hương vùng thượng lưu được tác giả miêu tả như thế nào? Những hình ảnh, chi tiết, những liên tưởng và thủ pháp nghệ thuật nào cho thấy nét riêng trong lối viết kí của tác giả?  Trong “ Sử thi buồn”, Hoàng Phủ Ngọc Tường từng nói: “*Trước khi về hội nhau ở ngã ba Tuần, cả hai nhánh nguồn của sông Hương đều đã rong ruổi triền miên qua địa bàn sinh sống của người Cờ Tu giữa rừng già. Trước khi là sông Hương của Huế, nó đã là một dòng sông của dân tộc Cờ Tu, mang cái tên gốc “Pô-ly-ê-điêng” là sông “A Pàng”.*  *Nếu mải mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của dòng sông…*  Hé mở một phát hiện mới của tác giả về vẻ đẹp của Sông Hương: Người ta hay nghe tới  sông Hương gắn với Huế “dịu dàng pha lẫn trầm tư”, êm đềm, trong trẻo nay lại biết tới phần dữ dội, mê hoặc, khó cưỡng của dòng sông.  Chuyển: Kết thúc đoạn văn tác giả vừa giới thiệu trọn vẹn con sông với tâm hồn sâu thẳm của nó; vừa dẫn dắt, gợi mở sang đoạn tiếp theo sẽ miêu tả khuôn mặt kinh thành của dòng sông.  **-**Sông Hương trong mối quan hệ với kinh thành Huế:  + Quan hệ giữa sông Hương và có đô: “người tình mong đợi” =>hành trình về cố đô được hình dung như “một cuộc tìm kiếm có ý thức” một người tình trong mộng của người con gái.  + Hành trình về xuôi tìm “người tình mong đợi”:  **?** Đoạn tả sông Hương chảy xuôi về đồng bằng và ngoại vi thành phố bộc lộ chất tài hoa của tác giả như thế nào? Hiệu quả thẩm mỹ của lối viết đó?  - Em hãy tìm câu nhận xét chung của tác giả về sông Hương chảy về đồng bằng và ngoại vi thành phố?  - Sông Hương giữa cánh đồng Châu Hoá như thế nào?  - Sông Hương ra khỏi vùng núi?  Từ sự đổi dòng liên tục cuả dòng sông, các em có cảm nhận gì về sức sống và tâm hồn của nó?  - so sánh độc đáo, giàu sức gợi => tả mặt nước phẳng lặng và không gian bờ bãi u tịnh bằng liên tưởng tới triết học, thơ cổ => nổi bật vẻ thâm nghiêm, bao nhiêu thăng trầm lịch sử, bao nhiêu dời đổi của các triều đại đã tạo thành trầm tích văn hóa lặn vào vẻ đẹp ngàn năm không suy xuyển của dòng nước > thấp thoáng hình ảnh một “cái tôi” giàu suy tư.  Bộc lộ hết nét lịch lãm và tài hoa trong lối hành văn của tác giả.  **Chuyển:** Thuỷ trình của sông Hương chảy về đồng bằng và ngoại vi thành phố đã khép lại trong âm vang ngân nga của tiếng chuông chùa Thiên Mụ và bát ngát tiếng gà và mở ra một hành trình mới của sông Hương.  **?** Khi chảy vào thành phố, sông Hương có nét đặc trưng gì?  - *…tiếng vâng*”: so sánh lạ, dùng tiếng “vâng” vốn trừu tượng, e ấp, ngập ngừng, ý vị, thiêng liêng trên bờ môi cô gái đang yêu để tả hình dáng mềm mại nơi cánh cung của dòng sông => cái nhìn tình tứ, thống nhất, đem lại cho người đọc những khoái cảm thẩm mĩ độc đáo.  • So sánh sông Hương với sông Xen của Paris, sông Đa-nuýp của Bu-đa-pét > những tên sông đã trở thành linh hồn của thủ đô các nước, thành biểu tượng văn hóa của quốc gia > ngầm thể hiện lòng tự hào về sông Hương và kinh thành Huế. (Liên hệ với Nguyễn Trãi trong “Bình Ngô đại cáo”: đặt các triều đại Việt Nam sánh ngang với các triều đại Trung Hoa)  Liên hệ:  *- Con sông dùng dằng, con sông không chảy.*  *Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu. (Thu Bồn)*  *- Gió theo lối gió, mây đường mây*  *Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay. (Hàn Mặc Tử)*  *- Hương giang ơi, dòng sông êm*  *Qua tim ta vẫn ngày đêm tự tình*  *(Tố Hữu)*  • Nền âm nhạc cổ điển Huế: “được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này” > Sông Hương gắn với lịch sử âm nhạc lâu đồi của Huế, là cái nôi hình thành nền âm nhạc truyền thống > gợi nhắc đến sông Nile, sông Hắng, sông Hoàng Hà – cũng là những cái nôi hình thành những nền văn hóa lớn trên thế giới > nhà văn cảm nhận dòng sông ở góc độ văn hóa.  **?** Sông Hương trong mối quan hệ vớí lịch sử dân tộc như thế nào?  **?** Sông Hương có vai trò như thế nào trong thơ ca?  GV:Chữ ***tài*** và chữ ***tâm*** của Hoàng Phủ Ngọc Tường thể hiện trong tác phẩm?  **GV hướng dẫn HS tổng kết**  Nét riêng trong nghệ thuật viết kí của tác giả?  So sánh với nghệ thuật viết kí Nguyễn Tuân: Nguyễn Tuân- tạng nóng, Hoàng Phủ Ngọc Tường- tạng lạnh; Nguyễn Tuân- tài hoa kêu bạc, Hoàng Phủ Ngọc Tường- tài hoa, sâu lắng; Nguyễn Tuân là con sông Đà “*Chúng thuỷ giai đông tẩu, Đà giang độc bắc lưu”* thì Hoàng Phủ Ngọc Tường là “*Con sông dùng dằng, con sông không chảy.*  *Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu”.*  Đoạn trích giáo dục em điều gì?  Bài học rèn luyện cho em kĩ năng gì? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực.  - Quê gốc ở Quảng Trị sống, học tập, trưởng thành và gắn bó sâu sắc với Huế.  - Chuyên viết thể loại bút ký.  - Phong cách nghệ thuật: kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hoá, lịch sử, địa lý... Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa.  **2. Tác phẩm:**  ***a. Thể loại:*** bút kí.  ***b. Tiêu đề:* “***Ai đã đặt tên cho dòng sông*” → giàu chất thơ.  ***c. Đề tài:*** Viết về sông Hương và xứ Huế.  ***d. Nội dung:*** miêu tả vẻ đẹp của sông Hương từ nhiều góc độ như thiên nhiên văn hoá, lịch sử và nghệ thuật.  **3. Đoạn trích:**  ***a. Vị trí:*** đoạn trích thuộc phần đầu của tác phẩm. Tác giả xuôi theo sông Hương từ thượng nguồn đến cửa biển và trình bày những hiểu biết của mình về dòng sông.  ***b. Bố cục:***  - Đoạn 1: “*Trong những dòng sông*…*dưới chân núi Kim Phụng*”: Sông Hương vùng thượng nguồn là dòng chảy có mối quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn.  - Đoạn 2: Từ “*Phải nhiều thế kỷ … quê hương xứ sở*”: Sông Hương những mối quan hệ với kinh thành Huế.  - Đoạn 3: “*Hiển nhiên là sông Hương... cho dòng sông?”*: Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc, với cuộc đời và thi ca.  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. Sông Hương vùng thượng nguồn- quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn:** Tên gốc: “A Pàng”→ dòng sông tựa như “Đời người”, nó đã chở đầy phận người từ thuở giọt địa chất sinh ra (***Sử thi buồn***) => cảm xúc hướng nội.  - “*rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn”* → Sự mãnh liệt, hoang dại.  - “*dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng”* (màu sắc rực rỡ)→ Vẻ đẹp dịu dàng, say đắm.  - “*như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại”* (nhân hoá) , rừng già đã hun đúc một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng; cũng chính rừng già đã chế ngự sức mạnh bản năng để khi ra khỏi rừng, nó mang “*một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa”.*  *=>*Sông Hương là “*một bản trường ca của rừng già”* với nhiều tiết tấu vừa hùng tráng, dữ dội. Nó mang vẻ đẹp của một sức sống vừa mãnh liệt, hoang dại; vừa dịu dàng, say đắm, đầy cá tính (nét riêng trong lối viết kí của tác giả). Đó cũng là tâm hồn sâu thẳm vừa sục sôi vừa đằm thắm của “*thiếu nữ A Pàng*”.  \* **Nghệ thuật**:  - Liên tưởng kì thú, xác đáng.  - Ngôn từ gợi cảm.  => Sức cuốn hút, hấp dẫn về một con sông mang linh hồn, sự sống.  **2. Sông Hương trong mối quan hệ với kinh thành Huế:** “*người tình mong đợi”*  ***a. Sông Hương chảy về đồng bằng và ngoại vi thành phố:*** *“người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng”* được *“người tình mong đợi đến đánh thức”.*  - Giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại: sông Hương là “*cô gái đẹp nằm ngủ mơ màng”.*  - Ra khỏi vùng núi:  + Xuôi về đồng bằng: *Chuyển dòng liên tục, vòng giữa những khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm… vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ* → như nàng tiên được đánh thức, sông Hương bỗng bừng lên sức trẻ và niềm khao khát tuổi thanh xuân.  + Đến ngoại vi thành phố: *sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn…*  *.* Chân núi Ngọc Trản: *sắc nước xanh thẳm… trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách.*  *.* Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo: *dòng sông mềm như tấm lụa… những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím”… giấc ngủ nghìn năm của vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ lan toả khắp một vùng thượng lưu.*  *=>* Vẻ đẹp dịu dàng, khi thì kiêu hãnh, bừng sáng, tươi tắn, trẻ trung ; khi thì trầm mặc như triết lí, như cổ thi.  \* **Nghệ thuật:**  - Kiến thức địa lí đã giúp tác giả miêu tả tỉ mỉ sông Hương với những khúc quanh và lưu vực của nó.  - Kiến thức văn hoá, văn học tạo ấn tượng về vẻ đẹp trầm mặc.  - Quan sát tinh tế và ngôn từ phong phú tạo ra câu văn đầy màu sắc tạo hình và ấn tượng.  - Bút pháp tả và kể kết hợp nhuần nhuyễn và tài hoa tạo ra sự phối cảnh kì thú mà hài hoà giữa sông Hương với thiên nhiên xứ Huế.  ***b. Sông Hương chảy vào thành phố:*** Sông Hương “*tìm đúng đường về”.*  - *Sông Hương vui tươi hẳn lên* → gặp thành phố như đến với điểm hẹn tình yêu.  - *chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non.*  *- uốn một cánh ung rất nhẹ sang đến Cồn Hến, đường cong làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu.*  *-* Chảy lặng lờ như *điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế.*  *- ngập ngừng như muốn đi, muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng.*  => Sông Hương êm dịu, mềm mại, chậm rãi, ngập ngừng như có “*những vấn vương của một nỗi lòng”* không nỡ rời xa thành phố.  - *trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm thánh Bảy*→ vẻ đẹp lộng lẫy.  - *như sực nhớ một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối … nỗi vương vấn cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu* → phát hiện độc đáo.  Tóm lại, sông Hương như một cô gái Huế tài hoa, dịu dàng mà sâu sắc; đa tình mà kín đáo; lẳng lơ nhưng rất mực chung tình, khoé trang điểm mà không loè loẹt như cô dâu Huế ngày xưa trong sắc áo điều lục.  \* **Nghệ thuật:**  - Hình ảnh ấn tượng, cảm nhận tinh tế, liên tưởng so sánh bất ngờ lí thú → tình yêu say đắm con sông đã làm cho ngòi bút tác giả thăng hoa. Đó là những nét bút dịu dàng, tình tứ, đắm đuối.  - Cảm nhận sông Hương với nhiều góc độ: con mắt hội hoạ (sông Hương với những đường nét tinh tế làm nên vẻ đẹp cổ kính của cố đô), cảm nhận âm nhạc (điệu slow chậm rãi, sâu lắng, trữ tình; tiếng đàn của Kiều), cái nhìn đắm say của một trái tim đa tình (sông Hường là người tình dịu dàng và chung thuỷ).  **3. Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc, với cuộc đời và thi ca:**  ***a. Với lịch sử dân tộc:***  - *Dòng sông biên thuỳ xa xôi của đất nước các vua Hùng.*  *- Dòng Linh Giang (dòng sông thiêng) trong sách* ***Dư địa chí*** *của Nguyễn Trãi.*  *- Dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ*  *biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỉ trung đại.*  *- Nó vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ.*  *- Nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ XIX với máu của những cuộc khởi nghĩa.*  *- Nó đi vào thời đại Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển.*  => Sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu những thế kỉ vinh quang từ thời vua Hùng dựng nước đến Cách mạng tháng Tám thàng công.  ***b. Sông Hương với cuộc đời và thi ca:***  - ***Với cuộc đời***:  + Sông Hương là nhân chứng nhẫn nại và kiên cường qua những thăng trầm của cuộc đời.  + *Khi nghe lời kêu gọi, nó biết cách tự hiến mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống đời thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước* → dòng sông mang vẻ đẹp giản dị mà khác thường.  - ***Với thi ca:***  + “*Dòng sông trắng – lá cây xanh*” trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà.  + Là vẻ đẹp hùng tráng “như kiến dựng trời xanh” trong thơ Cao Bá Quát.  + Nỗi quan hoài vạn cổ vạn cổ với bóng chiều bảng lảng trong thơ Bà Huyện Thanh Quan.  + Nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn trong thơ Tố Hữu.  => Dòng sông *“ không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ*”.  **III. Tổng kết:**  - Văn phong tao nhã, cảm xúc hướng nội tài hoa, cách cảm nhận tinh tế của một cây bút giàu trí tuệ, tổng hợp từ vốn hiểu biết sâu rộng đã làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của bài kí.  - Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp của dòng sông Hương và xứ Huế. Qua đó, tác giả gởi gắm tình yêu và lòng tự hào tha thiết về sông Hương, xứ Huế và cũng là cho đất nước.  - Có tình cảm với Huế, trân trọng và giữ gìn những cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp và những nét đẹp văn hoá truyền thống; tinh tế và nhạy cảm đối với cuộc sống xung quanh.  – Kĩ năng đọc hiểu thể tuỳ bút theo đặc trưng thể loại, vận dụng tri thức bài học để đọc và viết các văn bản tương đương. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Sông Hương trong tâm cảm của tác giả.

- Những nét đặc sắc về ý tưởng, hình ảnh và ngôn ngữ của tác giả.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: Đọc thêm: *Những ngày đầu của nước Việt Nam mới* (Võ Nguyên Giáp)*.*

Ngày soạn: 8/12/2016

Ngày dạy:

**Tiết 50. Đọc văn. Đọc thêm: NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA NƯỚC VIỆT NAM MỚI**

**(Trích *Những năm tháng không thể nào quên*)**

**Võ Nguyên Giáp**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp học sinh hiểu được: Hiểu được những khó khăn, nguy nan của nước Việt Nam mới trong những ngày đầu và quyết sách đúng đắn, sáng suốt của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, thấy rõ mối quan hệ khăng khít giữa đất nước và nhân dân, lãnh tụ và quần chúng.

**2. Kĩ năng** :Giọng văn chân thành, giản dị, phù hợp với đặc điểm của bài kí.

**3. Tư duy, thái độ**: Biết trân trọng và không quên những năm tháng đầy khó khăn và vinh quang của đất nước.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp:** Đọc, thảo luận nhóm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

-Vẻ đẹp của sông Hương trong từng chặng hành trình?

- Tài năng của Hoàng Phủ Ngọc Tường?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam. Cuộc đời ông gắn liền với những năm tháng không thể nào quên của cách mạng. Đoạn trích “*Những ngày đầu của nước Việt nam mới*” trích trong tập hồi kí “*Những năm tháng không thể nào quên*” của ông ghi lại những nỗ lực của Đảng, chính phủ, Bác Hồ và nhân dân ta trong những ngày đầu sau cách mạng tháng Tám để giữ vững nền độc lập, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, khẳng định vị thế của nước Việt Nam mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Tìm hiểu tác giả, hồi kí “*Những năm tháng không thể nào quên*”  - Gọi HS đọc phần tiểu dẫn và thực hiện yêu cầu sau: đôi nét về Võ Nguyên Giáp, kể tên những tập hồi kí của tác giả.  - Giới thiệu đôi nét về thể loại hồi kí  -Tóm tắt nội dung của "*Những năm tháng không thể nào quên*".  - Gọi học sinh đọc đoạn trích "*Những ngày đầu của nước Việt Nam mới*" và phân chia bố cục nêu nội dung của từng đoạn.  Hướng dẫn đọc thêm.  - Theo em điểm nhìn của tác giả là bối cảnh của Đất nước ta năm nào?, tình hình Đất nước lúc đó như thế nào?  - Câu hỏi 1 : Cảm nghĩ cụ thể của tác giả về *Những ngày đầu của nước Việt Nam mới*  như thế nào? Được thể hiện bằng hình thức nghệ thuật gì?  - Câu hỏi 2 : NVNM vừa mới khai sinh đã phải đương đầu với bao khó khăn, nguy nan nào?  - Câu hỏi 3 : Để đưa Đất nước vượt qua những khó khăn nguy nan ấy Đảng và Chính phủ đã có những quyết sách đúng đắn và sáng suốt như thế nào? (những dẫn chứng cụ thể nào là tiêu biểu)  - Câu hỏi 4 : Hình ảnh Bác Hồ được tác giả ghi lại trong đoạn trích này đã giúp em hiểu thêm gì về Bác trong những ngày mới khai sinh ra Nước VNDCCH?  - Qua đoạn trích em nhận xét gì về vai trò của Đảng và Bác Hồ đối với con thuyền CM Việt Nam ?  - Nét đặc sắc của thể hồi kí từ đoạn trích | **I. Giới thiệu chung**  **1. Tác giả**  - Võ Nguyên Giáp sinh năm 1911, quê Quảng Bình. Là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, đảm đương nhiều chức trách quan trọng.  - Các tác phẩm hồi kí: Những năm tháng không thể nào quên( 1970), Chiến đấu trong vòng vây (1978), Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử(1994),...  **2. Vài nét về tập hồi kí “*Những năm tháng không thể nào quên"***  ***a. Thể loại hồi kí***  - Ghi chép những gì xảy ra trong quá khứ trên cơ sở hồi tưởng  - Tác giả: nổi tiếng  - Hình thức: tự kể hoặc có người khác ghi lại và thể hiện.  - Nội dung: cuộc đời mình, những sự kiện lịch sử tiêu biểu, những biến động xã hội rộng lớn.  - Nghệ thuật: tính xác thực cao.  => có giá trị văn học và xã hội, lịch sử.  ***b. Nội dung của “Những năm tháng không thể nào quên”***  - Hướng tới tái hiện những sự kiện trọng yếu, những biến cố có tính chất bước ngoặt trong lịch sử việt nam từ những ngày sục sôi trước cách mạng tháng Tám đến những ngày gay go ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, khắc hoạ hình ảnh những con người tiêu biểu của thời đại.  - Nhân vật : người bình thường vô danh và những người lãnh đạo đất nước.  => Tái hiện lịch sử ở những nét lớn, những bức tranh toàn cảnh, có sự đánh giá, bình luận ở tầm khái quát  ***c. Đoạn trích “ Những ngày đầu của nước Việt Nam mới”***  - Vị trí:thuộc chương 12 do nhà văn Hữu Mai thể hiện.  - Bố cục:4 đoạn  \* Từ đầu ... *ập vào miền bắc*. Từ thế đứng hiên ngang của dân tộc thời chống Mĩ, hồi tưởng về giờ phút hiểm nghèo của đất nước việt nam mới.  \* Tiếp theo ... *thêm trầm trọng*. Những khó khăn của đất nước-“ ngàn cân treo sợi tóc”  \* Tiếp theo ... *ba trăm bảy mươi kí lô gam vàng:* Những biện pháp của chính quyền mới và tinh thần quyết tâm vượt khó khăn của toàn Đảng toàn dân ta.  \* Còn lại. hình ảnh Bác Hồ  - Điểm nhìn trần thuật: bối cảnh đất nước ta năm 1970- cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt  **II. Hướng dẫn đọc thêm**  **1. Cảm nghĩ của tác giả**  - Năm 1945 là thời kì làm mưa làm gió của chủ nghĩa đế quốc gần hai chục vạn quân Tưởng từ mấy ngả ập vào miền Bắc; còn bây giờ mọi cách tô son trát phấn của đế quốc Mĩ với bọn ngụy quyền tay sai ở miền nam đều hoài công vô ích.  - Năm 1945 nước việt nam chưa có tên trên bản đồ thế giới, cả đông dương chỉ mang tên Indo - China thuộc Pháp; còn bây giờ là nước Nước Việt nam dân chủ cộng hòa  => qua lối so sánh thể hiện tình cảm tự hào ngợi ca dân tộc tổ quốc  **2. Hình ảnh nước Việt Nam mới**  ***a. Những khó khăn khi nước Việt Nam mới ra đời***  - Nhận định: “ nằm giữa bốn bể hùm sói, phải tự dốc mình đấu tranh dũng cảm, mưu trí, phải tìm mọi cách để sống còn”  - Cụ thể:  \* Đảng hoạt động bí mật, đảng viên công tác dưới danh nghĩa Việt minh. Chính quyền mới “ chưa được nước nào công nhận”  \* Kinh tế: ruộng đất vẫn trong tay địa chủ, bão lụt hạn hán liên miên, buôn bán với nước ngoài đình trệ, kho bạc chỉ còn có 1 triệu bạc rách.  \* Chính trị: nạn thất nghiệp tăng, nạn đói, dịch tả phát sinh và thực dân Pháp xâm lược.  => khó khăn “ càng thêm trầm trọng”, là thách thức quá lớn đối với chính quyền cách mạng còn non trẻ.  ***b. Những quyết sách đúng đắn và sáng suốt của Đảng và chính phủ:***  - Củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng.  - Giải tán chính quyền cũ, xây dựng bộ máy chính quyền mới, từ chính quyền cơ sở như HĐND, UB hành chính đến TW là quốc dân Đại hội, toàn dân đóng góp ý kiến cho dự án hiến pháp.  - Thi hành một số chính sách mới như: địa chủ phải giảm tô 25%, xóa nợ cho nông dân, tòa dân tăng cường học chữ quốc ngữ, học tập thi cữ đều miễn phí, động viên tinh thần đóng góp trong nhân dân, lập quỹ độc lập, kêu gọi đồng bào hưởng ứng “tuần lễ vàng”  => Nội lực của Nước Việt Nam mới được nâng lên nhanh chóng.  ***c. Hình ảnh Bác Hồ-Người cầm lái con thuyền cách mạng vượt qua sóng to gió lớn:***  - Toàn tâm, toàn ý vì dân, vì nước : “Ở Người, ...trong tình cảm”  - Chủ trương xây dựng mối quan hệ giữa những người làm việc trong bộ máy chính quyền mới với nhân dân.  - Đề ra 3 mục tiêu quan trọng : Diệt giặc đói, diệt giặc dôt, diệt giặc ngoại xâm(dựa vào lực lượng và tinh thần của dân).  - Lý tưởng và tấm lòng của Người được tác giả khái quát:  + Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập không có nghĩa lý gì.  + Hạnh phúc cho dân đó là mục đích của việc giành lấy chính quyền và giữ vững chính quyền ấy.  => tác giả kết luận : “Đồng bào ta đã nhận thấy ở Bác Hồ hình ảnh tượng trưng cao đẹp nhất của dân, của nước, của cách mạng.  **III. Tổng kết**:  **1. Về nội dung**: Những nỗ lực lớn của Đảng, các quyết sách kịp thời, thông minh và đầy hiệu quả. Lý tưởng và lòng yêu nước lớn lao của Bác.  **2. Về nghệ thuật:** Điểm nhìn trần thuật của một người đại diện cho bộ máy lãnh đạo Đảng và Chính phủ, do đó các sự kiện được kể lại mang tính chất toàn cảnh, tổng thể, phát họa những nét lớn, tạo án tượng sâu sắc vớ nhiều người, làm cho tác phẩm này không phải là sách tự thuật về một cuộc đời mà gần như là cuốn biên niên sử của cả một dân tộc. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

***-*** Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

**5. Dặn dò**

***-*** Chuẩn bị bài *Ôn tập văn học.*

Ngày soạn: 9/12/2016

Ngày dạy:

***Tiết 51. Đọc văn :* ÔN TẬP VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp HS:Nắm được những tri thức cơ bản về các tác giả và các tác phẩm văn học đã học, củng cố và hệ thống được những kiến thức đã học trên hai phương diện lịch sử và thể loại.

Hiểu được một cách cơ bản những kiến thức lí luận văn học về thể loại và phong cách văn học.

**2. Kĩ năng** : Trau dồi kĩ năng đọc hiểu và viết văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ** : Tư duy khái quát, tổng hợp.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp**

- HS chuẩn bị các câu hỏi ôn tập trước.

- Trên lớp, GV nên chon những câu hỏi tiêu biểu để hướng dẫn HS phát biểu, trao đổi, thảo luận theo nhóm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam đã học trong chương trình Ngữ văn 12 tập 1. Từ đó biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo những kiến thức đó vào bài kiểm tra Ngữ văn, trong đọc sách văn học, trong cuộc sống.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  HDHS ôn tập phần khái quát VHVN từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.  - Trình bày quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX (những giai đoạn và thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn)?  + GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận theo sự chuẩn bị ở nhà.  + Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV yêu cầu đại diện từng nhóm trình bày.  + Sau khi các nhóm trình bày và các học sinh khác nhận xét, bổ sung xong, GV nhận xét và chốt ý.  + GV lưu ý: Ở mỗi giai đoạn phát triển của văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX, các em cần nhớ những vấn đề cơ bản sau:  \* Đề tài, cảm hứng chủ yếu  \* Thành tựu:  🡪 Văn xuôi  🡪 Thơ ca  🡪 Kịch  🡪 Nghiên cứu, lí luận, phê bình  \* Những hạn chế (nếu có)  \* Những tác giả tác phẩm tiêu biểu.  + Để giúp HS có thể khắc sâu kiến thức, GV cho HS lập bảng thống kê tác giả tác phẩm tiêu biểu của từng giai đoạn.  - Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975?  HĐ2: (20 phút) HDHS ôn tập, củng cố kiến thức về một số tác giả tác phẩm tiêu biểu.  - Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh?  - Chứng minh mối quan hệ nhất quán giữa quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của Người?  + GV hướng dẫn HS chọn một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh để phân tích làm rõ ba quan điểm văn học của Người.  - Mục đích và đối tượng của bản *Tuyên ngôn độc lập* (căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể khi Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn)?  - Vì sao nói Tố Hữu là nhà thơ trữ tình – chính trị?  + GV bổ sung: Các tập thơ của Tố Hữu, từ *Từ ấy* cho đến *Ta với ta* hầu như đều bám sát và đánh dấu những chặng đường của cách mạng Việt Nam.  - Phân tích khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu?  + GV hướng dẫn HS về nhà tập trung phân tích một số tác phẩm tiêu biểu của Tố Hữu: *Từ ấy*, *Tâm tư trong tù*, *Việt Bắc*…  - GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện câu 6 và câu 7.  - Phân tích vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng (so sánh với hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu)?  + GV hướng dẫn thêm: Để làm rõ được vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng, trước hết phải phân tích từ chính nội dung tác phẩm, sau đó mới so sánh với hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu.  - GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện các câu 9, 10, 11.  - So sánh *Chữ người tử tù* (Ngữ văn 11, tập Một) với *Người lái đò Sông Đà*, nhận xét những điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?  + GV lưu ý thêm cho HS vì sao lại có sự khác biệt đó trong phong cách sáng tác của Nguyễn Tuân.  - Sau khi các nhóm trình bày, GV nhận xét và chốt ý. | - HS hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV:  + Nhóm 1: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954.  + Nhóm 2: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1955 đến năm 1964.  + Nhóm 3: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975.  + Nhóm 4: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.  - Đại diện từng nhóm trình bày nội dung.  - Các thành viên của nhóm và của các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  \* Bảng thống kê các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Văn xuôi | Thơ ca | Kịch | | Từ 1945 đến 1954 | …… | ….. | ….. | | Từ 1955 đến 1964 | ……. | …… | …… | | Từ 1965 đến 1975 | …….. | ……. | ……. | | Từ 1975 đến hết thế kỉ XX | ……. | ……. | ……. |   - HS dựa vào kiến thức đã học để trình bày.  - HS tái hiện kiến thức, trình bày ba quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh.  - HS chứng minh mối quan hệ nhất quán giữa quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh trên cơ sở những tác phẩm đã học trong chương trình phổ thông:  + Văn chính luận: *Tuyên ngôn độc lập*  + Truyện kí: *Vi hành*  + Thơ: Một số tác phẩm trong tập *Nhật kí trong tù* hoặc các tác phẩm Bác làm trong thời gian kháng chiến chống Pháp…  - HS xác định mục đích và đối tượng của bản *Tuyên ngôn độc lập*.  - Phần phân tích nội dung và hình thức của tác phẩm để chứng minh *Tuyên ngôn độc lập* vừa là một áng văn chính luận mẫu mực vừa là một áng văn chan chứa những tình cảm lớn học sinh tiếp tục thực hiện ở nhà.  - HS xác định các yếu tố để khẳng định Tố Hữu là nhà thơ trữ tình – chính trị, thơ Tố Hữu tiêu biểu cho thể loại thơ trữ tình – chính trị.  - HS thảo luận, xác định khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu.  - HS thảo luận, làm rõ vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.  - So sánh:  + Nét chung:…  + Nét riêng:…  \* HS có thể lập bảng so sánh nét riêng của hình tượng người lính trong *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Đồng chí* của Chính Hữu để dễ ghi nhớ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Tây Tiến | Đồng chí | | Xuất thân | ……. | ……. | | Bút pháp miêu tả | ……. | ……. | | Khung cảnh | ……. | ……. | | Tính chất hình tượng | ……. | ……. |   - HS thực hiện thảo luận theo nhóm, ghi vào phiếu học tập:  + Những điểm thống nhất:  ………  ……….  ………  + Những điểm khác biệt:  ………  ……….  ………  - Các nhóm cử đại diện trình bày, tiếp tục thảo luận cả lớp để thống nhất. | **I. Khái quát Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX**  **Câu 1:** Quá trình phát triển của Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX:  ***a. Chặng đường từ năm 1945 đến năm 1954:***  - Chủ đề:  + Ca ngợi Tổ quốc và quần chúng cách mạng.  + Kêu gọi tinh thần đoàn kết toàn dân.  + Cổ vũ phong trào Nam tiến.  + Biểu dương những tấm gương vì nước quên mình…  - Từ cuối năm 1946, VH tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống TD Pháp.  *- Thành tựu*:  *+* Văn xuôi: truyện ngắn và kí: *Một lần tới thủ đô, Trận phố Ràng* (Trần Đăng), *Đôi mắt, Nhật kí ở rừng* (Nam Cao)…  + Thơ: đạt nhiều thành tựu xuất sắc. Tác phẩm tiêu biểu: *Cảnh khuya, Rằm tháng giêng* (Hồ Chí Minh), *Đèo Cả* (Hữu Loan), *Bên kia sông Đuống* (Hoàng Cầm)…  + Kịch: Bắc Sơn, Những người ở lại (Nguyễn Huy Tưởng), Chị Hòa (Học Phi)…  + Lí luận, nghiên cứu, phê bình VH: *Chủ nghĩa Mác và mấy vấn đề văn hóa Việt Nam* (Trường Chinh), *Nhận đường, Mấy vấn đề nghệ thuật* (Nguyễn Đình Thi)…  ***b. Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964***  - VH tập trung thể hiện hình ảnh người lao động, ca ngợi những đổi thay của đất nước và con người trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.  - Thành tựu:  *+* Văn xuôi:  \* Mở rộng đề tài, bao quát được khá nhiều vấn đề và phạm vi của hiện thực đời sống: *Mùa lạc* (Nguyễn Khải), *Cao điểm cuối cùng* (Hữu Mai)…  \* Viết về hiện thực đời sống trước cách mạng với cái nhìn, khả năng phân tích và sức khái quát mới: *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Mười năm* (Tô Hoài)…  \* Hạn chế: Nhiều tác phẩm viết về con người và cuộc sống một cách đơn giản, phẩm chất nghệ thuật còn non yếu.  + Thơ: phát triển mạnh mẽ  \* Đề tài: sự hồi sinh của đất nước, thành tựu bước đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nỗi đau chia cắt hai miền Nam – Bắc…  \* Kết hợp hài hòa yếu tố hiện thực và yếu tố lãng mạng cách mạng.  \* Tác phẩm tiêu biểu: *Gió lộng* (Tố Hữu), *Ánh sáng và phù sa* (Chế Lan Viên), *Riêng chung* (Xuân Diệu)..  + Kịch: *Một đảng viên* (Học Phi), *Quẫn* (Lộng Chương), *Chị Nhàn* (Đào Hồng Cẩm)…  ***c. Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975***  - Tập trung viết về cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ.  - Chủ đề bao trùm: Ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.  *- Thành tựu*:  + Văn xuôi:  \* Phản ánh cuộc chiến đấu và lao động.  \* Khắc họa thành công hình ảnh con người Việt Nam anh dũng, kiên cường.  \* Tác phẩm: *Người mẹ cầm súng* (Nguyễn Thi), *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành)…  + Thơ:  \* Đạt được nhiều thành tựu xuất sắc.  \* Khuynh hướng mở rộng và đào sâu vào hiện thực.  \* Tăng cường sức khái quát, chất suy tưởng, chính luận.  \* Tác phẩm tiêu biểu: *Ra trận, Máu và hoa* (Tố Hữu), *Những bài thơ đánh giặc* (Chế Lan Viên), *Tôi giàu đôi mắt* (Xuân Diệu)…  + Kịch: *Đại đội trưởng* (Đào Hồng Cẩm), *Đôi mắt* (Vũ Dũng Minh)…  + Các công trình nghiên cứu, lí luận, phê bình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh…  ***d. Văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX***  - Từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI, Văn học bước vào chặng đường đổi mới.  - Văn học phát triển dưới tác động của nền kinh tế thị trường.  **Câu 2:** Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975:  a. Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hóa, gắn bó sâu sắc với vận mệnh của đất nước.  b. Nền văn học hướng về đại chúng.  c.Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.  **II. Những tác giả tiêu biểu và tác phẩm của những tác giả đó:**  **Câu 3:** Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh:  a. Coi văn học là vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng.  b. Luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học.  c. Phải xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức tác phẩm.  - Mối quan hệ nhất quán giữa quan điểm sáng tác và sự nghiệp văn học của Người: (chứng minh bằng việc phân tích các tác phẩm đã học)  **Câu 4:** Mục đích viết *Tuyên ngôn độc lập* của Bác:  - Khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, đồng thời còn là cuộc tranh luận nhằm bác bỏ luận điệu xảo trá của bè lũ xâm lược Pháp, Mĩ…  - Tuyên bố với đồng bào cả nước và nhân dân thế giới về quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.  **Câu 5:**  ***a. Tố Hữu là nhà thơ trữ tình – chính trị***  - Tố Hữu là một thi sĩ – chiến sĩ, một kiểu mẫu nhà văn – chiến sĩ thời đại cách mạng.  - Thơ Tố Hữu, trước hết nhằm phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng, cho những nhiệm vụ chính trị cơ bản của mỗi giai đoạn cách mạng.  - Thơ Tố Hữu chủ yếu khai thác cảm hứng từ đời sống chính trị của đất nước, từ tình cảm chính trị của chính bản thân nhà thơ.  ***b. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu***  - Thơ Tố Hữu mang đậm chất sử thi:  + Tập trung thể hiện những vấn đề trọng đại, có ý nghĩa sống còn của cả cộng đồng, của cách mạng, của dân tộc.  + Con người trong thơ Tố Hữu chủ yếu được nhìn nhận từ nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.  + Cái tôi trữ tình trong thơ Tố Hữu, từ buổi đầu đến với cách mạng là cái tôi - chiến sĩ, sau đó là cái tôi – công dân mang hình thức trữ tình nhập vai.  - Thơ Tố Hữu cũng rất tiêu biểu cho cảm hứng lãng mạn. Đó là cảm hứng lãng mạn cách mạng.  **Câu 8:** Hình tượng người lính trong *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Đồng chí* của Chính Hữu:  ***a. Nét riêng:***  - Trong bài thơ *Tây Tiến*:  + Người lính Tây Tiến phần lớn là học sinh, sinh viên được khắc họa chủ yếu bằng bút pháp lãng mạn: Họ hiện ra trong khung cảnh khác thường, kì vĩ, nổi bật với những nét độc đáo, phi thường.  + Hình tượng người lính vừa có vẻ đẹp lãng mạn, vừa đậm chất bi tráng, phảng phất nét truyền thống của người anh hùng.  - Trong bài thơ *Đồng chí*:  + Người lính được khắc họa chủ yếu bằng bút pháp hiện thực: hiện ra trong không gian, môi trường quen thuộc, gần gũi, cái chung được làm nổi bật qua những chi tiết chân thực, cụ thể.  + Người lính xuất thân chủ yếu từ nông dân, gắn bó với nhau bằng tình đồng chí, tình giai cấp. Tình cảm, suy nghĩ, tác phong sống giản dị. Họ vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, thực sự là những con người bình thường mà vĩ đại.  ***b. Nét chung***  - Hình tượng người lính trong cả hai bài thơ đều là người chiến sĩ sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ, xả thân vì Tổ quốc, xứng đáng là những anh hùng.  - Họ mang vẻ đẹp của hình tượng người lính trong thơ ca giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và thể hiện cảm hứng ngợi ca của văn học kháng chiến.  **Câu 12:** Điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 qua truyện ngắn *Chữ người tử tù* và tùy bút *Người lái đò Sông Đà*:  - ***Những điểm thống nhất:***  + Có cảm hứng mãnh liệt trước những cảnh tượng độc đáo, tác động mạnh vào giác quan nghệ sĩ.  + Tiếp cận thế giới thiên về phương diện thẩm mỹ, tiếp cận con người thiên về phương diện tài hoa nghệ sĩ.  + Ngòi bút tài hoa, uyên bác.  ***- Những điểm khác biệt:***  + Nếu trong *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đi tìm cái đẹp trong quá khứ “vang bóng một thời”, thì trong *Người lái đò Sông Đà*, nhà văn đi tìm cái đẹp trong cuộc sống hiện tại.  + Trong *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ ở tầng lớp những con người thực sự là những nghệ sĩ. Còn trong *Người lái đò Sông Đà*, ông đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ trong đại chúng nhân dân. Cái đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ của ông giờ đây là những thành tích của nhân dân trong lao động. | |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Các câu hỏi chưa tiến hành trên lớp, các em tiếp tục về nhà thực hiện.

- Về những tác phẩm khác, các em dựa vào Hướng dẫn học bài và Hướng dẫn đọc thêm để ôn tập.

**5. Dặn dò**

- Nắm vững những nội dung đã học và vận dụng những nội dung ấy vào việc làm bài kiểm tra tổng hợp cuối HKI.

Ngày soạn: 9/12/2016

Ngày dạy:

**Tiết 52. Làm văn: THỰC HÀNH CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp HS:Củng cố kĩ năng tự phát hiện và chữa những lỗi thường gặp khi lập luận.

**2. Kĩ năng** : Nâng cao kĩ năng tạo các đoạn văn có lập luận chặt chẽ, sắc sảo.

**3. Tư duy, thái độ** : Có ý thức thận trọng để tránh những lỗi về lập luận trong các bài viết.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp**

- Thảo luận theo nhóm để phát hiện lỗi.

- Phát huy khả năng làm việc độc lập của từng cá nhân, kết hợp với khả năng hợp tác, giao tiếp của các thành viên trong nhóm và giữa các nhóm.

- Thảo luận để tổng hợp các ý kiến về cách sửa lỗi, nhằm giúp HS tự lựa chọn và điều chỉnh cách sửa lỗi sao cho hiệu quả nhất.

- Hướng dẫn HS đối chiếu, so sánh để tìm ra những phương án, những kết luận xác đáng nhất.

**D**. **Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Văn nghị luận nói chung rất phong phú và đa dạng . Người viết thường mắc phải những lỗi diễn đạt do : thiếu kĩ năng diễn đạt , lập luận về luận điểm và luận cứ … Bài học hôm nay sẽ giúp các em khắc phục những lỗi lập luận đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  - GV yêu cầu một HS nhắc lại những lỗi lập luận thường gặp (đã tìm hiểu trong bài *Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận*).  - HS trình bày Ghi nhớ.  - GV hướng dẫn HS chia nhóm HS (hai bàn thành một nhóm) thảo luận phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn và thực hành chữa lại đoạn văn để lập luận chặt chẽ, lôgíc và có sức thuyết phục.  **+ Nhóm 1:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **a** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 2:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **b** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 3:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **c** và **d** rồi chữa lỗi.  **+ Nhóm 4:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **e** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 5:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **g** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 6:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **h** và chữa lỗi.  - Các nhóm thảo luận trên cơ sở mỗi thành viên đã soạn bài, thống nhất ý kiến, ghi vào bảng phụ trong thời gian 10 phút.  - Sau khi thảo luận, GV mời từng đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác có thể bổ sung ý kiến.  - GV căn cứ vào kết quả trên bảng phụ của các nhóm và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  - GV có thể cho điểm trực tiếp những nhóm làm việc tích cực và có kết quả tốt.  - HS tự bổ sung vào bài soạn của mình. | **1. Đoạn văn a:**  - Lỗi lập luận: Ví dụ đưa ra không phù hợp với nội dung của câu trước đó, không làm toát lên được ý “tác động mạnh mẽ đến tâm hồn con người”.  - Gợi ý sửa lỗi: *Giá trị quan trọng nhất của VHDG là giá trị nhận thức ... vừa tác động mạnh mẽ đế tâm hồn con người. Ví dụ như câu: “Thân em như tấm lụa đào – Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”. Câu ca dao cho người đọc thấy sự ý thức của người phụ nữ về vẻ đẹp, về giá trị của mình. Đồng thời, người đọc cũng thấy được nỗi đau về thân phận bị phụ thuộc và hạnh phúc bấp bênh ở họ. Họ đáng trân trọng và cũng đáng thương.*  **2. Đoạn văn b:**  - Lỗi lập luận: Nội dung câu kết không phù hợp với các câu trên.  - Sửa lỗi: bỏ đi câu cuối.  **3. Đoạn văn c:**  - Lỗi lập luận: Các câu văn diễn đạt ý rời rạc, không phù hợp với nhau, thiếu mạch lạc.  - Sửa lại: *Truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân đã cho ta thấy sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống. Trong cái đói gay gắt, họ đạ biết nương tựa vào nhau, chia sẻ cho nhau. Đó chính là biểu hiện của giá trị nhân đạo trong tác phẩm.*  **4. Đoạn văn d:**  - Lỗi lập luận: Câu 3 và 4 có nội dung không phù hợp với nhau.  - Sửa lỗi: *Nếu ai đã từng đi ra biển thì hẳn phải cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu và sức mạnh của những con sóng miên man vỗ bờ. Những con sóng luôn biến đổi khôn lường, lúc thì êm ả dịu dàng, lúc lại sôi sục, dữ dội. Chính vì thế XQ đã ví tình yêu của mình như những con sóng để nói lên tình yêu của mình.*  **5. Đoạn văn e:**  - Lỗi lập luận: Câu chốt đầu đoạn đúng nhưng các câu sau không tập trung làm sáng rõ được, hơn nữa còn mắc lỗi khác ngoài lỗi lập luận.  - Sửa lỗi: *Lòng thương người của ND bao trùm lên toàn bộ tác phẩm “Truyện Kiều”. ND viết truyện thơ này như có “máu chảy trên đầu ngọn bút” (Mộng Liên Đường Chủ nhân). Đó chính là nỗi xót xa vô hạn trước kiếp hồng nhan bạc mệnh mà tiêu biểu là Thúy Kiều. Chính vì thế mà nhà thơ Tố HỮu đã khái quát rất đúng khi viết: Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều’.*  **6. Đoạn văn g:**  - Lỗi lập luận:  + Câu trích dẫn đưa ra không phù hợp với ý kiến đưa ra: “Hình ảnh những thế hệ cây xà nu cũng gợi lên sự tiếp nối của thế hệ những người dân Xô Man” không phù hợp với trích dẫn: “Có những cây non vừa lớn...lông vũ”.  + Có những câu tối nghĩa.  - Sửa lỗi: *Cây xà nu là một cây họ thông ..ở Tây Nguyên. Xà nu là loài cây gỗ quý và đặc biệt có sức sống rất mãnh liệt. Rừng xà nu là biểu tượng cho người dân Xô Man. Hình ảnh những thế hệ cây xà nu gợi lên sự nối tiếp của các thế hệ người dân nơi đây trong cuộc chiến không cân sức với kẻ thù hung bạo là đế quốc Mĩ.*  **7. Đoạn văn h:**  - Lỗi lập luận: Đưa ra những câu có ý nghĩa không ăn nhập với nhau: “Các tác phẩm VHDG đề hướng con người tới “chân, thiện, mĩ”. Không một ai là không biết đến truyện cổ tích “Tấm Cám”; ...  - Sửa lỗi: *Chính vì ra đời từ rất sớm và gắn liền với cuộc sống nhân dân lao động nên VHDG có giá trị trong việc bảo tồn và nuôi dưỡng tâm hồn nhân dân, hướng tới cái “chân, thiện, mĩ”. Qua nhiều tác phẩm, ta đều thấy nhân dân luôn luôn khát khao cho cái thiện thắng cái ác, ở hiền gặp lành. Không những thế, văn học dân gian còn có rất nhiều giá trị nghệ thuật đặc sắc trên các thể loại. Ta thử tìm hểu điều ấy qua truyện cổ tích “Tấm Cám”.* |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Phát hiện những lỗi sai và thực hành sửa lỗi; rút kinh nghiệm cho việc viết văn của bản thân.

**5. Dặn dò:**

- Chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I.

Ngày soạn: 20/12/2016

Ngày dạy:

**Tiết 55-56. Đọc văn. VỢ CHỒNG A PHỦ (Trích)**

**Tô Hoài**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1.** ***Kiến thức* :** Giúp học sinh hiểu được:

- Nỗi thống khổ của người dân miền núi Tây Bắc dưới ánh sáng thống trị của phong kiến và thực dân. Vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng mãnh liệt và quá trình vùng lên tự giải phóng của đồng bào vùng cao.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, chân thực; miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế; lối kể chuyện hấp dẫn ngôn ngữ mang phong vị và màu sắc dân tộc, giàu tính tạo hình và đầy chất thơ.

**2. *Kỹ năng*:**

**-** Củng cố, nâng cao các kĩ năng tóm tắt tác phẩm và phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự.

**3.** ***Tư duy, thái độ*:**

Giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu thương, trân trọng số phận con người.

**B. PHƯƠNG TIỆN**

***GV*:** Đọc SGK, SGV và tham khảo thêm tài liệu viết về “*Vợ chồng A Phủ”* .

***HS*:** Đọc kỹ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài;* Tìm đọc toàn văn truyện ngắn *“Vợ chồng A Phủ”*của Tô Hoài.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

- Đọc những đoạn văn tiêu biểu để phân tích, đánh giá, nhận định.

- Vận dụng các phương pháp phân tích tác phẩm, so sánh, đối chiếu và khái quát, tổng hợp...

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 55 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Giáo viên kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Tô Hoài là nhà văn hàng đầu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Sáng tác của Tô Hoài thể hiện vốn hiểu biết phong phú của nhà văn về đời sống, đặc biệt là sinh hoạt và phong tục ở làng quê ngoại thành Hà Nội và miền núi Tây Bắc với lối kể chuyện tự nhiên, sinh động, hóm hỉnh; cách miêu tả giàu chất tạo hình, ngôn ngữ phong phú, đậm tính khẩu ngữ, đậm chất dân gian và giàu chất thơ…Tập *Truyện Tây Bắc*(1953) là kết quả của chuyến nhà văn xâm nhập thực tế cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc. Trong đó , *Vợ chồng A Phủ* là truyện ngắn được đánh giá hay nhất . Truyện gồm hai phần, viết về hai giai đoạn của cuộc đời Mị và A Phủ: Ở Hồng Ngài và ở Phiềng Sa. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu đoạn trích phần đầu của truyện : *Mị và A Phủ ở Hồng Ngài.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 55** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Hãy trình bày những nét cơ bản về nhà văn Tô Hoài?  - Hãy kể tên những tác phẩm tiêu biểu của Tô Hoài ?  Hãy nêu vài nét chung về tác phẩm?  - Hoàn cảnh sáng tác?  - Đề tài?  - Nội dung cơ bản?  - Tóm tắt tác phẩm?  - Bố cục?  Là câu chuyện có thật mà tác giả nghe kể lại về một người lính Vệ quốc trong thời gian thực tế tại chiến khu Việt Bắc .  ?Cách giới thiệu nhân vật Mị có gì đặc biệt?  Trước khi bị bắt về làm dâu nhà Pá Tra, Mị là cô gái như thế nào ?  Khi có nguy cơ trở thành món hàng bị trao đổi, Mị đã nói với bố điều gì, em hiểu gì về Mị qua câu nói ấy ?  Nhận xét gì về cuộc đời của Mị trước khi làm dâu nhà thống lí Pá Tra?  Nguyên nhân nào Mỵ bị đẩy vào hoàn cảnh dâu gạt nợ?  Số phận của Mị khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra như thế nào?  - Công việc và thái độ của Mị như thế nào?  - Nỗi khổ về tinh thần của Mị như thế nào?  - Cuộc sống của Mị ở nhà thống lí Pá Tra như thế nào?  + Không gian sống?  + Nhận thức về thời gian?  + Các mối quan hệ của Mị?  - Thái độ của Mị đối với cuộc sống như thế nào?  Diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm mùa xuân về như thế nào?  - Điều gì làm Mị trỗi dậy sức sống mãnh liệt ấy?  - Quá trình thức tỉnh của Mị như thế nào?  lén uống rượu => nhớ lại =>  tín hiệu kí ức  thấy mình còn trẻ =>  ý thức  muốn đi chơi =>  khao khát  chuẩn bị đi chơi.  hành động  Diễn biến tâm lí của Mị khi cởi trói cho A Phủ ?  Thản nhiên=>xúc động=>suy nghĩ  quen đồng cảm ý thức  =>cắt dây trói cho A Phủ  hành động  Sự lạnh lẽo, tê dại của tâm hồn đã cướp đi của Mị lòng thương người, sự nhạy cảm với nỗi khốn khổ của người khác bị tê liệt. Đây là mất mát cuối cùng và lớn nhất của người phụ nữ.  “*một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại*”, sự tuyệt vọng trước cái chết đang đến gần khiến Mị nhớ lại tình cảnh của mình cũng từng bị trói và thấy được tội ác của cha con Pá Tra . Đây là lần đầu tiên Mỵ nhận thức một cách sâu sắc tội ác của cha con nhà thống lý Pá Tra. Chính lúc ấy, lòng thương người lấn át nỗi thương thân và chiến thắng cả nỗi sợ hãi.  **Hết tiết 55, chuyển sang tiết 56**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 56 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   Ấn tượng của em về nhân vật A Phủ?  - Số phận của A Phủ?  - Tính cách của A Phủ?  Những nét độc đáo trong quan sát và diễn tả của tác giả về đề tài miền núi?  - Nếp sinh hoạt?  - Phong tục?  - Thiên nhiên?  - Giọng điệu?  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Nhận xét về giá trị nhân đạo của tác phẩm? | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Ông là nhà văn lớn, có số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại bằng con đường tự học.  - Viết theo xu hướng hiện thực thiên về diễn tả sự thật của đời thường. Ông hấp dẫn người đọc ở lối trần thuật của một người từng trải, hóm hỉnh, đôi lúc tinh quái những luôn sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ phép sử dụng đắc địa và tài ba , đầy ma lực và mang sức lay chuyển tâm tư người đọc.  - Có vốn hiểu biết sâu sắc, đặc biệt là những nét lạ trong phong tục, tập quán ở nhiều vùng khác nhau của đất nước và trên thế giới. Ông được mệnh danh là nhà văn của đề tài Hà Nội, của đề tài miền núi bên cạnh nhiều đóng góp đặc sắc khác.  **2.Tác phẩm**  - Hoàn cảnh sáng tác: 1952 trong chuyến đi thực tế ở Tây Bắc.  - Đề tài: viết về người nông dân miền núi.  - Nội dung:Cuộc sống của người dân miền núi dưới ách thống trị của chế độ phong kiến và sự thức tỉnh của họ trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng và góp phần giải phóng quê hương.  - Kết cấu: có 3 phần  + Phần 1: Kể về Mị và cảnh sống của Mị  + Phần 2: Kể về A Phủ ( đánh A Sử, xử kiện )  + Phần 3: Mị cứu A Phủ, cùng chạy trốn đến Phiềng Sa.  **\*Tóm tắt**  - Mị, một cô gái xinh đẹp, yêu đời, có khát vọng tự do, hạnh phúc bị bắt về làm con dâu gạt nợ cho nhà Thống lí Pá Tra.  - Lúc đầu Mị phản kháng nhưng dần dần trở nên tê liệt, chỉ "lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa".  - Đêm tình mùa xuân đến, Mị muốn đi chơi nhưng bị A Sử (chồng Mị) trói đứng vào cột nhà.  - A Phủ đánh A Sử nên nên đã bị bắt, bị phạt vạ và trở thành kẻ ở trừ nợ cho nhà Thống lí.  - Không may hổ vồ mất 1 con bò, A Phủ đã bị đánh, bị trói đứng vào cọc đến gần chết.  - Mị đã cắt dây trói cho A Phủ, 2 người chạy trốn đến Phiềng Sa.  - Mị và A Phủ được giác ngộ, trở thành du kích  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nhân vật Mị**  \* Cách giới thiệu: cô gái "*ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa*" và "*Lúc nào cũng vậy ... cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi*".  => Cách vào truyện gây ấn tượng nhờ tác giả đã tạo ra những đối nghịch:  - Một cô gái lẻ loi, âm thầm gần như lẫn vào các vật vô tri trong khung cảnh đông đúc, tấp nập của gia đình thống lí Pá Tra.  - Cô ấy là con dâu của một gia đình quyền thế, giàu có "*nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng*" nhưng sao lúc nào cũng "*cúi mặt*" nhẫn nhục và "*mặt buồn rười rượi*"?  Đây là thủ pháp tạo tình huống "có vấn đề" trong lối kể chuyện truyền thống, giúp tác giả mở lối người đọc cùng tham gia hành trình tìm hiểu những bí ẩn của số phận nhân vật.  ***a. Trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra***  - Mị là cô gái xinh đẹp, yêu đời, chăm chỉ, tự trọng, hiếu thảo, có tài thổi sáo hay, có một tình yêu đẹp → đáng được hưởng hạnh phúc.  - Có khát vọng sống mãnh liệt: khao khát hạnh phúc do mình lựa chọn, từ chối làm dâu nhà giàu.  => Lẽ ra Mị phải được hạnh phúc. Nhưng không ngờ đó chính là nguyên nhân dẫn cô đến những bi kịch đau khổ:phải trả món nợ truyền kiếp cho gia đình, trở thành con dâu gạt nợ. Từ đấy bông hoa của núi rừng bị nhấn chìm trong kiếp sống tôi đòi.  ***b. Từ khi bị bắt về nhà thống lí Pá Tra***  Con dâu gạt nợ: con dâu + con nợ => con nợ chung thân.  \* ***Thể xác***:  - Công việc; làm việc cả ngày lẫn đêm, khổ hơn trâu ngựa (so sánh).  - Thái độ: cúi mặt, nghĩ ngợi, nhớ đi nhớ lại những công việc như nhau, suốt năm suốt đời cũng thế => làm theo quán tính, thói quen bào mòn ý thức của Mị, biến Mị trở thành cái xác không hồn.  - Mị bị đánh đập hành hạ.  \* ***Tinh thần:*** Mị là nạn nhân của chế độ:  - Cường quyền: cha con thống lí Pá Tra bắt Mị về làm con dâu gạt nợ, không cần biết đến khát khao của Mị.  - Nam quyền: chưa bao giờ được hưởng hạnh phúc lứa đôi, chỉ là vật sử dụng.  - Thần quyền: tục lệ cúng trình ma làm Mị không dám trốn.  \* ***Cuộc sống:***  - Không gian: Căn buồng Mị là một ẩn dụ độc đáo, gây ám ảnh ngột ngạt, bức bối về nhà tù rùng rợn, địa ngục chốn trần gian- giam hãm tâm hồn và cuộc đời của Mị.  - Thời gian: không biết mùa nào đã về, con chim nào bay qua cửa sổ, không phân biệt được thời gian giữa sáng và chiều.  => Không có ý niệm về không gian và thời gian, nghĩa là Mị không có ý niệm về sự tồn tại của mình nữa.  - Mối quan hệ: không người tri âm tri kỉ, chỉ ra vào lặng lẽ trong những đếm dài và buồn, làm bạn với ngọn lửa.  ***\* Thái độ của Mị:***  - Ban đầu: phản kháng quyết liệt, định ăn lá ngón tự tử.  - Sau đó: bố chết, món nợ và lòng hiếu thảo không ràng buộc nhưng Mị không nghĩ đến cái chết vì "Mị quen khổ rồi" ⇒ sự áp bức quá lâu của cường quyền và thần quyền đã làm tê liệt tinh thần phản kháng, bị tâm lí nô lệ đầu độc.  Những đau khổ và cực nhọc đã cướp đi tuổi thanh xuân của Mị và biến Mị thành con người nhẫn nhục- tiêu biểu cho số phận người phụ nữ nghèo dưới ách thống trị của phong kiến miền núi.  ***c. Sức sống tiềm tàng của Mị:*** (ngoại cảnh tác động làm trỗi dậy mạnh mẽ).  Vẻ đẹp của mùa xuân và tiếng sáo- âm thanh của sự thức tỉnh, đã từng bước làm hồi sinh tâm hồn Mị.  **Tiếng sáo Mị**  1-ngoài đồi núi----lấp ló ---rủ bạn ------ thiết tha bổi hổi.  2-đầu làng ----văng vẳng---gọi bạn ----- sống về ngày trước  3-ngoài đường----lơ lửng ---goị bạn yêu--- muốn đi chơi.  4-trong đầu ----rập rờn ---------------------- chuẩn bị đi chơi.  5-bị trói -- Mị im lặng như không biết mình bị trói--- vẫn nghe tiếng sao đưa Mị theo những cuộc chơi.  - Tiếng sáo từ xa đến gần, từ ngoài vào trong, lúc đầu chỉ là tiếng gọi của cuộc đời, sau đó là tiếng gọi của chính khát khao trong Mị. Tiếng sao mỗi lúc một thiết tha hơn: ban đầu là gọi bạn, sau đó là gọi bạn yêu.  - Không khí sinh động, náo nức của mùa xuân, cùng với tiếng sáo Mị đã từng bước thức tỉnh ý thức làm người, Mị nhẩm lời bài hát.  + Lén uống rượu: như để đạp đổ, phá vở, giải toả một cái gì trầm uất bấy lâu trong lòng ⇒ tín hiệu bắt đầu thoát khỏi ranh giới của sự cam chịu.  + Men rượu và tiếng sáo gọi bạn tình làm Mị nhớ lại những đêm xuân tình, những ngày tuổi trẻ ⇒ kí ức trở về, chất người đích thực cũng trở về với Mị. Mị thấy mình còn trẻ ⇒ý thức rõ rệt về bản thân, có khả năng sống hạnh phúc và trở lại làm người.  + Khao khát muốn đi chơi trong đêm tình và muôn ăn lá ngón tự tử⇒khao khát sống hồi sinh.  + Tiếng sáo gọi bạn yêu thức tỉnh: Mị xắn mở bỏ vào đĩa đèn cho buồng sáng lên, chuẩn bị đi chơi với kí ức tươi đẹp của thời thanh xuân quên cả cảnh mình bị trói. Mị hành động thật khỏe khoắn chứ không lầm lũi, âm thầm nữa.  ⇒ Như vậy, đòn roi của cường quyền, bóng ma của thần quyền không dập tắt được khát khao mãnh liệt, không huỷ diệt được sức sống tiềm tàng bên trong con người. Nhưng nguồn sức sống vừa mới trỗi dậy đã bị dập tắt một cách tàn nhẫn bởi vòng dây trói của ASử. Từ đây, Mị càng chìm vào chai sạn hơn trước. Phút giây tự phát này không giải thoát được cuộc đời Mị nhưng nó có ý nghĩa của sự thức tỉnh.  ***d. Mị cởi trói cho A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi Hồng Ngài***  - Nguyên nhân của sự việc là do A Phủ để mất bò, bị trói đứng .  - Tâm trạng của Mị trước cảnh A Phủ bị trói:  + Lúc đầu : Mị thản nhiên, lạnh lùng, vô cảm vì đã tê dại chai lì, quá đau khổ và quen với cảnh tàn bạo của nhà thống lí.  + Về sau: giọt nước mắt cơ cực, bất lực, tuyệt vọng đã đánh thức nỗi đau lắng chìm trong Mị ⇒ Mị xúc động, đồng cảm + tình thương ⇒ hành động quyết liệt, liều lĩnh: cởi trói cho A Phủ và chạy- lúc ấy niềm khao khát sống bùng cháy trong Mị.  \* **Tóm lại:**  - Đây là kết quả tất yếu của một sức sống, một khát vọng sống tiềm tàng, âm ỉ bấy lâu nay, một quá trình bị đè nén, áp bức.  - Đây là chi tiết bản lề phân đôi tác phẩm, làm cho tác phẩm có kết cấu hợp lí, đánh dấu quá trình tự phất đến tự giác của Mị và A Phủ.  Mị là một người có nhiều nét đẹp: giàu tình thương và có tinh thần phản kháng.  **2. Nhân vật A Phủ:**  ***a. A Phủ với số phận đặc biệt:***  - Chàng trai miền núi nghèo, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, sống tự do giữa núi rừng.  - Là một mầm sống khoẻ mạnh, vượt qua được sự sàng lọc nghiệt ngã của tự nhiên.  - Lớn lên giữa núi rừng, A Phủ trở thành chàng trai Mông khoẻ mạnh "chạy nhanh như ngựa", "biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và săn bò tót rất bạo".  =>Niềm ao ước của nhiều cô gái trẻ.  ***b. A Phủ với cá tính đặc biệt:***  Tính cách gan góc được bộc lộ từ năm lên mười. Cá tính ấy được cuộc sống hoang dã nơi núi rừng cùng hoàn cảnh ở đợ, làm thuê nhiều cực nhọc, vất vả hun đúc để trở thành một chàng trai có tính cách mạnh mẽ, táo bạo:  - Dám đánh con quan (một thứ con trời) không quan tâm đến hậu quả. Động từ: *chạy vụt ra, ném, lăng, xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo đạp đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp,..* hành động nhanh gấp cho thấy sức mạnh và tính cách của A Phủ.  - Công việc "*đốt rừng, cày nương...chăn ngựa*", "*bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng*". Thân phận của một kẻ ở đợ trừ nợ nhưng A Phủ vẫn là một chàng trai tự do: mải mê bẫy nhím => tâm hồn phóng khoáng, hồn nhiên không bị tiêu diệt hẳn.  - Để hồ vồ mất con bò nhưng vẫn thản nhiên không sợ cái uy của bất cứ ai => gan góc, không sợ chết.  - Khi bị trói, nhai đứt hai vòng dây => vẫy vùng nhưng không thoát được = khóc, tuyệt vọng.  **3. Những nét đặc sắc về nghệ thuật**  \* Nghệ thuật khắc hoạ tính cách nhân vật Mị và A Phủ sống động và chân thực:  - Nhân vật Mị được khắc hoạ từ cái nhìn bên trong, nhằm giúp ta khám phá và phát hiện vẻ đẹp ở nhân vật tiềm lực sống của nội tâm.  - Nhân vật A Phủ được nhìn từ bên ngoài, tạo điểm nhấn về tính cách ở những hành động, giúp ta thấy rõ vẻ đẹp của A Phủ qua sự gan góc, táo bạo, mạnh mẽ.  \* Lối viết thiên về hiện thực, đời thường:  - Phát hiện mới mẻ về nét là trong tập quán và phong tục (cướp vợ, trình ma, đánh nhau, xử kiện, óp đồng, đêm tình mùa xuân, trói đứng...).  - Khả năng quan sát tìm tòi đã tạo dựng bối cảnh, tình huống, miêu tả thiên nhiên sống động, đầy chất thơ (cảnh mùa xuân về trên núi cao, lời ca và giai điệu tiếng sáo trong đêm tình mùa xuân, cảnh uống rượu ngày tết,...).  - Giọng điệu trữ tình, hấp dẫn và lôi cuốn bằng sự từng trải tinh tế, bằng sự gia giảm đúng liều lượng phong vị và màu sắc dân tộc; ngôn ngữ giản dị, phong phú và đầy sáng tạo, mang đậm bản sắc riêng.  **III.** **Ghi nhớ**: (SGK)  **IV. Luyện tập:** Giá trị nhân đạo của tác phẩm:  - Đề cao, ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của Mị và A Phủ.  - Thông cảm, xót thương cho số phận của hai nhân vật.  - Lên án, tố cáo thế lực phong kiến miền núi đã áp bức, bóc lột người dân nghèo.  - Trân trọng khát vọng sống của Mị và A Phủ.  - Chỉ ra lối thoát: tự giải thoát cho mình và đi theo cách mạng. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:** Nhấn mạnh số phận nhân vật, sức sống tiềm tàng khát vọng hạnh phúc của người dân miền núi.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài viết số 5- nghị luận văn học.

Ngày soạn: 20/12/2016

Ngày dạy:

**Tiết 57-58. Làm văn. BÀI LÀM VĂN SỐ 5: Nghị luận văn học**

**A. Mục tiêu đề kiểm tra**

- Kiểm tra mức độ chuẩn kiến thức, kĩ năng được quy định trong chương trình môn Ngữ văn lớp 12 , sau khi học sinh kết thúc tuần 19.Nội dung bài viết số 5 : Làm văn nghị luận về văn học

- Mục đích đánh giá năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học về tác phẩm tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

- Cụ thể:

+ Ôn lại các kiến thức và kĩ năng cơ bản về tác phẩm văn xuôi sử từ CMT8/ 1945 đến hết thế kỉ XX và kiến thức về tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*.

+ Ôn lại kĩ năng về nghị luận một tác phẩm văn xuôi và vận dụng thao tác Chú ý các thao tác lập luận : phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận..

+ Xem lại những bài làm văn học kì 1 để tránh lỗi diễn đạt, lập luận còn vướng mắc. Chú ý ưu điểm , nhược điểm để rút kinh nghiệm.

**B. Hình thức đề kiểm tra**

Hình thức tự luận, thời gian làm bài 90 phút.

**C. Thiết lập ma trận**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **Làm văn** :Nghị luận về tác phẩm văn xuôi, đoạn trích văn xuôi |  |  |  | Huy động kiến thức đã học trong tác phẩm văn học  để làm rõ sức sống tiềm tàng của Mị trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* .Nâng cao năng lực tư duy tổng hợp so sánh đối chiếu để làm rõ giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm hiện văn xuôi hiện đại. |  |
| Số câu :  Số điểm :  Tỉ lệ: |  |  |  | *1*  *10,0*  *100 %* | *1*  *10,0*  *100%* |
| *Tổng số câu:*  *Tổng sốđiểm:*  *Tỉ lệ:* |  |  |  | 1  10,0  100% | *1*  *10,0*  100*%* |

**D. BIÊN SOẠN ĐỀ**

**ĐỀ BÀI LÀM VĂN SỐ 5**

**Thời gian : 90 phút ( không kể chép đề)**

Phân tích sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị trong *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài.

**E. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| **a. Yêu cầu về kĩ năng**  Biết cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm văn xuôi.  Có luận điểm, luận cứ rõ ràng.  Bố cục chặt chẽ, diễn đạt rõ ràng , không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  **b. Yêu cầu về kiến thức**  Trên cơ sở những kiến thức về văn bản *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài, cần đáp ứng được những ý cơ bản sau: |  |
| **Mở bài** :Giới thiệu tác giả, tác phẩm , hình ảnh Mị có sức sống tiềm tàng trong tâm hồn. | 1,0 |
| **Thân bài**  Khắc hoạ hình tượng cô Mị , nhà văn khám phá số phận của người dân nghèo miền núi và khẳng định sức sống tiềm tàng của Mị  - Trước khi về làm dâu Mị là cô gái trẻ trung yêu đời  - Những ngày làm dâu, Mị vô cùng đau khổ, cô có sự phản kháng :  + Khóc  + Định tự tử  - Quen dần, nhẫn nhịn, cam chịu, sức sống bị huỷ hoại  + Bị tê liệt  + Sống lặng lẽ, âm thầm như cái bóng : cô không nói, không cười, mặt buồn rười rượi…, không thiết những gì xung quanh, giam mình trong căn buồng kín mít.. | 1,5 |
| - Sức sống tiềm tàng của Mị không lụi tắt dù bị chà đạp. Tác động của ngoại cảnh, không khí mùa xuân, tiếng sáo, ngày tết…lay tỉnh tâm hồn cô  + Mị nhẩm theo lời bài hát  + Cô nhớ lại những kí ức, những khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc vẫn được gìn giữ trong đáy sâu tâm hồn  + Mị đau khổ , thậm chí muốn chết đi để khỏi đối diện nhưng cô chợt nhận ra , cô còn trẻ, cô muốn đi chơi và cô chuẩn bị đi chơi | 2,0 |
| - Sức sống vừa trỗi dậy cũng là lúc bị dập tắt một cách tàn nhẫn bởi vòng dây trói của A Sử. Mị lại chìm sâu vào chai sạn  + Mị không gắn bó gì cuộc sống xung quanh, như cái bóng vờ bên bếp lửa  + Cô dửng dưng với chính mình  + Cô thản nhiên trước nỗi đau của người khác. | 1,5 |
| - Nhưng vẫn có một nguồn lửa sống âm thầm, leo lét cháy trong tim của Mị. Ngọn lửa ấy được thổi bùng lên nhờ dòng nước mắt trên má của A Phủ  + Mị nhớ lại nỗi đau của chính mình  + Mị thương cho người đàn ông bị trói và nhớ về người phụ nữ ngày trước bị trói đến chết  + Cô căm phẫn, cô nhận ra tội ác của chúng  + Cô nghĩ A Phủ sẽ chết thật phi lí  + Sức sống trỗi dậy cùng với sự thức tỉnh tâm hồn : cô giải thoát cho A Phủ và tự giải thoát mình | 2,0 |
| Khái quát chung về quá trình miêu tả diễn biến tâm lí của Mị, khẳng định sức sống mãnh liệt trong tâm hồn người lao động. | 1,0 |
| **Kết bài** : Kết thúc vấn đề, đánh giá về sức sống tiềm tàng là nguồn sống đã giúp Mị hồi sinh và giành lấy được cuộc sống mà cô bị cướp. | 1,0 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ kết quả cần đạt** | | | | |
| **Giỏi** | **Khá** | **TB** | **Yếu** | **Kém** |
| **Nội dung** | **Tiêu chí**  - Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc và sáng tạo; có thể còn một vài sai sót về chính tả, dùng từ.  - Phân tích, chứng minh được đầy đủ các biểu hiện về sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị.  - Đánh giá chiều sâu nhân đạo của ngòi bút Tô Hoài.  ***- Điểm: 9,0 – 10,0*** | **Tiêu chí:**  - Bố cục rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ; còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  - Phân tích được các biểu hiện về sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị nhưng chưa sâu.  - Đánh giá chiều sâu nhân đạo của ngòi bút Tô Hoài nhưng chưa sắc sảo.  ***- Điểm: 7,0 – 8,0*** | **Tiêu chí:**  - Bố cục, lập luận chưa rõ ràng, mắc nhiều lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  - Phân tích được các biểu hiện về sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị nhưng chưa sâu, còn mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.  - Đánh giá chiều sâu nhân đạo của ngòi bút Tô Hoài nhưng diễn đạt không rõ ràng.  ***Điểm: 5,0 – 6,0*** | **Tiêu chí:**  - Mắc lỗi bố cục, lập luận, rất nhiều lỗi về diễn đạt.  - Diễn đạt không rõ ý, chưa phân tích được các biểu hiện về sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị và chưa đánh giá được chiều sâu nhân đạo của ngòi bút Tô Hoài.  ***- Điểm: 1,0 – 4,0*** | **Tiêu chí:**  Không làm hoặc hoàn toàn lạc đề.  ***- Điểm: 0*** |

Ngày soạn: 22/12/2016

Ngày dạy:

**Tiết 59. Tiếng Việt. NHÂN VẬT GIAO TIẾP**

(Tự học có hướng dẫn)

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:** Nắm chắc khái niệm nhân vật giao tiếp với những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân sơ của họ đối với nhau, cũng những đặc điểm khác chi phối nội dung và hình thức lời nói của các nhân vật trong hoạt động giao tiếp.

**2. Kĩ năng:** Xác định được chiến lược giao tiếp trong những ngữ cảnh nhất định.

**3. Tư duy, thái độ:** Nâng cao năng lực giao tiếp của bản thân.

**B. Phương tiện**

* GV: SGK, SGV , Thiết kế bài học.
* HS: SGK, Vở soạn.

**C. Phương pháp**

Gợi ý trả lời câu hỏi, thảo luận ; hướng dẫn làm bài tập thực hành.

**D.Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**-** Tóm tắt nội dung tác phẩm.

- Phân tích số phận tủi nhục của nhân vật Mị.

- Sự phản kháng và hồi sinh của Mị được thể hiện trong những hoàn cảnh nào?

- Phân tích cảnh tượng Mị cởi trói cho A Phủ?

- Giá trị nhân đạo tác phẩm.

- Giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Trong giao tiếp, các nhân vật giao tiếp tùy ngữ cảnh mà lựa chọn chiến lược giao tiếp phù hợp để đạt mục đích và hiệu quả. Bài học ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta nâng cao năng lực giao tiếp của bản thân.

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu ngữ liệu 1.**  **+ GV:** Gọi 1 HS đọc ngữ liệu 1 và các yêu cầu  **+ GV:** Hoạt động giao tiếp trên có những nhân vật giao tiếp nào? Những nhân vật đó có đặc điểm như thế nào về lứa tuổi, giới tính, tầng lớp xã hội?  **+ GV:** Các nhân vật giao tiếp chuyển đổi vai người nói, vai người nghe và luân phiên lượt lời ra sao? Lượt lời đầu tiên của "thị" hướng tới ai?  **+ GV:** Các nhân vật giao tiếp trên có bình đẳng về vị thế xã hội không?  **+ GV:** Các nhân vật giao tiếp trên có quan hệ xa lạ hay thân tình khi bắt đầu cuộc giao tiếp?  **+ GV:** Những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân-sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp,… chi phối lời nói của các nhân vật như thế nào? | **I. Phân tích ngữ liệu:**  **1. Ngữ liệu 1:**  a) Hoạt động giao tiếp trên có những nhân vật giao tiếp là: Tràng, mấy cô gái và "thị".  Những nhân vật đó có đặc điểm :  - Về lứa tuổi: Họ đều là những người trẻ tuổi.  - Về giới tính: Tràng là nam, còn lại là nữ.  - Về tầng lớp xã hội: Họ đều là những người dân lao động nghẹ đói.  b) Các nhân vật giao tiếp chuyển đổi vai người nói, vai người nghe và luân phiên lượt lời như sau:  - Lúc đầu: Hắn (Tràng) là người nói, mấy cô gái là người nghe.  - Tiếp theo: Mấy cô gái là người nói, Tràng và "thị" là người nghe.  - Tiếp theo: "Thị" là người nói, Tràng (là chủ yếu) và mấy cô gái là người nghe.  - Tiếp theo: Tràng là người nói, "thị" là người nghe.  - Cuối cùng: "Thị" là người nói, Tràng là người nghe.  Lượt lời đầu tiên của "thị" hướng tới Tràng.  c) Các nhân vật giao tiếp trên:  bình đẳng về vị thế xã hội (họ đều là những người dân lao động cùng cảnh ngộ).  d) Khi bắt đầu cuộc giao tiếp: các nhân vật giao tiếp trên có quan hệ hoàn toàn xa lạ.  e) Những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân-sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp,… chi phối lời nói của các nhân vật khi giao tiếp:  - Ban đầu chưa quen nên chỉ là trêu đùa thăm dò.  - Dần dần, khi đã quen họ mạnh dạn hơn.  - Vì cùng lứa tuổi, bình đẳng về vị thế xã hội, lại cùng cảnh ngộ nên các nhân vật giao tiếp tỏ ra rất suồng sã. |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu ngữ liệu 2.**  + GV: Gọi 1 HS đọc ngữ liệu 1 và các yêu cầu  + GV hướng dẫn, gợi ý và tổ chức.  + HS thảo luận và phát biểu tự do.  + GV nhận xét, khẳng định những ý kiến đúng và điều chỉnh những ý kiến sai. | **2. Ngữ liệu 2**  a) Các nhân vật giao tiếp trong đoạn văn: Bá Kiến, mấy bà vợ Bá Kiến, dân làng và Chí Phèo.  - Bá Kiến nói với một người nghe trong trường hợp nói với Chí Phèo.  - Còn lại, khi nói với mấy bà vợ, với dân làng, với Lí Cường, Bá Kiến nói cho nhiều người nghe (có cả Chí Phèo).  b) Vị thế xã hội của Bá Kiến với từng người nghe:  - Với mấy bà vợ: Bá Kiến là chồng (chủ gia đình) nên "quát".  - Với dân làng: Bá Kiến là "cụ lớn", thuộc tầng lớp trên, lời nói có vẻ tôn trọng (các ông, các bà) nhưng thực chất là đuổi (Về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại thế này?).  - Với Chí Phèo: Bá Kiến vừa là ông chủ cũ, vừa là kẻ đã đẩy Chí Phèo vào tù, kẻ mà lúc này Chí Phèo đến "ăn vạ". Bá Kiến vừa thăm dò, vừa dỗ dành vừa có vẻ đề cao, coi trọng.  - Với Lí Cường: Bá Kiến là cha, cụ quát con nhưng thực chất cũng là để xoa dịu Chí Phèo.  c) Đối với Chí Phèo, Bá Kiến thực hiện nhiều chiến lược giao tiếp:  - Đuổi mọi người về để cô lập Chí Phèo.  - Dùng lời nói ngọt nhạt để vuốt ve, mơn trớn Chí.  - Nâng vị thế Chí Phèo lên ngang hàng với mình để xoa dịu Chí.  d) Với chiến lược giao tiếp như trên, Bá Kiến đã đạt được mục đích và hiệu quả giao tiếp.  - Những người nghe trong cuộc hội thoại với Bá Kiến đều răm rắp nghe theo lời Bá Kiến.  - Đến như Chí Phèo, hung hãn là thế mà cuối cùng cũng bị khuất phục. |
| **GV tổ chức cho HS rút ra nhận xét** | **II. Nhận xét về nhân vật giao tiếp trong hoạt động giao tiếp.** |
| - GV: Từ việc tìm hiểu các ngữ liệu trên, rút ra những nhận xét gì về nhân vật giao tiếp trong hoạt động giao tiếp?  - HS thảo luận và trả lời.  - GV nhận xét và tóm tắt những nội dung cơ bản. | 1. Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhân vật giao tiếp xuất hiện trong vai người nói hoặc người nghe.  Dạng nói, các nhân vật giao tiếp thường đổi vai luân phiên lượt lời với nhau.  Vai người nghe có thể gồm nhiều người, có trường hợp người nghe không hồi đáp lời người nói.  2. Quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp cùng với những đặc điểm khác biệt (tuổi, giới, nghề,vốn sống, văn hóa, môi trường xã hội,… ) chi phối lời nói (nội dung và hình thức ngôn ngữ).  3. Trong giao tiếp, các nhân vật giao tiếp tùy ngữ cảnh mà lựa chọn chiến lược giao tiếp phù hợp để đạt mục đích và hiệu quả. |
| **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng** | **III. Luyện tập** |
| **- Thao tác 1: Tìm hiểu Bài tập 1**  + GV gọi HS đọc đoạn trích.  + GV gợi ý, hướng dẫn phân tích.  + HS thảo luận, trình bày.  + GV nhận xét, nhấn mạnh những điểm cơ bản. | **1. Bài tập 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Anh Mịch** | **Ông Lí** | | Vị thế xã hội | Kẻ dưới- nạn nhân bị bắt đi xem đá bóng. | Bề trên- thừa lệnh quan bắt người đi xem đá bóng. | | Lời nói | Van xin, nhún nhường (gọi ông, lạy…) | Hách dịch, quát nạt (xưng hô mày tao, quát, câu lệnh…) | |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu Bài tập 2**  + HS đọc đoạn trích.  + GV gợi ý, hướng dẫn phân tích.  + HS thảo luận, trình bày.  + GV nhận xét, nhấn mạnh những điểm cơ bản. | ***Bài tập 2:***  \* Đoạn trích gồm các nhân vật giao tiếp:  - Viên đội sếp Tây.  - Đám đông.  - Quan Toàn quyền Pháp.  \* Mối quan hệ giữa đặc điểm về vị thế xã hội, nghề nghiệp, giới tính, văn hóa,… của các nhân vật giao tiếp với đặc điểm trong lời nói của từng người:  - Chú bé: trẻ con nên chú ý đến cái mũ, nói rất ngộ nghĩnh.  - Chị con gái: phụ nữ nên chú ý đến cách ăn mặc (cái áo dài), khen với vẻ thích thú.  - Anh sinh viên: đang học nên chú ý đến việc diễn thuyết, nói như một dự đoán chắc chắn.  - Bác cu li xe: chú ý đôi ủng.  - Nhà nho: dân lao động nên chú ý đến tướng mạo, nói bằng một câu thành ngữ thâm nho.  \* Kết hợp với ngôn ngữ là những cử chỉ điệu bộ, cách nói. Điểm chung là châm biếm, mỉa mai. |
| **- Thao tác 3: Tìm hiểu Bài tập 3**  + GV: Quan hệ giữa bà lão hàng xóm và chị dậu. Điều đó chi phối lời nói và cách nói của 2 người ra sao?  + GV: Phân tích sự tương tác về hành động nói giữa lượt lời của 2 nhân vật giao tiếp?  + GV: Nhận xét về nét văn hóa đáng trân trọng qua lời nói, cách nói của các nhân vật? | ***Bài tập 3:***  a) Quan hệ giữa bà lão hàng xóm và chị dậu là quan hệ hàng xóm láng giềng thân tình.  Điều đó chi phối lời nói và cách nói của 2 người- thân mật:  + Bà lão: bác trai, anh ấy,…  + Chị Dậu: cảm ơn, nhà cháu, cụ,…  b) Sự tương tác về hành động nói giữa lượt lời của 2 nhân vật giao tiếp: Hai nhân vật đổi vai luân phiên nhau.  c) Nét văn hóa đáng trân trọng qua lời nói, cách nói của các nhân vật: tình làng nghĩa xóm, tối lửa tắt đèn có nhau. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Vai trò của nhân vật giao tiếp.

- Quan hệ xã hội và những đặc điểm của nhân vật giao tiếp chi phối lời nói.

- Chiến lược giao tiếp phù hợp.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: *Vợ nhặt* (Kim Lân).

Ngày soạn: 24/12/2016

Ngày dạy:

**Tiết 60-61-62. Đọc văn. VỢ NHẶT**

***Kim Lân***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được tình cảnh thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra.

-Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật: sáng tạo tình huống, gợi không khí, miêu tả tâm lí,dựng đối thoại.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Trân trọng niềm khát khao hạnh phúc gia đình, niềm tin bất diệt vào cuộc sống và tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa những người lao động nghèo khổ ngay trên bờ vực thẳm của cái chết.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: SGK, Vở soạn.

**C. Phương pháp**

- Nêu vấn đề, phát vấn, đàm thoại, kết hợp với diễn giảng.

- Tổ chức thảo luận nhóm.

- Đọc diễn cảm những đoạn đặc sắc.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 60 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Phân tích nhân vật Mị?

- Phân tích nhân vật A Phủ?

- Giá trị nhân đạo của tác phẩm?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Nạn đói năm 1945 đã làm xúc động nhiều văn nghệ sĩ.Nhà văn Nguyên Hồng viết *Địa ngục*, Tô Hoài viết *Mười năm*...Kim Lân đóng góp vào đề tài trên một truyện ngắn xuất sắc "Vợ nhặt".Truyện ngắn"*Vợ nhặt*" đã thể hiện thành công hình tượng những con người Việt Nam lương thiện trong tai hoạ đói kém khủng khiếp do thực dân, phát xít gây ra.Nhưng họ đã cưu mang đùm bọc nhau và hi vọng trông chờ vào sức mạnh giải phóng dân tộc của cuộc cách mạng do giai cấp công -nông lãnh đạo.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Tiết 60** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  GV gọi HS đọc phần tiểu dẫn SGK  **?** Dựa vào Tiểu dấn SGK,em hãy nêu những nét chính về tác giả Kim Lân?  **?**Em hãy trình bày xuất xứ truyện ngắn *Vợ nhặt*  GV gọi 2 HS đọcvăn bản và tóm tắt tác phẩm  **?** Dựa vào nội dung truyện, hãy giải thích nhan đề *Vợ nhặt?*  GV nhận xét và nhấn mạnh một số ý cơ bản  **?** Nhà văn đã xây dựng tình huống truyện như thế nào?    **?** Em hãy cho biết tình huống truyện đó có những ý nghĩa gì?  GV gợi ý: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tình huống truyện?  **Hết tiết 60 chuyển sang tiết 61**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 61 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu nhân vật Tràng và người vợ nhặt  **?** Cảm nhận của em về nhân vật Tràng và người vợ nhặt?  GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.  **?**Họ là nạn nhân của nạn đói như thế nào?  **?**Bị cái đói dồn vào thảm cảnh nhưng họ luôn khao khát điều gì?  **?**Họ tin tưởng vào tương lai như thế nào?  **Hết tiết 61 chuyển sang tiết 62**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 62 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **?**Cảm nhận của em về diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ- mẹ Tràng.  GV nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.  Hướng dẫn HS tìm hiểu nghệ thuật của tác phẩm  **?** Em hãy nhận xét về nghệ thuật viết truyện của Kim Lân: Cách kể chuyện, cách dựng cảnh, đối thoại, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật,ngôn ngữ...  - GV diễn giảng thêm cho HS  -GV hướng dẫn học sinh tổng kết hai mặt: Nội dung và nghệ thuật. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**Kim Lân(1920-2007*)*  -Thế giới nghệ thuật của ông thường là khung cảnh nông thôn, hình tượng người nông dân.  - Là nhà văn một lòng một dạ đi về với "đất", với "người" với "thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống nông thôn.  -Nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật năm 2001.  **2. Tác phẩm**  ***a. Xuất xứ:*** *Vợ nhặt* là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân in trong tập truyện "*Con chó xấu xí*"(1962)  ***b. Hoàn cảnh sáng tác***: Tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết"*Xóm ngụ cư*" được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng dang dở và bị mất bản thảo. Sau khi hoà bình lập lại(1954),Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn này.  ***c. Ý nghĩa nhan đề:***  - Thâu tóm giá trị nội dung tư tưởng của tác phẩm.  - Từ nhan đề, ta thấy thân phận con người bị rẻ rúng như cái rơm, cái rác có thể nhặt ở bất kì đâu,bất kì lúc nào. Người ta hỏi vợ, cưới vợ còn ở đây Tràng nhặt vợ.  - Đây thực chất là sự khốn cùng của hoàn cảnh.  **II. Đọc -hiểu văn bản**  **1. Tình huống truyện**  **-**Tràng là một chàng trai sống ở xóm ngụ cư nghèo mà lại xấu xí, thô kệch >< lấy được vợ >< giữa nạn đói khủng khiếp nhất lịch sử.  -Tình huống Tràng nhặt được vợ đã làm cho mọi người vô cùng ngạc nhiên:  +Trẻ con xóm ngụ cư ngạc nhiên  + Người lớn cũng ngạc nhiên  + Mẹ của Tràng cũng ngạc nhiên  + Bản thân Tràng cũng không ngờ được,cứ ngỡ ngàng như không phải. Một tình huống éo le, giàu kịch tính, rất độc đáo.  - Giá trị hiện thực: tố cáo tội ác của thực dân Pháp, phát xít qua bức tranh xám xịt về thảm cảnh chết đói.  - Giá trị nhân đạo:Tình nhân ái cưu mang đùm bọc lẫn nhau, khát vọng hướng tới cuộc sống và hạnh phúc. Điều mà Kim Lân muốn nói là trong bối cảnh bi thảm, giá trị nhân bản không mất đi, con người vẫn muốn cứ được là con người.  **2.** **Tìm hiểu các nhân vật**  ***a. Tràng và người vợ nhặt***  \* *Bị cái đói dồn vào thảm cảnh*  - Tràng  + Đi từng bước mệt mỏi,cái đầu trọc chúi về đằng trước...  + Không có tiền cưới vợ. Ngày vui vợ chồng phải ăn cám  - Người vợ nhặt:  + Rách rưới,tả tơi gầy sọp,trên khuôn mặt lưỡi cày chỉ còn thấy hai con mắt.  + Không có nổi cái tên, không duy trì nổi lòng tự trọng để phải theo không Tràng chỉ sau bốn bát bánh đúc.  \**Có khát khao nương tựa, gắn bó để được tồn tại, để sống, để cho cuộc đời mỗi người trở nên có ý nghĩa hơn*.  - Tràng:  + Lúc đầu: Chỉ đùa và trên đường đưa người vợ nhặt về tâm hồn tràn đầy tình nghĩa, quên luôn cả mùa đói.  + Sáng hôm sau: Cảm nhận rõ hạnh phúc "Thấm thía cảm động"của mái ấm gia đình.  - Người vợ nhặt:  + Lúc đầu: Chỉ định gắn với Tràng để tồn tại qua mùa đói.  + Sáng hôm sau: Cuộc sống gia đình thay đổi thị, biến thành "người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không có vẻ gì chao chát chỏng lỏng"  \* *Tràng và người vợ nhặt có sự hi vọng, tin tưởng vào tương lai:*  -Tràng nghĩ đến chuyện tu sửa nhà cửa, sinh con, đẻ cái, lo lắng cho vợ con sau này, đám người phá kho thóc Nhật và hình ảnh lá cờ đỏ tượng trưng cho Việt Minh.  - Người vợ nhặt cùng mẹ chồng quét tước, thu dọn nhà cửa, sân vườn mong mang lại một sinh khí mới. Nói đến chuyện các vùng khác không còn đóng thuế, phá kho thóc Nhật, chuyện Việt Minh.  ***b. Diễn biến tâm trạng bà cụ Tứ***  \* *Ngạc nhiên*:  -Đứng sững lại hấp háy cặp mắt cho đỡ nhoèn, quay nhìn Tràng không hiểu (thấy người đàn bà bên Tràng).  -Băn khoăn ngồi xuống giường khi nghe người đàn bà chào.  \* *Lo âu, thương cảm, tủi thân*  - Cúi đầu, kẽ mắt rĩ xuống hai dòng nước mắt (buồn vì không lo nổi đám cưới cho con, sợ con và dâu"có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không").  - Nghẹn lời, nước mắt "cứ chảy xuống ròng ròng".  \* *Hi vọng tin tưởng ở tương lai:*  -Nói đến chuyện nuôi gà, chuyện sẽ có một đàn gà nay mai. Nói đến triết lí "*ai giàu ba họ ai khó ba đời*" để động viên con và dâu về một viễn cảnh thoát đói nghèo.  -Thu dọn, quét tước nhà cửa, sân vườn mong mang lại một sinh khí mới.  **3. Nghệ thuật**  - Cách kể chuyện tự nhiên,lôi cuốn,hấp dẫn.  - Nghệ thuật tạo tình huống đầy sáng tạo  - Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế,sâu sắc  - Ngôn ngữ nhuần nhị ,tự nhiên.  **III**. **Tổng kết**  - Truyện ngắn "*Vợ nhặt"*thể hiện được thảm cảnh của nhân dân ta trong nạn đói năm 1945. Đặc biệt tác phẩm thể hiện được tấm lòng nhân ái, sức sống kì diệu của con người ngay bên bờ vực thẳm của cái chết vẫn hướng về sự sống và khát khao tổ ấm gia đình.  - "*Vợ nhặt*" tạo được một tình huống truyện độc đáo,cách kể chuyện hấp dẫn, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Giá trị hiện thực sâu sắc.

- Giá trị nhân đạo cao cả.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài *Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.*

Ngày soạn: 2/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 63. Làm văn.**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**: Biết cách làm bài văn nghị luận văn học về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

**2. Kĩ năng**: Vận dụng các thao tác phân tích, bình luận, chứng minh, so sánh...để làm bài văn nghị luận văn học.

**3. Tư duy, thái độ**: Cần phân biệt được yêu cầu của các dạng đề cơ bản của kiểu bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp:**

GV nêu câu hỏi gợi ý, HS trả lời. GV chỉnh sửa những phát biểu sai, củng cố kiến thức cần thiết và tổng kết.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Phân tích tình huống truyện ***Vợ nhặt*** từ đó nêu lên giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm?

- Diễn biến tâm trạng của Tràng khi đưa người vợ nhặt về nhà?

- Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ như thế nào? Phát biểu cảm nhận của em về hình ảnh của người mẹ này?

- Nhận xét về nghệ thuật của tác phẩm?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

- Ở lớp 11, các em đã được học: Đặc trưng của các thể loại VH.

- Các em vừa biết cách vận dụng các đặc trưng của thể loại thơ để làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Yêu cầu HS nhắc lại những đặc điểm của thể loại truyện.(Cốt truyện, nhân vật, những chi tiết, sự kiện, biến cố, cách kể, ngôn ngữ).

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV yêu cầu HS đọc đề 1,2 SGK và nêu đối tượng nghị luận ở các đề bài trên .  Yêu cầu HS xem gợi ý đã trình bày ở SGK , phần tìm hiểu đề.  \* Cho HS làm việc theo nhóm: lập dàn ý các đề bài trên  \* GV bổ sung, hoàn chỉnh nội dung và nhận xét tinh thần học tập của các nhóm    GV thực hiện thao tác như với đề 1  \* Cho HS làm việc theo nhóm: lập dàn ý các đề bài trên  \* GV bổ sung, hoàn chỉnh nội dung và nhận xét tinh thần học tập của các nhóm  **?Xác định đối tượng, nội dung của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.**  Qua những bài thực hành trên, hãy nêu đối tượng, nội dung của một bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi?  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  Nghệ thuật châm biếm đả kích trong truyện ngắn *Vi hành* của Nguyễn Ái Quốc.  Học sinh hoạt động nhóm, đại diện trình bày.  GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức. | **1. Tìm hiểu đề, lập dàn ý**  **Đề 1:** Phân tích truyện ngắn "*Tinh thần thể dục*" của Nguyễn Công Hoan.  **a. *Tìm hiểu đề***  **-** Nội dung: toàn bộ nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn.  - Thể loại: Phân tích là chính, có kết hợp với giải thích, chứng minh, bình luận...  - Tư liệu dẫn chứng: truyện ngắn *Tinh thần thể dục.*  ***b. Lập dàn ý***  **A.** **Mở bài**  Giới thiệu truyện ngắn với những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.  **B. Thân bài**  - Đặc sắc của kết cấu truyện: Truyện gồm những cảnh khác nhau tưởng như rời rạc nhưng đều tập trung biểu hiện chủ đề: bọn quan lại cầm quyền cưỡng bức dân chúng, thực hiện ý đồ bịp bợm, đen tối.  - Mâu thuẫn và tính chất trào phúng của truyện: mâu thuẫn giữa tinh thần thể dục và cuộc sống khốn khổ, đói rách của ND.  - Ngôn ngữ truyện:  + Ngôn ngữ người kể chuyện: rất ít lời...  + Ngôn ngữ các nhân vật: tự nhiên, sinh động, thể hiện đúng thân phận và trình độ của họ (dẫn chứng:...)  - Giá trị hiện thực và ý nghĩa phê phán:  + ND truyện bắt nguồn từ hiện thực xã hội => Giá trị HT sâu sắc  + Châm biếm, phê phán bằng bút pháp trào phúng.  \* Kết bài: Đóng góp của tác phẩm đối với VHHT phê phán, đối với nền VH:  **Đề 2**  ***a. Tìm hiểu đề***  - Nội dung: sự khác nhau về từ ngữ và giọng văn của hai tác phẩm *Chữ người tử tù* và *Hạnh phúc của một tang gia.*  - Thể loại: Phân tích, giải thích.  - Tư liệu dẫn chứng: hai tác phẩm.  ***b. Dàn ý:***  **A. Mở bài:** SGK  **B. Thân bài**  - Khác nhau về từ ngữ:  + Nguyễn Tuân: sử dụng nhiều từ Hán Việt, từ cổ để dựng lại một vẻ đẹp xưa, một con người tài hoa, khí phách, thiên lương. (dẫn chứng)  + Vũ T Phụng: ngôn ngữ trào phúng: nhiều từ khẩu ngữ, nhiều cách chơi chữ...(dẫn chứng)  - Khác nhau về giọng văn:  + “CNTT”: cổ kính, trang trọng-> ca ngợi, tôn vinh.  + “HPCMTG”: mỉa mai, giễu cợt-> phê phán tính chất giả dối, lố lăng đồi baị của XH.  - Giải thích: Việc dùng từ, chọn giọng văn phải phù hợp với chủ đề của truyện và thể hiện đúng tư tưởng, tình cảm của tác giả.  **C. Kết bài:** Đánh giá chung  **2. Đối tượng, nội dung của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.**  Ghi nhớ: SGK  **3. Luyện tập**  **a. *Nhận thức đề***  Yêu cầu nghị luận một tác phẩm: Nghệ thuật châm biếm đả kích trong truyện ngắn *Vi hành* của Nguyễn Ái Quốc.  **b. *Các ý cần khai thác:***  - Sáng tạo tình huống: nhầm lẫn  - Tác dụng của tình huống: miêu tả chân dung Khải Định mà không cần y xuất hiện, từ đó làm rõ thực chất những ngày trên đất Pháp của vị vua An Nam này, đồng thời tố cáo cái gọi là “văn minh”, “khai hóa” của thực dân Pháp. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Phần ghi nhớ (SGK).

**5. Dặn dò**

- Tự đặt một số đề và phân tích, tìm ý cho bài viết.

- Soạn bài mới: *Rừng xà nu* ( Nguyễn Trung Thành).

Ngày soạn: 3/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 64-65. Đọc văn. RỪNG XÀ NU**

***Nguyễn Trung Thành***

**A. Mục tiêu bài học**

**1**. **Kiến thức**

- Nắm được tư tưởng mà tác giả gửi gắm qua những hình tượng của tác phẩm : sự lựa chọn con đường đi của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù.

- Thấy được vẻ đẹp sử thi và nét đặc sắc Tây Nguyên, ý nghiã và giá trị của tác phẩm trong hoàn cảnh chiến đấu chống Mỹ cứu nước lúc bấy giờ và trong thời đại ngày nay.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được kĩ năng phân tích tác phẩm văn chương tự sự.

**3. Tư duy, thái độ**

- Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta, về vẻ đẹp kiêu dũng của thiên nhiên đất nước.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Quy nạp.

- Thảo luận nhóm.

- Thuyết giảng.

- Chú ý hoạt động của học sinh.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 64 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Phân tích tình huống truyện trong *Vợ nhặt*.

- Phân tích nhân vật người vợ nhặt, Tràng và bà cụ Tứ.

- Giá trị nhân đạo của tác phẩm được thể hiện như thế nào?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Nguyễn Trung Thành là nhà văn gắn bó với mảnh đất Tây Nguyên suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Tình yêu và sự hiểu biết sâu sắc về mảnh đất này là tiền đề cơ sở để nhà văn sáng tác được nhiều tác phẩm có giá trị về thiên nhiên và cuộc sống con người nơi đây, trong đó có truyện ngắn *Rừng xà nu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 64** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Gọi HS đọc tiểu dẫn và trả lời câu hỏi  -Dựa vào tiểu dẫn hãy cho biết vài nét về tiểu sử NTT mà em có ấn tượng nhất ?  - Tác phẩm chính ?  - Từ cuộc đời của nhà văn , em có nhận xét gì về Nguyễn Trung Thành?  - Hãy cho biết đặc điểm sáng tác văn chương của nhà văn Nguyễn Trung Thành ?  **?**Cho biết xuất xứ?  Hướng dẫn HS tóm tắt  **?** Hãy nêu chủ đề?  **?**Hãy cho biết ý nghĩa của truyện ngắn qua nhan đề tác phẩm?  **?**  Em hãy cho biết hình ảnh rừng xà nu được tác giả miêu tả ở vị trí nào trong tác phẩm?  **?**Hình tượng cây xà nu được tác giả miêu tả gây ấn tượng khó quên cho người đọc như thế nào?  **?**Cây xà nu không chỉ hiện lên vẻ đẹp mà còn mà còn biểu tượng cho điều gì? Hãy nêu một số chi tiết để chứng minh cho điều ấy ?  GV thuyết giảng  GV cho HS đọc “ *Trong rừng ít có loại cây sinh sôi...tiếp lấy ánh nắng...*”và nêu ý nghĩa .  **?**Em có suy nghĩ gì về cách miêu tả cây xà nu ứng chiếu với con người?  Trong đoạn văn trên tác giả còn nói lên điều gì ?  GV thuyết giảng và hỏi HS  **?** Từ những điều đã phân tích em hãy nêu ý khái quát mà nhà văn thể hiện qua cách miêu tả rừng xà nu?u tah  **Hết tiết 64, chuyển sang tiết 65**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 65 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **?**Nhân vật nào góp phần làm nên chủ đề của thiên truyện? Hãy cho biết những ấn tượng của mình về nhân vật Tnú : lai lịch và phẩm chất của Tnú (câu hỏi 2 SGK)  **?** Vì sao trong câu chuyện về cuộc đời Tnú , cụ Mết nhắc đi nhắc lại Tnú không cứu sông được vợ con và ghi sâu vào tâm trí người nghe “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”  - Vì sao Tnú không cứu được vợ con?  - Vì sao dân làng Xôman không cứu Tnú?  GV thuyết giảng về giọng văn mà tác giả dành cho nhân vật Tnú  -Tiếng thét của Tnú  -Tiếng hét của cụ Mết “chém , chém hết”  -Bàn tay bóp chết những tên chỉ huy ở đồn giặc...  **?**Chính sự tàn bạo kẻ thù đã nung nấu lòng căm thù trong Tnú và dân làng Xôman . Cho nên câu chuyện của Tnú nói lên chân lí nào của dân tộc ta trong thời đại bấy giờ. Vì sao cụ Mết muốn chân lí đó phải được nhớ được ghi?  **?**Các hình tượng nhân vật cụ Mết, Mai, Dít, Heng có vai trò gì trong việc khắc họa nhân vật chính và làm nổi bật tư tưởng của tác phẩm?  **?**Theo em hình ảnh cảnh rừng xà nu và hình tượng nhân vật Tnú gắn kết hữu cơ, khăng khít như thế nào?  **?**Hãy nêu những cảm nhận của mình về vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm?  GV thuyết giảng thêm cho HS hiểu về Khuynh hướng sử thi của tác phẩm thể hiện qua đề tài, chủ đề , nhân vật , giọng điệu, xung đột...  GV hướng dẫn HS tổng kết ở phần ghi nhớ. | **I .Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nhà văn gắn bó mật thiết với chiến trường Tây Nguyên, có vốn hiểu biết về đất nước – con người Tây Nguyên rất phong phú.  - Đặc điểm sáng tác :mang đậm tính sử thi -phản ánh những nhân vật anh hùng tiêu biểu cho cộng đồng, những vấn đề lớn của cộng đồng  **2. Tác phẩm**  ***a. Xuất xứ:***  ***b. Tóm tắt*** :Tài liệu  ***c. Chủ đề :*** Tác phẩm đã tái hiện lại thời kì lịch sử đen tối ở Tây Nguyên, nỗi đau của cá nhân và mất mát lớn lao của buôn làng đã khiến Tnú và dân làng Xôman đồng khởi. n toc  **II . Đọc – hiểu văn bản**  **1. Ý nghĩa nhan đề**  - Hình ảnh rừng xà nu là linh hồn của tác phẩm, là cảm hứng chủ đạo , là dụng ý nghệ thuật của tác giả.  - Cây xà nu gắn bó mật thiết với cuộc sống tinh thần ,vật chất của làng Xôman.  - Rừng xà nu là bức tranh thiên nhiên hùng vĩ đầy sức sống , luôn sinh sôi nảy nở , bất chấp sự hủy diệt của đạn bom.  - Rừng xà nu là biểu tượng của người Tây Nguyên anh hùng , bất khuất.khua hunge  **2. Hình tượng cây xà nu - Rừng xà nu**  Hình tượng cây xà nu mở đầu và khép lại , xuyên suốt toàn bộ tác phẩm vừa mang ý nghĩa hiện thực vừa mang ý nghĩa tượng trưng.  - Ý nghĩa tả thực : cây xà nu vươn cao, thẳng đứng, cành lá sum suê, ở chỗ vết thương nhựa ứa ra...Nó phóng nhanh thơm mỡ màng .Rừng xà nu có mặt trong suốt câu chuyện, trong đời sống hằng ngày của dân làng.cây xà nu tiêu biểu của rừng núi Tây Nguyên và gắn bó với dân làng Xôman .  - Ý nghĩa tượng trưng: biêủ tượng cho con người và núi rừng Tây Nguyên.  + Cả rừng xà nu không có cây nào không bị thương...cuộc sống bị tàn phá nặng nề đến đau thương của dân làng Xôman.Biểu hiện của đau thương  + Cây xà nu ham ánh sáng...Tnú, Mai hướng tới cuộc sống tự do.  + “Đạn đại bác...đến hút tầm mắt”Sức chịu đựng của xà nu cũng là sự bất khuất kiên cường của dân làng Xôman.  + “Rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn ra che chở cho làng”con người đang chiến đấu để bảo vệ quê hương.  + “Những đồi xà nu nối tiếp nhau chạy đến chân trời, cây con nối cây lớn”nhiều thế hệ Tây Nguyên nối tiếp nhau đánh giặc  + Cách miêu tả cây xà nu ứng chiếu với con người và ngược lại “Cụ Mết...,Tnú...,BéHeng...”  + “Những cây mới mọc và nhọn hoắc như mũi lê”RXN được láy lại ở cuối truyện và phát triển như con người Xôman chịu nỗi đau thương quá lớn và sự quật khởi của họ.  **\* Tóm lại**  -Cây xà nu là sáng tạo độc đáo của Nguyễn Trung Thành, biện pháp nghệ thuật nhân hóa gợi cho người đọc nghĩ đến vùng đất và con người Tây Nguyên yêu tự do , bất khuất.  - Cây xà nu góp phần làm nổi bật chủ đề , ca ngợi con người và đất rừng Tây Nguyên trong cuộc chiến tranh chống kẻ thù xâm lược. ga Rua  **3. Hình tượng nhân vật Tnú**  ***a. Lai lịch:*** Mồ côi cha mẹ, được dân làng Xôman nuôi dưỡng.  ***b. Phẩm chất***  - Dũng cảm, gan dạ ,mưu trí, bất khuất. baico, sauye  +Lúc nhỏ làm liên lạc thay anh Quyết: lựa chọn con đường khó mà đi, học chữ thua Mai thì đập đầu, bị giặc bắt thì nuốt thư, bị tù thì vượt ngục.  + Khi lớn lên : là con chim đầu đàn của làng Xô-man ,hướng dẫn dân làng chuẩn bị chiến đấu ; bị giặc đốt mười ngón tay Tnú không thèm kêu than.  - Giàu lòng yêu thương:  +Yêu quê hương: Ba năm đi lực lượng trở về làng nghe âm thanh tiếng chày, đến con nước lớn đầu làng..chân vấp, tim đập bồi hồi, xúc động nhớ từng kỉ niệm,ghi nhớ hình ảnh rừng xà nu.  +Yêu Đảng, sớm giác ngộ cách mạng: Lúc nhỏ vào rừng nuôi cán bộ,làm liên lạc; quyết học chữ thay anh Quyết làm cán bộ, lãnh đạo phong trào cách mạng của quê hương.  + Yêu gia đình vợ con: xé tấm dồ làm địu cho con, sẵn sàng cứu vợ con.  - Trung thành với cách mạng , ý thức tổ chức kỉ luật cao (dẫn chứng ).  - Căm thù giặc sâu sắc: Khi giặc kéo về làng để tiêu diệt phong trào nổi dậy ở Xôman  + Vào rừng nuôi cán bộ.  + Giặc bắt Mai và con anh tra tấn dã man bằng gậy sắt và cả vợ con anh đều gục chết  + Anh không cứu nổi vợ con... “ừ ,Tnú không cứu sống được mẹ con Mai...”  + Anh bị giặc bắt , trói chặt bằng dây rừng và đốt tay bằng nhựa xà nu.  => Như vậy Tnú không cứu được vợ con, không bảo vệ được chính mình vì "*Trong tay mày chỉ có hai bàn tay trắng*" => nỗi đau rất lớn cả về thể xác lẫn tinh thần  -Chân lí “*Chúng nó đã cầm súng , mình phải cầm giáo*” cụ Mết muốn ghi tạc vào lòng các thế hệ con cháu. Bởi khi chúng ta cầm vũ khí đứng lên chống lại súng đạn của kẻ thù thì mọi thứ đều thay đổi:  + Lửa xà nu sẽ tắt trên bàn tay Tnú, nó chỉ còn soi xác bọn giặc ngổn ngang, hoà cùng tiếng chiêng làm thành cảnh tượng hùng tráng của núi rừng trong đêm khởi nghĩa. Đôi bàn tay với những ngón tay chỉ còn hai đốt trở thành bàn tay hồi sinh. Kẻ ác phải đền tội. Mười ngón tay Tnú trở thành 10 ngọn đuốc soi đường cho dân làng Xô Man quật khởi.  + Tnú được sống trong cảm giác tìm lại được những gì đã mất qua hình ảnh Dít, bé Heng, gợi nghĩ đến một triển vọng của tương lai.  - Cụ Mết , Mai , Dít , Bé Heng có vai trò tiếp nối sự sống cho Tnú.  ***c. Mối quan hệ giữa hình tượng rừng xà nu và Tnú***  - Hai hình tượng gắn bó khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau để cùng hoàn chỉnh.  - Rừng xà nu trải mãi tới chân trời trong màu xanh bất diệt khi con người thấm thía bài học "*Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo*" rút ra từ cuộc đời Tnú.  - Con người như Tnú cầm vũ khí đứng lên thì mục đích sau cùng là để giữ lại sự sống như cánh rừng mãi mãi sinh sôi, sự sống của Tổ quốc, của nhân dân.  \* **Tóm lại:** Tnú là nhân vật trung tâm được xây dựng bằng bút pháp giàu chất sử thi. Tnú tiêu biểu cho số phận và con đường đấu tranh của dân tộc Tây Nguyên. Là một trong những hình tượng thành công của NTT và văn học chống Mỹ cứu nước .  **3. Giá trị nghệ thuật**  - *Rừng xà nu* là tiếng nói của lịch sử và thời đại, gắn liền với sự vận động, những biến cố có ý nghĩa trọng đại đới với toàn dân. Những bức tranh thiên nhiên hay hình tượng con người là sự kết tinh những lí tưởng cao quí nhất của cả cộng đồng.  - Tác phẩm mang một hình thức sử thi hoành tráng. Hoành tráng trong hình ảnh, dáng vóc vạm vỡ, cao cả của núi rừng, của con người. Hoành tráng trong âm hưởng, với lời văn đẽo gọt, giàu sức tạo hình, giàu nhạc điệu, khi vang động, khi tha thiết hoặc trang nghiêm.  **4. Ghi nhớ** : (SGK). |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

**-** Hình tượng cây xà nu.

- Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng trong truyện ngắn.

**5. Dặn dò**

**-** Đọc lại đoạn trích , nắm nội dung chính.

- Chuẩn bị bài: *Bắt sấu rừng U Minh Hạ*  (Sơn Nam).

Ngày soạn: 4/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 66. Đọc thêm**. **BẮT SẤU RỪNG U MINH HẠ**

***Sơn Nam***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một vài nét về cuộc đời, sự nghiệp của nhà văn Sơn Nam và tập truyện “*Hương rừng Cà Mau”*.

- Cảm nhận được bức tranh thiên nhiên độc đáo của vùng đất mũi Cà Mau, những con người Nam Bộ cần cù, dũng cảm, tài trí, lạc quan, yêu đời. Và bao trùm lên trang viết là tấm lòng tha thiết yêu quê hương , đất nước, yêu nhân dân mình- phẩm chất tinh thần sâu sắc nhất của con người Việt Nam.

**2. Kĩ năng**

- Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

**-** Tình yêu thiên nhiên, đất nước, con người Việt Nam.

**B.** **Phương pháp**: Vấn đáp, thuyết giảng, thảo luận nhóm...

**C.** **Phương tiện**:

GV: Thiết kế dạy học của GV, SGK, SGV...

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy** **học**

***1.Ổn định lớp***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

***2.Kiểm tra bài cũ***

- Phân tích hình tượng cây xà nu.

- Phân tích hình tượng nhân vật Tnú.

***3.Bài mới***

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Truyện ngắn *Bắt sấu rừng U Minh Hạ* sẽ cho chúng ta thấy được tài trí và tinh thần dũng cảm tuyệt vời của người dân miền cực Nam đất nước đã đổ bao mồ hôi, cả máu nữa trong cuộc vật lộn với thiên nhiên để mở mang bờ cõi cho Tổ quốc.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  - Gọi hs đọc tiểu dẫn và rút ra những ý chính.  - Chú ý:  + Sáng tác của Sơn Nam chia thành 3 giai đoạn: kháng chiến chống Pháp, 54 - 75, sau 75.  + Tập truyện *Hương rừng Cà Mau*.  - Hướng dẫn hs tìm hiểu văn bản văn bản và bố cục.  - Tìm dẫn chứng*"rừng tràm xanh biếc,những cỏ cây hoang dại, cá sấu nhiều như trái mù u"...*  - Yêu cầu HS nêu hướng tìm hiểu.  - Hướng dẫn HS thảo luận và trả lời câu hỏi 1.  - Tìm dẫn chứng: *bắt sấu bằng lưỡi sắt, rồi móc con vịt sống, Năm Hên bắt sấu rừng bằng tay không, Tư Hoạch là một tay ăn ong rất rành địa thế vùng Cái Tàu, những người trai tráng đã từng gài bẫy cọp, săn heo rừng...*  - Chốt lại phần trả lời của hs.  - Hướng dẫn hs thảo luận và tìm  hiểu nhân vật Năm Hên.  Gợi ý: Tính cách, tài nghệ...?  - Bài hát của Năm Hên gợi cho em những cảm nghĩ gì?  - Chốt lại phần trả lời câu hỏi 2  - Yêu cầu hs nêu những đặc điểm nghệ thuật nổi bật của tác phẩm  Cảm nhận về vùng đất và con người vùng cực nam Tổ quốc? | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**: Tên thật Phạm Minh Tài, sinh năm 1926 tại Kiên Giang.Ông tham gia cách mạng từ năm 1945 và hoạt động văn nghệ từ thời kháng chiến chống Pháp. Sau năm 1975 ông là hội viên Hội NVVN, Uỷ viên BCH Hội NVVN.  Tác phẩm: SGK  Tiêu biểu là tác phẩm Hương rừng Cà Mau gồm 18 truyện ngắn. Tác phẩm sẽ đưa người đọc vào thé giới của một bức tranh thiên nhiên kì thú và những người dân lao động mộc mạc, đôn hậu, dũng cảm...  **2. Tác phẩm**  ***a. Xuất xứ***  - Được rút ra từ tập Hương rừng Cà Mau.  ***b. Bố cục:*** 3 phần  - Phần1: Đầu đến"... ngoài Huế"  - Phần 2:" Sáng hôm sau... đi bộ về sau".  - Phần 3: Phần còn lại.  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Hình ảnh thiên nhiên và con người vùng đất U Minh Hạ:**  - Thiên nhiên vùng đất U Minh Hạ khá độc đáo và phong phú.  - Con người: gan góc, mưu trí, cần cù và sức sống mãnh liệt, giàu tình nghĩa...  **2. Nhân vật Năm Hên**  - Tính cách và tài nghệ của Năm Hên gây ấn tượng sâu sắc với người đọc.  + Là người giàu tình thương người, rất mộc mạc, khiêm nhường và cũng rất mưu trí, gan góc, can trường.  + Là "người thợ già chuyên bắt cá sấu ở Kiên Giang đạo".  - Ý nghĩa bài hát của Năm Hên:  + Tưởng nhớ hương hồn những người đã bị cá sấu bắt, trong đó có người anh ruột của ông.  + Bài hát gợi nhiều cảm nghĩ về một vùng đất khắc nghiệt, đồng thời cũng cho ta thấy tấm lòng của Năm Hên.  **3. Nghệ thuật**  - Kể chuyện: mộc mạc, tự nhiên, gọn gàng, sáng rõ, chỉ cần một vài nét đơn sơ cảnh vật và con người hiện lên rõ nét.  - Sử dụng ngôn ngữ, mang đậm phong vị Nam Bộ  **4. Cảm nhận về vùng đất và con người vùng cực nam Tổ quốc qua truyện ngắn**  Đọc truyện ta như thám hiểm những vùng đất xa lạ với bao điều bí ẩn của thiên nhiên và con người. Xa lạ nhưng rất đỗi thân thuộc, đó vẫn là quê hương mình cần cù, dũng cảm, tài trí và lạc quan yêu đời trong đấu tranh sinh tồn và mở mang, xây dựng đất nước. Qua đó người đọc thêm yêu quý nhân dân, đất nước mình. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Đôi nét về phong cách sáng tác, tấm lòng yêu quê hương tha thiết của nhà văn Sơn Nam.

- Bức tranh thiên nhiên độc đáo và con người cần cù, tài trí, dũng cảm của vùng đất mũi Cà Mau.

**5. Dặn dò**

**-** Học bài cũ.

**-** Chuẩn bị bài *Những đứa con trong gia đình (* Nguyễn Thi).

Ngày soạn: 6/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 67-68. Đọc văn. NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH**

***Nguyễn Thi***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được hiện thực đau thương, đầy hy sinh gian khổ nhưng rất đỗi anh dũng, kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam trong những năm chống Mỹ cứu nước. Sự gắn bó sâu nặng giữa tình cảm gia đình và yêu nước, tình CM, giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Nắm được những đặc sắc về nghệ thuật của thiên truyện, nghệ thuật trần thuật đặc sắc, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lý sắc sảo, ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, giàu giá trị tạo hình và đậm chất Nam Bộ.

**2. Kĩ năng**

- Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Biết trân trọng, yêu thương và cảm phục những con người bình thường mà giàu lòng nhân hậu, vô cùng dũng cảm đã đem máu xương để giữ gìn, bảo vệ đất nước.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Nêu vấn đề, đặt câu hỏi để HS thảo luận, sau đó GV tổng kết, nhấn mạnh khắc sâu thêm.

- Đây là truyện ngắn khá dài. Không thể để HS đọc hết tác phẩm ở trên lớp. Nhưng khi giảng từng phần, nên chọn những đặc sắc, kết tinh tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm để HS đọc diễn cảm.

**D. Tiến trình tổ chức**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 67 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Cảm nhận gì về thiên nhiên và con người vùng đất cực Nam của Tổ quốc.

- Phân tích nhân vật ông Năm Hên.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Nguyễn Thi là người Nam Định, 15 tuổi vào Sài Gòn vừa đi học vừa đi làm để kiếm sống. Nguyễn Thi rất am hiểu đất và người Phương Nam. Ông hi sinh trong cuộc tổng tiến công Mậu thân 1968 ở tuổi 40 nhưng Nguyễn Thi đã để lại cho nền văn học Việt Nam những tp giá trị trong đó có *Những đứa con trong gia đình*.Nguyễn Thi được coi là nhà văn của người nông dân Nam Bộ trong cuộc chống Mĩ cứu nước vĩ đại.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 67** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Nêu những nét chính và tác giả Nguyễn Thi.  **?**Nêu hoàn cảnh ra đời, giá trị tác phẩm "*Những đứa con trong gia đình*" ? | **I. Giới thiệu chung**  **1. Tác giả:** Nguyễn Thi (1928-1968)  - Gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam Bộ, là nhà văn của nhân dân Nam Bộ thời kỳ chống Mỹ  - Nhân vật tiêu biểu: Người nông dân Nam Bộ có lòng cảm thù giặc sâu sắc, vô cùng gan góc, kiên cường, thuỷ chung son sắc với quê hương và cách mạng.  - Cây bút có năng lực phân tích tâm lí sắc sảo.  - Ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, giàu giá trị tạo hình và đậm chất Nam Bộ.  **2. Tác phẩm:** *"Những đứa con trong gia đình".*  - Truyện ngắn xuất sắc - ra đời trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. |
| **?**Hãy đề xuất hướng tìm hiểu văn bản? Truyện "*Những đứa con trong gia đình*" được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn của nhân vật nào?  **?**Nhân vật được đặt trong tình huống như thế nào? Hãy nêu tác dụng của cách trần thuận đó đối với kết cấu truyện và việc khắc họa tính cách nhân vật?  **?**Những nét thống nhất tạo nên nét truyền thống của gia đình Việt - Chiến?  Cho HS phân nhóm, trả lời GV bổ sung, giảng giải, kết luận.  **?**Tìm những chi tiết trong tác phẩm đề cập đến hình tượng chú Năm? Trong số những chi tiết ấy em ấn tượng với chi tiết nào nhất? Vì sao?  GV bình chi tiết tiếng hò  Từ đó nêu những nhận xét khái quát của em về nhân vật này?  **?** Hình tượng người mẹ được nhắc đến như thế nào trong tác phẩm? Vì sao bảo người mẹ chính là hiện thân của truyền thống?  GV nhận xét, lý giải, kết luận.  GV bình 1 vài chi tiết ở trong đoạn trích, có thể mở rộng trong những chi tiết ở phần trước.  **Hết tiết 67, chuyển sang tiết 68**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 68 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **?**So với mẹ, chị Chiến có những điểm nào giống và khác? Nguyễn Thi có dụng ý như thế nào trong việc xây dựng hình tượng chị Chiến?  **?**Em ấn tượng ở nhân vật Việt bởi những nét tính cách tiêu biểu nào?  **?**Em có kết luận như thế nào về "những đứa con trong gia đình"?  **?**Khái quát những nét cơ bản về ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm?  **?**Đọc xong truyện ngắn, em có ấn tượng với chi tiết nào nhất? Vì sao?  GV bình.  Nhận xét chung gì về nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn?  GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ.  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  Câu chuyện về Chiến và Việt, về “Những đứa con trong gia đình” đã lí giải như thế nào về sức mạnh tinh thần kì diệu của con người Việt Nam thời chống Mĩ ? | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Cảm nhận chung**  - Kể chuyện: tự sự qua dòng hồi tưởng của Việt khi bị trọng thương nằm lại 1 mình ở chiến trường, trong bóng tối.  nhà văn có điều kiện nhập sâu vào thế giới nội tâm nhân vật để dẫn dắt câu chuyện.  Diễn biến câu chuyện biến đổi linh hoạt, tự nhiên.  - Sự hòa quyện, gắn bó giữa tình cảm gia đình với tình yêu đất nước, những truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc tạo nên sức mạnh to lớn của người Việt nam, dân tộc Việt nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.  **2. Hình tượng nhân vật**  ***a. Nét chung thống nhất của gia đình***  - Căm thù giặc sâu sắc  - Gan góc, dũng cảm, khao khát, chiến đấu, giết giặc.  - Giàu tình nghĩa, rất mực thủy chung son sắt với quê hương, Cách mạng.  truyền thống gia đình trong mối quan hệ với truyền thống Cách mạng, dân tộc tạo nên 1 dòng sông truyền thống.  ***b. Nét riêng tiêu biểu từng thành viên***  (1) Chú Năm  - Hay kể về sự tích gia đình, tác giả của cuốn biên niên sử gia đình.  - Dặn dò các cháu  - Tiếng hò đầy tâm tư: tha thiết, nhắn nhủ, lời thề, trái tim, tâm hồn, luôn hướng về truyền thống, đại diện và lưu giữ truyền thống. Ông là khúc thượng nguồn của dòng sông truyền thống, là nơi kết tinh đầy đủ hơn cả truyền thống của gia đình.  (2) Má Việt - Chiến  - Hiện thân của truyền thống:  + Tảo tần, đảm đang, tháo vát thương yêu chồng con hết mực.  + ghìm nén đau thương đời mình để sống chở che cho đàn con và chiến đấu.  Bà là biểu tượng về người phụ nữ nông dân Nam Bộ thời chống Mỹ.  (3) Chị Chiến  - Giống mẹ:  + Vóc dáng  + Đức tính: gan góc, đảm đang  kế thừa  - Tính cách:  + Vừa trẻ con: tranh công bắt ếch, tranh đi tòng quân, tranh công bắt tàu giặc  + Vừa ý thức là chị: thương em, lo cho em, nhường nhịn em.  Một cô bé hồn nhiên, vô tư ở tuổi mới lớn  - Khác mẹ  + trẻ trung, thích làm dáng  + có điều kiện trực tiếp cầm súng đánh giặc trả thù nhà, thực hiện lời thề sắt đá.  biết kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình và dân tộc.  (4) Việt  - Tính tình hồn nhiên, trẻ con  + Luôn giữ trong mình cái ná thun, cho tới khi đã vào bộ đội  + Vị thương rất nặng tới lần 2 "trong bóng đêm vắng lặng và lạnh lẽo", Việt không sợ chết mà lại sợ ma và bóng đêm.  + Yêu chị nhưng hay tranh giành với chị.  + Rất yêu quý đồng đội nhưng không nói thật là mình có chị, sợ mất chị, phải giấu chị.  - Có tình thương yêu gia đình sâu đậm:  + Tình cảm chi em, đối với linh hồn má, với chú Năm.  + Hình ảnh cha mẹ thân yêu luôn chập chờn trong hồi ức khi bị thương.  - Tính chất anh hùng, tinh thần chiến đấu dũng cảm:  + Luôn ý thức phải sống và chiến đấu để trả thù nhà, đền nợ nước xứng đáng với truyền thống gia đình.  + Can đảm chịu đựng khi bị thương.  + Tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu dù đang bị kiệt sức.  một con sóng vươn xa nhất trong dòng sông truyền thống, người tiêu biểu cho tinh thần tiến công cách mạng.  \* **Tiểu kết:** Mỗi con người trong gia đình là một khúc sông trong dòng sông truyền thống. Mỗi khúc sông có một đặc điểm riêng nhưng họ vẫn hướng về tô đậm hơn, phát huy hơn truyền thống gia đình gắn chặt trong mối tình đất nước thời kháng chiến chống Mỹ.  **3. Ngôn ngữ nghệ thuật**  - Xây dựng nhân vật bằng chi tiết cụ thể, làm rõ góc cạnh của cuộc sống, tạo nên không khí chân thực và có linh hồn.  + Chi tiết đắt giá nhất: Chị em Chiến khiêng bàn thờ má sang gởi nhà chú Năm  tập quán lâu đời gợi sự thiêng liêng, nhân vật trở nên trưởng thành hơn.  - Ngôn ngữ mang đậm chất Nam Bộ.  - Phát huy tối đa ngôn ngữ độc thoại nội tâm.  tài năng Nguyễn Thi trong nghệ thuật kể chuyện.  **III. Tổng kết**  - Nghệ thuật trần thuât độc đáo  - Truyện phản ánh, ngợi ca tinh thần bất khuất, truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc và đồng bào Nam Bộ.  \* ***Ghi nhớ:*** (SGK).  HS thể nghiệm, trình bày các quan điểm cá nhân :  Câu chuyện viết về một hình tượng dòng sông gia đình nhưng nhà văn Nguyễn Thi muốn chúng ta nghĩ đến biển lớn, đến đại dương của nhân dân và nhân loại. Nhà văn đã lí giải với người đọc : chính sự gắn bó sâu nặng giữa tình cảm gia đình với tình yêu nước , giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc đã làm nên sức mạnh kì diệu của con người Việt Nam thời chống Mĩ.  Người anh hùng không chỉ là sản phẩm của thời đại. Phẩm chất anh hùng của họ còn phải được xem như là sự tiếp nối một cội nguồn, một nếp nhà, một truyền thống, một di sản thiêng liêng mà thế hệ cha anh đã truyền lại cho con cháu. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Nắm cốt truyện, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị cho tiết học sau:Trả bài viết số 5.

Ngày soạn: 12/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 69. *Làm văn.* TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 5**

**RA ĐỀ BÀI LÀM VĂN SỐ 6**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Củng cố những kiến thức và kỹ năng làm văn có liên quan đến bài làm.

**2. Kĩ năng**

- Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về các mặt kiến thức và kỹ năng viết bài văn nói chung và bài nghị luận xã hội nói riêng.

**3. Tư duy, thái độ**

- Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong các bài làm văn sau.

**B. PHƯƠNG TIỆN**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Bài làm của HS.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

- HS chuẩn bị dàn ý bài viết (ở nhà).

- GV chấm chữa bài, chuẩn bị nhận xét chung và nhận xét cụ thể. Kết hợp thuyết trình, giảng giải và phát vấn của GV với ý kiến HS tự nhận xét, đánh giá kết quả bài làm.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Các em đã học cách làm văn nghị luận một ý kiến bàn về văn học và đã có một bài viết cụ thể về kiểu bài này. Hôm nay, chúng ta cùng nhìn nhận lại kết quả làm bài của mình để rút kinh nghiệm cho những bài viết tiếp theo.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Giáo viên cho HS nhắc lại đề bài.  **GV tổ chức cho HS ôn lại cách phân tích đề**  + GV: Khi phân tích một đề bài, cần phân tích những gì?  **Tổ chức xây dựng đáp án (dàn ý)**  GV tổ chức cho HS xây dựng dàn ý chi tiết cho đề bài viết số 5  (GV nêu câu hỏi để hướng dẫn HS hoàn chỉnh dàn ý (đáp án) làm cơ sở để HS đối chiếu với bài viết của mình).  **Tổ chức nhận xét, đánh giá bài viết**  - GV cho HS tự nhận xét và trao đổi bài để nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét những ưu, khuyết điểm.  **Tổ chức sửa chữa lỗi bài viết**  - GV hướng dẫn HS trao đổi để nhận thức lỗi và hướng sửa chữa, khắc phục.  - Tùy theo loại lỗi mà học sinh mắc phải ở mỗi lớp mà giáo viên sẽ chọn và yêu cầu học sinh sửa lỗi  **Ra đề bài làm văn số 6 ở nhà**  - GV có thể vận dụng theo đề bài trong SGK hoặc tự ra đề cho phù với đối tượng học sinh.  - GV ấn định thời gian sẽ thu bài. | Phân tích sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị trong *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài).  **I.Phân tích đề**  - Nội dung vấn đề.  - Thể loại nghị luận và những thao tác lập luận chính.  - Phạm vi tư liệu cần sử dụng cho bài viết.  **II. Dàn ý**  **Mở bài** :Giới thiệu tác giả, tác phẩm , hình ảnh Mị có sức sống tiềm tàng trong tâm hồn.  **Thân bài**  - Trước khi về làm dâu Mị là cô gái trẻ trung yêu đời  - Những ngày làm dâu, Mị vô cùng đau khổ, cô có sự phản kháng :  + Khóc  + Định tự tử  - Quen dần, nhẫn nhịn, cam chịu, sức sống bị huỷ hoại  + Bị tê liệt  + Sống lặng lẽ, âm thầm như cái bóng : cô không nói, không cười, mặt buồn rười rượi…, không thiết những gì xung quanh, giam mình trong căn buồng kín mít.  - Sức sống tiềm tàng của Mị không lụi tắt dù bị chà đạp. Tác động của ngoại cảnh, không khí mùa xuân, tiếng sáo, ngày tết…lay tỉnh tâm hồn cô  + Mị nhẩm theo lời bài hát  + Cô nhớ lại những kí ức, những khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc vẫn được gìn giữ trong đáy sâu tâm hồn  + Mị đau khổ , thậm chí muốn chết đi để khỏi đối diện nhưng cô chợt nhận ra , cô còn trẻ, cô muốn đi chơi và cô chuẩn bị đi chơi.  - Sức sống vừa trỗi dậy cũng là lúc bị dập tắt một cách tàn nhẫn bởi vòng dây trói của A Sử. Mị lại chìm sâu vào chai sạn  + Mị không gắn bó gì cuộc sống xung quanh, như cái bóng vật vờ bên bếp lửa  + Cô dửng dưng với chính mình  + Cô thản nhiên trước nỗi đau của người khác.  - Nhưng vẫn có một nguồn lửa sống âm thầm, leo lét cháy trong tim của Mị. Ngọn lửa ấy được thổi bùng lên nhờ dòng nước mắt trên má của A Phủ  + Mị nhớ lại nỗi đau của chính mình  + Mị thương cho người đàn ông bị trói và nhớ về người phụ nữ ngày trước bị trói đến chết  + Cô căm phẫn, cô nhận ra tội ác của chúng  + Cô nghĩ A Phủ sẽ chết thật phi lí  + Sức sống trỗi dậy cùng với sự thức tỉnh tâm hồn : cô giải thoát cho A Phủ và tự giải thoát mình  **Kết bài** : Kết thúc vấn đề, đánh giá về sức sống tiềm tàng là nguồn sống đã giúp Mị hồi sinh và giành lấy cuộc sống.  **III. Nhận xét, đánh giá bài viết**  Nội dung nhận xét, đánh giá:  - Đã nhận thức đúng vấn đề nghị luận chưa?  - Đã vận dụng đúng các thao tác lập luận chưa?  - Hệ thống luận điểm đủ hay thiếu? Sắp xếp hợp lí hay chưa hợp lí?  - Các luận cứ (lí lẽ, dẫn chứng) có chặt chẽ, tiêu biểu, phù hợp với vấn đề hay không?  - Những lỗi về kĩ năng, diễn đạt…  **IV. Sửa chữa lỗi bài viết**  - Các lỗi thường gặp:  + Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí.  + Sự kết hợp các thao tác nghị luận chưa hài hòa, chưa phù hợp với từng ý.  + Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém.  + Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp  - Cách sửa lỗi:  **V. VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 6- NGHỊ LUẬN VĂN HỌC** (Bài làm ở nhà)  ***Đề bài:*** Trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi có nêu lên quan niệm*: “Chuyện gia đình cũng dài như sông, mỗi thế hệ phải ghi vào một khúc. Rồi trăm con sông của gia đình lại cùng đổ về một biển, "mà biển thì rộng lắm […], rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta".*  Chứng minh rằng, trong thiên truyện của Nguyễn Thi, quả đã có một dòng sông truyền thống gia đình liên tục chảy từ những lớp người đi trước: tổ tiên, ông cha, cho đến đời chị em Chiến, Việt.  **Gợi ý:**  Bài viết cần có những ý cơ bản sau:  **1. Chuyện gia đình cũng dài như sông, mỗi thế hệ phải ghi vào một khúc.**  - Chỉ được coi là con của gia đình những ai đã ghi được, làm được "khúc" của mình trong dòng sông truyền thống. Con không chỉ là sự tiếp nối huyết thống mà phải là sự tiếp nối truyền thống.  - Không thể hiểu khúc sau của một dòng sông nếu không hiểu ngọn nguồn đã sinh ra nó. Cũng như vậy, ta chỉ có thể hiểu những đứa con (Chiến, Việt) khi hiểu truyền thống gia đình đã sinh ra những đứa con ấy.  - Chứng minh:  + Truyền thống ấy chảy từ các thế hệ ông bà, cha mẹ, cô chú đến những đứa con.  **2. Rồi trăm con sông của gia đình lại cùng đổ về một biển, "mà biển thì rộng lắm […], rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta".**  Điều đó có nghĩa là:  - Từ một dòng sông gia đình nhà văn muốn ta nghĩ đến biển cả, đến đại dương của nhân dân và nhân loại.  - Chuyện gia đình cũng là chuyện của cả dân tộc đang hào hùng chiến đấu bằng sức mạnh sinh ra từ những đau thương. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

GV tổng kết và nêu một số điểm cơ bản cần rút kinh nghiệm.

**5. Dặn dò**

**-** Làm bài văn về nhà.

- Chuẩn bị bài *Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu).*

Ngày soạn: 13/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 70-71. Đọc văn. CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA**

***Nguyễn Minh Châu***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được suy nghĩ của người nghệ sĩ nhiếp ảnh khi phát hiện ra sự thật : đằng sau bức ảnh rất đẹp về chiếc thuyền trong sương sớm mà anh tình cờ chụp được là số phận đau đớn của người phụ nữ và bao ngang trái trong một gia đình làng chài.

- Thấy được nghệ thuật kết cấu độc đáo, cách triển khai cốt truyện, khắc họa nhân vật của cây bút viết truyện ngắn có bản lĩnh và tài hoa.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Thấu hiểu : mỗi người trong cõi đời, nhất là người nghệ sĩ, không thể đơn giản, sơ lược khi nhìn nhận cuộc sống và con người.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Tóm tắt truyện, điểm các nhân vật chính, chia đoạn.

- Chú ý hoạt động của HS.

- Nêu vấn đề.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 70 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Phân tích hình ảnh của nhân vật Chiến?

- Phân tích hình ảnh của nhân vật Việt?

- Hai chị em Việt và chiến có những nét gì giống nhau và khác nhau trong tính cách?

**-** Phát biểu cảm nhận về hình ảnh chị em, Việt và Chiến khiêng bàn thờ ba má sang gởi chú Năm .

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Nguyễn Minh Châu (NMC) “thuộc trong số những nhà văn mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học ta hiện nay” (Nguyên Ngọc).

Sự tinh anh, tài năng ấy thể hiện ở quá trình đổi mới tư duy nghệ thuật. Văn học cách mạng trước 1975 thước đo giá trị chủ yếu của nhân cách là sự cống hiến, hy sinh cho cách mạng. Sau 1975 văn chương trở về với đời thường và NMC là một trong những nhà văn đầu tiên của thời kỳ đổi mới đã đi sâu khám phá sự thật đời sống ở bình diện đạo đức, thế sự. Khi làm cho người đọc, ý thức về sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, phát hiện nhiều mối quan hệ phức tạp thì văn chương đã ít nhiều đáp ứng nhu cầu nhìn nhận và hoàn thiện nhiều mặt của nhân cách con người. Truyện *Chiếc thuyền ngoài xa*  của NMC giúp chúng ta hiểu rõ hơn hướng phát hiện đời sống và con người mới mẻ này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 70** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  ? Em hãy nêu vài nét chính về tác giả?  Trước 1975, sáng tác của Nguyễn Minh Châu mang cảm hứng sử thi lãng mạn.  ?Giới thiệu vài nét về tác phẩm?  - Hoàn cảnh ra đời?  - Xuất xứ?  - Đặc sắc nội dung và nghệ thuật?  ?Hãy chia bố cục tác phẩm?  ?Lúc bình minh trên biển người nghệ sĩ có những phát hiện nào?  ?Em hãy tìm một cụm từ mà Nguyễn Minh Châu sử dụng trong đoạn đầu tác phẩm để gọi tên cho phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh?  Đọc diễn cảm đoạn văn miêu tả "cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh".  ?Cảnh thuyền đánh cá thu lưới vào lúc bình minh hiện lên như thế nào dưới ngòi bút của Nguyễn Minh Châu?  ?Cảm xúc của người nghệ sĩ Phùng trước vẻ đẹp ấy?  ?Khi chiếc thuyền chài vào bờ, người nghệ sĩ nhiếp ảnh phát hiện điều gì?  => người nghệ sĩ kinh ngạc, bất bình, “không thể chịu được, không thể chịu được” (anh vứt máy ảnh xuống đất chạy nhào tới).  Phát hiện của người nghệ sĩ như "một thứ nước rửa ảnh sẽ làm nổi hình, nổi sắc nhân vật, làm nổi bật vấn đề tư tưởng của tác giả" (Nguyễn Đăng Mạnh).  **Hết tiết 70, chuyển sang tiết 71**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 71 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   ?Nếu em là người đàn bà, em sẽ xử sự như thế nào?  ?Em hãy tóm tắt nội dung câu chuyện mà người đàn bà đã tự bạch.  ?Qua câu chuyện về cuộc đời, người đàn bà em có suy nghĩ, cảm nhận, đánh giá gì ?  ?Thái độ của người đàn bà trước hiện thực cuộc đời?    ?Ý đồ của nhà văn khi xây dựng nhân vật người đàn bà này ?  ? Suy nghĩ về người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng ?  (Phùng trước và sau khi gặp người đàn bà)  ?Suy nghĩ về nhân vật chánh án Đẩu ?  Liên hệ bản thân: mỗi chúng ta đều mắc bệnh Phùng, Đẩu…  ? Cách xây dựng cốt truyện của NMC trong tác phẩm nào có gì độc đáo ?  ? Nêu tóm tắt lại tình huống.  ? Ý nghĩa của tình huống.  ? Nhận xét về ngôn ngữ, nghệ thuật của tác phẩm.  ? Ngôn ngữ người kể chuyện?  ?Ngôn ngữ nhân vật: Giọng người đàn ông: thô bỉ, tàn nhẫn, tục tằn; người đàn bà: dịu dàng, xót xa, thấu trãi lẽ đời; Đẩu: nhiệt tình, tốt bụng...  ?Tư tưởng chủ đề của tác phẩm là gì ?  ?Đánh giá tổng quát về giá trị tác phẩm ? (GV gợi ý)  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  So với những truyện viết trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ (Vợ chồng A Phủ, Rừng xà nu, Những đứa con trong gia đình,…), Chiếc thuyền ngoài xa đã cho thấy những đổi mới nào của văn học Việt Nam sau 1975 (về đề tài, bút pháp, cái nhìn nghệ thuật về con người…) ? | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: Nguyễn Minh Châu (1930-1989)**  - Một trong những nhà văn đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học nước nhà. Là nhà văn “mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học ta hiện nay” (Nguyên Ngọc).  - Sau 1975 văn chương Nguyễn Minh Châu đi vào cuộc sống đời thường, mang đậm chất tự sự- triết lí.  - Tác phẩm tiêu biểu: (SGK).  **2. Tác phẩm: *Chiếc thuyền ngoài xa***  - Sáng tác : 8/1983, in trong tập truyện ngắn cùng tên.  - Tác phẩm mang đậm phong cách tự sự triết luận dung dị đời thường.  - Bố cục:  + Cảnh bình minh trên biển.  + Câu chuyện ở toà án huyện.  **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Cảnh bình minh trên biển**  **a. Phát hiện 1: "cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh"**  - Vẻ đẹp trời cho mà cả đời bấm máy người nghệ sĩ chỉ có diễm phúc bắt gặp một lần: Mũi thuyền in... trên chiếc mui khum khum...  + Một bức tranh mực tàu thời cổ.  + Toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hoà.  + Một vẻ đẹp toàn bích.  => Những từ ngữ ấn tượng ca ngợi bức tranh thiên nhiên hoàn mĩ với vẻ đẹp cổ điển mà lãng mạn của bức tranh biển lúc bình minh.  - Cảm xúc của người nghệ sĩ: ngây ngất, bay bổng, tràn ngập hạnh phúc đến mức anh "tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lí của sự hoàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn".  **b. Phát hiện 2**  Chiếc thuyền Hai vợ chồng thuyền chài.  đẹp như mơ - Chồng: hành động vũ phu để giải toả.  - Vợ: cam chịu, nhẫn nhục.  - Thằng bé: như một viên đạn trên đường  lao tới đích nhảy xổ vào gã đàn ông.  Tâm hồn thăng hoa Tâm hồn choáng váng.  => Một bi kịch ngang trái mà người nghệ sĩ phải chứng kiến đúng lúc cảm xúc nghệ thuật đang thăng hoa.  \* Người nghệ sĩ nhận ra rằng: đằng sau cái đẹp không phải bao giờ cũng là chân lí của sự hoàn thiện, là đạo đức. Cuộc đời vốn chứa đựng nhiều điều phức tạp, đầy mâu thuẫn.  **2. Câu chuyện ở tòa án huyện**  **a. Câu chuyện về người đàn bà làng chài**  - Gọi là “người đàn bà” một cách phiếm định =>người đàn bà vô danh như bao người đàn bà vùng biển khác.  - Cuộc đời bất hạnh, chứa đầy mâu thuẫn, bi kịch: nghèo khổ, con đông, bị chồng hành hạ, đánh đập.  - Thấu hiểu chồng.  - Cam chịu, nhất quyết gắn bó với người đàn ông vũ phu ấy vì:  + Trong cuộc mưu sinh đầy cam go để kiếm sống ngoài biển khơi cần có một người đàn ông khoẻ mạnh và biết nghề.  + Những đứa con của bà cần được sống và lớn lên: "Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình"  => Trong đau khổ triền miên, người đàn bà ấy vẫn chắt lọc được những niềm vui hạnh phúc nhỏ nhoi. Ẩn trong đó hạt ngọc ẩn sâu bên trong tâm hồn con người lao động lam lũ, vất vả. Qua đó, thấp thoáng hình ảnh người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung, vị tha, đầy cảm thông.  **Ý nghĩa**: mỗi người trong cuộc đời, nhất là người nghệ sĩ không thể nhìn cuộc sống và con người một cách đơn giản.  **b. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng**  - Vốn là nghệ sĩ, chiến sĩ, nhạy cảm với cái đẹp và ghét áp bức bất công.  - Chưa hiểu hết những phức tạp của cuộc đời, của con người: “không thể nào hiểu được, không thể nào hiểu được”, vỡ lẽ nhiều điều, hiểu hơn về con người, cuộc đời.  => Phùng là một nghệ sĩ chân chính, có trái tim nhân hậu: không chỉ say mê nghệ thuật mà còn luôn trăn trở, suy nghĩ về lẽ sống; biết thông cảm, sẻ chia và bênh vực cho những mảnh đời bất hạnh.  **Ý nghĩa**: Thời đại mới đòi hỏi người nghệ sĩ cần có cái nhìn mới đa chiều về cuộc sống, con người.  **c. Chánh án Đẩu**  - Tin giải pháp anh lựa chọn cho người đàn bà là đúng nhất.  - Thay đổi cái nhìn, hiểu hơn về con người, cuộc đời “Phải, phải, bây giờ tôi đã hiểu”.  => Vị Bao Công vùng biển nhưng thiếu cái nhìn thực tế.  **3. Nghệ thuật**  \* Cách xây dựng cốt truyện giản dị mà độc đáo:  - Tình huống mang ý nghĩa khám phá, phát hiện.  - Những tình huống dồn dập diễn ra trong một khoảnh khắc, mạch truyện phát triển, mỗi nhân vật bộc lộ hết tính cách.  \* Nghệ thuật trần thuật: Ngôn ngữ người kể chuyện: Phùng hóa thân của tác giả tạo ra điểm nhìn trần thuật sắc sảo, khách quan, giàu sức thuyết phục.  \* Ngôn ngữ nhân vật: phù hợp với đặc điểm tính cách từng người.  **4. Chủ đề tư tưởng**: Cần có cái nhìn đa chiều, đa diện về con người, cuộc sống. Đặc biệt người nghệ sĩ cần đổi mới tư duy nghệ thuật để phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới của đất nước.  **III. Tổng kết**  - Vẻ đẹp ngòi bút NMC là vẻ đẹp toát ra từ tình yêu con người (Khát vọng tìm kiếm, phát hiện vẻ đẹp con người còn tiềm ẩn, khắc khoải lo âu trước cái ác, cái xấu.)  - Vẻ đẹp của cốt cách nghệ sĩ đôn hậu, điềm đạm, chiêm nghiệm lẽ đời để rút ra triết lý nhân sinh sâu sắc.  - Tác phẩm đặt ra những vấn đề mang tính thời sự nhưng có giá trị mọi thời, mọi người.  HS so sánh, đánh giá khái quát :  “Chiếc thuyền ngoài xa” đã cho thấy những đổi mới cơ bản của văn học Việt Nam sau 1975 : văn học trở về với những vấn đề của đời sống nhân sinh, quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề đạo đức- thế sự (câu chuyện của người đàn bà hàng chài); hướng nội nhiều hơn, đi sâu vào thế giới nội tâm phức tạp và đầy mâu thuẫn của con người trong cuộc sống thường nhật (những mâu thuẫn và phức tạp trong tâm hồn người đàn bà vùng biển).  Khác với giai đoạn trước – chủ yếu khắc họa con người trong mối quan hệ với cộng đồng , dân tộc – văn học giai đoạn này khai thác số phận cá nhân và thân phận con người đời thường (số phận người lao động nghèo vùng biển). |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Nắm vững nội dung phần đọc - hiểu.

- Tìm hiểu những nhân vật còn lại của tác phẩm.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: *Thực hành về hàm ý.*

Ngày soạn : 13/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 72. Tiếng Việt. THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Củng cố nâng cao kiến thức cơ bản về hàm ý, cách tạo hàm ý, tác dụng của hàm ý trong giao tiếp ngôn ngữ.

**2. Kĩ năng**

- Có kỹ năng lĩnh hội được hàm ý, kỹ năng nói và viết câu có hàm ý trong những ngữ cảnh cần thiết.

**3. Tư duy, thái độ**

- Biết dùng câu có hàm ý khi cần thiết.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- GV gợi dẫn theo câu hỏi SGK để HS luyện tập thực hành.

- HS làm bài tập theo cá nhân, nhóm hay tổ, sau đó GV thống nhất lời giải. Khi phân tích nên đối chiếu, so sánh với cách nói thông thường, có nghĩa tường minh, để dễ nhận ra hàm ý.

**D. Tiến trình tổ chức:**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Giải thích ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.

- Nhân vật nào để lại ấn tượng trong em nhiều nhất sau khi học “Chiếc thuyền ngoài xa”?

- Nếu chứng kiến những nạn bạo hành trong gia đình (xung quanh ta hoặc ngay chính người thân chúng ta), em sẽ làm thế nào?

- Trình bày nét độc đáo trong xây dựng cốt truyện của nhà văn Nguyễn Minh Châu.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Trong giao tiếp, không phải lúc nào người ta cũng sử dụng nghĩa tường minh. Nhiều lúc vì lý do nào người ta chọn cách nói có hàm ý. Vì thế việc nâng cao kiến thức về hàm ý và cách tạo lập và lĩnh hội hàm ý là việc làm cần thiết.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV gợi ý cho hs nhớ lại khái niệm  - Hàm ý là gì?  -Cho Hs đọc bài tập trong Sgk  - Phân chia thảo luận nhóm lên bảng trình bày nội dung  *- Nhóm 1:* Đọc bài tập 1 trong Sgk  *- Nhóm 2:* Đọc bài tập 2 trong Sgk  *- Nhóm 3:* Đọc bài tập 3 trong Sgk  *- Nhóm 4:* Đọc bài tập 4 trong Sgk  -GV hướng dẫn hs tổng kết cách thức tạo câu có hàm ý.  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  Tạo lập 5 câu có hàm ý. | **Bài tập 1**  - Lời đáp A Phủ thiếu thông tin về số lượng bò bị mất.  - Lời đáp đó thừa thông tin về công việc dự định và niềm tin của A Phủ về việc bắt hổ.  - Cách nói của A Phủ khôn khéo nhằm chuộc tội và làm giảm cơn giận của Bá Tra.Câu trả lời nhiều hàm ý  **=>Khái niệm:** *Hàm ý là những nội dung ý nghĩ không nói ra trực tiếp nhưng vẫn có ý định truyền tải đến người nghe. Còn người nghe phải dựa vào nghĩa tường minh và tình huống giao tiếp để hiểu đúng, hiểu hết ý người nói.*  **Bài tập 2**  a. Câu nói của Bá Kiến ***“ Tôi không phải là cái kho”*** Có hàm ý : từ chối cho tiền  - Cách nói như thế vi phạm phương châm cách thức nói rõ ràng rành mạch  b.Ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của Bá Kiến có những câu dạng câu hỏi, nhưng những câu đó thực hiện hành động nói hướng tới đối tượng hay là một hành động chào của kẻ trên. Kiểu giao tiếp như vậy cũng là hàm ý  - Lượt lời thứ nhất *hàm ý* là không muốn cho vì không có nhiều tiền ( *cái kho*- biểu tượng của của cải, tiền bạc)  - Lượt lời thứ hai ý nói Chí Phèo là đồ ăn bám  c. Ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của Chí Phèo thì Chí không nói hết ý, chỉ bác bỏ hàm ý trong lời Bá Kiến, điều đó là hàm ý và được thể hiện rõ ở lượt lời cuối cùng “ *Tao muốn làm người lương thiện”*  **Bài tập 3**  a. Lượt lời thứ nhất bà đồ nói có hình thức hỏi nhưng nhằm gợi ý một cách lựa chọn cho ông đồ  Qua lượt lời thứ hai của bà đồ chứng tỏ bà cho rằng ông viết văn kém  b. Bà đồ chọn cách nói hàm ý vì lý do tế, nhị lịch sự với chồng  **Bài tập 4**  Chọn câu D là câu trả lời đúng.  **=> Cách thức tạo câu có hàm ý:**  Để có một câu hàm ý người ta thường dùng cách nói vi phạm 1(hoặc một số) phương châm hội thoại nào đó: sử dụng các hành động nói gián tiếp, chủ ý vi phạm phương châm về lượng, nói thừa hoặc thiếu thông tin mà đề tài yêu cầu, hay vi phạm phương châm quan hệ, đi chệch đề tài giao tiếp, vi phạm phương châm cách thức nói mập mờ vòng vo.  HS tạo lập 5 câu, chỉ ra hàm ý trong từng câu. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Tác dụng cách nói hàm ý : Tạo ra hiệu quả mạnh mẽ hơn cách nói thông thường, giữ được tính lịch sự và thể diện tốt đẹp của người nói hoặc người nghe, làm cho lời nói ý vị, hàm súc…

- Để tạo ra cách nói có hàm ý tùy thuộc vào ngữ cảnh mà người nói sử dụng một cách thức hay phối hợp nhiều cách thức với nhau.

**5. Dặn dò**

- Tìm 2 dẫn chứng trong văn học có sử dụng hàm ý.

- Tự đặt một đoạn hội thoại có sử dụng hàm ý

- Chuẩn bị bài mới: Đọc thêm : *Mùa lá rụng trong vườn* (Ma Văn Kháng).

Ngày soạn : 14/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 73. Đọc thêm. MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN**

***Ma Văn Kháng***

**A.Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Ma Văn Kháng,một trong số những cây bút có sức sáng tạo dồi dào trong đời sống văn học hiện nay.

- Những nét lớn về nội dung của trích đoạn.( Vẻ đẹp giản dị ,hồn hậu của người phụ nữ Việt Nam, sức mạnh của những giá trị văn hoá truyền thống)và một nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, sinh động.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Trân trọng những giá trị của văn hóa truyền thống.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp:** Phát vấn, thảo luận, trả lời câu hỏi trong SGK.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**-** Khái niệm hàm ý? Tác dụng của hàm ý? Nêu ví dụ.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Sau 1975, đất nước ta bước vào một thời kỳ mới, xây dựng và phát triển.Hoàn cảnh xã hội và con người cũng có những thay đổi lớn Đặc biệt, vào những năm 80, khi đất nước ta chuyển mình từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, những thay đổi trong tư tưởng và tâm lý con người Việt Nam càng thể hiện rõ nét. Tác phẩm “Mùa lá rụng trong vườn”của nhà văn Ma Văn Kháng là một trong số những tác phẩm phản ánh sâu sắc hiện thực này.Tìm hiểu tác phẩm, chúng ta sẽ rút ra cho mình những bài học có giá trị trong cuộc sống hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** HS tự đọc SGK và rút ra những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà văn Ma Văn Kháng?  -Nhấn mạnh vị trí của nhà văn trong văn học hiện đại.  **?** Nội dung cơ bản của tác phẩm?  **?** Vị trí đoạn trích?  - GV có thể tóm lược những sự kiện chính ngay trước và sau đoạn trích.  **?**Hình ảnh chị Hoài qua những miêu tả trực tiếp và gián tiếp đã gợi cho em ấn tượng gì? Vì sao mọi người trong gia đình lại rất yêu quý chị Hoài?      **?**Em có cảm nhận gì về tâm lý của mọi người, đặc biệt là chị Hoài và ông Bằng trong cảnh gặp gỡ? Theo em cuộc gặp gỡ này ý nghĩa thế nào đối với ông Bằng giữa lúc gia đình đang có nhiều biến động?  (Cần gợi ý thêm về nhân vật Cừ, lá thư của ông Bằng kể về Cừ)  **?** Em có cảm nhận gì về khung cảnh gia đình trong lễ cúng tất niên? Hình ảnh ông Bằng hiện lên như thế nào?  **?** Qua việc tạo dựng không khí này, theo em nhà văn muốn gửi gắm điều gì đến người đọc?  - GV định hướng chủ đề của đoạn văn trên cơ sở phát hiện của HS về điều mà tác giả muốn nhắn gửi qua việc miêu tả không khí đầm ấm của gia đình ông Bằng.  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  Suy nghĩ về truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam qua lễ cúng tất niên ở gia đình ông Bằng. | **I. Tiểu dẫn**  **1. Tác giả Ma Văn Kháng**  - Thuộc thế hệ những người cầm bút giàu nhiệt huyết với lí tưởng hào hùng của thời đại. Ông là một trong những nhà văn đi tiên phong, đóng vai trò quan trọng vào quá trình vận động và đổi mới của văn xuôi Việt Nam sau 1975.  - Tác phẩm của ông bộc lộ sự nhạy cảm của nhà văn trước bao vấn đề mới mẻ, gợi nhiều suy ngẫm về xã hội và con người trên đất nước ta sau chiến tranh.  - Sức sáng tạo dồi dào, vốn sống phong phú, đa dạng; tạo nhiều hình tượng độc đáo, giàu cá tính.  **2. Tác phẩm**  - Tác phẩm thể hiện sự tinh nhạy của nhà văn về những biến động, thay đổi trong tư tưởng và tâm lí con người Việt Nam chuyển từ kinh tế bao cấp sang cơ chế thị trường.  - Văn bản thuộc chương II của tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn*: Ông Bằng và mọi người đang rất buồn vì Cừ bỏ xí nghiệp và có tin là đã vượt biên. Ông viết thư cho chị Hoài và chị đã lên thăm gia đình vào buổi chiều tất niên.  **II. Đọc và bình chú đoạn trích**  **1. Hình ảnh chị Hoài**  - Qua miêu tả trực tiếp (diện mạo, ngôn ngữ) và gián tiếp (trong hồi ức của mọi người), nhà văn đã tạo ra ở người đọc một ấn tượng đầy thiện cảm về một vẻ đẹp giản dị, hồn hậu.  - Với tâm hồn nhân hậu và lối sống nghĩa tình, thuỷ chung, chị đã chinh phục trái tim những người trong gia đình chồng cũ.  - Chị là một hình ảnh đẹp của người phụ nữ Việt Nam bất chấp những biến động xã hội.  **2. Cuộc gặp gỡ cảm động và lễ đón tất niên ấm cúng**  *\* Cuộc gặp gỡ*:  - Cảnh gặp gỡ vừa vui mừmg vừa xót thương.Nó xoa dịu niềm cô đơn và tiếp thêm niềm tin cho ông Bằng trong cảnh ngộ gia đình hiện tại.  *\* Lễ cúng tất niên*:  - Không khí trang nghiêm, lời khấn thành kính, bữa cơm tất niên tươm tất được chuẩn bị chu đáo, sự vui vẻ, hân hoan của mọi người làm nên cái ấm áp của tình cảm gia đình.  - Ông Bằng hiện lên như là sự đại diện cho nề nếp, kỷ cương trong gia đình  => Tất cả như toát lên một sức sống vững bền của tình cảm gia đình, tình cảm cộng đồng.  **3. Chủ đề:** Đoạn văn là sự khẳng định mạnh mẽ sức mạnh của những giá trị tinh thần mà tình cảm gia đình, cộng đồng đã tạo dựng trong mỗi con người.  HS trao đổi tự do, liên hệ đến phong tục này trong gia đình mình. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Nhân vật chị Hoài để lại cho em những suy nghĩ gì?

- Tâm trạng của ông Bằng và chị Hoài như thế nào trong cảnh gặp lại?

**5. Dặn dò**

- Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm.

- Chuẩn bị bài mới: Đọc thêm: “MỘT NGƯỜI HÀ NỘI” - Nguyễn Khải.

Ngày soạn : 15/1/2017

Ngày dạy:

# Tiết 74. Đọc thêm. MỘT NGƯỜI HÀ NỘI

***Nguyễn Khải***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được vẻ đẹp và chiều sâu văn hoá của người Hà Nội qua hình tượng nhân vật bà Hiền.

- Nắm được một số nét cơ bản trong nghệ thuật văn xuôi của Nguyễn Khải: cách kể chuyện, giọng văn, chất triết lý...

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Trân trọng vẻ đẹp thanh lịch của người Hà Nội.

**B. Phương tiện**

GV: SGK, SGV, Thiết kế bài giảng.

HS : SGK, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

**-** Đọc diễn cảm, phát vấn, thảo luận.

**-** Các hình thức trực quan như xem phim, ảnh tư liệu về Hà Nội

**D. Tiến trình dạy học**

1. **Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

1. **Kiểm tra bài cũ**

- Nhân vật chị Hoài để lại cho em những suy nghĩ gì?

- Tâm trạng của ông Bằng và chị Hoài như thế nào trong cảnh gặp lại?

1. **Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Nguyễn Khải là một trong những nhà văn Việt Nam hiện đại tiêu biểu nhất. Sau hơn nửa thế kỉ lao động sáng tạo, ông đã để lại những tác phẩm văn xuôi phong phú về thể loại , vừa mang tính thời sự nóng hổi, vừa có tầm khái quát cao thể hiện những vấn đề thiết thực của cuộc sống, nhiều vấn đề mang tính triết lí, đạo đức, nhân sinh sâu sắc, có ý nghĩa thời sự và tương lai.

Nguyễn Khải đã có những khám phá sâu sắc về bản chất của nhân vật trên dòng lưu chuyển của hiện thực lịch sử, tôn thêm vẻ đẹp thanh lịch quyến rũ của “người Tràng An” qua tác phẩm *Một người Hà Nội.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Nêu những nét chính về Nguyễn Khải?  **?** Hãy kể tên những tác phẩm tiêu biểu của ông.  **?** Tại sao Nguyễn Khải đặt tên cho tác phẩm là “Một người Hà Nội”?  **?** Nhân vật trung tâm của tác phẩm là ai?  **?** Nhân vật này được thể hiện qua cái nhìn của ai?  **-** Nhân vật cô Hiền được thể hiện qua sự khám phá của nhân vật “tôi”.  - Giới thiệu vài nét về cô Hiền.  **?** Nếp sống của cô Hiền thể hiện ở những mặt nào? Tìm chi tiết và nhận xét?  - Cách ăn ở, quản lý gia đình...  - Chọn bạn trăm năm là một ông giáo tiểu học hiền lành, chăm chỉ...  - Nghĩ đến việc nuôi dạy con chu đáo khác cách nghĩ của người cùng thời  **?** Cách dạy con của cô Hiền có gì đáng lưu ý?  *“chúng mày là người Hà Nội…”*  **?** Trước những biến động của thời cuộc, nếp sống cô Hiền có thay đổi không? → Vậy cô Hiền là người như thế nào?  **?**Vì sao bà Hiền vẫn ở lại Hà Nội khi nhiều người đã tản cư?  - chỉ vì bà không thể rời xa Hà Nội.  **?**Từ đó cho thấy điều gì về nhân vật cô Hiền?  (GV diễn giảng về không khí ở Hà Nội sau hòa bình lập lại)  (GV giảng giải về hoàn cảnh đất nước những năm trước 1955, thời chống Pháp)  **?** Thái độ của cô Hiền trước niềm vui chiến thắng và cách cư xử của người chung quanh? Qua đó cho thấy cô Hiền là người như thế nào?  (GV diễn giảng về thời cuộc)  - không hài lòng trước ngôn ngữ ồn ào, xô bồ; nhận xét “*vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều*…”  **?**Trong hoàn cảnh cả nước ra trận, thái độ của cô Hiền như thế nào khi các con tình nguyện ra chiến trường? Điều đó thể hiện qua những câu nói nào?  bằng lòng cho con ra trận, “*Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hy sinh của bạn bè*...”  **?**Ta phát hiện ra điều gì trong nhân cách cô Hiền?  **?** Qua những gì vừa tìm hiểu, hãy cho biết vì sao tác giả gọi cô Hiền là “một người Hà Nội”?  **?** Theo em người Hà Nội phải có phong thái và cốt cách như thế nào? Người Hà Nội phải có phong thái, cốt cách: từ lối sống, cách nghĩ, cách nhìn nhận, cách ứng xử đều phải có chuẩn, cái quan trọng là phải luôn giữ gìn văn hóa đất kinh kì.    - Em có nhận xét gì về nhân vật người kể chuyện trong tác phẩm?  - Tác phẩm đã có những thành công nào về mặt nghệ thuật?  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **1**. Hình ảnh cây si ở cuối truyện gợi cho em suy nghĩ gì?  **2**. Vì sao tác giả gọi cô Hiền là “hạt bụi vàng của Hà Nội”?  HS chia làm 4 nhóm, 2 nhóm thảo luận 1 câu. | **I. Tìm hiểu chung**  **1**. **Tác giả:** Nguyễn Khải (1930-2008)  - Nhà văn được rèn luyện, trưởng thành trong quân ngũ.  - Một trong những cây bút hàng đầu của văn xuôi VN từ sau cách mạng tháng 8/1945.  - Nhà văn luôn xông xáo, bám sát thời sự, khả năng phát hiện vấn đề, phân tích tâm lý sâu sắc.  - Tác phẩm tiêu biểu (SGK)  **2.** **Tác phẩm:“***Một người Hà Nội***”**  ***a. Hoàn cảnh ra đời*:**1960, gắn với công cuộc đổi mới của đất nước, đổi mới của văn học.  ***b. Xuất xứ:***  - Rút từ tập truyện “Hà Nội trong mắt tôi” (NXB Hà Nội 1995).  ***c. Nhan đề:*** thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm.  - Là sự trình bày cảm nhận, cách nhìn, quan niệm về người Hà Nội của nhà văn.  - Định hướng tư tưởng của tác phẩm.  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1**. **Hình tượng nhân vật cô Hiền**    ***a. Lai lịch:*** gốc Hà Nội, có nhan sắc, thông minh, gia đình nề nếp, yêu văn chương.  ***b. Nếp sống:***  - Hôn nhân: Nghiêm túc, thực tế  - Sinh con: Có ý thức trách nhiệm.  - Quản lý gia đình: Chủ động, tự tin trong vai trò của người mẹ, người vợ.  - Dạy con: Chú ý đến “văn hóa của người Hà Nội”  - Cách sinh hoạt: không thay đổi trước biến động của thời cuộc.  \* Cô Hiền là người bản lĩnh, thức thời, khôn ngoan và sắc sảo.  c. Cách ứng xử trước thời cuộc:  - Trước 1955: Ở lại Hà Nội.  ⭢ Có tình yêu Hà Nội, gắn bó với Hà Nội.  - Sau năm 1955: Nhận ra niềm vui hơi quá mức và có phần thỏa mãn của con người sau chiến thắng.  ⭢ Trầm tĩnh, từng trải và tỉnh táo  - Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ: tôn trọng danh dự của con, bằng lòng cho con ra trận.  ⭢ Là người giàu lòng tự trọng, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.  \* Cô Hiền là người luôn có ý thức giữ gìn nền nếp gia phong, truyền thống của đất kinh kì, là một nhân cách sống biết tự trọng.  **2**. **Nhân vật người kể chuyện**  - Yêu Hà Nội, hiểu Hà Nội, say mê nét đẹp văn hóa của người Hà Nội.  - Có cái nhìn lịch lãm, sâu sắc.  - Cách kể chuyện vừa thân tình vừa hóm hỉnh nhưng vẫn khẳng định được giá trị của kinh nghiệm cá nhân.  - Giọng kể: Chiêm nghiệm- triết lý.  - Ngôn ngữ: vừa giản dị vừa giàu ngụ ý và triết lý.  **3**. **Nghệ thuật**  - Nghệ thuật trần thuật:  + Đặt một sự việc, một hiện tượng trước nhiều cách đánh giá.  + Kể bằng đối thoại, bằng phân tích, bình luận.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Khắc họa tính cách nhân vật qua lời kể và đối thoại.  - Chi tiết nghệ thuật đặc sắc: Hình ảnh cây si cổ thụ, hạt bụi vàng...  **III. Luyện tập**  1. Cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn là biểu hiện của văn hóa Hà thành và cũng là biểu tượng của truyện ( cây si nghiêng đổ ⭢ cây si sống lại...)  2. “Hạt bụi vàng...” là hình ảnh đặt sắc thể hiện sự khái quát nghệ thuật cao... Nói lên phẩm chất đáng quý của nhân vật. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

+ Nhân vật cô Hiền được thể hiện với những nét tính cách gì?

+ Vì sao tác giả lại ví cô Hiền như *“hạt bụi vàng”* của Hà Nội?

+ Nhận xét về giọng kể của tác giả?

**5. Dặn dò**

- Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm.

- Chuẩn bị bài mới: Thực hành về hàm ý (tiếp).

Ngày soạn: 16/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 75. Tiếng Việt .THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý**

(Tiếp theo)

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Qua luyện tập thực hành, HS củng cố và nâng cao những kiến thức cơ bản về hàm ý, cách tạo hàm ý, tác dụng của hàm ý trong giao tiếp ngôn ngữ.

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng lĩnh hội được hàm ý, kĩ năng nói và viết theo cách có hàm ý trong những ngữ cảnh cần thiết.

**3. Tư duy, thái độ**

- Biết dùng câu có hàm ý khi cần thiết.

**B. PHƯƠNG TIỆN**

GV: SGK, SGV, giáo án.

HS: SGK, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

- HS nghiên cứu trước những bài tập thực hành.

- GV chuẩn bị các ngữ liệu để trình chiếu trên máy cho HS quan sát (nếu có) hoặc bảng phụ.

**-** Bài dạy vận dụng kết hợp các phương pháp: Diễn giảng, phát vấn, nêu vấn đề.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Thế nào là *hàm ý?*

- Có những cách nói nào để tạo ra câu nói có hàm ý?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Tác dụng cách nói hàm ý : Tạo ra hiệu quả mạnh mẽ hơn cách nói thông thường, giữ được tính lịch sự và thể diện tốt đẹp của người nói hoặc người nghe, làm cho lời nói ý vị, hàm súc… Để tạo ra cách nói có hàm ý tùy thuộc vào ngữ cảnh mà người nói sử dụng một cách thức hay phối hợp nhiều cách thức với nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **Tìm hiểu *Bài tập 1:***  **+ GV:** Yêu cầu HS đọc đoạn trích và phân tích theo các câu hỏi (SGK)  **+ GV:** Lời bác Phô gái thực hiện hành động van xin, cầu khẩn và ông lí đáp lại bằng hành động nói như thế nào?  *+ HS làm việc cá nhân, phát biểu ý kiến.* | **I. THỰC HÀNH**  ***1. Bài tập 1***  a) Trong lượt lời mở đầu cuộc thoại, bác Phô gái van xin *“Thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng nữa”.*  Lời đáp của ông lí mang sắc thái mỉa mai, giễu cợt (*ồ, việc quan không phải thứ chuyện đàn bà của các chị*).  🡪 Nếu là cách đáp tường minh phù hợp thì phải là lời chấp nhận sự van xin hoặc từ chối, phủ định sự van xin. |
| **+ GV:** Lời đáp của ông Lí có hàm ý gì?  *HS thảo luận, phát biểu* | b) Lời của ông Lí không đáp ứng trực tiếp hành động van xin của bác Phô mà từ chối một cách gián tiếp.  Đồng thời mang sắc thái biểu cảm: bộc lộ quyền uy, thể hiện sự từ chối lời van xin, biểu lộ thái độ mỉa mai, giễu cợt cách suy nghĩ kiểu đàn bà.  🡪 Tính hàm súc của câu có hàm ý |
| **Tìm hiểu *Bài tập 2:***  **+ GV:** Câu hỏi đầu tiên của Từ là hỏi về thời gian hay còn có hàm ý gì khác?  *+ HS thảo luận nhóm, đại diện phát biểu.*  **+ GV:** Câu nhắc khéo ở lượt lời thứ hai của Từ thực chất có hàm ý nói với Hộ điều gì?  *+ HS thảo luận nhóm, đại diện phát biểu.*  **+ GV:** Cách nói của Từ có tác dụng gì? | ***2. Bài tập 2***  a) Câu hỏi đầu tiên của Từ:  *“Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba đây rồi mình nhỉ?”.*  🡪 Không phải chỉ hỏi về thời gian mà thực chất, thông qua đó Từ muốn nhắc khéo chồng nhớ đến ngày đi nhận tiền. (Hàng tháng cứ vào kì đầu tháng thì chồng Từ đều đi nhận tiền nhuận bút ).  b) Câu “nhắc khéo” thứ hai:  “*Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến...”.*  🡪 Từ không nói trực tiếp đến việc trả tiền nhà. Từ muốn nhắc Hộ đi nhận tiền về để trả các khoản nợ (Chủ ý vi phạm phương châm cách thức)  c) Tác dụng cách nói của Từ:  - Từ thể hiện ý muốn của mình thông qua câu hỏi bóng gió về ngày tháng, nhắc khéo đến một sự việc khác có liên quan (người thu tiền nhà)...  - Cách nói nhẹ nhàng, xa xôi những vẫn đạt được mục đích. Nó tránh được ấn tượng nặng nề, làm dịu đi không khí căng thẳng trong quan hệ vợ chồng khi lâm vào hoàn cảnh khó khăn. |
| **Tìm hiểu *Bài tập 3:***  + **GV:** Phân tích hàm ý trong câu trả lời thứ nhất của anh chàng mua kính?  *+ HS thảo luận và phát biểu*  + **GV:** Phân tích hàm ý trong câu trả lời thứ hai của anh chàng?  *+ HS thảo luận và phát biểu* | ***3. Bài tập 3***  a) Câu trả lời thứ nhất của anh chàng mua kính:  *“Kính tốt thì đọc được chữ rồi”*  🡪 chứng tỏ anh ta quan niệm kính tốt thì phải giúp cho con người đọc được chữ. Từ đó suy ra, kính không giúp con người đọc được chữ là kính xấu. Anh ta chê mọi cặp kính của nhà hàng là kính xấu. Anh ta chê mọi cặp kính của nhà hàng vì không có cặp kính nào giúp anh ta đọc được chữ.  b) Câu trả lời thứ hai:  *“Biết chữ thì đã không cần mua kính”.*  🡪 Câu trả lời giúp người đọc xác định được anh ta là người không biết chữ (vì không biết chữ nên mới cần mua kính). Cách trả lời vừa đáp ứng được câu hỏi, vừa giúp anh ta giữ được thể hiện. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu *Bài tập 4:***  **+ GV:** Chỉ ra lớp nghĩa tường minh của bài thơ *Sóng*?  **+** *HS đọc lại bài thơ, suy nghĩ, phát biểu*  **+ GV:** Chỉ ra lớp nghĩa hàm ý của bài thơ *Sóng?*  *+ HS suy nghĩ, phát biểu*  **+ GV:** Tác phẩm văn học dùng cách thể hiện có hàm ý thì có tác dụng và hiệu quả nghệ thuật như thế nào?  *+ HS phát biểu* | ***4. Bài tập 4***  - Lớp nghĩa tường minh: Cảm nhận và miêu tả hiện tượng sóng biển với những đặc điểm, trạng thái của nó.  - Lớp nghĩa hàm ý: Vẻ đẹp tâm hồn của người thiếu nữ đang yêu: đắm say, nồng nàn, tin yêu  - Tác phẩm văn học dùng cách thể hiện có hàm ý sẽ tạo nên tính hàm súc, đa nghĩa, biểu đạt cảm xúc, tư tưởng của tác giả một cách tinh tế, sâu sắc. |
| **Tìm hiểu *Bài tập 5:***  **+ GV:** Chọn cách trả lời có hàm ý trong câu hỏi: “Cậu có thích truyện *Chí Phèo* của Nam Cao không?”  *+ HS thảo luận và đưa ra phương án đúng.* | ***5. Bài tập 5***  Cách trả lời có hàm ý cho câu hỏi: *"Cậu có thích truyện Chí Phèo của Nam Cao không?”*  - Ai mà chẳng thích?  - Hàng chất lượng cao đấy!  - Xưa cũ như trái đất rồi!  *- Ví đem vào tập đoạn trường*  *Thì treo giải nhất chi nhường cho ai?* |
| **Tổ chức tổng kết**  **- GV:** Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ dùng cách nói có hàm ý trong ngữ cảnh cần thiết mang lại những tác dụng và hiệu quả như thế nào?  *- HS thảo luận, trả lời* | **II. TỔNG KẾT**  Tác dụng và hiệu quả của cách nói có hàm ý:  Tuỳ thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp, hàm ý có thể mang lại:  - Tính hàm súc cho lời nói: lời nói ngắn gọn mà chất chứa nhiều nội dung, ý nghĩa.  - Hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc với người nghe.  - Sự vô can, không phải chịu trách nhiệm của người nói về hàm ý (vì hàm ý là do người nghe suy ra).  - Tính lịch sự và thể diện tốt đẹp trong giao tiếp bằng ngôn ngữ. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Tác dụng và hiệu quả của cách nói có hàm ý.

**5. Dặn dò**

- Xem lại các bài tập và phần lí thuyết.

- Chuẩn bị bài mới: *Thuốc* - Lỗ Tấn.

Ngày soạn: 20/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 76-77. Đọc văn. THUỐC**

***Lỗ Tấn***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được *Thuốc* là hồi chuông cảnh báo sự mê muội đớn hèn của người Trung Hoa vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX và cấp thiết phải có một phương thuốc chữa bệnh cho quốc dân: làm cho người dân giác ngộ cách mạng và cách mạng gắn bó với người dân.

- Nắm được cách viết cô đọng, súc tích, giàu hình ảnh mang tính biểu tượng của Lỗ Tấn trong tác phẩm này.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Chống mê tín dị đoan.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Phần Tiểu dẫn: thuyết trình kết hợp SGK.

- Phần Văn bản: thuyết trình kết hợp phát vấn theo tiến trình quy nạp.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 76 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Hai bài đọc thêm: *Mùa lá rụng trong vườn, Một người Hà Nội.*

Câu hỏi:

- Vì sao mọi người trong gia đình ông Bằng đều yêu quý chị Hoài, dù chị đã đi lấy chồng, đã có gia đình mới từ lâu ?

- Bà cô Hiền có những phẩm chất gì tiêu biểu cho người Hà Nội? Vì sao tác giả lại ví bà như “hạt bụi vàng” của Hà Nội?

- Nhận xét về giọng điệu và lời văn của Nguyễn Khải trong truyện *“Một người Hà Nội”*?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Lỗ Tấn được đánh giá là ngọn cờ của cuộc vận động văn hoá mới Trung Quốc, người mở đường cho văn nghệ. Ông không ngừng phê phán văn hoá cũ, xây dựng văn hoá mới. Để hiểu thêm điều đó, chúng ta cùng tìm hiểu tác phẩm *Thuốc* của ông.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| TIẾT 76 | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Em hãy nêu vài nét chính về tác giả Lỗ Tấn?  GV thuyết giảng thêm vài nét về bối cảnh lịch sử của Trung Hoa thời ấy: Sự xâm lược và chia cắt của các nước đế quốc (Nga, Nhật, Anh, Pháp, Đức,...) đã biến Trung Quốc thành một nước nửa phong kiến nửa thuộc địa, ốm yếu, què quặt, lạc hậu. Thanh niên Trung Quốc cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX tìm đường cứu vong cho dân tộc.  Bố Lỗ Tấn bị bệnh phù thủng mà thầy lang bốc thuốc với hai vị "không thể thiếu" là rễ mía kinh sương ba năm và một đôi dế đủ đực- cái, một thang thuốc quái đản đã dẫn đến cái chết oan uổng của người bố thân yêu.  Ông chủ trương dùng ngòi bút để phanh phui các căn bệnh tinh thần của quốc dân, lưu ý mọi người tìm phương thuốc chạy chữa.  Bác Hồ thời trẻ thích đọc Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Quốc.  **?**Nêu xuất xứ của truyện ngắn?  **?**Hãy cho biết hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn?  Gọi HS tóm tắt tác phẩm. Thống kê hệ thống nhân vật.  **?**Qua tìm hiểu cốt truyện và tìm hiểu phần hướng dẫn học bài, em hãy cho biết cần làm rõ những nội dung gì của truyện ngắn *Thuốc* ?  GV gợi ý HS tìm hiểu văn bản qua các câu hỏi Hướng dẫn học bài ở SGK.  GV thuyết trình về tên truyện và mục đích sáng tác truyện của Lỗ Tấn để HS khắc sâu hơn ý nghĩa nhan đề Thuốc. (lôi hết bệnh tật của họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa)  **?** Hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người mang ý nghĩa như thế nào?  Đây là truyện ngắn hàm súc, cô đọng, có nhiều lớp nghĩa.  - Bánh bao tẩm máu người là câu chuyện có thật vẫn xảy ra ở nước Trung Hoa trì trệ, đình đốn.  - Lên án gay gắt chế độ gia trưởng nặng nề , đặt ra vấn đề để cho thế hệ trẻ quyền độc lập suy nghĩ và quyết định tương lai của mình.  **?**Nhân vật Hạ Du không hiện ra trực tiếp mà thông qua lời của những nhân vật nào? Phân tích đặc điểm tính cách của những nhân vật đó?  **Hết tiết 76, chuyển sang tiết 77**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 77 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **?** Hình tượng người cách mạng Hạ Du hiện lên như thế nào?  GV chú ý lưu ý cho HS về không gian và thời gian nghệ thuật của truyện để thấy mạch suy tư lạc quan của tác giả.  **?** Hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du có ý nghĩa gì?  GV thuyết giảng phần này để HS khắc sâu nghệ thuật viết truyện của Lỗ Tấn.  GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ để củng cố bài học.  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  -Vì sao *Thuốc* là truyện ngắn mang kích thước truyện dài ?  - Viết một đoạn văn cảm nhận của anh/chị về một hình ảnh biểu tượng trong truyện (vòng hoa trên mộ Hạ Du, con đường mòn, chiếc bánh bao tẩm máu, con quạ...) | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**: Lỗ Tấn (1881-1936)  - Tên thật...Lỗ Tấn là bút danh (lấy từ họ mẹ và chữ Tấn hành), quê...  - Là nhà văn cách mạng vô sản tiêu biểu của văn học hiện đại.  - Là một trong những người tiên phong trăn trở tìm đường "cứu vong" cho dân tộc.  - Ông đã nhiều lần đổi nghề để tìm đường cống hiến cho tương lai của dân tộc: khai mỏ, hàng hải, nghề y, cuối cùng ông chuyển sang nghề viết văn để thức tỉnh quốc dân đồng bào =>Con đường gian nan chọn nghề mang đậm dấu ấn của lịch sử Trung Hoa thời cận hiện đại vừa nói lên tâm huyết của một người con ưu tú của dân tộc.  - Được tôn vinh là "linh hồn của dân tộc"- biểu tượng tâm hồn cao đẹp của người Trung Hoa.  - Được đề cử làm ứng viên Giải thưởng Nô-ben về văn học nhưng ông từ chối.  Sáng tác gồm 3 tập truyện ngắn, 16 tập tạp văn, 75 bài thơ,…  **⇒** Là nhà văn hiện thực xuất sắc Trung Quốc, có tư tưởng yêu nước tiến bộ. Năm 1981, toàn thế giới đã kỉ niệm 100 năm năm sinh Lỗ Tấn như một danh nhân văn hoá thế giới.  **2. Tác phẩm: *Thuốc***  ***a. Xuất xứ:*** Được đăng trên tạp chí "Tân thanh niên" 1919. Sau đó in trong tập "Gào thét", xuất bản năm 1923.  ***b. Hoàn cảnh sáng tác****:* Viết ngày 25/4/1919- ngày bùng nổ phong trào học sinh sinh viên Bắc Kinh, mở đầu cuộc vận động cứu vong Trung Hoa khỏi diệt vong, thường gọi là Ngũ Tứ.  ***c. Cốt truyện:*** Vẽ sơ đồ.  ***d. Chủ đề:***  - Ca ngợi ý chí và tinh thần cách mạng của người chiến sĩ Hạ Du và nói lên nỗi cô đơn của người làm cách mạng.  - Phê phán niềm tin ngu muội của quần chúng.  - Mỉa mai sự thối nát của bộ máy thống trị.  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người và ý nghĩa nhan đề truyện *Thuốc***  **Thuốc (**chiếc bánh bao tẩm máu người**)** có nhiều tầng ý nghĩa:  - *Thuốc chữa bệnh lao* của những người dân u mê, lạc hậu (nghĩa đen)  - Đó không phải là thuốc chữa bệnh mà là *thuốc độc*, phải tìm một thứ thuốc khác.  - Đối với cách mạng Trung Quốc: Phải tìm một phương thuốc làm cho quần chúng giác ngộ cách mạng và làm cho cách mạng gắn bó với quần chúng.  **2. Nhân vật đám đông**  \* *Nhóm 1:*  - Ông bà Hoa; mua bánh bao tẩm máu Hạ Du để chữa bệnh cho con.  - Mẹ Hạ Du: Cho con là giặc.  => Ngu muội nhưng đáng thương  \* *Nhóm 2:*  - Cả Khang- tên đao phủ: lấy máu Hạ Du tẩm bánh bao để bán.  - Lão Nghĩa- đề lao, mắt cá chép: lấy áo Hạ Du, đánh Hạ Du hai bạt tai.  - Cụ Ba Hạ: tố giác cháu để được lĩnh thưởng 20 lạng bạc trắng.  - Thanh niên 21 tuổi và một số người khác: cho Hạ Du là điên, là giặc.  => Không chỉ dửng dưng, lạnh lùng, vô cảm, mê muội, lạc hậu, mà còn phản động.  Thái độ của tác giả: ghê tởm, chế giễu.  **3. Hình tượng người cách mạng Hạ Du**  - Là một thanh niên cách mạng sớm giác ngộ, có lí tưởng cách mạng rõ ràng: lật đổ ngai vàng, đánh đuổi ngoại tộc, giành lại độc lập.  - Dũng cảm, hiên ngang, xả thân vì nghĩa lớn nhưng lại rất cô đơn, không ai hiểu việc anh làm và không ai ủng hộ.  🡪 xa rời quần chúng nhân dân của những người làm cách mạng là căn bệnh cần chữa trị.  **4. Vòng hoa trên mộ Hạ Du và niềm lạc quan của tác giả**  - Câu hỏi của bà mẹ Hạ Du: *Thế này là thế nào?* 🡪 vừa nói lên sự bàng hoàng sửng sốt, vừa ẩn giấu một niềm vui có người hiểu con mình và hàm chứa đòi hỏi phải có một câu trả lời.  - Vòng hoa tưởng niệm, bày tỏ sự cảm phục và nối bước người đã khuất.  **5. Tính dân tộc và sắc thái mới mẻ của truyện**  - Sự cô đọng, súc tích truyền thống Trung Hoa: Tả mà không tả, không tả mà tả.  - Sắc thái mới mẻ của truyện:  + Tên tác phẩm, một sự chú ý nghệ thuật, một sự lựa chọn thâm thuý của tác giả. Thuốc chứa đựng nhiều lớp ý nghĩa.  + Kết cấu tác phẩm: dung di, trầm lắng và sâu sắc.  + Cốt truyện đơn giản: tìm thuốc, mua thuốc, uống thuốc.  + Thời gian có sự vận động: mùa thu sang mùa xuân🡪 lạc quan của tác giả vào tiền đồ cách mạng.  + Không gian truyện dung dị, rất hiện thực: trầm lắng, tĩnh lặng, chất chứa nỗi niềm.  **III. Tổng kết**:  ***Ghi nhớ*: (SGK)**  HS suy nghĩ, trả lời :  Cô đọng, súc tích : cốt truyện giản dị, nhân vật ít, chủ đề lớn, hàm ý sâu xa. Như bức tranh thủy mặc đen trắng hai màu, không gian nghệ thuật trầm lặng, u ám, nặng nề, một đêm thu, sáng thu, một sáng thanh minh mùa xuân lạnh lẽo. Thời gian từ mùa thu trảm quyết và chết bệnh đến mùa xuân thanh minh, hứa hẹn một vòng hoa trắng, hoa hồng. Những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng, đặc biệt là vị thuốc kì quái : chiếc bánh bao tẩm máu người cách mạng. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Ý nghĩa và mối quan hệ giữa tiêu đề và hình ảnh bánh bao tẩm máu người.

- Hình tượng nhân vật Hạ Du .

- Vòng hoa trên mộ Hạ Du.

- Những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện.

**5. Dặn dò**

- Xem lại nội dung bài học.

- Chuẩn bị bài mới: *Rèn luyện kĩ năng mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận.*

Ngày soạn: 22/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 78. Làm văn.**

**RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hiểu một cách đầy đủ về chức năng của mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận.

- Nắm vững hơn các kiểu mở bài và kết bài thông dụng trong văn nghị luận.

**2. Kĩ năng**

- Biết nhận diện những lỗi thường mắc khi viết mở bài, kết bài và có ý thức tránh những lỗi này.

**3. Tư duy, thái độ**

- Có ý thức vận dụng một cách linh hoạt các kiểu mở bài và kết bài trong khi viết văn nghị luận.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Kết hợp làm việc cá nhân và tổ chức thảo luận theo nhóm để phân tích ngữ liệu, rút ra các kết luận cần thiết của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** ***Thuốc***

Câu hỏi:

- Ý nghĩa và mối quan hệ giữa tiêu đề và hình ảnh bánh bao tẩm máu người?

- Hình tượng nhân vật Hạ Du được thể hiện như thế nào trong truyện?

- Vòng hoa trên mộ Hạ Du nói lên điều gì?

- Những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Trong chương trình Ngữ văn THCS, các em đã được tìm hiểu cách viết mở bài và kết bài. Nắm vững nguyên tắc, thuần thục cách viết, chắc chắn chúng ta sẽ thực hiện đúng phần mở bài, kết bài. Tuy nhiên, từ đúng đến hay là một khoảng cách. Vậy, chúng ta cần phải dày công rèn luyện các kĩ năng này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  - GV hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu theo yêu cầu của mục I.1- SGK (chia lớp học thành 4 nhóm để thảo luận)  *-* Yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến. GV tóm tắt ý kiến của HS ghi lên phần bảng nháp.  - Hướng dẫn học sinh khác cho ý kiến bổ sung. GV đi đến kết luận.  - Hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu theo yêu cầu của mục I.2- SGK ( 4 nhóm tiếp tục thảo luận)  - Yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến. GV tóm tắt ý kiến của HS ghi lên phần bảng nháp.  - Hướng dẫn học sinh khác cho ý kiến bổ sung. GV đi đến kết luận.  ?Theo em, phần mở bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản?  Hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu theo yêu cầu của mục II.1- SGK (4 nhóm tiếp tục thảo luận)  Yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến.  Yêu cầu các thành viên khác cho ý kiến bổ sung, GV chốt, kết luận.  Hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu theo yêu cầu của mục II.2- SGK (4 nhóm tiếp tục thảo luận)  Yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến.  Yêu cầu các thành viên khác cho ý kiến bổ sung, GV chốt, kết luận.  Hướng dẫn HS rút ra kết luận về cách viết phần kết bài qua câu hỏi trắc nghiệm II. 3- SGK.  GV kết luận  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  GV kiểm tra, đánh giá kết quả nhận thức, kĩ năng thực hành của HS qua phần luyện tập.  Gợi ý bài 1  Yêu cầu HS lên bảng làm bài 2. | **I. Viết phần mở bài**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu**  ***a. Ngữ liệu 1***  - Mở bài (1) chưa đạt yêu cầu. Lí do: nêu những thông tin thừa, không nêu rõ được vấn đề cần trình bày trong bài viết, bắt đầu từ những phạm vi quá rộng so với vấn đề nghị luận.  - Mở bài (2) và (3) là những mở bài phù hợp với yêu cầu của đề bài: đánh dấu bước khởi đầu trong quá trình trình bày vấn đề nghị luận, nêu bật được nội dung cần bàn luận.  ***b. Ngữ liệu 2***  - Vấn đề được triển khai:  + Mở bài (1): Quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc là quyền phải có của mỗi người và mỗi dân tộc.  + Mở bài (2): Khẳng định vị trí của bài thơ *Tống biệt hành* của Thâm Tâm: một trong mười bài thơ Đường hay nhất.  + Mở bài (3): hướng khai thác riêng của Nam cao trong truyện ngắn *Chí Phèo* về một đề tài quen thuộc - đề tài nông thôn trong văn học hiện thực phê phán.   * Mỗi phần mở bài có những cách thức khác nhau để nêu vấn đề nghị luận một cách linh hoạt, sinh động, tạo hứng thú cho người tiếp nhận:   + Mở bài (1): Nêu vấn đề bằng cách sử dụng 1 số tiền đề sẵn có (dẫn lời của những bản Tuyên ngôn nổi tiếng) có nội dung liên quan trực tiếp đến vấn đề cần trình bày.  + Mở bài (2): Nêu vấn đề bằng cách so sánh, đối chiếu đối tượng đang được trình bày trong văn bản (bài thơ *Tống biệt hành* – Thâm Tâm) với một đối tượng khác dựa trên một đặc điểm tương đồng nổi bật (theo quan niệm của người viết) để từ đó nhấn mạnh vào đối tượng cần trình bày.  + Mở bài (3): Nêu vấn đề cũng bằng thao tác so sánh, liên tưởng đối tượng cần trình bày với một số đối tượng khác có đặc điểm tương đồng nhưng chủ yếu nhấn mạnh vào sự khác biệt của đối tượng được nêu trong vấn đề đang trình bày, để từ đó gợi hứng thú cho người đọc, giới thiệu được phạm vi vấn đề một cách rõ ràng.  **2**. **Cách viết phần mở bài**  Mở bài không phải là phần nêu tóm tắt toàn bộ nội dung sẽ trình bày trong văn bản mà điều quan trọng nhất là phải thông báo được một cách ngắn gọn và chính xác về vấn đề nghị luận, gợi cho người đọc hứng thú với vấn đề sẽ trình bày trong văn bản.  **II. Viết phần kết bài**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu**  ***a. Ngữ liệu 1***  - Kết bài (1) không đạt yêu cầu:  + Phạm vi nội dung quá rộng so với yêu cầu của đề bài, không chốt lại vấn đề, hoặc tóm tắt lại những nội dung đã trình bày mà không đánh giá, khái quát được ý nghĩa của vấn đề.  + Không có những phương tiện liên kết cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa kết bài với các phần đã trình bày trước đó của văn bản, không có những yếu tố hình thức đánh dấu việc trình bày văn bản đã hoàn tất.  - Kết bài (2) phù hợp với yêu cầu của đề bài:  + Nội dung liên quan trực tiếp đến vấn đề đã trình bày trong toàn bộ văn bản, có những nhận định đánh giá được ý nghĩa của vấn đề, gợi liên tưởng sâu sắc, phong phú.  + Có những phương tiện liên kết để củng cố mối quan hệ giữa phần kết và các phần trước của văn bản, đánh dấu việc kết thúc quá trình trình bày vấn đề nghị luận.  ***b. Ngữ liệu 2***  - Kết bài (1): Người viết đã nêu nhận định tổng quát và khẳng định ý nghĩa của vấn đề đã trình bày: *Nước …độc lập…,* đồng thời liên hệ mở rộng để làm rõ hơn khía cạnh quan trọng nhất của vấn đề: *Toàn thể…độc lập ấy.*  - Kết bài (2): Nêu nhận định tổng quát bằng đoạn văn trước phần kết. Vì thế trong phần kết chỉ cần nhấn mạnh, khẳng định lại bằng 1 câu văn ngắn gọn: *Hai đứa trẻ đã thực hiện được điều này.* Đồng thời liên hệ mở rộng và nêu nhận định khái quát.  - Cả 2 kết bài đều dùng các phương tiện liên kết để biểu thị quan hệ chặt chẽ giữa kết bài và các phần trước đó của văn bản, dùng những dấu hiệu đánh dấu việc kết thúc quá trình trình bày vấn đề:  *Vì những lẽ trên…, Hơn thế nữa…, Bây giờ và mãi sau này…*  **2. Cách viết phần kết bài:** Kết bài thông báo về sự kết thúc của việc trình bày vấn đề, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề; gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.  **III. Luyện tập**  **Bài tập 1**  - Mở bài người viết giới thiệu trực tiếp vấn đề cần trình bày: trình bày thật ngắn gọn, khái quát về tác phẩm và nội dung cần nghị luận. Ưu điểm: nhấn mạnh ngay phạm vi vấn đề, nêu bật được luận điểm quan trọng nhất cần trình bày, giúp người tiếp nhận nắm bắt một cách rõ ràng vấn đề sắp trình bày.  - Mở bài (2): Giới thiệu nội dung bàn luận bằng cách gợi mở những vấn đề liên quan đến nội dung chính qua một số luận cứ và luận chứng, được tổ chức theo trình tự lôgích chặt chẽ: từ phạm vi rộng hơn đến vấn đề chủ yếu. Ưu điểm: giới thiệu vấn đề tự nhiên, sinh động, tạo hứng thú cho người tiếp nhận. Cần lưu ý: phải chọn những luận chứng, luận cứ có giá trị, liên quan đến bản chất của vấn đề.  **Bài tập 2**  Những mở bài, kết bài được nêu có những lỗi sau:  - Mở bài trình bày quá kĩ, thông tin thừa- không liên quan đến bản chất của vấn đề cần nghị luận; phần giới thiệu vấn đề chính chưa có tính khái quát (sa đà vào việt tóm tắt các luận điểm mà không nhấn mạnh được bản chất của vấn đề)  - Kết bài tiếp tục tóm tắt vấn đề đã trình bày, không nêu được nhận định về ý nghĩa của vấn đề, trùng lặp với mở bài. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Nắm được yêu cầu và cách viết phần mở bài.

- Nắm được yêu cầu và cách viết phần kết bài.

**5. Dặn dò**

- Xem lại nội dung bài học.

- Chuẩn bị bài mới: *Số phận con người* ( Sô-lô -khốp).

Ngày soạn: 25/1/2017

Ngày dạy:

**Tiết 79-80. Đọc văn. SỐ PHẬN CON NGƯỜI**

***M.A.Sô-lô-khốp***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hiểu rõ tính cách Nga kiên cường, nhân hậu.

- Nắm được nghệ thuật kể chuyện, khắc họa tính cách và sử dụng chi tiết của Sô- lô- khốp.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc – hiểu tác phẩm theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Suy ngẫm về số phận con người để có thể có sự vươn lên và sự thông cảm.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Dẫn dắt, đặt câu hỏi .

- Chú ý hoạt động của HS.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 79 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Yêu cầu và cách viết phần mở bài?

- Yêu cầu và cách viết phần kết bài?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Truyện ngắn *Số phận con người* (Sô-lô-khốp) có ý nghĩa khá quan trọng đối với sự phát triển của văn học Xô Viết. Đây là tác phẩm đầu tiên, nhà văn tập trung thể hiện hình tượng con người bất hạnh sau chiến tranh, nhìn cuộc sống và chiến tranh toàn diện, chân thực.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 79** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Hãy nêu những nét chính về cuôc đời và sự nghiệp sáng tác của Sô-lô-khốp?  Nêu xuất xứ của tác phẩm?  Tóm tắt cốt truyện?  Nêu vị trí đoạn trích?  Nội dung của đoạn trích?  Hoàn cảnh và tâm trạng của An-đrây Xô-cô-lốp sau khi chiến tranh kết thúc và trước khi gặp bé Va-ni-a như thế nào?  Xô-cô-lốp ấn tượng gì về bé Va-ni-a mà nhận nó làm con nuôi?  Việc anh nhận bé Va-ni-a làm con nuôi tác động lớn đến hai cha con như thế nào?  **Hết tiết 79, chuyển sang tiết 80**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 80 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   Anh chăm sóc Va-ni-a như thế nào?  Vì sao vợ người bạn Xô-cô-lốp khóc khi nhìn thấy anh nhận bé Va-ni-a làm con nuôi?  Việc nhận bé Va-ni-a làm con nuôi có giúp anh vượt qua nỗi đau và sự cô đơn không?  Nguyên nhân nào khiến Xô-cô-lốp bị tước bằng lái xe và phải cùng con rời đi nơi khác? Chi tiết con bê đứng dậy đi vào ngõ, còn Xô-cô-lốp bị tước bằng lái nói lên điều gì ?  Qua đoạn trích, tác giả thể hiện suy nghĩ gì về con người Nga, tính cách Nga ?  Những đặc sắc về nghệ thuật?  Tác phẩm là 1 thành tựu xuất sắc đánh dấu bước phát triển của văn học Xô viết. Sô-lô-khốp là nhà văn Xô viết đầu tiên dám phản ánh chân thực, không che giấu những mất mát, đau thương của con người sau chiến tranh, nói rõ cái giá đắt của sự chiến thắng. Ông còn khám phá, ngợi ca tính cách Nga của người người lính Xô viết bình thường.  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  ? Cái mới của truyện trong việc miêu tả chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô ?  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  Viết tiếp truyện hai cha con Xô-cô-lốp – Va-ni-a khi gặp người bạn cũ ở Ka-sa-rư. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:** Sô-lô-khốp (1905 – 1984)  - Nhà văn lỗi lạc của nước Nga, nổi tiếng thế giới thế kỷ XX, từng đoạt giải Nô-ben về văn học.  - Gắn bó với sông Đông qua các thời kì lịch sử.  - Ông làm nhiều nghề để kiếm sống, tự học là chính.  - Năm 1925 ông bắt tay vào viết tác phẩm *Sông Đông êm đềm*, đến năm 1940 hoàn thành tập IV làm cho giới văn nghệ sửng sốt, được bầu làm Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô.  - Tác phẩm chính: (SGK).  **2. Tác phẩm**  ***a. Xuất xứ:*** *Số phận con người* in lần đầu ở Liên Xô trên 2 số báo Sự thật ra ngày 31.12.1956 và 1.1.1957.  ***b.Cốt truyện:***  ***c. Nội dung:*** Thông qua số phận một con người, tác giả muốn nói về lòng dũng cảm, sức chịu đựng, sức mạnh tinh thần ghê gớm của người Nga.  **3. Đoạn trích**  ***a.Vị trí đoạn trích:*** phần kết thúc câu chuyện.  ***b. Nội dung:*** miêu tả hành vi, tâm trạng của nhân vật chính Xô-cô-lốp- một chiến sĩ Hồng quân Liên Xô trở về với cuộc sống đời thường sau chiến tranh.  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Hoàn cảnh và tâm trạng của Xô-cô-lôp sau khi chiến tranh kết thúc**  - Anh phải chịu bao mất mát "*Tôi đã chôn trên đất người, đất Đức, niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng của tôi*".  - Anh sống nhờ bạn để tìm kế sinh nhai nhưng không gặp may, bị mất việc, anh mượn rượu để giải sầu.  - Anh luôn sống trong cô đơn, đau khổ và không thể sống yên được nữa.  - Dù gặp nhiều đau khổ nhưng anh không bao giờ than vãn=> anh là người kiên cường (tính cách Nga).  **2. Xô-cô-lốp nhận bé Va-ni-a làm con nuôi**  \* Ấn tượng về bé Va-ni-a:  - Sự ngây thơ, tội nghiệp, không nơi nương tựa- nạn nhận tội nghiệp của thời chiến.  - Đôi mắt "*như ngôi sao sáng ngời*".  \* Nhận Va-ni-a làm con nuôi:  - "*không thể để cho mình với nó chìm nghỉm riêng lẻ được, mình phải nhận nó là con*" => Hai con ngời không nơi nương tựa phải dựa vào nhau trong cuộc sống. Đây là quyết định bột phát, xuất phát từ lòng thương người không tính toán.  - Hai trái tim cô đơn, lạnh giá chợt ấm lên vì được chụm lại bên nhau. Tình người như ngọn lửa, cả hai đều choáng váng. “Nó áp sát vào người tôi, toàn thân run như ngọn cỏ trước gió. Còn mắt tôi thì cứ mờ đi, hai bàn tay run lẩy bẩy.”  - Từ sau khi nhận bé Va-ni-a làm con nuôi:  + Tâm hồn anh nhẹ nhõm, bừng sáng lên.  + Anh chăm sóc bé chu đáo, thương nó như cha con.  Anh vơi bớt nỗi cô đơn, tìm thấy hạnh phúc trái tim "*chai sạn vì đau khổ, nay trở nên êm dịu hơn...*"  + Bé Va-ni-a cũng rất thương anh và cần đến anh  Hai con người đau khổ đã nương tựa, sửi ấm cho nhau.  Tình cảm của Xô-cô-lốp đối với bé Va-ni-a là niềm vui, niềm hạnh phúc của một trái tim đang phục hồi; tình cảm của Va-ni-a đối với Xô-cô-lốp là tình cảm gắn bó quyến luyến của một đứa bé đã tìm thấy nơi nương tựa.  \* Người vợ của bạn Xô-cô-lốp đã khóc khi thấy Xô-cô-lốp nhận bé Va-ni-a làm con nuôi vì:  - Thương Va-ni-a.  - Thương Xô-cô-lốp.  - Cảm phục lòng tốt của Xô-cô-lốp.  - Tủi cho hoàn cảnh của mình không có con.  \* Việc nhận bé Va-ni-a làm con nuôi làm Xô-cô-lốp vơi bớt nỗi cô đơn nhưng trái tim anh vẫn không trở lại được như xưa:  - Đêm nào anh cũng mơ thấy người thân quá cố.  - Ban đêm thức giấc nước mắt ước đẫm cả gối.  - Nỗi buồn đau khiến anh không ở yên một chỗ được.  => Những đau thương, mất mát do chiến tranh gây ra không gì bù đắp nổi, thời gian cũng không xoa dịu được vết thương lòng của anh.  \* Chi tiết con bê chỉ bị chạm khẽ, do tính ăn vạ lu loa của mấy người đàn bà và sự cứng nhắc của anh kiểm sát mà Xô-cô-lốp bị tước bằng lái, mất việc, phải rời nhà bạn ra đi tìm việc khác cho thấy : tác giả miêu tả chân thực cuộc sống đời thường phức tạp thời hậu chiến, và Xô-cô-lốp lại là một kẻ không may.  **3. Suy nghĩ của Sô-lô-khốp về số phận con người**  - Đoạn kết ca ngợi con người Nga, tính cách Nga nghị lực kiên cường trong cuộc đời đầy khó khăn sau chiến tranh. Qua đó, tác giả nhắc nhở mọi người quan tâm đến con người, đặc biệt là người lính trở về sau chiến tranh.  - Ca ngợi trái tim nhân hậu của Xô-cô-lốp rực sáng trong thế giới hậu chiến đầy hận thù và đau khổ.  - Tính cách Nga hoà hợp trong hai phẩm chất : cứng rắn và mềm dịu của tâm hồn, ý chí kiên cường và lòng nhân ái.  **4. Nghệ thuật**  - Kết cấu theo lối truyện lồng trong truyện, có hai nhân vật kể chuyện: Tôi 1 (Xô-cô-lốp) và Tôi 2 (tác giả), nhưng chủ yếu là Tôi 1, Tôi 2 ở đoạn kết.  - Lối trữ tình ngoại đề ở cuối truyện =>quan điểm nghệ thuật của tác giả "*Nghệ sĩ không thể lạnh lùng khi sáng tạo...Khi viết, máu nóng nhà văn phải sôi lên*".  **III. Tổng kết**  - Trên cái nền là lên án chiến tranh tàn khốc, tác phẩm thể hiện tiếng nói thông cảm đối với những rủi ro quá sức chịu đựng, những mất mát quá lớn trong chiến tranh, đồng thời biểu dương phẩm chất đẹp đẽ của con người Nga kiên cường và nhân ái.  - Sô-lô-khốp là nhà văn dũng cảm khám phá sự thật.  **IV. Luyện tập**  **Bài tập 1:** Cái mới của truyện trong việc miêu tả chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô:  - Tác giả thể hiện cái nhìn mới và cách mô tả mới cuộc sống hiện thực cuộc sống vô cùng phức tạp trong chiến tranh. Với một dung lượng không lớn, tác phẩm đã khám phá chiều sâu chiến công hiển hách.  - Tác giả đã miêu tả chiến tranh trong bộ mặt thật của nó "đau khổ, chết chóc, máu me" (Lép Tôn-xtôi). Nhân dân Liên Xô đã vượt qua muôn vàn khó khăn và 25 triện người Xô viết đã dũng cảm hi sinh.  - Nhân vật chính là người lính binh nhì - đại diện cho người lính bình thường gánh trên vai toàn bộ gánh nặng của cuộc chiến. Xô-lô-khốp phải vượt qua bao gian khổ của thời chiến cũng như thời bình. Đó là người anh hùng vô danh, là chiến sĩ kiên cường với trái tim nhân hậu.  - Lời cảnh báo thời sự : ngăn chặn chiến tranh, bảo vệ hòa bình.  - Củng cố niềm tin của con người vào chính mình, vào tương lai, giúp họ sống đẹp hơn, trong sáng hơn, khát vọng đấu tranh vì lí tưởng nhân đạo và sự tiến bộ của loài người.  HS tự do tưởng tượng các tình tiết miễn là hợp lí, hợp với bản chất tính cách của Xô-cô-lốp và mục đích sáng tác của tác giả. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Cuộc đời của Xô-cô- lốp.

- Tâm trạng của Xô-cô-lốp.

- Suy nghĩ của em về tính cách con người Nga.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: *Trả bài làm văn số 6.*

Ngày soạn : 21/2/2017

Ngày dạy :

**Tiết 81. Làm văn. TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 6**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Củng cố những kiến thức văn học và kĩ năng làm văn có liên quan đến bài học.

- Nhận ra những ưu điểm, thiếu sót, nguyên nhân sinh ra những ưu điểm, thiếu sót trong bài làm của mình.

**2. Kĩ năng**

**-** Sửa chữa các lỗi cơ bản trong bài văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ**

- Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm và khắc phục thiếu sót trong các bài làm sắp tới.

**B. PHƯƠNG TIỆN**

GV : SGV, SGK. Tài liệu tham khảo…

HS : Bài viết của học sinh.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

- GV: Lần lượt phát vấn học sinh để rút ra dàn y‎ chung cho bài viết.

- HS: Cùng với giáo viên xây dựng dàn ý và sửa chữa lỗi sai.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Muốn làm tốt bài văn nghị luận văn học, chúng ta cần luôn luôn chú ý về kiến thức và kĩ

năng trình bày. Hôm nay, hãy cùng nhau sửa chữa bài làm văn số 6 để có thể rút ra những

kinh nghiệm cho những bài làm văn sau được tốt hơn.

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **GV tổ chức phân tích đề**  - GV: Khi phân tích một đề bài, cần phân tích những gì?  - GV: Hãy áp dụng để phân tích đề bài viết số 6.  - HS nhớ lại kiến thức phân tích đề, áp dụng phân tích.  - GV định hướng, gạch dưới những từ ngữ quan trọng để chỉ ra các yêu cầu của đề. | **I. Phân tích đề**  Trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi có nêu lên quan niệm*: “Chuyện gia đình cũng dài như sông, mỗi thế hệ phải ghi vào một khúc. Rồi trăm con sông của gia đình lại cùng đổ về một biển, "mà biển thì rộng lắm […], rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta".*  Chứng minh rằng, trong thiên truyện của Nguyễn Thi, quả đã có một dòng sông truyền thống gia đình liên tục chảy từ những lớp người đi trước: tổ tiên, ông cha, cho đến đời chị em Chiến, Việt.  *Phân tích*:  - Nội dung vấn đề: Quan niệm của Nguyễn Thi  - Thể loại: Nghị luận văn học.  - Thao tác chính: chứng minh.  - Phạm vi tư liệu: Tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* . |
| **GV tổ chức xây dựng đáp án (dàn ý)** | **II. Dàn ý** |
| **Hướng dẫn học sinh phân tích câu nói: Chuyện gia đình cũng dài như sông, mỗi thế hệ phải ghi vào một khúc**  + GV: Con sông tượng trưng cho điều gì của gia đình?  + GV: Khi tìm hiểu về con sông gia đình là ta tìm hiểu điều gì?  + GV: Gia đình của Việt và Chiến có sự tiếp nối con sông ấy như thế nào? Chú Năm là con người như thế nào?  + GV: Hình tượng mẹ Việt và Chiến hiện lên như thế nào?  + GV: Những đứa con đã tiếp nối truyền thống gia đình ấy như thế nào?  + GV: Chất anh hùng của Việt là gì?  **Tìm hiểu câu nói: Rồi trăm con sông của gia đình lại cùng đổ về một biển, "mà biển thì rộng lắm […], rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta".**  **+ GV:** Em hiểu thế nào về câu nói này?  + HS bàn luận chung và trả lời. | Bài viết cần có những ý cơ bản sau:  **1. Chuyện gia đình cũng dài như sông, mỗi thế hệ phải ghi vào một khúc.**  - Chỉ được coi là con của gia đình những ai đã ghi được, làm được "khúc" của mình trong dòng sông truyền thống. Con không chỉ là sự tiếp nối huyết thống mà phải là sự tiếp nối truyền thống.  - Không thể hiểu khúc sau của một dòng sông nếu không hiểu ngọn nguồn đã sinh ra nó. Cũng như vậy, ta chỉ có thể hiểu những đứa con (Chiến, Việt) khi hiểu truyền thống gia đình đã sinh ra những đứa con ấy.  - Chứng minh: Truyền thống ấy chảy từ các thế hệ ông bà, cha mẹ, cô chú đến những đứa con, mà kết tinh ở hình tượng chú Năm:  + Chú Năm không chỉ ham sông bến mà còn ham đạo nghĩa. Trong con người chú Năm phảng phất cái tinh thần Nguyễn Đình Chiểu xa xưa.  + Chú Năm là một thứ gia phả sống luôn hướng về truyền thống, sống với truyền thống, đại diện cho truyền thống và lưu giữ truyền thống (trong những câu hò, trong cuốn sổ gia đình).  - Hình tượng người mẹ cũng là hiện thân của truyền thống:  + Một con người sinh ra để chống chọi với gian nguy, khó nhọc "cái gáy đo đỏ, đôi vai lực lưỡng, tấm áo bà ba đẫm mồ hôi". "người sực mùi lúa gạo" thứ mùi của đồng áng, của cần cù mưa nắng.  + Ấn tượng sâu đậm nhất là khả năng ghìm nén đau thương để sống, để che chở cho đàn con và tranh đấu.  + Người mẹ không biết sợ, không chùn bước, kiên cường và cao cả.  - Những đứa con, sự tiếp nối truyền thống:  + Chiến mang dáng vóc của mẹ, cách nói in hệt mẹ.  + So với thế hệ mẹ thì Chiến là khúc sông sau. Khúc sông sau bao giờ cũng chảy xa hơn khúc sông trước. Người mẹ mang nỗi đau mất chồng nhưng chưa có dịp cầm súng, còn Chiến mạnh mẽ quyết liệt, ghi tên đi bộ đội cầm súng trả thù cho ba má.  + Việt, chàng trai mới lớn, lộc ngộc, vô tư.  + Chất anh hùng ở Việt: không bao giờ biết khuất phục; bị thương chỉ có một mình vẫn quyết tâm sống mái với kẻ thù.  + Việt đi xa hơn dòng sông truyền thống: không chỉ lập chiến công mà ngay cả khi bị thương vẫn là người đi tìm giặc. Việt chính là hiện thân của sức trẻ tiến công.  **2. Rồi trăm con sông của gia đình lại cùng đổ về một biển, "mà biển thì rộng lắm […], rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta".**  Điều đó có nghĩa là:  - Từ một dòng sông gia đình nhà văn muốn ta nghĩ đến biển cả, đến đại dương của nhân dân và nhân loại.  - Chuyện gia đình cũng là chuyện của cả dân tộc đang hào hùng chiến đấu bằng sức mạnh sinh ra từ những đau thương. |
| **Tổ chức nhận xét, đánh giá bài viết**  - GV phát bài cho HS.  - GV cho HS tự nhận xét và trao đổi bài để nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét những ưu, khuyết điểm trong bài viết của HS. | **III. Nhận xét, đánh giá**  - Đã nhận thức đúng vấn đề nghị luận chưa?  - Đã vận dụng đúng các thao tác lập luận chưa?  - Hệ thống luận điểm đủ hay thiếu? Sắp xếp hợp lí hay chưa hợp lí?  - Các luận cứ (lí lẽ, dẫn chứng) có chặt chẽ, tiêu biểu, phù hợp với vấn đề hay không?  - Những lỗi về kĩ năng, diễn đạt,… |
| **Tổ chức sửa chữa lỗi bài viết**  - GV nêu lên các lỗi mà HS thường gặp.  - GV hướng dẫn HS trao đổi để nhận thức lỗi và hướng sửa chữa, khắc phục.  - Ví dụ một số bài viết. | **IV. Sửa chữa lỗi**  Các lỗi thường gặp:  - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí.  - Sự kết hợp các thao tác nghị luận chưa hài hòa, chưa phù hợp với từng ý.  - Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém.  - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp… |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Cách tìm, xây dựng hệ thống ý trong bài văn nghị luận nói chung và bài văn nghị luận văn học nói riêng.

- Chú ‎ý cách trình bày diễn đạt đúng yêu cầu, theo hệ thống hợp lí.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: *Ông già và biển cả* **(**Ơ-nít Hê-minh-uê).

Ngày soạn: 22/2/2017

Ngày dạy:

**Tiết 82-83. Đọc văn. ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ (Trích)**

***Hê-minh-uê***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được vẻ đẹp không những của lão ngư phủ đơn độc và dũng cảm mà cả vẻ đẹp của nhân vật cá kiếm - kì phùng địch thủ của ông.

- Làm quen với nét độc đáo trong nghệ thuật văn xuôi của Hêminhuê: từ những chi tiết giản dị, chân thực của một cuộc săn bắt cá, gợi mở những tầng ý nghĩa rộng lớn, nhân vật mang ý nghĩa biểu tượng.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Bài học về lối viết: chống lối viết hoa mỹ mà rỗng tuếch.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Hướng dẫn HS tìm phần nổi- có nghĩa là những hình ảnh, chi tiết tả thực cuộc săn bắt cá, cuộc đấu tranh giữa hai "nhân vật" chính trong diễn biến căng thẳng tới đích; những độc thoại nội tâm hướng tới đối thoại biểu hiện quan hệ đặc biệt của người đi săn với đối thủ của mình.

- Căn cứ trên lớp nghĩa thứ nhất ấy, khuyến khích sự liên tưởng, đồng sáng tạo của HS để tìm ra phần chìm, lớp nghĩa hàm ẩn, khiến cho hai nhân vật chính trở thành những biểu tượng.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 82 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

***Số phận con người*** – Sô-lô-khốp

Câu hỏi:

- Vì sao Xô-cô-lốp quyết định nhận bé Va-ni-a làm con? Cuộc sống và tình cảm của anh từ đó thay đổi như thế nào?

- Từ số phận và sự thay đổi trong cuộc đời của nhân vật Xô-cô-lốp, nhận xét về tính cách con người Nga?

- Cảm nhận của em về nhân vật bé Va-ni-a?

- Việc đan xen những đoạn trữ tình ngoại đề theo em có cần thiết không? Nó có tác dụng gì cho câu chuyện?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Thiên nhiên và con người, con người và hiện thực, con người và ước mơ… đó là những vấn đề mà nhiều nhà văn đã đặt ra trong những tác phẩm của mình. Điều này cũng được thể hiện trong áng văn bất hủ của Hê-minh-uê: *Ông già và biển cả.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 82** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Cho biết những nét chính về tác giả?  Diễn giảng thêm về nguyên lí “*tảng băng trôi*”.  Tóm tắt tác phẩm “*Ông già và biển cả*”.  **?**Em có nhận xét gì về cốt truyện và nhân vật?  **?**Cho biết vị trí đoạn trích và nội dung đoạn trích?  GV gọi HS đọc văn bản và nhận xét cách đọc.  **?**Cuộc đấu sức giữa ông lão và con cá kiếm diễn ra vào thời gian nào? Phong độ của ông lão lúc đó ra sao?  **?**Hình ảnh những chiếc vòng lượn của con cá gợi lên điều gì?  **?** Cách tiếp xúc của ông lão và con cá kiếm có gì đặc biệt?  **Hết tiết 82, chuyển sang tiết 83**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 83 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **?** Nhận xét gì về diễn biến hành động gợi lên diễn biến về cách cảm nhận ?  **?**Những lời chuyện trò của ông lão với con cá kiếm nói lên điều gì?  GV cho HS thảo luận.  Rút ra nhận xét.  Kết luận: đối thoại, độc thoại là một trong những thủ pháp nghệ thuật chính để xây dựng tác phẩm.  **?**Hình ảnh con cá hàm chứa ý nghĩa gì?  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV dành thời gian hướng dẫn HS luyện tập theo SGK. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Ơ-nít Hê-minh-uê (1899-1961) là nhà văn Mỹ để lại dấu ấn sâu sắc trong văn xuôi hiện đại phương Tây, được tặng giải Noben 1954.  - Từng viết báo, làm phóng viên chiến trường trong chiến tranh thế giới.  - Đóng góp lớn trong việc đổi mới lối viết truyện, tiểu thuyết trong nền văn học thế giới.  - Là người đề xướng nguyên lí *tảng băng trôi.*  - Các tác phẩm:  *Mặt trời vẫn mọc* (1926)  *Giã từ vũ khí* (1929)  *Chuông nguyện hồn ai* (1940)  **2. Tác phẩm**  ***a. Tóm tắt:*** SGK  ***b. Một số điểm cần lưu ý***  - “*Ông già và biển cả*” tiêu biểu cho nguyên lí sáng tác do nhà văn đề ra. Tác phẩm nghệ thuật như một “tảng băng trôi”.  - Cốt truỵên không li kì, mà đơn giản chỉ có một hành động chính bao trùm: hành động săn đuổi cá.  - Nhân vật: ít- cuộc sống con người xuất hiện trong kí ức ông lão- cách xây dựng nhân vật chu yếu là độc thoại nội tâm.  => Tác phẩm mang không khí biểu tượng, tiếp cận gần với thơ và anh hùng ca.  \* **Tóm lại:** Nét độc đáo của tác phẩm là nghệ thuật biểu tượng ẩn dụ, được biểu hiện qua lối so sánh ngầm.  **3. Đoạn trích**  - Vị trí đoạn trích: nằm ở phần cuối truyện.  - Nội dung: kể lại việc ông lão Xan-ti-a-gô đuổi theo và bắt được con cá kiếm.  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Cuộc đấu tranh giữa ông lão và con cá kiếm**  - Thời điểm: mặt trời mọc lên lần thứ ba.  - Phong độ: lão mệt thấu xương, mồ hôi ướt đẫm.  - Tư thế: đơn độc.  - Hình ảnh chiếc vòng lượn của con cá kiếm lặp đi lặp lại:  + Gợi lên hình ảnh một ngư phủ lành nghề kiên cường: ước lượng khoảng cách bằng con mắt từng trải và cảm giác đau đớn nơi bàn tay.  + Vẽ lên những cố gắng cuối cùng nhưng mãnh liệt của con cá: dũng cảm, kiên cường không kém ông lão.  + Ông lão chỉ gián tiếp cảm nhận con cá qua vòng lượn.  **2. Cảm nhận của ông lão về con cá kiếm**  - Từ xa đến gần “*đến vòng thứ ba..*..” ngày càng mãnh liệt và trực tiếp.  - Cảm nhận gián tiếp (qua sợi dây qua mũi lao)  - Bộ phận => toàn thể: ngày càng lộ dần: nhìn thấy từng bộ phận trước khi nhìn thấy cả con cá.  Diễn biến càng lúc càng mãnh liệt và đau đớn.  **3. Mối liên hệ giữa ông lão và con cá kiếm**  - Sự cảm nhận của ông lão về con cá bằng thị giác và xúc giác.  - Lời đối thoại của ông lão với con cá kiếm cho thấy không chỉ là sự cảm nhận mà cao hơn nữa là sự cảm thông:  + Không chỉ bằng động tác mà bằng cả trái tim.  + Không chỉ đơn thuần là người đi săn và con mồi.  => Lời lẽ và ý nghĩ của ông lão đã biến con cá thành “nhân vật”, càng cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của ông lão bằng việc hiểu rõ và chiêm ngưỡng đối thủ của mình.  **4. Hình ảnh con cá kiếm và ý nghĩa biểu tượng**  - Vẻ đẹp con cá, thái độ của người đi săn và con mồi hàm chứa ý nghĩa: Con cá là hình ảnh của ước mơ, của lí tưởng mà mỗi con người theo đuổi trong cuộc đời.  - Hình ảnh đẹp đẽ của con cá khi chưa bị chiếm lĩnh (lần xuất hiện cuối cùng) đến khi bị kéo vào sát thuyền, có sự khác biệt: đó là sự chuyển biến từ hình ảnh ước mơ sang hiện thực, nó không còn xa vời, khó nắm bắt và vì thế nó không còn đẹp đẽ, huy hoàng như trước.  **III. Tổng kết**  ***Ghi nhớ:*** SGK  **IV. Luyện tập**  1. Nghệ thuật sử dụng ngôn từ trực tiếp của nhân vật, cho thấy mối quan hệ khác thường giữa người đi săn và vật bị săn đuổi. Trước mắt ông lão, con cá giống như một con người, một đối thủ đáng nể, một người bạn tâm tình.  2. Tham khảo tựa đề tiếng Anh và nêu lên suy nghĩ. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**: Nguyên lí “tảng băng trôi” và đóng góp của Hê-minh-uê đối với văn học.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới : *Diễn đạt trong văn nghị luận.*

Ngày soạn: 24/2/2017

Ngày dạy:

**Tiết 84. Làm văn. DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Nâng cao kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách tránh lỗi về dùng từ, viết câu, sử dụng giọng điệu không phù hợp với chuẩn mực ngôn từ của bài văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ**

- Có ý thức một cách đầy đủ về chuẩn mực ngôn từ của bài văn nghị luận.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Qui nạp.

- Kết hợp làm việc cá nhân với trao đổi theo nhóm.

- Thảo luận nhóm để rút ra các ghi nhớ về cách dùng từ, sử dụng kết hợp các kiểu câu và xác định giọng điệu phù hợp.

- Chú ý hoạt động của học sinh.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 84 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ: Ông già và biển cả**

Câu hỏi:

- Hình ảnh những vòng lượn lặp đi lặp lại của con cá kiếm gợi lên điều gì?

- Hình ảnh con cá kiếm hiện lên như thế nào qua cảm nhận của ông lão? Con cá kiếm tượng trưng cho điều gì?

- Ông lão đã kiên cường chiến đấu với con cá kiếm như thế nào? Qua đó, tác giả muốn gởi gắm bức thông điệp gì cho người đọc?

- Ý nghĩa của tác phẩm là gì?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em nắm được những chuẩn mực diễn đạt trong văn nghị luận; rèn luyện cho các em cách dùng từ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu và xác định giọng điệu phù hợp trong bài nghị luận, từ đó hình thành kĩ năng diễn đạt để viết bài văn nghị luận một cách linh hoạt và sáng tạo.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Gọi HS đọc đề tài và đoạn văn nghị luận về đề tài => trả lời câu hỏi bên dưới.  **?** Em hãy nhận xét cách dùng từ trong ví dụ 1?  **?**Hãy nhận xét cách dùng từ trong ví dụ 2?  **?**So sánh hai cách dùng từ trên?  **?**Những từ ngữ in đậm trong đoạn trích bài tập 2 có tác dụng biểu hiện cảm xúc của người viết như thế nào và gợi lên điều gì về đối tượng nghị luận?  **?**Sắc thái biểu cảm của các từ ngữ đó có phù hợp với đối tượng nghị luận của đoạn trích không? Tại sao?  **?**Chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp trong đoạn văn bài tập 3?  **?**Qua việc tìm hiểu những ví dụ trên, theo em, khi sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận cần chú ý những yêu cầu gì?  **?**So sánh cách sử dụng kết hợp các kiểu câu của hai đoạn văn và chỉ ra hiệu quả diễn đạt của cách sử dụng này?  **?**Vì sao trong đoạn văn nghị luận nên sử dụng kết hợp nhiều kiểu câu khác nhau?  **?**Đoạn văn nào trong hai đoạn văn trên có sử dụng phép tu từ cú pháp? Đó là phép tu từ nào? Phân tích ngắn gọn hiệu quả của những phép tu từ đó trong việc trình bày đề tài và biểu hiện cảm xúc của người viết?  **?**Trong đoạn văn bài tập 2 tác giả chủ yếu sử dụng kiểu câu nào của tiếng Việt? Kiểu câu đó có hiệu quả thế nào trong việc truyền đạt nội dung thông báo và biểu hiện cảm xúc của người viết?  **?**Chỉ rõ nhược điểm trong việc sử dụng kết hợp các kiểu câu của các đoạn văn bài tập 3?  **?**Từ những nội dung đã tìm hiểu ở 3 bài tập trên, theo em, khi sử dụng két hợp các kiểu câu trong văn nghị luận cần chú ý những yêu cầu gì?  **Hoạt động 4. Hoạt động thực hành**  Viết một đoạn văn nghị luận bàn về hạnh phúc, trong đó có sử dụng một số kiểu câu khác nhau.  GV hướng dẫn HS làm bài, sau đó kiểm tra bài làm của HS. | **I. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận**  **Bài tập 1:** Tìm hiểu ví dụ và thực hiện yêu cầu:  **Đề tài:** Vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh qua một số bài thơ: *Chiều tối; Giải đi sớm; Mới ra tù, tập leo núi.*  - Ví dụ 1: từ  *nhàn rỗi, chẳng thích làm thơ, vẻ đẹp lung linh,...* dùng từ thiếu chính xác, không phù hợp với đối tượng được nói tới.  - Ví dụ 2:  + Cùng trình bày nội dung trên nhưng cách diễn đạt ở ví dụ 2 chính xác và thận trọng hơn.  + Dùng phép thế từ ngữ để tránh trùng lặp, làm cho ý tứ thêm phong phú: *Hồ Chí Minh, Bác, Người, người chiến sĩ cách mạng, người nghệ sĩ,...*  *+* Cách trích lại các từ ngữ được dùng để nói chính xác "cái thần" trong con người Bác và thơ Bác của các nhà nghiên cứu, các nhà thơ khác làm cho văn có hình ảnh, sinh động, giàu tính thuyết phục,...  **Bài tập 2:** Tìm hiểu đoạn trích và trả lời câu hỏi bên dưới:  a. Những từ ngữ in đậm trong đoạn trích được sử dụng đều thuộc lĩnh vực tinh thần, mang nét nghĩa chung: u sầu, lặng lẽ, rất phù hợp với tâm trạng của nhà thơ Huy Cận trong tập *Lửa thiêng.*  b. Các từ ngữ giàu tính gợi cảm (*đìu hiu, ngậm ngùi dài, than van, cảm thương)* cùng với lối xưng hô đặc biệt (*chàng*) và hàng loạt các thành phần đồng chức nêu bật sự đồng điệu giữa người viết (Xuân Diệu) với nhà thơ Huy Cận.  **Bài tập 3:** Chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp trong đoạn văn:  - *Kịch tác gia vĩ đại, kiệt tác,...* dùng từ sáo rỗng, không phù hợp với đối tượng.  *- Người ta ai mà chẳng, chẳng ka gì cả, phát bệnh*: dùng từ không phù hợp với đặc điểm của phong cách văn bản nghị luận, viết như nói, quá nhiều từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.  ***Tóm lại:*** *Khi viết văn nghị luận cần chú ý cách dùng từ ngữ:*  *- Lựa chọn từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận; tránh dùng từ lạc phong cách hoặc những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì.*  *- Kết hợp sử dụng các phép tu từ từ vựng và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp.*  **II. Cách sử dụng kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận**  **Bài tập 1**  **Đề tài:** Phân tích nhân vật Trọng Thuỷ trong *Truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thuỷ.*  - Đoạn văn 2 sử dụng toàn câu tường thuật, cấu tạo cơ bản giống nhau: đều là câu chủ động với chủ ngữ là *Trọng Thuỷ*. Cách diễn đạt này không sai nhưng đơn điệu, thiếu sức gợi cảm.  - Đoạn văn 2 sử dụng nhiều kiểu câu: câu tường thuật, câu hỏi tu từ; sử dụng câu văn linh hoạt, câu văn ngắn, câu văn dài; sử dụng một số phép tu từ về câu: phép chêm xen, phép liệt kê.  Như vậy, cách sử dụng các kiểu câu trong đoạn 2 linh hoạt, uyển chuyển, phù hợp với lập luận và cảm xúc của người viết.  **Bài tập 2:** Tìm hiểu ví dụ và thực hiện yêu cầu bên dưới:  - Đoạn trích chủ yếu sử dụng kiểu câu miêu tả với những từ ngữ, hình ảnh giàu tính hình tượng. Việc sử dụng kiểu câu này có tác dụng gợi lên ở người đọc những tưởng tượng cụ thể, sinh động về làng quê của nhà thơ Nguyễn Bính, giúp người đọc hiểu hơn "chân quê" trong thơ ông.  - Phân tích giá trị của câu: *Chỉ nghĩ lại cũng đã se lòng.*  + Câu ngắn gọn hơn nhiều so với câu trước và sau nó, có tác dụng dồn nén thông tin, như một sự khẳng định chắc gọn, dứt khoát.  + Câu không chủ ngữ nên có giá trị khái quát. Điều c*hỉ nghĩ lại cũng đã se lòng* không của riêng người viết, không của riêng ai mà cho tất cả mọi người đọc và nghĩ về cảnh làng quê của Nguyễn Bính*.*  **Bài tập 3:** Cả 2 đoạn văn đều mắc lỗi sử dụng một mô hình câu cho cả đoạn, dẫn đến cảm giác nặng nề, đơn điệu, nhàm chán.  ***Tóm lại:*** *Khi viết bài văn nghị luận cần chú ý sử dụng kết hợp các kiểu câu:*  *- Kết hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tạo nên giọng điệu linh hoạt, biểu hiện cảm xúc.*  *- Sử dụng các phép tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ thái độ, cảm xúc.*  HS làm bài tập, đọc trước lớp, chỉ ra việc sử dụng kết hợp một cách linh hoạt, hợp lí nhiều kiểu câu khác nhau trong đoạn văn. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Cách dùng từ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu và xác định giọng điệu phù hợp trong bài nghị luận.

**5. Dặn dò**

- Về nhà sưu tầm các đoạn văn, bài văn nghị luận có cách diễn đạt hay, độc đáo.

- Chuẩn bị bài : *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ).

Ngày soạn: 7/3/2017

Ngày dạy:

**Tiết 85-86. Đọc văn. HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT**

***Lưu Quang Vũ***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh: Phải sống nhờ, sống vay mượn, trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị nhiễm độc và bị tha hóa bởi sự lấn át của thể xác phàm tục..

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự giả tạo và dung tục, bảo vệ quyền được sống đích thực cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách.

- Thấy được kịch Lưu Quang Vũ đặc sắc ở: sự hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu; sự kết hợp giữa tính hiện đại với các giá trị truyền thống; sự phê phán mạnh mẽ và chất trữ tình đằm thắm.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

**-** Sống là chính mình, bảo vệ những phẩm chất cao quí và khát vọng hoàn thiện nhân cách để có một cuộc sống thực sự có ý nghĩa, xứng đáng với con người.

**B. Phương tiện dạy học**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Phân tích mâu thuẫn xung đột qua hành động ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật. HS tập làm diễn viên nhập vai thể hiện nội dung đoạn trích

- Vận dụng phương pháp đàm thoại, phát vấn, diễn giảng giúp HS tiếp cận những thông điệp quan trọng của văn bản

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 85 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Phân tích cuộc đấu giữa ông già và con cá kiếm.

- Mối quan hệ giữa ông lão và con cá.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Lưu Quang Vũ được đánh giá là một trong những nhà viết kịch vĩ đại của văn học Việt Nam. Ông có những đóng góp lớn lao trong sự chuyển đổi mạnh mẽ của nền kịch nói Việt Nam những năm 80 của thế kỉ XX. Và vở kịch *Hồn Trương Ba da hàng thịt* của ông đánh dấu chợ nghiệp sáng tác của Lưu Quang Vũ. Để hiểu rõ hơn điều đó, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **TIẾT 85** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  ? *Hãy nêu những nét chính về tác giả.*.  ? *Em đã được học những vở kịch nào ở chương trình 11?*  -Yêu cầu HS tóm tắt tác phẩm  ? *Quá trình vận động của một vở kịch ?* (thắt nút – phát triển- cao traò- mở nút)  ? *Xác định vị trí đoạn trích?*  *Nêu sơ lược cảnh trước đoạn trích- từ nghịch cảnh đó đã được đẩy tới cao trào bằng các lớp đối thoại giữa:…*  -Yêu cầu HS đọc phân vai  ? *Kịch tính được thể hiện như thế nào qua màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt?*  **Hết tiết 85, chuyển sang tiết 86**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 86 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   ?*Tìm hàm ý mà tác giả muốn gởi gắm qua màn đối thoại đó?*  ? *Mâu thuẫn kịch được phát triển như thế nào qua màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và những người thân?*  ? *Những phản ứng của người thân đã đưa hồn Trương Ba đến quyết định gì?*  ? *Quyết định đó có ý nghĩa gì?*  ? *Mâu thuẫn kịch được giải quyết như thế nào qua màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích?*  ? *Quan niệm về sự sống của Hồn TB và Đế Thích có gì khác nhau?*  ? *Nhận xét về đoạn kết.*  ? *Khái quát chủ đề?*  ? *Những nét đặc sắc về nghệ thuật?*    **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Kịch của Lưu Quang Vũ là sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa tính thời sự và những vấn đề muôn thuở. Vậy đâu là tính thời sự, ý nghĩa phê phán của vở kịch ?  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  Đâu là những thông điệp muôn thuơ Lưu Quang Vũ hi vọng được gửi trao, dâng hiến tới cuộc đời ? | **I. Giới thiệu chung**  **1. Tác giả**: Lưu Quang Vũ (1948-1988) .  - Một tài năng đa dạng: Thơ, văn xuôi,hội họa, kịch  - Kịch là đóng góp đặc sắc nhất của ông.  - Nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại  **2. Tác phẩm**  -Thể loại kịch – Từ một truyện cổ dân gian cùng tên Lưu Quang Vũ đã hư cấu, sáng tạo thành một vở kịch nói hiện đại; đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng triết lí và nhân văn sâu sắc  - Tóm tắt (SGK)  - Đoạn trích :  + Cảnh VII và đoạn kết của vở kịch  + Phần cao trào- mở nút  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt**  ***a. Nội dung đối thoại***   |  |  | | --- | --- | | **Hồn Trương Ba** | **Xác hàng thịt** | | - Nghịch cảnh: linh hồn nhân hậu, trong sạch phải trú nhờ trong một thân xác thô phàm  - Bị xác thịt thô phàm điều khiển, lấn át, dần dần bị tha hóa  - Ý thức sâu sắc về sự tha hóa; dằn vặt đau khổ, tìm cách thoát khỏi xác thịt để tồn tại độc lập  - Khinh bỉ, mắng mỏ lí lẽ ti tiện của xác hàng thịt nhưng rồi ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh của mình và phải nhập vào xác hàng thịt một cách tuyệt vọng | - Mang sức mạnh âm u đen tối  - Khống chế, ve vãn, kêu gọi hồn Trương Ba thỏa hiệp bằng những lí lẽ ti tiện (SGK 145)  - Khẳng định sự thắng thế của mình “ chẳng còn cách nào khác nữa đâu- cả hai đã hòa làm một rồi” |   ***b. Hàm ý của màn đối thoại***  - Trương Ba được trả lại sự sống nhưng đó là một cuộc sống đáng hổ thẹn, vì phải sống chung với sự dung tục và bị sự dung tục đồng hóa  - Khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu cái dung tục ấy sẽ ngư trị, thắng thế và sẽ tàn phá những gì trong sạch cao quí của con người  **2. Màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và những người thân**  ***a. Nội dung đối thoại***   |  |  | | --- | --- | | **Những người thân** | **Hồn Trương Ba** | | - Vợ : đau khổ, giàu lòng vị tha nhưng quyết định sẽ bỏ đi  - Con dâu: thông cảm cho hoàn cảnh trớ trêu của bố chồng nhưng không giúp được gì.  - Cháu Gái : phản ứng dữ dội quyết liệt, không chấp nhận sự tồn tại của Trương Ba. | - Không chỉ bản thân đau khổ mà còn gây đau khổ cho những người ông thương yêu nhất  - Nỗi đau khổ tuyệt vọng đã lên đến điểm đỉnh . |   ***b. Quyết định của Hồn Trương Ba***  - Tình huống bi kịch thúc đẩy hồn Trương Ba phải lựa chọn với sự phản kháng mãnh liệt "*chẳng còn cách nào khác…, Không cần đến cái đời sống do mày mang lại. Không cần*".  - Con người phải đấu tranh với nghịch cảnh, với chính bản thân , chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách.  **3. Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích**  ***a. Nội dung đối thoại***   |  |  | | --- | --- | | **Hồn Trương Ba** | **Đế Thích** | | - Không chấp nhận kiểu sống “ bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo” muốn được là chính mình một cách trọn vẹn  - Chỉ ra sai lầm của Đế Thích “ Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống nhưng sống thế nào thì ông chẳng cần biết”  - Kiên quyết từ chối việc nhập vào xác cu Tị, vì đó cũng là một nghịch cảnh khác, cuộc sống đó “ còn khổ hơn cái chết” | - Ngạc nhiên vì những yêu cầu của Trương Ba  -Khuyên Trương Ba nên chấp nhận hoàn cảnh vì “*thế giới vốn không toàn vẹn*”  - Sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị nhưng bị từ chối vì Trương Ba sẽ trở nên “*bơ vơ, lạc lõng, thảm hại…*”  - Chấp nhận yêu cầu của Trương Ba với thắc mắc :“*Con người hạ giới các ông thật kì lạ*” |   ***b. Quan niệm về sự sống***  - Đế Thích : cái nhìn hời hợt, phiến diện về con người  - Trương Ba : ý thức sâu sắc về ý nghĩa của sự sống: Sống thực cho ra một con người không phải là điều đơn giản- Hồn và Xác phải hài hòa, không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục tội lỗi  **4. Màn kết**  - Trương Ba trả xác cho anh hàng thịt; chấp nhận cái chết để được là chính mình và linh hồn được trong sạch  - Hóa thân vào cây cỏ, các sự vật thân thương để tồn tại vĩnh viễn bên cạnh những người thân yêu với niềm tin cuộc sống vẫn tuần hoàn theo quy luật của muôn đời.  - Bi kịch mang âm hưởng lạc quan; thông điệp về sự chiến thắng của cái Thiện- cái Đẹp- của cuộc sống đích thực.  **III. Tổng kết**  **1. Chủ đề** : Từ một truyện cổ dân gian Lưu Quang Vũ đã đưa ra một quan niệm cao đẹp về cách sống : Hãy sống chân thật với chính mình, phải biết đấu tranh với nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới nhưng giá trị tinh thần cao quý.  **2. Nghệ thuật**  - Xung đột giàu kịch tính  - Ngôn ngữ đặc trưng cho ngôn ngữ kịch  - Sự kết hợp tính hiện đại với các giá trị truyền thống  - Chất thơ, chất trữ tình bay bổng.  \* ***Ghi nhớ:*** *SGK.*  - Từ một câu chuyện dân gian, Lưu Quang Vũ cảnh báo về hiện tượng :  + Con người chỉ chạy theo những ham muốn tầm thường về vật chất, chỉ thích hưởng thụ, sống dung tục, tầm thường.  + Lấy cớ tâm hồn là quý, đời sống tinh thần mới là đáng trọng để bỏ bê những nhu cầu nâng cao đời sống vật chất của con người.  + Tình trạng sống giả, không dám và cũng không được như bản thân mình của con người. Đó là nguy cơ đẩy con người đến chỗ tha hóa.  - Vở kịch gửi gắm thông điệp của tác giả : Được sống làm người quý giá thật, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hòa giữa thể xác và tâm hồn. Con người phải luôn luôn đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục, để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

**-** Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt.

- Thái độ của những người thân trước sự thay đổi của Trương Ba.

- Quyết định cuối cùng của Trương Ba khi gặp Đế Thích.

- Cảm nhận về đoạn kết của vở kịch.

**5. Dặn dò**

**-** Tìm đọc truyện dân gian *Hồn Trương Ba da hàng thịt.* Thử so sánh những yếu tố kế thừa và sáng tạo của Lưu Quang Vũ.

- Chuẩn bị bài học mới: *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*- Trần Đình Hượu.

Ngày soạn: 8/3/2017

Ngày dạy:

**Tiết 87. Làm văn. DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Nâng cao kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách tránh lỗi về dùng từ, viết câu, sử dụng giọng điệu không phù hợp với chuẩn mực ngôn từ của bài văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ**

- Có ý thức một cách đầy đủ về chuẩn mực ngôn từ của bài văn nghị luận.

**B. Phương tiện**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Qui nạp.

- Kết hợp làm việc cá nhân với trao đổi theo nhóm.

- Thảo luận nhóm để rút ra các ghi nhớ về cách dùng từ, sử dụng kết hợp các kiểu câu và xác định giọng điệu phù hợp.

- Chú ý hoạt động của học sinh.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 87 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Bài học ngày hôm nay sẽ rèn luyện cho các em cách xác định giọng điệu phù hợp trong bài nghị luận. Từ đó, rèn luyện các kĩ năng diễn đạt để viết bài văn nghị luận một cách linh hoạt, sáng tạo.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **?**Đối tượng nghị luận và nội dung cụ thể của hai đoạn trích trên khác nhau nhưng giọng điệu trong lời văn có điểm gì tương đồng?  **?**Điểm khác nhau cơ bản giữa hai đoạn trích là gì?  **?**Chỉ rõ cách sử dụng từ ngữ hoặc cách sử dụng kết hợp các kiểu câu, các phép tu từ từ vựng hoặc cú pháp có vai trò chủ yếu trong việc biểu hiện giọng điệu của đoạn trích?  **?**Nhận xét giọng điệu của lời văn nghị luận trong các đoạn trích trên. Chỉ rõ những phương tiện từ ngữ, kiểu câu được dùng để biểu hiện giọng điệu đó.  **?**Phân tích ngắn gọn những cơ sở tạo nên sự khác biệt của giọng điệu ấy trong từng trường hợp cụ thể.  **?**Từ những nội dung đã tìm hiểu, em hãy xác định đặc điểm quan trọng nhất của giọng điệu trong văn nghị luận.  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  Bài tập 1 (tr.157)  Phân tích rõ những đặc điểm trong cách sử dụng từ ngữ, vận dụng và kết hợp các kiểu câu, biểu hiện giọng điệu của lời văn trong những đoạn trích.  Bài tập 2.  Viết một đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên hiện nay, trong đó có sử dụng từ ngữ, các kiểu câu và giọng điệu phù hợp.  GV hướng dẫn HS tự làm, sau đó kiểm tra bài làm của HS. | **III. Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận:**  **Bài tập 1:** Tìm hiểu đoạn trích và thực hiện yêu cầu bên dưới:  a. Đối tượng nghị luận và nội dung cụ thể của hai đoạn trích khác nhau: Đoạn 1 tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta, còn đoạn kia thể hiện nhân xét về giá trị tư tưởng của thơ Hàn Mặc Tử. Tuy nhiên, về giọng điệu, hai đoạn đó có điểm tương đồng: giọng điệu khẳng định một cách hùng hồn, dứt khoát, trang nghiêm.  *Điểm khác nhau:*  - Đoạn trích 1: thể hiện thái độ căm thù trước tội ác của thực dân Pháp. Thái độ này được thể hiện qua cách xưng hô, sử dụng các câu ngắn, có kết cấu cú pháp tương tự nhau.  - Đoạn trích 2: diễn đạt theo kiểu phản đề: nêu ý kiến đối lập rồi ngay lập tức bác bỏ và nêu ý kiến của mình. Cách diễn đạt như vậy tạo không khí đối thoại, trao đổi, đồng thời cũng thể hiện sự khẳng định dứt khoát của tác giả. Cách xưng hô ở đây cũng khác. Đó là cách xưng hô thân mật.  b. Sự khác biệt giọng điệu trong hai đoạn trích đầu tiên là do đối tượng nghị luận, quan hệ giữa người viết với nội dung nghị luận khác nhau. Sau đó, về phương diện ngôn ngữ, cách duùngtừ ngữ (đặc biệt là từ xưng hô, các từ ngữ nêu nội dung đánh giá, nhận xét), cách sử dụng kết hợp các kiểu câu,...cũng tạo nên sự khác nhau đó.  **Bài tập 2**  - Đoạn trích 1 sử dụng câu khẳng định dứt khoát, câu cảm thán, câu cầu khiến có tính chất hô hào, thúc giục; kết hợp nhiều kiểu câu, sử dụng kết hợp câu ngắn và câu dài một cách hợp lí. Giọng văn thể hiện sự hô hào, thúc giục đầy nhiệt huyết.  - Đoạn trích 2 sử dụng nhiều từ ngữ gợi cảm, nhiều thành phần đồng chức (câu có nhiều chủ ngữ, vị ngữ) tạo giọng văn giàu cảm xúc.  ***Tóm lại:*** *Giọng điệu cơ bản của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc nhưng ở mỗi phần trong bài văn có thể thay đổi sao cho phù hợp với nội dung cụ thể.*  *Tính trang trọng,nghiêm túc thể hiện ở việc dùng từ ngữ chuẩn mực (không dùng khẩu ngữ, biệt ngữ, tiếng lóng), ở việc viết câu mạch lạc, ở thái độ tôn trọng người đọc, người nghe. Tuy nhiên, người viết có quyền sử dụng một số biện pháp tu từ từ vựng, tu từ cú pháp trong những trường hợp cụ thể để tạo nên sức hấp dẫn cho văn bản.*  - Đoạn văn 1.  Giọng điệu hóm hỉnh.  Sử dụng lối chơi chữ : đứng đắn / lưu đãng hão huyền ; thanh bần / mối lụy, chan hòa / cô đơn, tài hoa / phá bĩnh…  Sử dụng kiểu câu đăng đối gần với văn biền ngẫu.  - Đoạn văn 2.  Giọng điệu hùng hồn mang ý nghĩa khẳng định.  Từ ngữ chuẩn mực, trang trọng.  Câu văn mạch lạc, tường minh.  - Đoạn văn 3.  Giọng điệu luận thuyết vừa mang ý nghĩa phát hiện, vừa mang ý nghĩa khẳng định.  Sử dụng từ ngữ có ý nghĩa tương phản : yếu đuối / hùng mạnh, tủi nhục /vinh quang, chịu đựng / bất bình, khóc / cười, lê lết trên mặt đất / vùng vẫy trên cao, tự ti / tự tôn…  Sử dụng cấu trúc câu ghép có mô hình “nếu… thì” và phép lặp mô hình câu.  HS tự làm, đọc trước lớp, chỉ ra việc sử dụng từ ngữ, các kiểu câu và giọng điệu phù hợp.  Các HS khác nhận xét. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Cách dùng từ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu và xác định giọng điệu phù hợp trong bài nghị luận.

**5. Dặn dò**

- Về nhà sưu tầm các đoạn văn, bài văn nghị luận có cách diễn đạt hay, độc đáo.

- Chuẩn bị bài : “Nhìn về vốn văn hóa dân tộc” (Trần Đình Hượu).

Ngày soạn: 15/3/2017

Ngày dạy:

**Tiết 88-89. Đọc văn. NHÌN VỀ VỐN VĂN HOÁ DÂN TỘC**

***Trần Đình Hượu***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Nắm được những luận điểm chủ yếu và liên hệ thực tế để hiểu rõ những đặc điểm của vốn văn hóa Việt Nam.

**2. Kĩ năng**

- Nâng cao kĩ năng đọc, nắm bắt và xử lí thông tin trong những văn bản khoa học,chính luận.

**3. Tư duy, thái độ**

- Giáo dục lòng tự hào, ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập ngày nay.

**B. Phương tiện dạy học**

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Tự đọc và tóm tắt tác phẩm trước nội dung ở nhà.

- Thảo luận nhóm để nắm bắt nội dung và mở rộng vấn đề.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 88 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Hãy phân tích cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt.

- Phân tích màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và người thân.

- Phân tích màn kịch giữa hồn Trương Ba và Đế Thích.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Theo Từ điển tiếng Việt, văn hóa là *"tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần*

*do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử".*

Hãy cùng tìm hiểu về vốn văn hoá dân tộc trên cả hai mặt tích cực và hạn chế, từ đó phát

huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế để hội nhập với thế giới trong thời đại ngày nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 88** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?**Nêu những nét chính về tác giả?  Giới thiệu bài “ *Về vấn đề đặc sắc văn hóa dân tộc*”.  **?**Cho biết vị trí đoạn trích? Nội dung?  Gồm 3 phần với 3 nội dung lớn  Gọi 2 HS đọc văn bản: đọc đúng ngữ điệu, phong cách,chú ý những nhận định.  **?** Em hiểu như thế nào là văn hóa? Những phương diện nào về văn hóa được tác giả đề cập ở văn bản?  Tổ chức HS thảo luận nhóm, phát hiện đặc điểm nổi bật của vhvn,những mặt tích cực và hạn chế của nó  Gợi ý HS liên hệ: Việt Nam có nhiều tôn giáo, dân tộc chung sống rất hòa hợp không có những xung đột sắc tộc, tôn giáo gay gắt như một số nước khác trên thế giới, không xem cuộc sống trần thế là khổ hạnh...  \*kiến trúc:chùa một cột, chùa Tây phương, tháp rùa quy mô nhỏ nhưng có những điểm nhấn tinh tế khéo léo  \*Văn học:quy mô khong lớn song cũng có những tp xuất sắc, đặc biệt là kho tàng vhdg phong phú .  \*Âm nhạc: âm nhạc dân tộc như: các làn điệu dân ca, ca trú rất đặc sắc với những nhạc cụ độc đáo : cồng chiêng, đàn tranh, đàn đáy, đàn bầu, đàn t.rưng...  \*giao tiếp;  "dĩ hòa vi quý" “,chín bỏ làm mười”, "một điều nhịn chín điều lành”.Có tinh thần đoàn kết dân tộc cao, sống chan hòa yêu thương “lá lành đùm lá rách”, “bầu ơi thương lấy bí cùng” “ở hiền gặp lành” các nhân vật trong truyện cổ tích .  \* Mặc : giản dị ,kín đáo duyên dáng,thanh lịch, không hở hang, phô trương, lòe loẹt .ví dụ : tà áo dài...  \*Ăn: món ăn đơn giản nhưng đậm đà hương vị rất đặc trưng như...  **Hết tiết 88, chuyển sang tiết 89**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 89 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   **?** Song song với mặt tích cực, văn hoá Việt Nam cũng tiềm ẩn những mặt hạn chế. Theo em đó là những hạn chế gì?  \*Liên hệ thế giới:.  + Tôn giáo:đất Phật Ấn Độ ;kiến trúc:kim tự tháp Ai cập, chùa tháp Căm–pu–chia, Thái Lan; Văn học: Trung quốc với tiểu thuyết cổ điển, thơ Đường, Hi Lạp với kho tàng thần thoại đặc sắc, âm nhạc:Áo, Ba lan....  Từ phân tích ấy, tác giả rút ra bản chất và nguyên nhân tạo nên đặc điểm văn hóa truyền thống  GV giải thích thêm:Việt Nam là đất nước nhỏ yếu, thời Bắc thuộc chỉ là mộtquận nhỏ của Trung Quốc, luôn chịu nạn ngoại xâm, đời sống vật chất cơ bản là nghèo nàn, lạc hậu, khoa học ký thuật không phát kinh tế. Điều này tạo nên tâm lí ưa thu hẹp sao cho đủ, ngại giao lưu, trao đổi, vươn xa “thắt lưng buộc bụng”, “ trâu ta ăn cỏ đồng ta”.  **?**Em hiểu như thế nào là bản sắc văn hóa dân tộc ?  **?**Bản sắc văn hóa Việt Nam được tạo nên bởi những yếu tố nào ?  Gợi ý học sinh liên hệ về sự du nhập của văn hóa phương Đông và phương Tây  - Tôn giáo :  + Phật giáo từ Ấn Độ ,Trung Quốc: từ bi bác ái phù hợp với lẽ sống của người Việt Nam (lá lành đùm lá rách, thương người như thể thương thân) xuất gia không phải để siêu thoát mà để nhập thế cứu đời  + Nho giáo : từ Trung Quốc ’không tiếp nhận ở khía cạnh giáo điều khắc nghiệt mà được người Việt Nam tiếp nhận sáng tạo theo hướng tích cực.  + Thiên chúa giáo : từ phương Tây với tính độc tôn là chỉ thờ chúa.  \*Liên hệ Nghị quyết TW V: xây dựng nền văn hoá tiên tiến, hiện đại đậm đà bản săc dân tộc  **?**Gợi ý để HS tự rút ra ý khái quát về nội dung và nghệ thuật?  GV chốt lại ý tổng kết và gọi HS đọc phần ghi nhớ ở SGK.  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn HS luyện tập  Hướng dẫn HS làm bài tập 1 ở nhà.  Hướng dẫn HS giải bài tâp 2,3 SGK ở lớp, tổ chức HS thảo luận, trao đổi nhóm.  **Hoạt động 4. Hoạt động bổ sung**  Tìm và phân tích một số ví dụ về sự tiếp thu một cách sáng tạo văn học Trung Quốc của các nhà văn, nhà thơ Việt Nam. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:** Trần Đình Hượu (1926- 1995)  - Là nhà khoa học chuyên nghiên cứu các vấn đề lịch sử tư tưởng và văn học Việt nam trung cận đại  - Các công trình nghiên cứu chính:SGK.  - Năm 2000 được tặng giải thưởng nhà nước về khoa học và công nghệ.  **2. Đoạn trích**  -Vị trí: thuộc phần II bài về vấn đề đặc sắc văn hóa dân tộc.  -Nội dung: những nhận định mang tính bao quát về bản sắc văn hóa Việt Nam.  -Thể loại: văn nhật dụng  **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1.Văn hóa và các phương diện chủ yếu của văn hóaViệt Nam**:  ***a. Văn hóa là gì ?*** Theo Từ điển tiếng Việt :Văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử (không có trong tự nhiên) như: văn hóa lúa nước, văn hóa cồng chiêng, văn hóa chữ viết ,văn hóa đọc, văn hóa ăn (ẩm thực) văn hóa mặc ,văn hóa ứng xử...  ***b. Các phương diện chủ yếu của văn hóaViệt Nam***  -Tôn giáo, nghệ thuật : kiến trúc hội họa ,văn học  - Ứng xử : giao tiếp cộng đồng, tập quán  -Sinh hoạt: ăn, ở, mặc.  **2. Đặc điểm của văn hóa Việt Nam**  ***Đặc điểm nổi bật***: giàu tính nhân bản,tinh tế, hướng tối sự hài hòa trên mọi phương diện (tôn giáo nghệ thuật, ứng xử ,sinh hoạt) với tinh thần chung “thiết thực, linh hoạt và dung hòa” => Điều này vừa biểu hiện những mặt tích cực vừa tiềm ẩn những mặt hạn chế.  ***a. Mặt tích cực:***  ***- Về tôn giáo, nghệ thuật:***  *+ Tôn giáo*: không say mê cuồng tín không cực đoan mà dung hòa giữa các tôn giáo, coi trọng hiện thế trần tục hơn thế giới bên kia, nhưng không bám lấy hiện thế, không sợ hãi cái chết.  *+ Nghệ thuật:* tuy không có quy mô lớn ,tráng lệ, phi thường nhưng sáng tạo được những tác phẩm tinh tế, chủ yếu là lĩnh vực thơ ca nhiều người biết làm thơ, xã hội trọng văn chương.  ***- Về ứng xử:***  +Thích sự yên ổn:mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp, yên phận thủ thường, không kỳ thị,không kỳ thị, cực đoan, quý sự hòa đồng hơn sự rạch ròi trắng đen.  +Trọng tình nghĩa: chuộng người hiền lành, tình nghĩa, khôn khéo, chuộng sự hợp tình, hợp lý.  ***- Về sinh hoạt: ưa sự chừng mực, vừa phải***  *+ Cái đẹp*: thích cái xinh ,cái khéo, cái thanh nhã “cái đẹp vừa ý là xinh là khéo...chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét cái sặc sỡ, quy mô chuộng sự vừa khéo, vừa xinh, vừa khoảng”,  *+ Ăn mặc*:thích cái giản di, thanh đạm, kín đáo, thanh nhã, hòa hợp với thiên nhiên “áo quần, trang sức đều không chuộng sự cầu kì.Tất cả đều hướng vào cái dịu dàng thanh lịch...quý sự kín đáo hơn là sự phô trương.”  Tạo nên tính ổn định, nét riêng của văn hóa truyền thống Việt nam:cuộc sống thiết thực, bình ổn, lành mạnh với những vẻ đẹp dịu dàng,thanh lịch, con người sống có tình nghĩa, có văn hóa trên một cái nền nhân bản.  ***b. Mặt hạn chế***:  - Không có một ngành khoa học ,kỹ thuật nào phát triển đến thành truyền thống, âm nhạc, hội họa, kiến trúc đều không phát triển đến tuyệt kĩ,chưa có một ngành văn hóa nào đó trở thành danh dự ,thu hút, quy tụ cả nền văn hóa  - Đối với cái dị kỉ, cái mới,không dễ hòa hợp nhưng cũng khong cự tuyệt đến cùng, chấp nhận những gì vừa phải, phù hợp nhưng cũng chần chừ, dè dặt, giữ mình.  - Không có khát vọng để hướng đến những sáng tạo lớn,không đề cao trí tuệ.  **→**Tạo sức ì, sự cản trở những bước phát triển mạnh mẽ làm nên tầm vóc lớn lao của các giá trị văn hóa lớn của dân tộc  ***\*Bản chất và nguyên nhân*:**  - Bản chất của nền văn hóa truyền thốnglà nền văn hóa của dân nông nghiệp định cư,không có nhu cầu lưu chuyển,trao đổi không có sự kích thich của đô thị.  - Nguyên nhân :Phải chăng đó là kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế nhiều khó khăn,nhiều bất trắc.  → Cái nhìn sắc sảo, thẳng thắn,phân tích thấu đáonhững mặt tích cực và những hạn chế của văn hóa truyền thống,đồng thời rút ra bản chất , nguyên nhân tạo nên những đặc điểm của nền văn hóa truyền thống ,giúp chúng ta có cái nhìn thấu đáo, bao quát về nền văn hóa dân tộc.Từ đó có ý thức phát huy những ưu điêm, khắc phục những hạn chế để tạo tầm vóc lớn cho văn hóa đân tộc  **3. Yếu tố tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam**  ***a. Bản sắc văn hóa là gì***? Là cái riêng ,cái độc đáo mang tính bền vững và tích cực của một cộng đồng văn hóa.Bản sắc văn hóa dân tộc được hình thành trong lịch sử tồn tai và phát triển lâu đời của một dân tộc.  ***b. Yếu tố tạo nên bản sắc vh Việt Nam***  *+ Nội lực*: Là cái vốn có của dân tộc, đó là thành quả sáng tạo riêng của cộng đồng văn hóa, cộng đồng dân tộc Việt Nam → Nếu không có thì nền văn hóa sẽ không có nội lực bền vững.  *+ Ngoại lực*:Qúa trình chiếm lĩnh ,đồng hóa các giá trị văn hóa từ bên ngoài,quá trình tích tụ,tiếp nhận có chọn lọc các giá trị văn hóa của nhân loại Nếu cứ “ bế quan tỏa cảng”thì không thừa hưởng đươc những giá trị tinh hoa và tiến bộ của văn hóa nhân loại, không thể phát triển, không thể tỏa rạng được giá trị văn hóa vốn có vào đời sông văn hóa rộng lớn của thế giới.  \* Sự kêt hợp ,dung hòa giữa cái vốn có của dân tộc với cái tiếp nhận có sàng lọc văn hóa nước ngoài tạo nên bản sắc riêng độc đáo của con người và dân tộc Việt Nam .Đây chính là nét riêng để phân biệt với các dân tộc, quốc gia khác và là điểm hấp dẫn đối vối khách du lịch quốc tế.  **III. Tổng kết**  **-** Nội dung : những nhận định bao quát những đặc điểm văn hóa truyền thống với những mặt manh , yếu vốn có của nóvà hướng xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc thời hội nhập.Qua đỏ thể hiện niềm tự hào dân tộc sâu sắc của tác giả  - Nghệ thuật: Tính chặt chẽ, mạch lạc, lôgic thuyết phục và sự kêt hợp giữa phong cách khoa học với phong cách chính luận.  **IV. Luyện tập**  **Bài 1:**  - Giải thích.  - Phân tích sự phát triển, biến đổi của tư tưởng trong lịch sử dân tộc.  - Nêu biểu hiện: những tốt đẹp và mặt trái của vấn đề.  - Nêu suy nghĩ bản thân.  **Bài 2:** Nét đẹp gây ấn tượng trong ngày tết: tống cựu nghênh tân, đón giao thừa,xông đất, hái lộc đầu năm,du xuân ,chúc tết,mừng tuổi...Với hy vọng mọi sự xui xẻo của năm cũ sẽ qua đi ,một năm mới tài lộc dồi dào, làm ăn thịnh vượng, mạnh khỏe tiến bộ, thành đạt hơn năm cũ.  **Bài 3:** Hủ tục cần bài trừ nhất trong các ngày tết là:nạn bói toán, đánh bạc,rượu chè thái quá.  HS thảo luận nhóm, trả lời. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Những đặc điểm nội bật của văn hoá truyền thống.

- Những hạn chế trong sự sáng tạo văn hóa của ta.

- Cách giữ gìn và phát huy văn hoá dân tộc.

**5. Dặn dò**

- Tham khảo các tài liệu về vấn đề văn hóa Việt Nam.

- Chuẩn bị bài học mới: *Phát biểu tự do.*

Ngày soạn : 16/3/2017

Ngày dạy :

**Tiết 90. Làm văn. PHÁT BIỂU TỰ DO**

**A. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Có những hiểu biết sơ bộ về phát biểu tự do.

- Nắm được một số yêu cầu và nguyên tắc về phát biểu tự do.

**2. Kĩ năng**

**-** Từ tình huống cụ thể trong đời sống biết lựa chọn chủ đề phát biểu tự do, xây dựng đoạn văn ngắn để phát biểu chủ đề đã lựa chọn.

**3. Tư duy, thái độ**

- Bước đầu vận dụng được những kiến thức và kĩ năng đó vào công việc phát biểu tự do về một chủ đề mà em thấy hứng thú và có mong muốn trao đổi với người nghe.

**B. Phương pháp**

-Tổ chức cho HS thảo luận phát huy tính chủ động tích cực của HS ,cho HS hình dung ra tình huống, khai thác vốn sống vốn hiểu biết để có thể phát biểu tự do.

**C. Phương tiện**

GV : SGK,SGV, Giáo án.

HS : SGK, vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Nêu yêu cầu sử dụng từ ngữ, sử dụng và kết hợp các kiểu câu, xác định giọng điệu trong văn nghị luận.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Trong quá trình sống, học tập và làm việc, con người có rất nhiều điều say mê (hay buộc phải tìm hiểu). Tri thức thì vô cùng mà hiểu biết của mỗi người có hạn, nên chia sẻ và được chia sẻ là điều vẫn thường gặp. "Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội". Vì vậy, phát biểu tự do là một nhu cầu (muốn người khác nghe mình nói) đồng thời là một yêu cầu (người khác muốn được nghe mình nói). Qua phát biểu tự do, con người sẽ hiểu người, hiểu mình và hiểu đời hơn.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Tìm hiểu khái niệm phát biểu tự do**  *Hãy cho VD về phát biểu tự do?*  Trong cuộc sống có lúc con người phát biểu ý kiến của mình mà chưa chuẩn bị kĩ càng gọi là phát biểu tự do  *?Phát biểu tự do là gì?*  **Tìm hiểu nhu cầu thôi thúc con người phát biểu tự do?**  *?Phát biểu tự do xuất phát từ nhu cầu nào thôi thúc?*  *?Để phát biểu tự do cần phải như thế nào?*  **Tìm hiểu những yếu tố giúp phát biểu tự do thành công**  *?Để phát biểu tự do thành công ta cần những yếu tố nào?*  *Câu hỏi 3 trong SGK chọn phương án nào là phù hợp?(trừ phương án d không chọn)*  *Tưởng tượng tình huống để phát biểu tự do,và để phát biểu tự do cần chuẩn bị những gì?*  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  - Phát biểu tự do về cách ăn mặc và đầu tóc của HS trung học phổ thông hiện nay.  GV chia HS thành các nhóm, HS phát biểu tự nhiên, thoải mái.  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  GV nêu một số đề tài thường nảy sinh một cách ngẫu nhiên trong cuộc giao tiếp của HS trong phạm vi lớp, nhóm, tổ như : thời trang, tình bạn, tình yêu, kỉ niệm tuổi học trò, internet, cách học, những vướng mắc trong quan hệ với thầy cô, bạn bè, gia đình, tham quan, du lịch…  GV yêu cầu HS lựa chọn đề tài để thực hành nói. | **1. Khái niệm**  ***a. Ví dụ:*** nêu vd về phát biểu tự do như :  -Quan điểm chọn người yêu.  -Cảm tưởng của mình khi được dự một lễ sinh nhật ,một cuộc đi chơi.,một bữa tiệc,khi xem một cuộc thi hoa hậu,hoặc quan điểm của bạn về cách ăn mặc…  ***b. Khái niệm****:* Phát biểu tự do là dạng thường gặptrong đời sống ,ở đó người phát biểu có thể hào hứng trình bày những ý kiến của mình với người nghe,đó là những ý kiến hoàn toàn không theo chủ đề nào đã quy định trước ,đã chuẩn bị trước.  **\* Phát biểu tự do khác với phát biểu theo chủ đề**:  -Người nói tự tìm chủ đề nội dung phát biểu.  -Chủ đề nội dung đó có thể nảy sinh bất ngờ ,ngẫu nhiên ngoài dự tính.  **2. Những nhu cầu thôi thúc con người phát biểu tự do:**  \* Phát biểu tự do sinh ra từ tình huống trong đời sống:  -Khi có ai gợi lên xôn xao một kỉ niệm,một nỗi niềm mà lòng người phát biểu từng ấp ủ  -Một điều tâm niệm ,một bài học,một điều trăn trở về đời sống …ai đó gợi ra.  \* Để phát biểu tự do cần:  -Phải sống hết mình mới tìm ra chủ đề,nội dung phát biểu tự do.  -Phải tích lũy làm giàu vốn sống ,vốn hiểu biết với ý kiến thật riêng.  **3. Những yếu tố giúp phát biểu tự do thành công**  -Có hứng thú,am hiểu vấn đề mình phát biểu.  -Bám sát chủ đề ,không để xa đề,lạc đề.  -Rèn luyện kĩ năng tìm ý,sắp xếp ý nhanh chóng.  -Phải chú ý đến người nghe,hướng vào những nội dung mới mẻ ,thú vị, làm cho họ thích thú.để điều chỉnh kịp thời.  -Diễn đạt ý kiến của mình thành một số câu ,đoạn,không bắt buộc làm bài văn hoàn chỉnh.  **4. Tưởng tượng tình huống để phát biểu tự do:**  **VD:-** Vấn đề sành điệu trong thanh niên học sinh.  - Vấn đề thi hoa hậu ở nước ta.  - Vấn đề chọn nghề của học sinh sau khi tốt nghiệp THPT.  **\* Để phát biểu tự do cần :**  - Chọn chủ đề.  - Nguyên nhân vì sao.  - Phác thảo những ý chính, sắp xếp ý.  - Làm thế nào để thu hút sự chú ý của người nghe (xem SGK trang 164 tất cả các ý đã nêu).  🡪Ghi nhớ trang 164.  **5. Luyện tập:**  - Phát biểu tự do về cách ăn mặc và đầu tóc của HS trung học phổ thông hiện nay.  HS chia thành các nhóm, HS phát biểu tự nhiên, thoải mái.  HS chủ động chia nhóm, lựa chọn đối tác, đối tượng trong quá trình thực hành nói.  HS lựa chọn đề tài, giao tiếp theo nhóm, ghi âm lại cuộc trao đổi này.  HS cả lớp nghe lại phần ghi âm cuộc trao đổi của một số nhóm.  HS thảo luận thêm về cách thức giao tiếp, điều chỉnh những điểm cần thiết. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Khái niệm phát biểu tự do ; những yếu tố giúp phát biểu tự do thành công.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài : *Phong cách ngôn ngữ hành chính*.

Ngày soạn : 24/3/2017

Ngày dạy:

**Tiết 91-92 . Tiếng Việt. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững đặc điểm của ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để phân biệt với các phong cách ngôn ngữ khác : chính luận, khoa học, nghệ thuật…

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng hoàn chỉnh văn bản theo mẫu in sẵn của nhà nước hoặc có thể tự soạn thảo những văn bản thông dụng như : đơn từ, biên bản, tờ trình…khi cần thiết.

**3. Tư duy, thái độ**

- Hình thành khái niệm cũng như các quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong các văn bản hành chính.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. Phương pháp :** Phát vấn, thảo luận kết hợp với thực hành.

**C. Phương tiện**

GV: SGK, SGV, tư liệu tham khảo.

HS : SGK, vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 91 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ :** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Khi các em soạn thảo các loại văn bản hành chính như: viết giấy xin phép nghỉ học, viết đơn,

khai lí lịch…thì các em thường gặp lúng túng, mắc nhiều sai sót. Để hướng dẫn các em những

kiến thức và kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trong các văn bản hành chính , các em sẽ đến với bài

*Phong cách ngôn ngữ hành chính.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 91** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Hướng dẫn hs tìm hiểu văn bản hành chính và ngôn ngữ hành chính.  **- B1 :** Gọi 1 hs đọc các văn bản trong sgk.Hs đọc 3 văn bản sgk, cả lớp theo dõi.  **- B2 :** Gv gợi ý hs tìm hiểu các văn bản trên  + Em có nhận xét gì về mục đích giao tiếp của 3 văn bản trên ?  Hs trao đổi theo nhóm nhỏ và trình bày các nhận xét trước lớp.  + Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản đó ?  + Ngôn ngữ sử dụng trong 3 văn bản có điểm gì nổi bật ?  **- B3 :** Hướng dẫn hs tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ hành chính  Theo em trình tự của một đơn xin phép sẽ viết như thế nào ?    Em có nhận xét gì về cách trình bày, từ ngữ, ngữ pháp trong đơn ?- Khác với phong cách nghệ thuật ở điểm nào ?  - Gv chốt lại ý chính.  **Hết tiết 91, chuyển sang tiết 92.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 92 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   Hướng dẫn hs tìm hiểu đặc trưng của ngôn ngữ hành chính.  **- B1** : Từ 3 văn bản ở sgk yêu cầu hs trả lời các câu hỏi.  + Phong cách ngôn ngữ hành chính có những đặc trưng nào?  + Các đặc trưng đó được thể hiện cụ thể ntn ?  Hs dựa vào các văn bản sgk để trả lời các câu hỏi  **- B2:** Gv chốt lại ý chính, hs lắng nghe và ghi ý chính  \* Văn bản hành chính không được tẩy xóa, hay sửa đổi.  \* Ngôn ngữ hành chính cần có tính khách quan, trung hòa về sắc thái biểu cảm.  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn hs luyện tập  **- B1 :** Gv gợi ý hs từng bài tập 1,2 trong sách gk.  Hs làm bài tập ở sgk  Theo hình thức thảo luận nhóm  **- B2 :** Yêu cầu hs làm bài tập số 3 ở nhà.  **- B3 :** Yêu cầu đọc thêm một số bài tập ở sách bài tập Ngữ văn tập 2,trang 67  Hs đọc tham khảo :  Lệnh của chủ tịch nước về việc công bố luật và Điều 85 luật Giáo dục    **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  GV ra bài tập :  Viết đơn xin phép nghỉ học.  GV lưu ý HS phải có ý thức sử dụng ngôn ngữ trong văn bản hành chính.  GV đánh giá bằng cách cho điểm. | **I. Văn bản hành chính và ngôn ngữ** **hành chính :**  **1. Văn bản hành chính**   1. *Ngữ liệu* (sgk)   - Văn bản 1 : Nghị định của chính phủ  - Văn bản 2 : Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông .  - Văn bản 3 : Đơn xin học nghề.   1. *Nhận xét :*   - Giống nhau:  Tính khuôn mẫu; từ ngữ hành chính; mục đích giao tiếp (đều được sử dụng trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể từ trung ương đến cơ sở như : pháp lệnh, nghị quyết,công văn, đơn từ, văn bằng, hợp đồng, hóa đơn, hiệp định…)  - Khác nhau:  Nhân vật giao tiếp; mục đích giao tiếp(Mỗi loại văn bản thuộc phạm vi ,quyền hạn khác nhau,đối tượng thực hiện khác nhau).  **2. Ngôn ngữ hành chính**  *a. Đặc điểm :*  - Về cách trình bày : đều được soạn thảo theo một kết cấu thống nhất, thường có ba phần theo một khuôn mẫu nhất định.  - Về từ ngữ : có lớp từ ngữ hành chính được dùng với tần số cao.  - Về kiểu câu : cấu trúc câu phải chặt chẽ, quan hệ giữa các thành phẩn trong câu phải được xác định rõ ràng, có một số kiểu câu được tổ chức theo khuôn mẫu, thể hiện tính chất trang nghiêm của công việc hành chính.  *b. Khái niệm:* ghi nhớ (sgk)  **II. Đặc trưng của pc ngôn ngữ hành chính**  **1. Tính khuôn mẫu** : thể hiện ở kết cấu văn bản thống nhất, thường có ba phần  + Phần đầu : quốc hiệu và tiêu ngữ.  + Phần chính : nội dung chính của văn bản.  + Phần cuối : chức vụ, chữ kí và họ tên của người kí văn bản, dấu của cơ quan.  **2. Tính minh xác :**  - Minh xác là cần trình bày mạch lạc, rõ ràng, xác thực, không sai sót, không sửa chữa hay tẩy xóa, có cơ sở và căn cứ pháp lí…  - Thể hiện ở cách dùng từ ngữ - mỗi từ chỉ có một nghĩa, mỗi câu chỉ có một ý, không dùng biện pháp tu từ.  **3. Tính công vụ :** ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong giao tiếp công vụ, mang tính chất chung của cộng đồng hay tập thể, được thể hiện ở nội dung và phương tiện ngôn ngữ  **\* Ghi nhớ**  : (sgk)  **III. Luyện tập**  **Bài 1 :** Giấy khai sinh, lí lịch, đơn xin phép, giấy chứng nhận tốt nghiệp…  **Bài 2 :** - Kết cấu theo khuôn mẫu  - Dùng nhiều ngôn ngữ hành chính : quyết định, ban hành,căn cứ, nghị định, quyền hạn,trách nhiệm, quản lí nhà nước,chỉ thị, hiệu lực, hướng dẫn, thi hành….  **Bài 3 :** Biên bản có các nội dung :  - Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản  - Địa điểm và thời gian họp.  - Thành phần cuộc họp, vắng, trễ...  - Nội dung họp: người điều khiển, người phát biểu, nội dung thảo luận, kết luận của cuộc họp…  - Chủ tọa và thư kí kí tên.  HS làm bài tập, đọc trước lớp. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ hành chính.

**5. Dặn dò**

**-** Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới : *Văn bản tổng kết.*

Ngày soạn: 25/3/2017

Ngày dạy:

**Tiết 93. Làm văn. VĂN BẢN TỔNG KẾT**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hiểu mục đích, yêu cầu, nội dung, và phương pháp thể hiện của văn bản tổng kết thông thường.

**2. Kĩ năng**

- Viết được một văn bản tổng kết có nội dung và yêu cầu đơn giản.

**3. Tư duy, thái độ**

**-** Tư duy khái quát, tổng hợp.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. Phương tiện**

GV: SGK, SGV, Giáo án.

HS: SGK, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp dạy học**

Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ví dụ, thảo luận, rút ra kiến thức và kỹ năng thực hành.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Trình bày khái niệm phát biểu tự do ; những yếu tố giúp phát biểu tự do thành công.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Sau mỗi một công việc, thường chúng ta phải có tổng kết, đánh giá để rút kinh nghiệm.

Vì vậy viết một văn bản tổng kết là việc làm cần thiết. Bài học này sẽ định hướng cho mỗi

chúng ta về cách lập dàn ý, từ đó viết được một văn bản tổng kết có nội dung đơn giản, phù hợp

với trình độ học sinh THPT.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Gọi học sinh đọc mục I SGK.   * Nhấn mạnh vấn đề, mục đích, ý nghĩa của văn bản tổng kết. * Hai loại văn bản tổng kết.   ?Nêu 2 loại văn bản tổng kết và tìm ví dụ cho mỗi loại.  Trên cơ sở HS tìm hiểu 2 văn bản trong SGK ở nhà, hướng dẫn các em trả lời câu hỏi: - HS suy nghĩ trả lời và bổ sung.  -Về câu hỏi a ?  -Về câu hỏi b ?  Hướng dẫn HS từng mục,hs trả lời và bổ sung ý kiến .  + Đề mục  + Nội dung chính của văn bản 1, từ đó đưa đến vấn đề chung 1 văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn ở các mặt sau:  -HS thảo luận và phát biểu từng yêu câù .  + Mục đích  + Yêu cầu    + Bố cục  + Nội dung chính  -Về câu 2a  - Về câu 2b ?  GV hướng dẫn HS trả lời mục đích và những nội dung của văn bản.Dựa vào SGK trả lời và bổ sung ý kiến  -Về câu hỏi 3, hướng HS về mục đích, yêu cầu và cách viết từng loại văn bản tổng kết như trong phần ghi nhớ.Đọc phần ghi nhớ ở SGK  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn HS phần luyện tập dựa theocác câu hỏi.  BT1  - Thảo luận và trả lời đúng yêu cầu câu hỏi.  BT2 định hướng các mục:  + Mở bài: Nêu mục đích và yêu cầu (Ngắn gọn)  + Thân bài: Nêu nội dung (hoàn cảnh lịch sử xã hội; quá trình phát triển; thành tựu, đặc điểm, giá trị nội dung và nghệ thuật)  + Kết bài: Đánh giá, nhấn mạnh.  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  Viết một văn bản tổng kết về hoạt động chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ở lớp anh/chị.  GV theo dõi, tổng kết, đánh giá kết quả thực hành của HS. | **I. Tìm hiểu chung về văn bản tổng kết**   * Mục đích, ý nghĩa của văn bản tổng kết là nhìn nhận, đánh giá kết quả công việc nhằm rút kinh nghiệm. * Văn bản tổng kết gồm 2 loại:   + Tổng kết hoạt động thực tiễn như: văn bản tổng kết năm học; văn bản tổng kết nhiệm kỳ của Đoàn TN…  + Tổng kết tri thức như: Tổng kết văn học dân gian Việt Nam; Tổng kết Tiếng Việt …  **II. Cách viết văn bản tổng kết**  **1. Văn bản: “ TK …với nước”**  a. Thuộc loại văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn   * Dùng phong cách ngôn ngữ hành chính diễn đạt.   b. Ở văn bản 1:   * Đề mục: Báo cáo kết quả hoạt động tình nguyện tại các trung tâm điều dưỡng thương binh, bệnh binh và người có công với nước. * Nội dung gồm:   + Tình hình tổ chức.  + Kết quả hoạt động.  + Đánh giá chung.   * Yêu cầu của một văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn:   + Mục đích nhìn nhận, đánh giá, tổng kết.  + Yêu cầu: Khách quan, chính xác.  + Bố cục: 3 phần (Đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết thúc vấn đề)  + Nội dung chính: Tình hình và kết quả thực tiễn từ đó đánh giá, kiến nghị.  **2. Văn bản tổng kết phần tiếng Việt: hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ**  a. Loại văn bản tổng kết tri thức:   * Diễn đạt bằng PCNN khoa học   b. Mục đích: Hệ thống hóa kiến thức   * Nội dung gồm: Tóm tắt những kiến thức, kỹ năng cơ bản.   **3. Ghi nhớ:** SGK ( trang 75)  **III. Luyện tập**  1.   1. Văn bản trên đã đạt được những yêu cầu:  * Bố cục đầy đủ 3 phần. * Nội dung cụ thể, diễn đạt ngắn gọn, chính xác, nhận xét, kết luận đúng mực.  1. Những sự việc, số liệu trong phần bị lược bớt là:  * Phần 1:   + Những thuận lợi, khó khăn  + Nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu   * Phần II; III; IV   + Những công việc, những thành tích đạt được  + Những việc chưa làm được  + Những số liệu minh họa   1. Những nội dung còn thiếu:  * Tên cơ quan ban hành văn bản * Địa điểm, thời gian * Bài học rút ra.   2.  - Xác định loại văn bản và phong cách ngôn ngữ : Đây là văn bản tổng kết tri thức, dùng phong cách ngôn ngữ khoa học để diễn đạt.  - Chuẩn bị tri thức : Xem lại bài Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, tổng hợp tri thức về các tác phẩm nghị luận, thơ ca, truyện, kí, kịch đã được học.  - Làm ở nhà theo dàn ý hướng dẫn.   * HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành văn bản tổng kết. * HS trình bày văn bản tổng kết. Có thể sử dụng phương tiện công nghệ thông tin, đèn chiếu để hoạt động này tiết kiệm thời gian, có hiệu quả cao. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Cách viết văn bản tổng kết.

**5. Dặn dò**

**-** Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: *Tổng kết phần tiếng Việt*.

Ngày soạn: 1/4/2017

Ngày dạy:

**Tiết 94-95. Tiếng Việt. TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT :**

**HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hệ thống hóa được những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã học trong chương trình Ngữ văn THPT.

**2. Kĩ năng**

- Nâng cao thêm năng lực giao tiếp bằng Tiếng Việt ở 2 dạng nói và viết, và ở 2 quá trình tạo lập và lĩnh hội văn bản.

**3. Tư duy, thái độ**

**-** Giáo dục tình yêu tiếng Việt, ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. Phương tiện**

**-** GV: SGK, SGV, Giáo án.

- HS: SGK, Vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

**-** Phát vấn, gợi mở, thảo luận.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 94 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Nêu những đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ hành chính. Hãy kể tên một số loại

văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường.

**3.Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã học từ lớp 10 đến lớp 12, bao gồm:

- Hoạt động giao tiếp: các nhân tố và các quá trình trong giao tiếp ngôn ngữ (lớp 10)

- Dạng nói và dạng viết trong giao tiếp ngôn ngữ (lớp 10).

- Ngữ cảnh trong giao tiếp ngôn ngữ (lớp 11).

- Nhân vật giao tiếp (lớp 12).

- Ngôn ngữ chung của xã hội và lời nói cá nhân của các nhân vật trong giao tiếp (lớp11).

- Hai thành phần nghĩa của câu trong hoạt động giao tiếp (lớp11).

- Vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi giao tiếp (lớp 12).

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 94** | |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV gợi dẫn để HS nhớ lại các vấn đề đã học:  **VD1:**  *Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng / Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?*  ? Hoạt động giao tiếp trên diễn ra giữa các nhân vật giao tiếp nào?  Hs căn cứ vào VD để trả lời  ? Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ?Hs thảo luận nhóm trả lời.  Hs phân tích, so sánh, rút ra kết luận.  Hs suy nghĩ trả lời  Xác định các quá trình của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ ở VD1  Hãy nêu sự khác biệt về ngôn ngữ ở dạng nói và viết. GV dùng bảng phụ hỗ trợ: 1 văn bản ở dạng nói và 1 văn bản ở dạng viết.  GV cho VD: Câu nói của chị Tí trong tác phẩm Hai đứa trẻ của Thạch Lam: “giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?”Hs tái hiện lại kiến thức qua VD trên  + Đặt riêng một mình  + Đặt trong tác phẩm: “Đêm tối đối với Liên quen lắm… Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?”  Qua VD trên, hs phân tích các nhân tố của ngữ cảnh.  GV tạo tình huống giao tiếp trực tiếp trên lớp  Hs tham gia tình huống, rút ra kết luận  **Hết tiết 94, chuyển sang tiết 95**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 95 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   Mối quan hệ giữa ngôn ngữ chung của xã hội và lời nói cá nhân của các nhân vật như thế nào?  Xác định 2 thành phần nghĩa trong câu nói của lão Hạc: “bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết”.  Hs phân tích trả lời:  - Nghĩa sự việc: con chó biết việc nó bị hại  - Nghĩa tình thái: sự xót thương của lão Hạc.  ? Khi giao tiếp, nhân vật giao tiếp cần làm gì để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  GV cho hs đọc đoạn trích, chú ý cách đọc  Hs đọc diễn cảm đoạn trích trong SGK  Hs dựa vào phần yêu cầu trong SGK để làm bài  GV hướng dẫn hs lần lượt giải các bài tập. | **A.** **Nội dung cơ bản cần nắm vững**  **I. Hoạt động giao tiếp: Các nhân tố và các quá trình của hoạt động giao tiếp**  1. Hoạt động giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin của con người trong xã hội, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, tình cảm, hành động.  2. Các quá trình của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ:  - Quá trình tạo lập văn bản: do người nói hay người viết thực hiện.  - Quá trình lĩnh hội văn bản: do người nghe hay người đọc thực hiện.  - Hai quá trình này diễn ra trong quan hệ tương tác với nhau.  **II. Dạng nói và dạng viết trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ**  - Trong hoạt động giao tiếp, ngôn ngữ được sử dụng ở 2 dạng nói và viết.  - Khác biệt:  + Điều kiện tạo lập và lĩnh hội văn bản:  Dạng nói: trực tiếp  Dạng viết: trực tiếp hoặc gián tiếp  + Kênh giao tiếp:  Dạng nói: ngôn ngữ nói  Dạng viết: chữ viết  + Phương tiện phụ trợ:  Dạng nói: ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ…  Dạng viết: dấu câu, kí hiệu văn tự…  + Dùng từ đặt câu và tổ chức văn bản:  Dạng nói: từ mang tính khẩu ngữ, câu tỉnh lược…  Dạng viết: từ chọn lọc, câu rõ ràng và các thành phần.  **III. Ngữ cảnh trong giao tiếp ngôn ngữ**  **1. Ngữ cảnh:** là bối cảnh ngôn ngữ, làm cơ sở cho việc sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo văn bản.  **2. Các nhân tố của ngữ cảnh**  - Nhân vật giao tiếp:  + người nói.  + người nghe.  - Bối cảnh giao tiếp:  + bối cảnh giao tiếp rộng.  + bối cảnh giao tiếp hẹp.  + hiện thực được nói tới.  - Văn cảnh  **IV. Nhân vật giao tiếp**  1. Các nhân vật giao tiếp đều có khả năng tạo lập và lĩnh hội văn bản. Trong giao tiếp ở dạng nói họ thường đổi vai cho nhau hay luân phiên trả lời với nhau.  2. Các nhân vật giao tiếp có vị trí thế ngang hàng hoặc cách biệt, xa lạ hay thân tình. Những đặc điểm đó cùng với nhưng đặc điểm riêng biệt khác của từng người (lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp…) luôn chi phối lời nói của họ về nội dung lẫn hình thức ngôn ngữ.  **V. Ngôn ngữ chung của xã hội và lời nói cá nhân của nhân vật trong giao tiếp**  Ngôn ngữ là tài sản chung, là phương tiện giao tiếp chung của cả cộng đồng xã hội, lời nói cá nhân là sản phẩm được cá nhân tạo ra trên cơ sở vận dụng các yếu tố ngôn ngữ chung và tuân thủ các quy tắc chung.  **VI. Hai thành phần nghĩa của câu trong hoạt động giao tiếp**  - Nghĩa sự việc: ứng với sự việc mà câu đề cập đến.  - Nghĩa tình thái: thể hiện thái độ, tình cảm, sự nhìn nhận, đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc người nghe.  **VII. Vấn đề giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt khi giao tiếp**  Trong giao tiếp, các nhân vật giao tiếp cần có ý thức, kĩ năng, thói quen giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt: nắm vững các chuẩn mực ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực, vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngôn ngữ theo quy tắc chung. Ngoài ra cần phải đề cao phẩm chất văn hóa, lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ, tránh những biểu hiện thô tục làm vẩn đục ngôn ngữ.  **B. Luyện tập**  **1. Bài 1:** Đoạn trích có 2 nhân vật giao tiêp là Lão Hạc và “tôi”  - Hai người lần lượt đóng vai người nói, người nghe và chuyển đổi vai cho nhau.  - Ngôn ngữ nói của 2 nhân vật thể hiện qua nhiều phương diện:  + nói phối hợp với cử chỉ, điệu bộ (cười như mếu, mặt lão đột nhiên co rúm lại…)  + dùng nhiều thuật ngữ thuộc ngôn ngữ nói: đi đời rồi, khốn nạn, có biết gì đâu…  + các lượt trả lời của các nhân vật kế tiếp nhau.  **2. Bài 2**  Hai nhân vật giao tiếp là những người láng giềng nên có quan hệ thân cận.  Về tuổi tác thì Lão Hạc ở vị thế trên, về nghề nghiệp và thành phần xã hội theo quan niệm lúc đó thì ông giáo có vị thế cao hơn.  => Hai người luôn nể trọng nhau.  Ngay ở lượt đầu tiên, Lão Hạc đã thể hiện sự kính trọng nhưng thân tình đối với người nghe qua lời gọi và cách xưng hô: *ông giáo ạ*, và sự thân mật khi thông tin về một sự việc đời thường trong cuộc sống: bán con chó. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

1. **Củng cố**

* Những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã học trong chương trình Ngữ văn từ lớp 10 đến lớp 12.

1. **Dặn dò**

* Học bài cũ.
* Chuẩn bị bài *Ôn tập phần làm văn.*

Ngày soạn: 2/4/2017

Ngày dạy:

**Tiết 96. Làm văn. ÔN TẬP LÀM VĂN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hệ thống hóa tri thức về cách viết các kiểu văn bản được học ở THPT.

**2. Kĩ năng**

-Viết được các kiểu văn bản đã học, đặc biệt là văn bản nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ**

**-** Tư duy tổng hợp, khái quát.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. Phương pháp dạy học**

- Hướng dẫn HS chuẩn bị trước nội dung bài học (giao về cho các tổ nhóm theo các đề mục ôn tập).

- Tổ chức cho HS thảo luận.

**C. Phương tiện dạy học**

GV: SGK Ngữ văn 12, 10 và 11;SGV; Giáo án.

HS: SGK, vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ :** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Bài ôn tập phần Làm văn hôm nay sẽ giúp các em hệ thống hóa và nắm vững những vấn đề lí thuyết cơ bản trong chương trình Ngữ văn THPT :

- Các kiểu văn bản được học ở THPT.

- Các bước của quá trình viết một văn bản nói chung.

- Viết văn bản nghị luận.

- Viết nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Tổ chức cho HS ôn tập các tri thức chung.  **\*Các nhóm chuẩn bị** :  - ***Đại diện nhóm 1 trình bày các kiểu văn bản và khái niệm theo hình thức sơ đồ hóa***  ***Đại diện nhóm 2 trình bày câu hỏi 2 SGK trang 182:*** những công việc cần thực hiện khi viết một văn bản nghị luận(GV đánh giá và nhấn mạnh một số tri thức cơ bản.)  ***Đại diện nhóm 3 trình bày câu hỏi 3 SGK trang 182***  - GV gọi một vài HS để kiểm tra các đơn vị kiến thức nhỏ theo câu hỏi phần ôn tập.  - Các đề tài, đặc điểm chung và khác biệt.  - GV dựa vào hệ thống câu hỏi ôn tập gợi nhắc HS kiến thức cũ.    **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  **Luyện tập**  - GV gọi HS đọc đề văn và hướng dẫn HS làm bài tập.  - Trên cơ sở tìm hiểu đề, GV chia lớp thành 2 nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài. Các nhóm tiến hành thảo luận, lập dàn ý cho một đề bài.  - GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày. | **1. Ôn tập các tri thức chung**  ***a. Các kiểu văn bản***    CÁ    Các kiểu văn bản  Văn  bản thuyết minh  Văn bản nghị luận  Văn bản báo chí  Văn bản hành chính  Văn bản tự sự  ***b. Cách viết văn bản***  - Nắm vững đặc điểm kiểu loại văn bản và mục đích, yêu cầu cụ thể, các thao tác nghị luận của văn bản.  - Hình thành và sắp xếp thành dàn ý cho văn bản.  - Viết văn bản theo dàn ý.  **2. Ôn tập tri thức văn nghị luận**  ***a. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường*** - Đề tài có thể chia thành 2 nhóm:  + Nghị luận xã hội: một tư tưởng đạo lí, một hiện tượng đời sống.  + Nghị luận văn học: ý kiến bàn về văn học, một tác phẩm, một đoạn trích.  - Nhận xét:  + Đặc điểm chung: Đều trình bày tư tưởng, quan điểm về vấn đề nghị luận, đều sử dụng các bước nghị luận.  + Điểm khác biệt:  NLXH: Cần có vốn hiểu biết xã hội phong phú.  NLVH: Cần có kiến thức văn học, khả năng cảm thụ.  ***b. Lập luận trong văn nghị luận***  - Cấu tạo của lập luận gồm luận điểm, luận cứ và các phương tiện liên kết lập luận.  - Cách xác định luận cứ:  + lí lẽ phải có cơ sở, chân lí phải được thừa nhận.  + phù hợp với luận điểm.  + dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu, phù hợp.  - Các thao tác lập luận cơ bản:giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích, so sánh, bác bỏ.  ***c. Bố cục của bài văn nghị luận***  gồm mở bài, thân bài, kết bài thống nhất, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.  ***d. Diễn đạt trong văn nghị luận***  - Cần diễn đạt thuyết phục cả lí trí và tình cảm,phải dùng từ, viết câu chính xác.  - Giọng văn trang trọng, nghiêm túc.Cần thay đổi giọng điệucho thích hợp với nội dung cụ thể : sôi nổi, mạnh mẽ hay trầm lắng.  - Sử dụng biện pháp tu từ và câu một cách hợp lí.  **Luyện tập**  1. Đề văn ở SGK  2. Yêu cầu luyện tập  *a. Tìm hiểu đề:* -Kiểu bài: NLXH (Đề 1), NLVH (Đề 2).  - Thao tác lập luận:  Đề 1: thao tác bình luận. Đề 2: thao tác phân tích.  \* Các luận điểm cơ bản dự kiến:  Đề 1: cần khẳng định câu nói của Xôcrat với người khách và giải thích tại sao ông ta nói như vậy. Sau đó rút ra bài học và bình luận.  Đề 2: Chọn đoạn thơ.  Căn cứ vào nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của đoạn để chọn luận điểm.  *b. Lập dàn ý :* HS tự lập dàn ý. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Các kiểu văn bản, đặc điểm của các kiểu văn bản. Các thao tác làm văn. Các vấn đề về văn nghị luận.

**5. Dặn dò**

- Tập viết phần mở bài cho từng bài viết.

- Chọn một ý trong dàn bài để viết thành một đoạn văn.

- Chuẩn bị bài *Giá trị văn học và tiếp nhận văn học.*

Ngày soạn : 6/4/2017

Ngày dạy:

**Tiết 97-98. Lí luận văn học. GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được những giá trị cơ bản của văn học : nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ.

- Nắm vững những nét bản chất của hoạt động giao tiếp văn học.

**2. Kĩ năng**

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, thẩm định các tác phẩm văn học.

Biết vận dụng kiến thức lí thuyết vào quá trình học tập các tác phẩm văn học.

**3. Tư duy, thái độ**

- Cảm thụ tác phẩm văn học ở cấp độ cao nhất, có chiều sâu nhất.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. Phương tiện**

**-** GV: SGK,SGV,Thiết kế bài học ngữ văn 12.

- HS: SGK, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

Chuẩn bị kĩ bài ở nhà(đọc tìm ý chính, xác lập quan hệ giữa các ý,lập dàn ý sơ lược về bài học). Nêu vấn đề(đặt ra những câu hỏi theo hệ thống logic có liên quan tất yếu với nhau soi rõ mọi khía cạnh của vấn đề), gợi mở, thảo luận nhóm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 97 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em tìm hiểu ba giá trị văn học (khái niệm, nguồn gốc tạo thành,

nội dung thực hiện, những nét riêng biệt, đặc thù so với các hình thái ý thức khác có cùng giá trị , mối quan hệ mật thiết giữa ba giá trị văn học); Vị trí tiếp nhận văn học trong đời sống văn học,

tính chất tiếp nhận văn học và phân định các cấp độ trong cách thức tiếp nhận văn học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 97** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Tìm hiểu giá trị văn học**  Ví dụ : Nguyễn Trãi từng viết: “Văn chương có sức mạnh đuổi nghìn quân giặc” và chính tác phẩm:  *Thư dụ Vương Thông lần nữa* của Nguyễn Trãiđã có sức mạnh ấy:Nguyễn Trãi đã phân tích phải trái, thiệt hơn rất thấu lí đạt tình từ đó Vương Thông đã rút quân ra khỏi thành Đông Quan.  *Ví dụ trên chứng tỏ điều gì về văn học ?*  (văn học có tác dụng giáo dục và cải tạo cuộc sống)  *?Giá trị văn học là gì?*  (Văn học có sức sống lâu bền nhờ giá trị của văn học)  *?Văn học có những giá trị nào?*  Trình bày yếu tố hình thành giá trị nhận thức ?  Cơ sở nào hình thành nên giá trị nhận thức ?  GV cho ví dụ minh họa cho từng luận điểm rồi diễn giảng.  Do đâu văn học có giá trị giáo dục ?  Giá trị giáo dục của văn học có gì khác với các hình thái ý thức khác ?  Cơ sở giá trị thẩm mỹ của văn học của gì ?  Nội dung giá trị thẩm mỹ của văn học của gì ?  Em hãy cho biết mối quan hệ qua lại giữa ba giá trị nêu trên ?  **Hết tiết 97, chuyển sang tiết 98**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Tiết 98 | | | Sĩ số | HS vắng | | 12A3 |  |  | | 12A4 |  |  | | 12A5 |  |  |   GV yêu cầu HS đọc phần 1 SGK để phát hiện những ý sau :  - Vai trò của tiếp nhận văn học.  - Khái niệm về tiếp nhận văn học.  - Phân biệt đọc - tiếp nhận văn học.  GV yêu cầu HS phân biệt sự khác nhau giữa một tác phẩm văn học đã học và những sáng tác bản thân như nhật ký ... để thấy được vai trò của tiếp nhận văn học.  GV phân tích và khuyến khích HS khi học văn đối với một tác phẩm văn học cần vận dụng thao tác tiếp nhận tránh thái độ đọc lấy lệ, sơ sài, đối phó.  GV yêu cầu HS đọc phần 2 SGK để phát hiện tính chất giao tiếp của tiếp nhận văn học, cho ví dụ minh họa.  GV yêu cầu HS thảo luận và trình bày hiểu biết về tính cá thể, chủ động tích cực và tính đa dạng, không thống nhất .  Tiếp nhận văn học có mấy cấp độ?  Tiếp nhận văn học ở cấp độ thứ nhất như thế nào? Cho ví dụ.  Tiếp nhận ở cấp độ thứ hai là tiếp nhận như thế nào? Cho ví dụ.  Tiếp nhận ở cấp độ thứ ba như thế nào?  Làm thế nào để tiếp nhận văn học thực sự có hiệu quả ?  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Bài tập 1 phần luyện tập tr.191.  Có người cho giá trị cao quý nhất của văn chương là nuôi dưỡng tâm hồn con người, hay nói như Thạch Lam, “làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn”. Nói như vậy có đúng không ? Vì sao ?  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  **-** Thế nào là cảm và hiểu trong tiếp nhận văn học ?  - Tự chọn một tác phẩm văn học cụ thể để làm sáng tỏ hai phương diện trên.  HS thảo luận nhóm. Đại diện nhóm trả lời.  GV chuẩn xác kiến thức. | **I. Giá trị văn học**  **1. Khái niệm**  - Giá trị văn học là sản phẩm kết tinh từ quá trình văn học ,đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người ,tác động sâu sắc đến cuộc sống và con người  **2. Các giá trị văn học**  ***a. Giá trị về nhận thức***  *\* Cơ sở:*  - Là quá trình khám phá, lí giải hiện thực để chuyển hóa thành nội dung tác phẩm của nhà văn.  - Do sự giới hạn tồn tại trong không gian, thời gian, quan hệ xã hội của người đọc.  *\* Nội dung:*  - Hiểu được cuộc sống hiện thực phong phú.  - Hiểu được bản chất của con người.  - Hiểu bản thân mình hơn.  ***b. Giá trị giáo dục***  *\* Cơ sở:*  + Khách quan:  - Nhu cầu hướng thiện  - Con người luôn khao khát một cuộc sống tốt lành, chan hòa tình yêu thương giữa người với người (cho ví dụ).  + Chủ quan: Do thái độ tư tưởng, tình cảm của nhà văn (cho ví dụ).  **\*** *Nội dung:*  - Giúp con người rèn luyện bản thân mình ngày một tốt đẹp hơn.  - Có thái độ và lẽ sống đúng đắn. (Ví dụ).  *\* Đặc trưng của giá trị giáo dục của văn học:*  VH giáo dục con người bằng con đường từ cảm xúc đến nhận thức bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp của những hình tượng sinh động.  **3. Giá trị thẩm mỹ**  *\* Cơ sở:*  - Con người luôn có nhu cầu cảm thụ và thưởng thức cái đẹp  - Nhà văn bằng tài năng đã thể hiện cái đẹp của cuộc sống, của con người vào trong tác phẩm của mình giúp người đọc cảm nhận, rung động.  *\* Nội dung:*  - Văn học mang đến cho con người vẻ đẹp muôn màu của cuộc đời (vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người...)  - Miêu tả, thể hiện cái đẹp của con người từ ngoại hình đến thế giới nội tâm phong phú tinh tế bên trong.  - Cái đẹp trong văn học không chỉ thể hiện ở nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật tác phẩm : kết cấu, ngôn từ chặt chẽ, mới mẻ, độc đáo.  => Cả 3 giá trị văn học đều có mối quan hệ mật thiết.  **II. Tiếp nhận văn học**  **1. Tiếp nhận trong đời sống văn học**  ***a. Vai trò của tiếp nhận trong đời sống văn học***  Mối quan hệ qua lại : Sáng tạo - Truyền bá - Tiếp nhận.  => Tiếp nhận văn học là một khâu quan trọng quyết định giá trị và sự tồn tại của tiếp nhận văn học.  ***b. Khái niệm tiếp nhận văn học***  Tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm lý người đọc biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.  **2. Tính chất tiếp nhận văn học**  Tiếp nhận văn học là một quá trình giao tiếp giữa tác giả và người đọc. Trong quá trình giao tiếp cần chú ý các tính chất sau :  *a. Tính chất cá thể hóa, tính chủ động tích cực của người tiếp nhận.*  *b. Tính đa dạng không thống nhất trong tiếp nhận văn học*.  **3. Các cấp độ tiếp nhận văn học**  ***a. Có 3 cấp độ tiếp nhận văn học:***  - Cấp độ thứ nhất : Tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm.  🡪 Cách tiếp nhận văn học đơn giản nhất nhưng phổ biến.  - Cấp độ thứ hai : Qua nội dung tác phẩm để thấy được nội dung tư tưởng của tác phẩm.  - Cấp độ thứ ba : Cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức để thấy được giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.  ***b. Để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự, người tiếp nhận cần:***  - Nâng cao trình độ  - Tích lũy kinh nghiệm  - Trân trọng tác phẩm, tìm cách hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn vẹn.  - Tiếp nhận một cách chủ động tích cực, sáng tạo, hướng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng.  - Không nên suy diễn tùy tiện.  *Bài tập 1.*  Nói giá trị cao quý nhất của văn chương là nuôi dưỡng đời sống tâm hồn con người là đúng vì tác giả sáng tạo văn chương là “người kĩ sư tâm hồn” và cái đích hướng tới của văn chương là con người, cụ thể hơn là tâm hồn con người. Với giá trị nhận thức và giá trị thẩm mĩ, văn chương làm cho tâm hồn con người thêm phong phú; với giá trị giáo dục, văn chương làm tâm hồn con người thêm trong sạch. Vì vậy người ta nói văn chương thanh lọc tâm hồn con người, nhân đạo hóa con người.  - Cảm và hiểu là hai phương diện trong tiếp nhận văn học. Cảm là rung cảm, là cảm nhận bằng trực giác. Nếu chỉ đọc tác phẩm một cách qua loa, không hóa thân vào những suy nghĩ và cảm xúc của tác giả thì khó mà thấy được giá trị của nó, do đó cần đọc một cách say mê thì mới có thể cảm được. Tuy nhiên, cảm mới chỉ là cảm tính, có thể chưa sâu sắc, cần phải hiểu thì kết quả cảm mới trở nên ảm ảnh. Muốn hiểu thì phải có tri thức, có vốn sống. Tri thức do học tập mà có. Vốn sống do tích lũy mà có.  -HS tự chọn một tác phẩm cụ thể để làm sáng tỏ hai phương diện trên. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Nắm được những giá trị cơ bản của văn học và mối quan hệ giữa chúng.

- Hiểu được những nét bản chất của hoạt động tiếp nhận văn học.

**5. Dặn dò**

- Hoàn thành các bài luyện tập một cách chi tiết.

- Chuẩn bị bài *Tổng kết phần Tiếng Việt* (tiếp theo).

Ngày soạn : 14/4/2017

Ngày dạy :

**Tiết 99. Tiếng Việt.**

**TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT :**

**LỊCH SỬ, ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH VÀ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hệ thống hoá được những kiến thức cơ bản về lịch sử, đặc điểm loại hình và phong cách ngôn ngữ của tiếng Việt đã học từ lớp 10 đến lớp 12; nắm chắc đặc điểm phong cách và việc sử dụng mỗi phong cách trong ngữ cảnh giao tiếp phù hợp.

**2. Kĩ năng**

- Nâng cao thêm kĩ năng lĩnh hội và tạo lập văn bản thuộc từng phong cách khi cần thiết.

**3. Tư duy, thái độ**

**-** Tình yêu tiếng Việt. Tư duy tổng hợp.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. Phương tiện thực hiện**

- GV: SGK, SGV, Thiết kế bài giảng, Giáo án.

- HS : SGK, vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp**

- Trao đổi thảo luận.

- Phân tích ngữ liệu để rút ra luận điểm.

- Luyện tập thực hành để củng cố kiến thức và rèn luyện kĩ năng.

**D. Tiến trình dạy học**

***1. Ổn định lớp***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

***2. Kiểm tra bài cũ:*** Không

***3. Bài mới***

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Bài học hôm nay giúp các em hệ thống hóa những kiến thức cơ bản học từ lớp 10 đến lớp 12 về lịch sử, đặc điểm loại hình tiếng Việt và các phong cách ngôn ngữ.

* Lịch sử tiếng Việt : nguồn gốc, quan hệ họ hàng, quá trình phát triển.
* Đặc điểm loại hình của tiếng Việt : về đơn vị ngữ pháp cơ bản, sự không biến hình từ, về phương thức ngữ pháp chủ yếu.
* Các phong cách ngôn ngữ : PCNN sinh hoạt, PCNN nghệ thuật (lớp 10), PCNN chính luận, PCNN báo chí (lớp 11), PCNN khoa học, PCNN hành chính (lớp 12).

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV: Yêu cầu HS lập bảng như yêu cầu bài tập 1, sau đó huy động kiến thức để điền vào bảng | **I. Tổng kết về nguồn gốc, lịch sử tiếng Việt và đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập** |

**Bảng ôn tập : Nguồn gốc và lịch sử phát triển, đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguồn gốc và lịch sử phát triển** | **Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập** |
| a) Nguồn gốc: Tiếng Việt thuộc:  - Họ: ngôn ngữ Nam Á.  - Dòng: Môn- Khmer.  - Nhánh: Tiếng Việt Mường chung.  b) Các thời kì trong lịch sử:  - Tiếng Việt trong thời kì dựng nước.  - Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc.  - Tiếng Việt trong thời kì độc lập tự chủ.  - Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc.  - Tiếng Việt trong thời kì từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay. | a) Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết; về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ hoặc yếu tố cấu tạo từ.  b) Từ không biến đổi hình thái.  c) Biện pháp chủ yếu để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và sử dụng các hư từ. |

|  |  |
| --- | --- |
| GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền thông tin kiến thức vào cột tương ứng | **II. Tổng kết về phong cách ngôn ngữ** |

**Tên các phong cách ngôn ngữ và các thể loại văn bản tiêu biểu cho từng phong cách**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PCNN  sinh hoạt | PCNN  nghệ thuật | PCNN  báo chí | PCNN  chính luận | PCNN  khoa học | PCNN  hành chính |
| **Thể loại văn bản tiêu biểu** | -Dạng nói (độc thoại, đối thoại)  -Dạng viết (nhật kí, hồi ức cá nhân, thư từ.  -Dạng lời nói tái hiện (trong tác phẩm văn học) | -Thơ ca, hò vè,…  - truyện, tiểu thuyết, kí,…  -Kịch bản,… | - Thể loại chính: Bản tin, Phóng sự, Tiểu phẩm.  - Ngoài ra: thư bạn đọc, phỏng vấn, quảng cáo, bình luận thời sự,… | - Cương lĩnh  - Tuyên bố.  -Tuyên ngôn, lời kêu gọi, hiệu triệu.  -Các bài bình luận, xã luận.  -Các báo cáo, tham luận, phát biểu trong các hội thảo, hội nghị chính trị,… | - Các loại văn bản khoa học chuyên sâu: chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận, báo cáo khoa học,…  - Các văn bản dùng để giảng dạy các môn khoa học: giáo trình, giáo khoa, thiết kế bài dạy,…  - Các văn bản phổ biến khoa học: sách phổ biến khoa học kĩ thuật, các bài báo, phê bình, điểm sách,… | -Nghị định, thông tư, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,…  -Giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,…  -Đơn, bản khai, báo cáo, biên bản,… |

**Tên các phong cách ngôn ngữ và đặc trưng cơ bản của từng phong cách**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PCNN  sinh hoạt | PCNN  nghệ thuật | PCNN  báo chí | PCNN  chính luận | PCNN  khoa học | PCNN  hành chính |
| **Đặc trưng cơ bản** | - Tính cụ thể  -Tính cảm xúc.  - Tính cá thể | -Tính hình tượng.  -Tính truyền cảm.  -Tính cá thể hóa. | -Tính thông tin thời sự.  -Tính ngắn gọn.  -Tính sinh động, hấp dẫn. | - Tính công khai về quan điểm chính trị.  - Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận.  - Tính truyền cảm, thuyết phục. | -Tính trừu tượng, khái quát.  -Tính lí trí, lôgíc.  -Tính phi cá thể. | -Tính khuôn mẫu.  -Tính minh xác.  -Tính công vụ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  GV yêu cầu HS đọc bài tập sau đó làm theo yêu cầu, GV cho HS chữa bài tập | **III. Luyện tập** |

***1. Bài tập 4***

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản (a)** | **Văn bản (b)** |
| - Mục đích: giải thích nghĩa của từ mặt trăng, qua đó cung cấp kiến thức về mặt trăng  - Là văn bản thuộc PCNN KH: một mục trong từ điển  - Không mang tính hình tượng, tính biểu cảm, tính cá thể, thiên về lí tính, khái quát, lô gích  - Chỉ có một lớp nghĩa: nói về mặt trăng | - Mục địch: tạo dựng hình tượng giăng, biểu tượng cho cái đẹp mơ mộng mà con người khát khao vươn tới  - Là VB thuộc PCNN nghệ thuật, truyện ngắn  - Nổi bật tính hình tượng, tính truyền cảm và tính cá thể hoá  - Có 2 lớp nghĩa: nói về giăng và nói về cái đẹp mơ mộng mà con người luôn khao khát |

***2. Bài tập 5***

|  |  |
| --- | --- |
| GV yêu cầu HS đọc và làm theo yêu cầu.  - Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.  - Phân tích đặc điểm về từ ngữ, câu văn, kết cấu của văn bản.  - Giả định rằng văn bản trên vừa mới được kí và ban hành một vài giờ trước, anh/chị hãy đóng vai một phóng viên báo hằng ngày viết một tin ngắn theo phong cách ngôn ngữ báo chí (thể loại bản tin) để đưa tin về sự kiện ban hành văn bản. | a) Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ hành chính.  b) Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản có đặc điểm:  + Về từ ngữ: văn bản sử dụng nhiều từ ngữ thường gậưp trong phong cách ngôn ngữ hành chính như: quyết định, căn cứ, luật, nghị định 299/HĐBT, ban hành điều lệ, thi hành quyết định này,…  + Về câu: văn bản sử dụng kiêểu câu thường gặp trong quyết định (thuộc văn bản hành chính): ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ… căn cứ… xét đề nghị… quyết định I… II… III… IV… V… VI…  + Về kết cấu: văn bản có kết cấu theo khuôn mẫu 3 phần:  - Phần đầu: quốc hiệu, cơ quan ra quyết định, ngày thánh năm, tên quyết định.  - Phần chính: nội dung quyết định.  - Phần cuối: chữ kí, họ tên (góc phải), nơi nhận (góc trái).  c) Tin ngắn:  *Cách đây chỉ mới vài tiếng đồng hồ, bà Trần Thị Tâm Đan thay mặt UBND thành phố Hà Nội đã kí quyết định thành lập Bảo hiểm Y tế Hà Nội. Quyết định ngoài việc nêu rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức, cơ cấu phòng ban,… còn quy định địa điểm cho Bảo hiểm Y tế Hà Nội và các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành.* |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

***4. Củng cố***

- Nhắc lại kiến thức cơ bản về lịch sử tiếng Việt, đặc điểm loại hình của tiếng Việt, các phong cách ngôn ngữ.

***5. Dặn dò***

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài : Ôn tập phần văn học.

Ngày soạn : 15/4/2017

Ngày dạy:

**Tiết 100 . Đọc văn. ÔN TẬP VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Kiến thức***

- Tổng kết, ôn tập một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam (truyện và kịch từ Cách mạng tháng 8 – 1945 đến cuối thế kỷ XX) và văn học nước ngoài đã học trong SGK ngữ văn lớp 12 tập II ; vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó.

***2. Kĩ năng***

- Rèn năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ : tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học ....

***3. Tư duy, thái độ***

**-** Tình yêu văn học.

***4. Định hướng phát triển năng lực***

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. Phương pháp**

- GV tiến hành giờ dạy theo các phương pháp: Đọc sáng tạo, tái hiện, gợi tìm, thảo luận, so sánh, thuyết giảng.

**C. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế bài dạy.

- HS: SGK, vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học**

***1. Ổn định tổ chức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 100 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

***2. Kiểm tra bài cũ***

- GV Hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà theo hệ thống câu hỏi trong SGK.

- Ngoài ra ôn lại các tác phẩm trên các vấn đề cơ bản sau :

+ Giới thiệu tác giả, hoàn cảnh sáng tác của từng tác phẩm.

+ Tóm tắt cốt truyện.

+ Học thuộc một số đoạn văn hay, tiêu biểu.

+ Nắm được chủ đề, nội dung chính đặt ra trong tác phẩm.

***3. Bài mới***

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Bài ôn tập văn học giúp các em hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam (truyện và kịch từ Cách mạng tháng 8 – 1945 đến cuối thế kỷ XX) và văn học nước ngoài đã học trong SGK ngữ văn lớp 12 tập II ; vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó vào làm văn và đời sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **Tổ chức ôn tập văn học Việt Nam** | I. ÔN TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM |
| 1. Những phát hiện khác nhau về số phận và cảnh ngộ của người dân lao động trong các tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài). Phân tích nét đặc sắc trong tư tưởng nhân đạo của mỗi tác phẩm.  *(GV hướng dẫn HS lập bảng so sánh. HS phát biểu từng khía cạnh. GV nhận xét và hoàn chỉnh bảng so sánh)* | **1. *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Vợ nhặt*** | ***Vợ chồng A Phủ*** | | *Số phận và cảnh ngộ của con người* | Tình cảnh thê thảm của người dân lao động trong nạn đói năm 1945. | Số phận bi thảm của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến trước cách mạng. | | *Tư tưởng nhân đạo của tác phẩm* | + Ngợi ca tình người cao đẹp, khát vọng sống và hi vọng vào một tương lai tươi sáng.  + Miêu tả bộ mặt, hành động tàn ác của bọn phát xít Nhật, bắt dân nhổ lúa, nhổ ngô để trồng đay là nguyên nhân dẫn đến nạn đói khủng khiếp năm 1945 | + Ngợi ca sức sống tiềm tàng của con người và con đường họ tự giải phóng, đi theo cách mạng.  + Miêu tả bộ mặt, hành động tàn ác của bọn chúa đất miền núi. | |
| 2. Các tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của từng tác phẩm trong việc thể hiện chủ đề chung đó.  *(GV hướng dẫn HS so sánh trên một số phương diện. HS thảo luận và phát biểu ý kiến)* | ***2. Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi**  Cần so sánh trên một số phương diện tập trung thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng:  + Lòng yêu nước, căm thù giặc.  + Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất chống kẻ thù xâm lược.  + Đời sống tâm hồn, tình cảm cao đẹp.  + Những nét đặc sắc về nghệ thuật thể hiện: nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng hình tượng và những chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa,...  Bài viết cần tập trung làm rõ các ý sau:  1- Hiểu thế nào là chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu.  + Không sợ giặc, dám đánh giặc, quyết thắng giặc  + Yêu nước gắn liền với tinh thần quốc tế cao cả  + Sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cứu nước.  + Có đời sống tình cảm hài hoà, phong phú, đặt cái chung trên mọi quan hệ riêng tư.  2. Cách thể hiện nội dung chủ nghĩa anh hùng cách mạng có những nét riêng độc đáo trong khám phá và sáng tạo “Rừng xà nu” và “Những đứa con trong gia đình”.  + “Những đứa con trong gia đình” : Tác giả làm nổi bật hai nhân vật chiến và Việt sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Chị em cùng các cô các chú du kích bắn chết thằng Mĩ trên dòng sông Định Thuỷ. Cả hai hăng hái tòng quân. Những câu nói của Chiến, Việt trong đêm ở nhà để ngày mai lên đường về đơn vị đã chứng minh cho ý chí của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Trong trận chiến đấu, Việt đã tiêu diệt một xe tăng của địch. Bị thương nặng nhưng ngón tay lúc nào cũng để ở vòng cò để sẵn sàng nổ song. Chi tiết không bàn thờ mỏ sang gủi nhà chú Năm thật cảm động. Người đọc vẫn nhận ra trách nhiệm của Chiến, Việt trước tình nhà, nghĩa nước và “mối thù đè nặng ở trên vai”. Có một vài chi tiết khác như cuốn sổ gia đình, giọng hò của chú Năm … cũng là làm rõ nét đẹp của chủ nghĩa anh hùngn cách mạng của đồng bào miền Nam trong những ngày chiến đấu chống đế quốc Mĩ.  +”Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành làm rõ đặc điểm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng bằng chi tiết độc đáo. Đó là “mười đầu ngón tay Tnú bốc cháy như mười ngọn đuốc” khi bị kẻ thù đốt. |
| **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  GV nêu câu hỏi :  Những nét độc đáo về phong cách nghệ thuật của Tô Hoài, Kim Lân, Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Thi.  HS phát biểu tự do, ngắn gọn. | Nét độc đáo về con người và phong cách nghệ thuật :  - Tô Hoài : Hóm hỉnh, sâu sắc, viết khỏe, bền, nhà văn của phong tục, tài dựng cảnh, tả người, tả sinh hoạt, nhà văn của Hà Nội, của thiếu nhi và của miền núi phía Bắc.  - Kim Lân : Hóm hỉnh, sâu sắc, viết ít, tinh; nhà văn của những thú chơi văn hóa đồng bằng Bắc Bộ, nhà văn của người nông dân miền Bắc trong cách mạng và kháng chiến chống Pháp. Ngôn ngữ sinh hoạt của nông dân thành ngôn ngữ văn truyện đầy cá tính, góc cạnh; xây dựng tình huống truyện, đối thoại…  - Nguyễn Trung Thành : Nhà văn của Tây Nguyên, của miền núi, nhà văn suốt đời đi tìm và thể hiện người thật việc thật về những người anh hùng; con người lãng mạn lí tưởng; cảm hứng lãng mạn, sử thi bi tráng; từ nguyên mẫu hiện thực đến nhân vật anh hùng trong tác phẩm vẫn đảm bảo sự thống nhất cao độ.  - Nguyễn Thi : Từ nhà văn của những truyện ngắn trữ tình đến nhà văn – chiến sĩ, nhà văn của người nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước với phong cách hiện thực mãnh liệt. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Giá trị nhân đạo của truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”, “Vợ nhặt”.

- Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ qua hai truyện ngắn : “Rừng xà nu” và “Những đứa con trong gia đình”.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị tiết tiếp theo của bài này.

Ngày soạn : 15/4/2017

Ngày dạy:

**Tiết 101 . Đọc văn. ÔN TẬP VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Kiến thức***

- Tổng kết, ôn tập một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam (truyện và kịch từ Cách mạng tháng 8 – 1945 đến cuối thế kỷ XX) và văn học nước ngoài đã học trong SGK ngữ văn lớp 12 tập II ; vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó.

***2. Kĩ năng***

- Rèn năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ : tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học ....

***3. Tư duy, thái độ***

**-** Tình yêu văn học.

***4. Định hướng phát triển năng lực***

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. Phương pháp**

- GV tiến hành giờ dạy theo các phương pháp: Đọc sáng tạo, tái hiện, gợi tìm, thảo luận, so sánh, thuyết giảng.

**C. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế bài dạy.

- HS: SGK, vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học**

***1. Ổn định tổ chức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 101 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

***2. Kiểm tra bài cũ***

- GV Hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà theo hệ thống câu hỏi trong SGK.

- Ngoài ra ôn lại các tác phẩm trên các vấn đề cơ bản sau :

+ Giới thiệu tác giả, hoàn cảnh sáng tác của từng tác phẩm.

+ Tóm tắt cốt truyện.

+ Học thuộc một số đoạn văn hay, tiêu biểu.

+ Nắm được chủ đề, nội dung chính đặt ra trong tác phẩm.

***3. Bài mới***

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Bài ôn tập văn học giúp các em hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam (truyện và kịch từ Cách mạng tháng 8 – 1945 đến cuối thế kỷ XX) và văn học nước ngoài đã học trong SGK ngữ văn lớp 12 tập II ; vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó vào làm văn và đời sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  3. Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*?  *GV gợi cho HS nhớ lại bài học. HS suy nghĩ và phát biểu).* | **3. *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu**  Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* rất phong phú và sâu sắc:  + Cuộc sống có những nghịch lí mà con người buộc phải chấp nhận, "sống chung" với nó.  + Muốn con người thoát ra khỏi cảnh đau khổ, tăm tối, man rợ cần có những giải pháp thiết thực chứ không phải chỉ là thiện chí hoặc các lí thuyết đẹp đẽ nhưng xa rời thực tiễn.  + Nhan đề *Chiếc thuyền ngoài xa* giống như một gợi ý về khoảng cách, về cự li nhìn ngắm đời sống mà người nghệ sĩ cần coi trọng. Khi quan sát từ "ngoài xa", người nghệ sĩ sẽ không thể thấy hết những mảng tối, những góc khuất. Chủ nghĩa nhân đạo trong nghệ thuật không thể xa lạ với số phận cụ thể của con người. Nghệ thuật mà không vì cuộc sống con người thì nghệ thuật không có ích . Người nghệ sĩ khi thực sự sống với cuộc sống, thực sự hiểu con người thì mới có những sáng tạo nghệ thuật có giá trị đích thực góp phần cải tạo cuộc sống. |
| 4. Phân tích đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ để làm rõ sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người.  *(GV định hướng cho HS những ý chính cần phân tích và giao việc cho các nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một ý- đại diện nhóm phân tích. GV nhận xét, khắc sâu những ý cơ bản).*  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  GV nêu câu hỏi :  Những nét độc đáo về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu, Lưu Quang Vũ.  HS phát biểu tự do, ngắn gọn. | **4. Đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ**  Cần tập trung phân tích những điểm cơ bản sau:  1) Phân tích hoàn cảnh trớ trêu của Hồn Trương Ba qua độc thoại nội tâm, đối thoại với các nhân vật đặc biệt là đối thoại với xác anh hàng thịt.  + Trương Ba bây giờ không còn là Trương Ba ngày trước.  + Trương Ba bây giờ vụng về, thô lỗ, phũ phàng.  + Mọi người xót xa trước tình cảnh của Trương Ba, xác anh hàng thịt cười nhạo Trương Ba, bản thân Trương Ba vô cùng đau khổ, dằn vặt.  2) Phân tích thái độ, tâm trạng của Hồn Trương Ba trong cuộc đối thoại với Đế Thích và quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba để rút ra chủ đề, ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích nói riêng và vở kịch nói chung.  + Cuộc đối thoại với Đế Thích, đặc biệt lời thoại mang ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm.  + Cái chết của cu Tị và những hình dung của Hồn Trương Ba khi Hồn nhập vào xác cu Tị.  + Quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba: xin cho cu Tị sống và mình chết hẳn- ý nghĩ nhân văn của quyết định ấy.  3) Tổng hợp những điều đã phân tích, đánh giá chiều sâu triết lí và ý nghĩa tư tưởng của vở kịch: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người.  Nét độc đáo về con người và phong cách nghệ thuật :   * Nguyễn Minh Châu : Cảm hứng thế sự triết lí trong những năm hậu chiến; nhà văn đi đầu trong cuộc đổi mới văn học những năm 80 thế kỉ XX. * Lưu Quang Vũ : Nhà viết kịch sung sức và tài hoa làm náo động kịch trường Việt Nam những năm 80 thế kỉ XX với những vở kịch nói rất sôi động và thời sự. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Tình huống truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”.

- Ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích kịch nói “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị tiết tiếp theo của bài này.

Ngày soạn : 15/4/2017

Ngày dạy:

**Tiết 102 . Đọc văn. ÔN TẬP VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Kiến thức***

- Tổng kết, ôn tập một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam (truyện và kịch từ Cách mạng tháng 8 – 1945 đến cuối thế kỷ XX) và văn học nước ngoài đã học trong SGK ngữ văn lớp 12 tập II ; vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó.

***2. Kĩ năng***

- Rèn năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ : tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học ....

***3. Tư duy, thái độ***

**-** Tình yêu văn học.

***4. Định hướng phát triển năng lực***

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. Phương pháp**

- GV tiến hành giờ dạy theo các phương pháp: Đọc sáng tạo, tái hiện, gợi tìm, thảo luận, so sánh, thuyết giảng.

**C. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế bài dạy.

- HS: SGK, vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học**

***1. Ổn định tổ chức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết 102 | |
| Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

***2. Kiểm tra bài cũ***

- GV Hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà theo hệ thống câu hỏi trong SGK.

- Ngoài ra ôn lại các tác phẩm trên các vấn đề cơ bản sau :

+ Giới thiệu tác giả, hoàn cảnh sáng tác của từng tác phẩm.

+ Tóm tắt cốt truyện.

+ Học thuộc một số đoạn văn hay, tiêu biểu.

+ Nắm được chủ đề, nội dung chính đặt ra trong tác phẩm.

***3. Bài mới***

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Bài ôn tập văn học giúp các em hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam (truyện và kịch từ Cách mạng tháng 8 – 1945 đến cuối thế kỷ XX) và văn học nước ngoài đã học trong SGK ngữ văn lớp 12 tập II ; vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó vào làm văn và đời sống.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **Tổ chức ôn tập văn học nước ngoài**  1. Ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Số phận con người* của Sô-lô-khốp.  *(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài* Số phận con người*, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn. HS làm việc cá nhân và phát biểu)* | | II. ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI  **1. *Số phận con người* của Sô-lô-khốp**  + Ý nghĩa tư tưởng:  *Số phận con người* của Sô-lô-khốp đã khiến ta suy nghĩ nhiều hơn đến số phận của từng con người cụ thể sau chiến tranh. Tác phẩm đã khẳng định một cách viết mới về chiến tranh: không né tránh mất mát, không say với chiến thắng mà biết cảm nhận chia sẻ những đau khổ tột cùng của con người sau chiến tranh. Từ đó mà tin yêu hơn đối với con người*. Số phận con người* khẳng định sức mạnh của lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm, nghị lực con người. Tất cả những điều đó sẽ nâng đỡ con người vượt lên số phận.  + Đặc sắc nghệ thuật:  *Số phận con người* có sức rung cảm vô hạn của chất trữ tình sâu lắng. Nhà văn đã sáng tạo ra hình thức tự sự độc đáo, sự xen kẽ nhịp nhàng giọng điệu của người kể chuyện (tác giả và nhân vật chính). Sự hoà quyện chặt chẽ chất trữ tình của tác giả và chất trữ tình của nhân vật đã mở rộng, tăng cường đến tối đa cảm xúc nghĩ suy và những liên tưởng phong phú cho người đọc. |
| 2. Trong truyện ngắn *Thuốc*, Lỗ Tấn phê phán căn bệnh gì của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX? Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm?  *(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài* Thuốc*, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn. HS làm việc cá nhân và phát biểu)* | **2. Truyện ngắn *Thuốc* của Lỗ Tấn**  + Lỗ Tấn phê phán những căn bệnh của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX:  - Bệnh u mê lạc hậu của người dân.  - Bệnh xa rời quần chúng của những người cách mạng tiên phong.  + Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm:  - Cốt truyện đơn giản nhưng hàm súc.  - Các chi tiết, hình ảnh đều giàu ý nghĩa tượng trựng. Đặc biệt là hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu, hình ảnh con đường, hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du,...  - Không gian, thời gian của truyện là một tín hiệu nghệ thuật có ý nghĩa . | |
| 3. Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích *Ông già và biển cả* của Hê-ming-uê?  *(GV yêu cầu HS xem lại bài* Ông già và biển cả*, trên cơ sở đó để thảo luận. HS làm việc cá nhân và phát biểu, thảo luận)*  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  - Nhận thức của em về nguyên lí “tảng băng trôi” ? Minh họa bằng việc phân tích đoạn trích “Ông già và biển cả” của Hêminhuê.  HS suy nghĩ, phát biểu. | **3. Đoạn trích *Ông già và biển cả* của Hê-ming-uê**  Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích *Ông già và biển cả* của Hê-ming-uê  + Ông lão và con cá kiếm. Hai hình tượng mang một vẻ đẹp song song tương đồng trong một tình huống căng thẳng đối lập.  + Ông lão tượng trưng cho vẻ đẹp của con người trong việc theo đuổi ước mơ giản dị nhưng rất to lớn của đời mình.  + Con cá kiếm là đại diện cho tính chất kiêu hùng vĩ đại của tự nhiên.  + Trong mối quan hệ phức tạp của thiên nhiên với con người không phải lúc nào thiên nhiên cũng là kẻ thù. Con người và thiên nhiên có thể vừa là bạn vừa là đối thủ. Con cá kiếm là biểu tượng của ước mơ vừa bình thường giản dị nhưng đồng thời cũng rất khác thường, cao cả mà con người ít nhất từng theo đuổi một lần trong đời.  - Làm rõ nguyên lí tảng băng trôi của Hêminhuê. Có thể so sánh với nguyên lí ý tại ngôn ngoại của văn học phương Đông.  - Phân tích, minh họa qua đoạn trích “Ông già và biển cả” : đoạn ông lão Xantiagô khuất phục con cá kiếm khổng lồ.  - Làm rõ 1 phần nổi, 7 phần chìm.  - Chủ đề ; ý nghĩa tư tưởng ; các biện pháp nghệ thuật. | |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn “Số phận con người”, “Thuốc”.

- Ý nghĩa biểu tượng của đoạn trích “Ông già và biển cả”.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

Lập đề cương ôn tập các tác phẩm văn học trong SGK Ngữ văn 12.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên  tác phẩm | Thể loại | Hoàn cảnh sáng tác | Nội dung cơ bản | Đặc sắc  nghệ thuật |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

- Chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp cuối năm.

Ngày soạn : 15/4/2017

Ngày dạy :

**Tiết 103-104. Làm văn. BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐẬU** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 LỚP 12**  **NĂM HỌC 2016-2017 – MÔN NGỮ VĂN**  Thời gian làm bài: 90 phút ( Đề gồm 05 câu) |

**A. MỤC TIÊU KIỂM TRA**

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình môn Ngữ văn lớp 12 theo hai nội dung : Đọc hiểu và Làm văn với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh . Từ đó đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh cuối năm lớp 12 nhằm định hướng, giúp các em học tập tốt hơn để đạt hiệu quả cao trong kì thi THPT QG sắp tới.

- Trọng tâm: cụ thể đề kiểm tra nhằm đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của học sinh theo các chuẩn sau:

+ Vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để đọc hiểu văn bản.

+ Vận dụng kiến thức làm bài văn nghị luận, kết hợp các thao tác lập luận để tạo lập văn bản nghị luận.

Làm bài nghị luận xã hội : Viết đoạn văn khoảng 100 chữ, nghị luận về một tư tưởng đạo lí đặt ra ở

phần đọc hiểu văn bản.

Làm bài nghị luận văn học : Vẻ đẹp hình tượng nhân vật Tnú trong truyện ngắn “Rừng xà nu”

(Nguyễn Trung Thành).

**B. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

**-** Hình thức: Tự luận

**-** Thời gian làm bài: 120 phút

**C. KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **I. PHẦN ĐỌC HIỂU** | Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. | Nêu và chỉ ra hiệu quả của biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong văn bản; trình bày quan điểm cá nhân. |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | *1*  *0,5*  *5* | *2*  *2,5*  *25* |  |  | *3*  *3,0*  *30* |
| **II. PHẦN LÀM VĂN**  **Câu 1**  Nghị luận xã hội. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản. |  | Hiểu được nội dung câu nói. | Bình luận vấn đề. Rút ra bài học nhận thức và hành động. |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* |  | *0,5*  *5* | *1,5*  *15* |  | *1*  *2,0*  *20* |
| **Câu 2**  Nghị luận văn học.Các kiểu văn bản và tạo lập văn bản**.** |  | Giới thiệu tác giả , tác phẩm. Giải thích ý kiến. | Phân tích vẻ đẹp sử thi và tính cách riêng biệt, độc đáo của nhân vật Tnú. | Đánh giá khái quát*.* Bài viết sáng tạo. |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* |  | *1,0*  *10* | *3,5*  *35* | *0,5*  *5* | *1*  *5,0*  *50* |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ %** | **0,5**  **5** | **4,0**  **40** | **5,0**  **50** | **0,5**  **5** | **5**  **10,0**  **100** |

**D. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 LỚP 12**

**NĂM HỌC 2016-2017 – MÔN NGỮ VĂN**

Thời gian làm bài: 90 phút ( Đề gồm 05 câu)

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu**:

*Bạn hãy tưởng tượng cuộc đời như một trò chơi tung hứng. Trong tay bạn có năm quả bóng mang tên là: công việc, gia đình, sức khoẻ, bạn bè, và tinh thần. Bạn sẽ hiểu ngay rằng công việc là quả bóng cao su. Vì khi bạn làm rơi nó xuống đất, nó sẽ nảy lên lại. Nhưng bốn quả bóng còn lại – gia đình, sức khoẻ, bạn bè và tinh thần – đều là những quả bóng bằng thủy tinh. Nếu bạn lỡ tay đánh rơi một quả, nó sẽ bị trầy sướt, có tì vết, bị nứt, bị hư hỏng hoặc thậm chí bị vỡ nát mà không thể sửa chữa được. Chúng không bao giờ trở lại như cũ. Bạn phải hiểu điều đó và cố gắng phấn đấu giữ cho được sự quân bình trong cuộc sống của bạn.*

*Bạn chớ tự hạ thấp giá trị của mình bằng cách so sánh mình với người khác vì mỗi chúng ta là những con người hoàn toàn khác nhau. […]*

*Bạn chớ đặt mục tiêu của bạn vào những gì mà người khác cho là quan trọng. Chỉ có bạn mới biết rõ điều gì tốt nhất cho chính mình […]*

*Bạn chớ để cuộc sống trôi qua kẽ tay vì bạn cứ đắm mình trong quá khứ hoặc ảo tưởng về tương lai. Chỉ bằng cách sống cuộc đời mình trong từng khoảnh khắc của nó, bạn sẽ sống trọn vẹn từng ngày của đời mình. […]*

*Bạn chớ quên nhu cầu tình cảm lớn nhất của con người là cảm thấy mình được đánh giá đúng. […]*

*Cuộc đời không phải là đường chạy. Nó là một lộ trình mà bạn phải thưởng thức từng chặng đường mình đi qua.*

(Trích bài phát biểu *Sống trọn vẹn từng ngày* của tổng giám đốc Tập đoàn Cocacola; Quà tặng cuộc sống)

***Câu 1.***   Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản ? (0,5 điểm)

***Câu 2.*** Nêu và chỉ ra hiệu quả của 02 biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong văn bản? (1,5 điểm)

***Câu 3****.*Theo anh/chị*,* vì sao so sánh mình với người khác lại là cách chúng ta hạ thấp mình? (1,0 điểm)

**II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)**

***Câu 1*** (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (100 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong phần Đọc hiểu: *Bạn chớ để cuộc sống trôi qua kẽ tay vì bạn cứ đắm mình trong quá khứ hoặc ảo tưởng về tương lai.*

***Câu 2*** (5,0 điểm)

Nhậnxét về nhân vật Tnú trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, có ý kiến cho rằng: *Tnú là nhân vật đậm màu sắc sử thi mà vẫn có tính cách riêng biệt, độc đáo*.

Anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

----------- HẾT ----------

**E. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 LỚP 12**  **NĂM HỌC 2016-2017 – MÔN NGỮ VĂN**  ***(Đáp án – Hướng dẫn chấm gồm có 03 trang)*** |

**I. LƯU Ý CHUNG:**

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh. Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm để đánh giá chính xác giá trị của từng bài viết. Sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

- Học sinh có nhiều cách khác nhau để khai thác đề song phải đảm bảo yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.(Về kĩ năng: biết cách làm bài văn nghị luận, có bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt tốt. Văn viết có cảm xúc. Không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt, dùng từ. Về kiến thức: Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản trong đáp án.)

- Thí sinh có cách làm bài riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, diễn đạt tốt, vẫn cho điểm tối đa.

- Điểm bài thi làm tròn đến 0,25 điểm.

**II. ĐÁP ÁN:**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. | 0,5 |
| **2** | Chỉ ra được 02 biện pháp nghệ thuật chính:  + So sánh (cuộc đời như một trò chơi tung hứng; công việc là quả bóng cao su; gia đình, sức khỏe, bạn bè và tinh thần là những quả bóng bằng thủy tinh) =>Lối so sánh hình tượng này giúp người đọc, người nghe dễ hình dung về các giá trị sống quan trọng trong cuộc đời mỗi con người.  + Lặp cấu trúc câu (Bạn chớ tự hạ thấp/ chớ để/ chớ đặt/ chớ quên….. ) khẳng định, nhấn mạnh ý thức, vai trò của bản thân trong cuộc đời. | 0,75  0,75 |
| **3** | – Khi đem ra so sánh mình với người khác, cả người so sánh và cả người bị đem ra so sánh đều bị tổn thương và không được tôn trọng.  – Hãy biết trân trọng những gì mình có bởi mỗi người là một cá nhân đặc biệt; chúng ta hãy sống cuộc sống trọn vẹn của chính mình. | 0,5  0.5 |

**II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm)**

**Yêu cầu về kĩ năng:**

- Biết cách viết đoạn văn nghị luận xã hội, vận dụng tốt các thao tác lập luận để giải quyết vấn đề một cách thuyết phục.

- Đoạn văn có bố cục mạch lạc; lập luận chặt chẽ; dẫn chứng tiêu biểu, xác đáng; hành văn trong sáng, giàu cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

**Yêu cầu về kiến thức:**

Có thể có những quan điểm khác nhau nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức, lẽ phải. Dưới đây

chỉ là những định hướng cơ bản:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Giải thích:** | **0,5** |
|  | – *Để cuộc sống trôi qua kẽ tay*: Lãng phí thời gian, tuổi trẻ, khiến cuộc sống buồn tẻ.  – *Đắm mình trong quá khứ*: Tôn thờ quá khứ, coi quá khứ là những gì tốt đẹp nhất.  – *Ảo tưởng về tương lai*: Vẽ ra tương lai rực rỡ như ý.  => Ý kiến là lời nhắc nhở mỗi bạn trẻ không nên lãng phí tuổi trẻ, lãng phí cuộc đời mình vì những điều đã qua hoặc những gì chưa tới mà phải sống hết mình với hiện tại, tận hiến, tận hưởng để cuộc đời mình có ý nghĩa. |  |
| **2** | **Bàn luận, chứng minh:** | **1,0** |
|  | – Quá khứ là những gì đã qua, không bao giờ quay lại. Nếu cứ đắm chìm trong quá khứ, ru mình giữa vinh quang hay đau khổ trách móc bản thân, nuối tiếc quá khứ ấy, chúng ta lãng quên, bỏ lỡ những cơ hội, những điều tốt đẹp ở hiện tại.  – Tương lai là cái sẽ đến. Tương lai phụ thuộc hoàn toàn vào hành động của mỗi chúng ta ở hiện tại. Nếu chúng ta biết nắm bắt thời cơ, không ngừng phấn đấu ở hiện tại sẽ được hưởng thành quả trong tương lai.  – Biết nâng niu, trân trọng những giá trị vật chất và tinh thần của cuộc sống hiện tại là điều quan trọng, cần thiết. |  |
| **3** | **Bài học nhận thức và hành động:** | **0,5** |
|  | – Không chủ quan dựa vào quá khứ, không ảo tưởng trông chờ vào tương lai may mắn.  – Sống, học tập, lao động và cống hiến hết mình cho hiện tại, xây dựng mục tiêu, kế hoạch cho tương lai |  |
| ***Lưu ý: Nếu viết không đúng hình thức đoạn văn thì trừ 0,5 điểm.*** | | |

**Câu 2 (5,0 điểm)**

**Yêu cầu về kĩ năng:**

Hiểu đề, biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Biết phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

**Yêu cầu về kiến thức:** Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần đáp ứng được những ý cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Giới thiệu chung:**Tác giả Nguyễn Trung Thành, tác phẩm “Rừng xà nu” và nhân vật Tnú. | **0,5** |
| **2** | **Giải thích ý kiến:** | **0,5** |
|  | - Nhân vật sử thi : là mẫu nhân vật anh hùng mang lí tưởng của thời đại, số phận gắn với những sự kiện lớn của cộng đồng, kết tinh những phẩm chất tiêu biểu nhất của cộng đồng và lập nên những chiến công hiển hách. Nhân vật sử thi thường được khắc họa trong những bối cảnh không gian kì vĩ, cách trần thuật trang trọng, giọng điệu hùng tráng.  - Tính cách riêng biệt, độc đáo : nét riêng, cá thể, không trộn lẫn trong đặc điểm tâm lí, cách xử sự, thái độ của nhân vật trước những hoàn cảnh điển hình. |  |
| **3** | **Phân tích, chứng minh** | **3,5** |
| ***a*** | ***Tnú là nhân vật đậm màu sắc sử thi*** | ***2,0*** |
|  | - Nhân vật có số phận gắn bó với những biến cố lớn của làng Xô Man : + Khi còn nhỏ, Tnú là đứa trẻ mồ côi được buôn làng cưu mang đùm bọc và trở thành người con ưu tú của làng Xô Man. + Khi kẻ thù giày xéo quê hương, Tnú phải chịu nhiều đau thương mất mát, tiêu biểu cho nỗi đau thương mất mát lớn của cả dân tộc. + Khi được giác ngộ cách mạng và vùng lên quật khởi, quá trình trưởng thành của Tnú cũng rất điển hình cho con đường đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên.  - Nhân vật mang tầm vóc của người anh hùng : + Tnú có tính cách gan góc, dũng cảm, mưu trí. + Tnú có tính kỉ luật cao, tuyệt đối trung thành với cách mạng. + Hình tượng đôi bàn tay Tnú. |  |
| ***b*** | ***Tnú có tính cách riêng biệt, độc đáo*** | ***1,5*** |
|  | - Tnú có một trái tim yêu thương (vợ con, buôn làng).  - Tnú có lòng căm thù giặc sâu sắc (thù của bản thân, thù của gia đình, thù của buôn làng). |  |
| **4** | **Bình luận, đánh giá** | **0,5** |
|  | - Ý kiến trên hoàn toàn đúng đắn, khẳng định vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Tnú. Cùng với tầm vóc sử thi, những nét cá tính độc đáo, riêng biệt khiến cho nhân vật Tnú càng trở nên sống động, chân thực, ấn tượng.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật Tnú : ngôn ngữ sử thi hào hùng kết hợp với chất lãng mạn say mê ; cách dựng truyện, tạo bối cảnh phù hợp ; lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm, khi tha thiết, trang nghiêm; ngôn ngữ, tâm lí của nhân vật đậm chất Tây Nguyên…  - Nhân vật Tnú là hình tượng điển hình cho số phận và con đường đến với cách mạng của các dân tộc Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Qua cuộc đời bi tráng của Tnú, Nguyễn Trung Thành đã ngợi ca con người Tây Nguyên kiêu hùng, bất khuất, đồng thời nhà văn khẳng định chân lí thời đại đánh Mĩ : “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”. |  |

*Điểm toàn bài là điểm tổng của các câu cộng lại, làm tròn đến 0,25.*

**-------------** HẾT **-----------**

Ngày soạn : 26/4/2017

Ngày dạy :

**Tiết 105. Làm văn. TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Củng cố những kiến thức văn học và kĩ năng làm văn có liên quan đến bài học.

- Nhận ra những ưu điểm, thiếu sót, nguyên nhân sinh ra những ưu điểm, thiếu sót trong bài làm của mình.

**2. Kĩ năng**

**-** Sửa chữa các lỗi cơ bản trong bài văn nghị luận.

- Kĩ năng đọc – hiểu.

**3. Tư duy, thái độ**

- Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm và khắc phục thiếu sót trong bài làm.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự

quản bản thân, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực chuyên biệt : năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**B. PHƯƠNG TIỆN**

GV : SGV, SGK. Tài liệu tham khảo…

HS : Bài viết của học sinh.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

- GV: Lần lượt phát vấn học sinh để rút ra dàn y‎ chung cho bài viết.

- HS: Cùng với giáo viên xây dựng dàn ý và sửa chữa lỗi sai.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | HS vắng |
| 12A3 |  |  |
| 12A4 |  |  |
| 12A5 |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Muốn làm tốt phần đọc – hiểu văn bản, làm bài văn nghị luận văn học, chúng ta cần luôn luôn chú ý

về kiến thức và kĩ năng trình bày. Hôm nay, hãy cùng nhau sửa chữa bài làm văn số 6 để có thể

rút ra những kinh nghiệm cho bài làm văn trong kì thi THPT QG được tốt hơn.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài.  GV hướng dẫn HS chữa đề kiểm tra theo đáp án ở tiết 103-104. | **I. Chữa đề kiểm tra**  Xem lại đáp án ở tiết 103-104.  HS chữa bài vào vở. |
| **Tổ chức nhận xét, đánh giá bài viết**  - GV phát bài cho HS.  - GV cho HS tự nhận xét và trao đổi bài để nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét những ưu, khuyết điểm trong bài viết của HS. | **II. Nhận xét, đánh giá**   1. **Ưu điểm**  * Phần lớn các em đều nỗ lực và nghiêm túc trong bài làm, làm hết cả hai phần Đọc – hiểu và Làm văn. * Phần Đọc – hiểu, hầu hết các em đều xác định đúng phương thức biểu đạt, lí giải được các câu hỏi ở mức độ thông hiểu. * Phần Làm văn : Phần nghị luận xã hội, học sinh viết đúng hình thức đoạn văn, biết bàn luận vấn đề theo các bước ; Phần Làm văn, học sinh xác định được vấn đề cần nghị luận, bố cục bài viết rõ ràng, luận điểm đầy đủ, các thao tác lập luận được sử dụng phù hợp, biết cách đưa dẫn chứng. * Nhiều bài viết có hình thức trình bày sáng rõ, chữ đẹp, dễ đọc, tạo được thiện cảm cho người chấm.  1. **Nhược điểm**   - Trả lời các câu hỏi thông hiểu phần đọc hiểu còn dài dòng.  - Viết đoạn văn nghị luận xã hội quá dài (yêu cầu chỉ là 100 chữ).  - Bài viết nghị luận văn học :  + Mở bài chưa nêu được vấn đề cần nghị luận.  + Thân bài còn kể lể, chưa biết phân tích, đánh giá về nhân vật.  + Kết bài sơ sài, không hấp dẫn, thiếu khái quát.  + Hệ thống luận điểm thiếu, sắp xếp chưa hợp lí.  - Viết sai chính tả.  - Diễn đạt mang tính chất như văn nói.  - Dẫn chứng không đúng như tác phẩm. |
| **Tổ chức sửa chữa lỗi bài viết**  \* GV nêu lên các lỗi mà HS thường gặp.  \* GV hướng dẫn HS trao đổi để nhận thức lỗi và hướng sửa chữa, khắc phục.  \* Ví dụ một số bài viết :  - Trả lời các câu hỏi thông hiểu phần đọc hiểu còn dài dòng.  + 12A3 : Hảo, Tuyết Anh  + 12A4 : Vũ  +12A5 : Duy  - Viết đoạn văn nghị luận xã hội quá dài (yêu cầu chỉ là 100 chữ).  + 12A3 : Hoa  + 12A4 : Chiến, Kiên, Hồng  +12A5 : Ngân, Trang  - Bài viết nghị luận văn học :  + Mở bài chưa nêu được vấn đề cần nghị luận.  + Thân bài còn kể lể, chưa biết phân tích, đánh giá về nhân vật.  + Kết bài sơ sài, không hấp dẫn, thiếu khái quát.  + Hệ thống luận điểm thiếu, sắp xếp chưa hợp lí.  + 12A3 : Kim Anh, Hảo, Tráng, Trường…  + 12A4 : An, Tâm, Vũ, Dũng, Hảo…  +12A5 : Chiến, Duy, Tiến, Tùng…  - Viết sai chính tả.  + 12A3 : Hoàng  + 12A4 : Hảo  +12A5 : Luận  - Diễn đạt mang tính chất như văn nói.  + 12A3 : Hiệp, Tú, Tùng, Nam  + 12A4 : Hồng, Phi, Tâm  +12A5 : Công, Hiếu, Lâm, Sỹ  - Dẫn chứng không đúng như tác phẩm.  + 12A3 : Hảo, Kiên, Nghi  + 12A4 : Hồng, Hảo  +12A5 : Duy, Hùng, Mạnh | **III. Sửa chữa lỗi**  Ngoài những nhược điểm trên, các lỗi thường gặp của HS còn có :  - Bố cục bài viết chưa rõ ràng, hình thức trình bày chưa đẹp.  - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí.  - Sự kết hợp các thao tác lập luận chưa hài hòa, chưa phù hợp với từng ý.  - Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém.  - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp… |
| GV: Đọc những bài viết khá giỏi của học sinh.  + 12A3 : Lân, Linh…  + 12A4 : Nguyễn Anh, Hà, Hiền, Trang…  + 12A5 : Long, Hường, Nga, Ngân, Trang…  GV tổng kết kết quả bài viết của học sinh. | **IV. Bài viết tiêu biểu**  - Bài viết tốt (7-8 điểm):  + 12A3 : Lân, Linh…  + 12A4 : Nguyễn Anh, Hà, Hiền, Trang…  + 12A5 : Long, Hường, Nga, Ngân, Trang…  - Bài viết đạt yêu cầu (5-6 điểm):  + 12A3 : Đạt, Hiệp, Hoa, Hùng, Quang, Sơn, Thắng,…  + 12A4 : Duy Anh, Chiến, Hằng, Hòa, Hương, Kiên,…  + 12A5 : Hạnh, Hiếu, Hoài, Hương, Mạnh, Tuấn…  - Bài viết yếu, kém (dưới 5): Không có.  **V. Tổng kết kết quả**     |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | 12A3 | 12A4 | 12A5 | | Điểm giỏi: | 0 | 0 | 0 | | Điểm khá: | 12 | 21 | 22 | | Điểm TB: | 21 | 15 | 12 | | Điểm kém: | 0 | 0 | 0 | |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Cách tìm, xây dựng hệ thống ý trong bài văn nghị luận nói chung và bài văn nghị luận văn học nói riêng.

- Chú ‎ý cách trình bày diễn đạt đúng yêu cầu, theo hệ thống hợp lí.

- Chú ý kĩ năng đọc – hiểu.

**5. Dặn dò**

- Sửa chữa những lỗi sai của bài viết ở nhà. Viết lại bài nghị luận văn học cho hoàn thiện hơn./.